NĂM THỨ MƯỜI BA • # 148 • AUGUST 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

NHỮNG NGƯỜI RỒNG **TRẦN NGỌC NINH**

NGẮM SAO **NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG**

HÀ NỘI VÀ NHỮNG KHÚC MƯA **TRẦN NGỌC TUẤN**

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy. Ste. 180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy. Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware Phát Hành

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010 All rights reserved

TREASURES FROM THE HOI AN HOARD

Triển Lãm Kho Tàng Hội An

Thương Xá Tam Đa Mall of Fortune
9892 Westminter Ave. Garden Grove, CA 92483
Thời Gian: Từ 11 đến 29 tháng 8 năm 2001
Mở cửa mỗi ngày từ 10 giờ sang đến 8 giờ tối

- Kho tàng gốm cổ Hội An một khám phá quan trọng nhất trong lịch sử gốm cổ Á Đông
- Sau 500 năm chìm sâu trong lòng biển Cù Lao Chàm (Hội An), hơn 150,000 món gốm cổ đã được trục vớt vào năm 1997-1999 bởi công ty Saga Horizon.
- Unicom và Saga đặc biệt tuyển chọn 10,000 món cho cuộc triển lãm lần đầu tiên cho cộng đồng Việt Nam tại Orange County.
- Một cơ hội hiếm quý cho quí vị đến nghiên cứu, thưởng lãm, và cũng là dịp để sưu tập gốm cổ của một dân tộc có hơn 4000 năm văn hiến.

Kính mời quí vị đến tham dự buổi lễ khai mạc: Thứ Bảy 11 tháng 8 năm 2001
10 giờ sáng: Tiếp tân
10:30 sáng: Thuyết trình bởi Saga
11:30 sáng: trình chiếu Video

Mọi chi tiết xin liên lạc với cô Katurah Weyenberg, Marketing Manager
(612) 337-2632 email: Wkaturah@unicomconsulting.com
Địa chỉ liên lạc: **Unicom Management Inc.** 1600 S. 6th Street. Minneapolis, MN 55454

Trân Trọng Kính Mời.
Saga Horizon. & Unicom Management Inc.

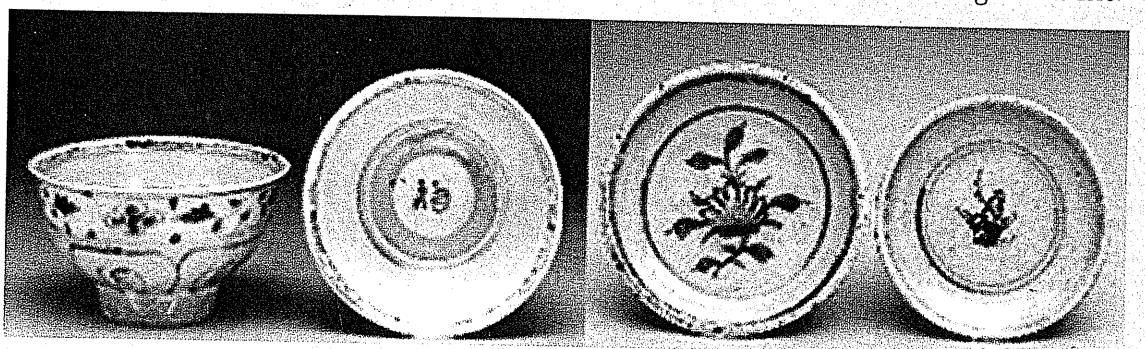

Sĩ Phú Biết Bao Giờ Nguôi!

Nhân dịp kỷ niệm 1 năm từ ngày Nam Danh Ca Sĩ Phú từ giã chúng ta, **Sĩ Phú Foundation & Sĩ Phú Productions** xin trân trọng giới thiệu 3 tác phẩm để đời rất có giá trị, được chuẩn bị rất công phu.

Đó là:

1. Hồi ký **"Sĩ Phú, Biết Bao Giờ Nguôi"** do chính Ngọc Lan, người bạn tri kỷ cuối đời của Sĩ Phú viết và hoàn thành trong suốt một năm qua. Sách dày 600 trang, tuyệt đẹp. In theo tiêu chuẩn Mỹ.

2. Bộ 1 gồm 6 băng đọc hồi ký nói trên do chính Ngọc Lan và Nguyễn Đức Cường diễn đọc (Bộ 2 & 3 sẽ phát hành sau)

3. ***Một bộ 4 CD tựa đề:*** **"Sĩ Phú Thời Tiếng Hát Lên Ngôi"**, mà Sĩ Phú đã thu âm trước 1975 và được tái thực hiện với âm thanh thật hoàn hảo. Sẽ được phát hành rộng rãi khắp nơi kể từ sau Ngày 4 Tháng 8, Năm 2001.

Kính Mời Quí Vị đón xem

Ngọc Lan

Muốn biết thêm chi tiết,
Xin L/L: (714) 985-1715

Thúy Nga TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

MỘT CHƯƠNG TRÌNH VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH

Cuốn Video Kỹ Thuật năm 2001, vượt hẳn Âm Thanh và Ánh Sáng của tất cả Video Paris by Night từ trước đến giờ. Gồm những bài Song Ca, Tam Ca & Tứ Ca tuyệt vời...

THE BEST VIDEO OF THE YEAR

THẤT TÌNH CA

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG 8 - 2001

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của:

KHÁNH LY - KHÁNH HÀ - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - PHI NHUNG - LOAN CHÂU - HẠ VY
PHƯƠNG DIỄM HẠNH - HOÀNG LAN - TRÚC LINH
TRÚC LAM - LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG NGUYÊN
CHÂU NGỌC - NGỌC ÁNH - TRÚC QUỲNH - YẾN PHƯƠNG
NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ - MẠNH ĐÌNH
QUỐC HÙNG - ĐAN HỒ - MẠNH QUỲNH - THẾ SƠN
TOMMY NGÔ - TUẤN NGỌC - TƯỜNG NGUYÊN
ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT - LAY MINH - TRẦN THÁI HÒA

Kịch: *CHUNG MỘT MÁI NHÀ*
do TRANG THANH LAN, HỒNG ĐÀO, QUANG MINH & CHÍ TÀI trình diễn

Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / **E-mail:** thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

SÁCH MỚI! SÁCH MỚI!

Trong di cảo đồ sộ Trần Dần để lại, có những cuốn sổ ghi chép ông viết cho ông, không nhằm phổ biến cho ai khác, nên giá trị văn học và sử liệu rất cao. Nhà văn Phạm Thị Hoài đã bỏ công đọc những trang viết tay khó đọc, đoán chữ, hiệu đính, ghi chú những cuốn sổ tay này, giới hạn từ năm 1955-1960, là thời gian Trần Dần bị trừng trị trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Lời nhân chứng chính là Trần Dần, có những điều mới mẻ soi sáng thêm về phong trào cải cách ruộng đất, về Nhân Văn Giai Phẩm, về mặt trái của giới lãnh đạo Văn nghệ Hà Nội (*Văn Học* số 180 tháng 4, 2001).

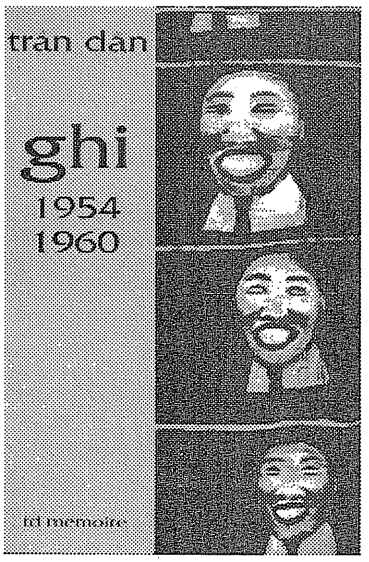

Những ghi chép của Trần Dần tập hợp trong tập sách này là chứng chỉ tự cấp về bảy năm mở ra quyết định cái thành quả hoạn nạn đó. Đối với chúng ta, đó là những văn kiện và sử liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn còn xếp sổ, nếu quả còn có sổ. Với Trần Dần, đó là phần mở đầu *"tác phẩm dành cho một người,"* tác phẩm bất đắc dĩ mà thành đồ sộ và gay cấn nhất của văn nghiệp ông, khi *"ghi trở nên một hình phạt,"* khi ông *"bắt tội mình," "cưỡng bức"* mình vào một "chế độ ghi sổ tay" ba mươi năm ròng rã. (*Phạm Thị Hoài*, Berlin tháng 4 năm 2000).

TRẦN DẦN
ghi 1954-1960

460 trang
Giá 18MK tại Hoa Kỳ
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK
TD MÉMOIRE xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành
tại nhà sách VĂN NGHỆ:
9351 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 934-8574

join us for the first festival of books

LITTLE SAIGON

BOOK FAIR

tiểu sài gòn ■ hội chợ sách ■ năm thứ nhất

AUGUST 18 &19
AUGUST 25 & 26 2001

Organized by

VAALA | KICON | WWVIET | MIMI STUDIO

- Sách báo hải ngoại được xuất bản trong 26 năm qua
- Những cuốn sách đánh dấu những bước biến chuyển quan trọng
- Những cuốn sách của các tác giả gốc Việt Nam được xuất bản trên thế giới
- Những cuốn sách về Việt Nam của các tác giả ngoại quốc trên thế giới
- Nhiều tác giả sẽ có mặt diễn thuyết và tiếp xúc độc giả
- Triển lãm Đồ Họa (Graphic Design)
- Các nhà xuất bản trình bày sách và danh mục
- Hội luận về các đề tài sáng tác, phát hành sách, tình hình thị trường sách báo, và nhu cầu của độc giả
- Nhận định tình hình sách báo và những cuốn sách có tầm vóc ảnh hưởng lớn trong nước
- Sẽ có trao bằng tưởng niệm cho các tác giả, cá nhân và đoàn thể đã có những đóng góp quan trọng cho sinh hoạt sách báo Việt nam ở hải ngoại
- Độc giả tham gia bỏ phiếu cho các giải thuộc nhiều thể loại sách khác nhau
- Kết thúc hội chợ với một buổi tối hòa nhạc và trao giải thưởng tại sân khấu ngoài trời Amphitheater của Garden Grove do các ban nhạc trẻ đang lên như The Bayadera, The Friends, Ian Vo's Jazz Quartet, The Thomas Apartment Band

15361 BROOKHURST STREET SUITE 103,
WESTMINSTER, CA 92683
(*trong khu SeaFood World Plaza*)
714.531.7605 | 714.590.3080 | Fax: 714. 531.7325
http:// bookfair.vinamall.com

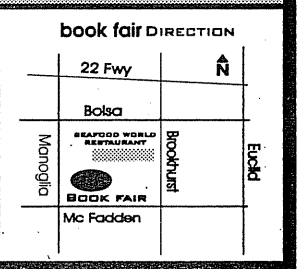

MAJOR SPONSORS

THE ORANGE COUNTY REGISTER | NGƯỜI VIỆT DAILY NEWS | Viễn Đông Kinh Tế Thời Báo | VIỆT BÁO

TUẦN BÁO SAIGON NHỎ LITTLE SAIGON NEWS | THẾ KỶ 21 CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ | The Gas Company | PRECISION COLOR PRINTING | VNCR

FULLERTON Asian American Studies | VinaMall.com

ADS DESIGNED BY ETCETERA GRAPH | PRINT | SIGN (714) 531.7605

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

QUÁN VEN SÔNG
Tập truyện của
HOÀNG KHỞI PHONG
Gồm chín truyện của một nhà văn cựu quân nhân VNCH, luôn luôn nhìn thấy và đề cao những nét tích cực của miền Nam trong cuộc chiến đã qua. Giá 14 Mỹ kim.

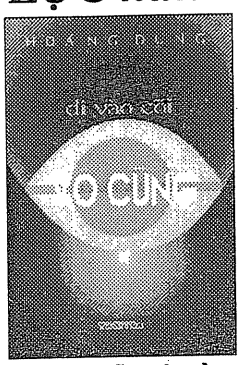

ĐI VÀO CÕI VÔ CÙNG
Sách về Thiên Văn Học
của **HOÀNG DUNG**
Tôi đã đọc cuốn Đi Vào Cõi Vô Cùng một cách thích thú... *(Trích Lời Giới Thiệu của Giáo sư Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh)*
Giá 12 Mỹ kim

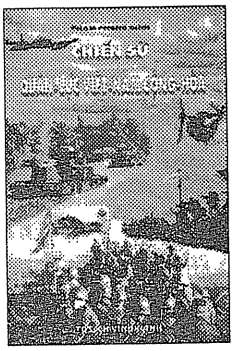

CHIẾN SỬ QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
Sử liệu về Quân Lực VNCH
của **PHẠM PHONG ĐỈNH**
Tác phẩm đã dựng lại thiên anh hùng ca và bức tranh chiến đấu hoành tráng của quân dân VNCH. Giá 20 Mỹ kim.

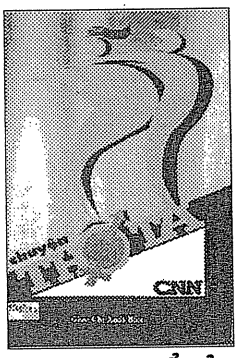

CHUYỆN THỔ TẢ
Truyện trào phúng của
NGUYỄN NGỌC CHẤN
Gần 200 trang gồm toàn những chuyện tiếu lâm chay và mặn rất hấp dẫn...
Giá 10 Mỹ kim.

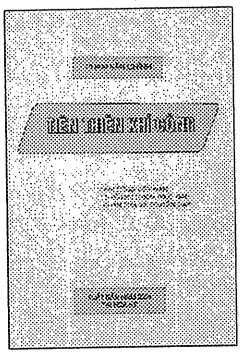

TIÊN THIÊN KHÍ CÔNG
Sách dạy khí công của
PHẠM VĂN CHÍNH
Phương pháp vận dụng khí trời trong sạch vào sâu trong cơ thể để ngừa và trị nhiều chứng bệnh nan y. Giá 14 Mỹ kim.

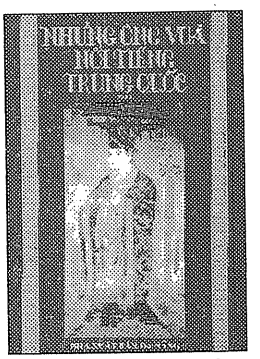

NHỮNG ÔNG VUA NỔI TIẾNG TRUNG QUỐC
Sách Tàu của **TIÊU LÊ,**
bản dịch của **VŨ NGỌC QUỲNH**
Trọn bộ ba cuốn giá 46 Mỹ kim.

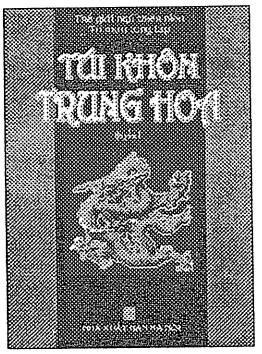

TÚI KHÔN TRUNG HOA
Chủ biên **ĐƯỜNG KỲ,**
bản Việt ngữ của
ÔNG VĂN TÙNG
Trọn bộ hai cuốn giá 42 Mỹ kim

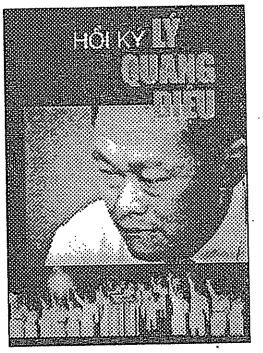

HỒI KÝ LÝ QUANG DIỆU
Hồi ký của **LÝ QUANG DIỆU,** lãnh tụ chính trị đã đưa Singapore đến chỗ phú cường.
Bản dịch Việt ngữ: **PHẠM VIỆM PHƯƠNG** và **HUỲNH VĂN THÀNH.** Giá 21 Mỹ kim.

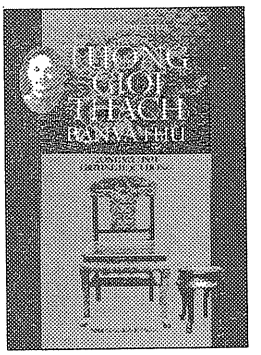

TƯỞNG GIỚI THẠCH, Bạn và Thù
Sách biên khảo của **VƯƠNG TRIỀU TRỤ**
về lãnh tụ Trung Hoa Dân Quốc
Tưởng Giới Thạch
Giá trọn bộ ba cuốn 99 Mỹ kim.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Bùi Dương Chi, Chi hội VAALA Florida**

MỤC LỤC

Số 148 ● Tháng Tám 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Đông Nam Á tập sống dân chủ - **Vũ Nhất Sắc**
16 Câu chuyện đóng góp của nhà kinh tế Việt - **Phạm Đỗ Chí**

LỊCH SỬ - XÃ HỘI

19 Tìm hiểu nguồn gốc và sự phát triển của một số giòng họ... - **Vũ Hiệp**
27 Giải quyết các tranh chấp cộng đồng - **Chu Quang Định**
29 Sát nhi và sát nữ nhi - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
34 Tìm hiểu lịch sử khối người quốc tế Do Thái - **Lưu Văn Vịnh**
82 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

VĂN HỌC - GIÁO DỤC

38 Những người rỗng - **Trần Ngọc Ninh**
45 Vài suy nghĩ về vấn đề cải cách giáo dục Việt Nam - **Nguyễn Văn Tuấn**
63 Những nẻo đường - **Bùi Xuân Quang**
88 Hãy bước vào, và chọn lấy cho mình những đóa riêng - **Bùi Bích Hà**

VĂN

65 Đường lên Fansipan - **Bùi Dương Chi**
71 Hà Nội và những khúc mưa - **Trần Ngọc Tuấn**
74 Khi mái tóc còn xanh - **Hồng Khắc Kim Mai**
92 Ngắm sao - **Nguyễn Đức Tường**
97 It's not so bad - **Nguyễn Văn Thà**
105 Ngày về - **Nguyễn Hòa Trước**

THƠ

67. Chân dung bước dự phóng - **Hà Nguyên Du. 73.** Ký ức - **Cung Vĩnh Viễn. 77.** Khổ ngủ yên trên cặp môi hồng - **Phạm Cây Trâm. 85.** Khuất bóng - **Lưu Văn Vịnh. 90.** Gởi lại quê hương là kỷ niệm - **Trần Huy Sao. 94.** Ngăn chia - **Chu Vương Miện. 101.** Khi về thăm chùa Long Tuyền Hội An - **Đynh Trầm Ca. 107.** Có con đường nào - **Khánh Hà**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Chủ Nhiệm - **Hoàng Ngọc Tuệ**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
50 Sổ tay - **Vương Hữu Bột**
56 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
113 Vòng chân trời VHNT - **Anh Thành, Thụy Lữ**
118 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Lá thư Chủ nhiệm.

Bạn đọc Tạp chí Thế Kỷ 21 quí mến,

Tôi được Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Thế Kỷ 21 bầu vào chức Chủ nhiệm để tiếp tay với quí anh Phạm Phú Minh và Đỗ Quý Toàn trong việc củng cố phát triển tờ tạp chí. Có được sự ủy quyền này là một vinh dự lớn nhưng tôi phải lo toan nhiều hơn.

Mục tiêu trước mắt của tôi là gia tăng được thêm độc giả, nhưng ở đây là gia tăng người tiêu thụ một "sản phẩm chữ nghĩa" trong một thị trường rộng toàn cầu mà các chi phí phân phối, chuyển vận lại quá đắt đỏ là một chuyện làm không dễ dàng.

Công việc hằng ngày của tôi hiện nay cũng đã nhiều rồi nay lại thêm việc của *Thế Kỷ 21* nữa thì thật là ôm đồm. Tuy nhiên ai ở vào hoàn cảnh của tôi cũng khó từ chối vì tôi đã tham gia từ trước trong HĐQT. Hiện nay trông vào sự trì trệ chung của ngành xuất bản phát hành thì vị chủ nhiệm chủ bút nào cũng phải đi tìm một giải pháp dứt điểm: hoặc đình chỉ xuất bản hoặc phải có kế-hoạch tái tổ chức để củng cố và bảo đảm báo được tồn tại.

Tôi hy vọng, với sự tái cấu trúc cùng các giải pháp đi kèm, được tuần tự thực hiện trong các tháng tới, *Thế Kỷ 21* sẽ được cải tiến về mọi mặt và sẽ ngày thêm phát triển.

Nhân dịp ra mắt Bạn đọc tôi cũng xin được nhắc lại những mục tiêu ban đầu mà nhóm chủ trương đã đề ra:

1. Tạo một "diễn đàn" làm nơi chia sẻ và trao đổi những quan điểm về những vấn đề liên quan đến dất nước, dân tộc, môi trường và thời đại.

2. Qua tạp chí *Thế Kỷ 21*, cung ứng cho người đọc những bài viết giá trị về các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, lịch sử, chính trị, thời sự và kinh tế.

3. Đưa đến cho bạn đọc những tin tức sinh hoạt đây đó trong cũng như ngoài nước, cùng những sáng tác của người Việt Nam. Tăng cường số bài viết với mục đích giúp người đọc có thêm kiến thức khoa học và đời sống.

Tôi tin tưởng các chia sẻ nêu trên sẽ tạo được niềm thông cảm giữa anh em thực hiện, văn hữu và quý độc giả. Văn hữu và độc giả là những nguồn vốn quí giá nhất mà *Thế Kỷ 21* đang trân trọng gìn giữ.

Với bức thư ra mắt này tôi thân ái gửi đến tất cả quí vị Độc giả và các Văn hữu sự biết ơn nồng hậu của *Thế Kỷ 21* về sự cộng tác bài vở, về mọi sự góp ý, quảng bá và duy trì liên tục việc mua tờ nguyệt san từ trước đến nay.

Thân ái kính chào quý vị.

Hoàng Ngọc Tuệ
Chủ nhiệm Thế kỷ 21 (2001-2004)

e-mail: **tk21cn@aol.com**
hoặc **theky21@kicon.com**

Tham, Sân, Si

Bài "Một Vài Nhận Xét Tâm Lý về Tham, Sân, Si" trong *Thế Kỷ 21* tháng 6 & 7 2001 là một bài mà nếu tôi không lầm, dễ tạo thêm ngộ nhận cho không ít người.

Những người dễ bị ngộ nhận mà tôi muốn nói có thể là một số Phật tử và một số không Phật tử thiếu học và/hoặc thiếu tinh tế để thấy điều tác giả không nói (hay không nói rõ?). Họ sẽ cho bài viết là một tấn công hay đánh phá Phật giáo tinh vi vì các ý niệm được mang ra làm trò cười được họ, do thiếu học, đồng nhất với các ý niệm đạo Phật.

'Thiếu học' ở đây do đó chính yếu là thiếu một hiểu biết cơ bản về đạo Phật chứ không nhất thiết thiếu bằng cử nhân, cao học, tiến sĩ.

Tôi trộm nghĩ người ta dễ bình tâm hơn mà đón nhận bài viết công phu của ông nếu tác giả khẳng định thêm, dù chỉ một hai dòng, để cho thấy ông dựng hình nộm lên để quật xuống trong một ý định khác.

Mặc dù những từ ngữ như ngã, ý thức, tham, sân v.v. là vay mượn từ Phật giáo để quảng diễn tâm lí học tây phương, có lẽ do một số tương đồng giữa hai bên, nhưng quả thật những cái mà người đạo Phật xem như đối tượng để diệt thì không có quan hệ gì với điều tâm lí và xã hội học mặc nhiên xem như lành mạnh, tích cực. Nói cách khác, cái ngã, ví dụ, mà người Phật giáo muốn diệt chẳng phải cái ngã ông nói đến.

Cái ngã mà tác giả nói Phật cũng mặc nhiên xem là có (và đã hơi gặp khó khăn trong việc giảng dạy vì người Ấn độ xưa không có tên riêng cho nó). Còn ngã như một đối tượng phải diệt là một ý niệm mà Phật và hàng loạt đệ tử xuất sắc của ngài đã lắm lời phê phán, xem như một vọng tưởng độc hại nằm sâu thẳm trong mỗi cá nhân (kể cả các cá nhân có thể giảng giải rành rẽ về vọng tưởng này). Đó là tự ngã, một cái ngã không chiều kích thực nghiệm trong cốt lõi của nó. Ý niệm tự ngã này giống (nhưng không phi khoa học bằng) ý niệm về một linh hồn bất biến, bất tử.

Một cái ngã như thế thì nhiều người rất muốn diệt, không nhất thiết vì biết qua các lí luận vô ngã khô khan của Phật v.v., mà có thể chỉ vì không chịu nổi các hệ luận như đời đời phải sống gần và sống với, sau khi thân xác tan rã, vô số họ hàng từ gần xịt đến xa lơ xa lắc tính từ lúc có loài người đến giờ, đặc biệt là sống gần và với một số linh hồn thân nhưng không thương nổi (ví dụ bà mẹ vợ).

Những tác hại tâm lí và tâm linh của niềm tin tự ngã mà Phật và đệ tử đề cập thì không biết có bao giờ được kiểm chứng rốt ráo bởi khoa học thực nghiệm hay không. Điều chắc chắn là Phật ít nhất đã đúng ở chỗ, niềm tin này là động lực của lắm thảm họa trong lịch sử, lịch sử sự sống nói chung chứ không chỉ riêng loài người mà thôi.

Nguyễn Kết *(Đan Mạch)*

Người mang mặt nhọ

Khi vừa đọc xong truyện ngắn "Tấm huy chương" (TK 21 số 147) thì ông bạn già HO của tôi đã nặng lời chửi bới tác giả bài viết này là đồ phản phúc, đâm sau lưng chiến sĩ, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản... Thế là một cuộc tranh luận giữa tôi và bạn bắt đầu. Bản thân tôi cũng là một HO nhưng tôi không nghĩ như thế! Gia cảnh tôi cũng từng lâm cảnh xung đột giống như trong truyện kể. Tôi thấy thế hệ con cái mình sáng suốt hơn và chúng không từng biết chiến tranh là gì thì tại sao mình lại cứ áp đặt và nhồi nặn vào đầu óc chúng lòng căm ghét hận thù.

Tôi nghĩ tác giả bài viết này có thể thuộc thế hệ con cháu chúng tôi hoặc ít ra cũng là người rất hiểu thế hệ đó. Họ đã ức lòng mà viết ra những khắc khoải, đè nén mà họ đã từng chịu đựng để cải hóa cha ông. Đọc truyện này, tôi nhớ lại những ngày mới qua đây, chân ướt chân ráo, hung hăng con bọ xít mà nghĩ mình giống như người mang "mặt nhọ" mà không biết. Xin kể hầu quý vị độc giả sau đây.

Mặt nhọ

Có một ông thể hình bảnh bao, ăn mặc sang trọng. Ra đường ngửng mặt trông lên, không may mặt ông bị dính nhọ. Người qua đường thấy thế, tủm tỉm cười. Ông đắc ý, tưởng nhầm người ta khen mình rồi lại nghểnh mặt bước đi. Bỗng một người nọ thấy mặt ông nhọ không cầm lòng được bèn kêu lên rằng: "Mặt ông nhọ!"

Ông tức lắm và chửi lại

người kia rằng: "Nhọ cái mả bà mày!" Rồi lại nghênh ngang bước đi. Về đến nhà, ông nhìn vào gương và thấy mặt mình nhọ thật. Ông rầu buồn cúi gầm xuống đất than thầm:

"Mặt mình nhọ thật!"

Trần Minh
(Silver Spring, MD)

Tìm chú

Kính thưa bác Chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21,

Cháu có chút việc rất mong được sự giúp đỡ của bác và quý báo. Số là cháu có một người chú vượt biển tìm tự do từ năm 78-79, sang đảo, rồi định cư tại Los Angeles, California. Sau một thời gian (khoảng năm 1985) thì mất liên lạc. Cả nhà rất muốn biết tin chú nhưng khong được từ đó đến giờ.

Hôm rồi, tình cờ cháu đọc tờ tạp chí Thế Kỷ 21 cũ, số 51, ra tháng 7 năm 1993 thì thấy mẩu tin *Tòa soạn và Bạn đọc* với độc giả **Giang Kim Trường** (có kèm copy của tờ báo). Đây là bút danh mà chú của cháu thường dùng khi còn ở Việt Nam. Báo ra từ năm 1993, cũng lâu lắm rồi, cháu thì thật sự mới sang Úc châu không lâu và không được cơ hội theo dõi Thế Kỷ 21 thường xuyên nên không biết Kim Giang Trường có còn liên lạc với báo hay không. Cháu rất mong bác và quý báo vui lòng sao lục địa chỉ và gửi hộ cháu bức thư nhà đến cho chú cháu. Cả nhà cháu rất mang ơn của bác và Tòa soạn báo.

Trong trường hợp quý Tòa soạn không còn giữ liên lạc với Giang Kim Trường, kính xin bác cho cháu một lời khuyên làm cách nào để liên lạc được với chú của cháu. Ví dụ như đăng báo, đăng đài? Chi tiết ra sao? Tất cả sự giúp đỡ của bác và quý báo là vô giá với cháu và gia đình. Địa chỉ liên lạc với cháu:

Triết Giang
76 Wilcox St
Preston VIC 3072
Australia
trietgiang@yahoo.com
(61) 411 710 159

Cháu rất mong được sự giúp đỡ của bác và Tòa soạn. Chúc bác và mọi người vạn sự như ý.

Triết Giang *(Australia)*

Trả lời của Tòa soạn: *Đã từ khá lâu Tòa soạn không có liên lạc với ông Giang Kim Trường, nên đăng bức thư của cháu trên đây để hy vọng ông Trường có thể đọc thấy, hoặc bà con cô bác và người quen thấy mà mách bảo. Vậy cháu kiên nhẫn chờ một thời gian nữa xem sao nhé.*

Chua chát và tàn nhẫn quá!

Sau khi đọc kỹ truyện ngắn "Tấm huy chương" (*Thế Kỷ 21* số 147), tôi thấy người con là người có lòng, thao thức và yêu mến quê hương, yêu thương cha mẹ, chăm chỉ học hành và làm ăn, dành dụm gửi tiền về nuôi cha mẹ. Ngoài ra, anh ta còn kêu gọi sự hiệp thông đoàn kết, hợp quần gây sức mạnh, chống lại cách thức tranh đấu bằng bạo hành. Nhưng tiếc rằng tác giả đã dùng lời lẽ, chữ nghĩa chua chát và "đấu tranh" quá! Dễ gây va chạm và hiểu lầm.

Cái lẽ tự nhiên và thông thường của cuộc đời là người già thì thường bám víu lấy những hào quang của dĩ vãng làm lẽ sống và tự hào về những thành tích đạt được trong quá khứ. Người trẻ thì hướng về tương lai và trọng thực tế. Việc người cha xin lại "Tấm huy chương" là lẽ thường tình vì ông cho rằng đây là một kỷ niệm tinh thần quý giá mà ông đã phải đánh đổi bằng xương máu. Thay vì sốt sắng xin lại cho cha thì người con lại lên lớp giảng giải, miệt thị, đả kích thì thử hỏi người cha nào lại không đau lòng, bực tức. Nhất là những người cha vừa từ bỏ "thiên đàng xã hội chủ nghĩa," với những đau khổ nhục hình trong nhà tù cải tạo.

Người con thuộc thế hệ hậu chiến tranh, không từng chịu đựng những đau khổ tủi hờn, nhục nhã của chiến tranh nên thật khó để có thể thông hiểu và chia sẻ với người cha về những thao thức, khắc khoải của ông và thế hệ của ông nên anh ta đã thẳng thừng tuyên bố một cách thiếu tế nhị và gây mặc cảm tự ái cho cha mình *"Can thiệp gì bây giờ thưa bố! Người Mỹ nói chung trọng óc thực tế, đối với họ bây giờ là kinh tế và việc làm. Bố đem chuyện Việt Nam ra mà nói với người Mỹ lúc này khác nào như bố đứng giữa sa mạc mà gào thét một mình vậy đó!"*

Khi người cha mới sang thì còn nhiều hy vọng và thao thức cũng như tin tưởng vào hội đoàn và bạn chiến đấu cũ. Thay vì tìm lời lẽ nhẹ nhàng, cắt nghĩa cho cha hiểu thì người con lại phang lại cha mạnh quá, phũ phàng quá. Là một người cựu chiến binh căm thù cộng sản, ông bố không thể nào chấp nhận một cuộc chiến bại và cũng không bao giờ muốn nghe tới hai chữ chiến bại. Cũng như ông Tấn trong truyện, cá nhân tôi

không chấp nhận cách lý luận của Minh con ông. Sở dĩ quân lực Việt Nam bị thua chạy chẳng qua là do thế lực dàn xếp từ bên ngoài và sự bội phản của người Mỹ. Cái nhìn của Minh chỉ là một cái nhìn nông cạn, thấy sao hay vậy chứ không tìm được chiều sâu và cốt lõi của vấn đề.

Cho nên đoạn văn trên không thể không đụng chạm tự ái cho người cha và thế hệ của ông. Đành rằng Minh đã từng chứng kiến những cảnh tượng những người cựu lính, nay tuy đã già nua, run run trong quân phục diễn hành nhưng dùng chữ nghĩa: "Chưa bắn địch thì súng giật đã ngã chúi" thì thật là chua chát, đụng chạm và khó nghe quá!

May một điều là dù sao thì tôi thấy người con không phải là người vong ơn, đâm sau lưng chiến sĩ, và anh ta cũng đã xác nhận rõ ràng là mình không chấp nhận cộng sản và không "đội trời chung" với cộng sản.

Đau khổ thay! Cả hai cha con ông Tấn đều là người có lòng, yêu nước, nhiều ưu tư khắc khoải nhưng sự bất đồng ý kiến trong đấu tranh đã thường sinh ra phân rẽ, rạn nứt và đôi khi nảy sinh ra những thảm kịch đau lòng.

Qua truyện kể, dù sao tôi cũng thấy được đây là một bài học đau thương cho những gia đình có những chính kiến bất đồng, nhưng vẫn thấy đau lòng, chua chát khi một người già như tôi, một người cựu chiến binh đã từng bao năm tù ải, đọa đầy trong nhà tù cộng sản lại phải nghe những lời phang mạnh quá của chính người con của mình. Tôi thấy tủi hổ và ngậm ngùi làm sao ấy!

Ước gì những bất đồng, những dị biệt sẽ không nảy sinh trong cuộc sống êm đềm của các gia đình. Nhất là những gia đình đã có những người cha từng là nạn nhân của chế độ độc tài cộng sản. Ước gì cha con biết thương yêu, cảm thông, chấp nhận và chia sẻ. Người con biết cảm thông, chia sẻ những khổ sở nhục nhằn mà người cha đã hứng chịu. Người cha bỏ được cái tính độc đoán, hẹp hòi, một chiều để nhìn được hoàn cảnh thực tế và cha con thông cảm với nhau để mà không xảy ra một thảm cảnh đau lòng như truyện kể.

Trần Dinh
(Issy Les Moulineaux - France)

Nói lại cho đúng

Nhân đọc bài Sổ Tay (một mục hấp dẫn mà chúng tôi thường đọc trước tiên) trong số báo Thế Kỷ 21 tháng 7-2001, tôi ngạc nhiên đọc mẩu tin liên quan đến cuốn sách *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21.* Theo mẩu tin đó, "cuốn sách do Viện Quản Lý Kinh Tế Trung Ương của nhà nước xuất bản cũng bị cấm lưu hành, sau khi được giới thiệu qua tạp chí Thế Kỷ 21 ở California," và mới đây "sau khi công an Hà Nội đọc báo Thế Kỷ 21, đã ra lệnh ngưng phổ biến cuốn sách này, mà chính một cơ quan nghiên cứu của nhà nước xuất bản."

Theo chỗ chúng tôi được biết, sự việc cần nói rõ lại cho đúng như sau:

1. Do một vài trục trặc kỹ thuật, cuốn sách nói trên thật sự có ra chậm vài tuần so với dự định, nhưng đã được in xong để phát hành tại Sài Gòn hôm 10/7 vừa rồi, và cho tới nay không hề có việc "công an Hà Nội ngưng phổ biến."

2. Sách do nhóm Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn chịu trách nhiệm in ấn và xuất bản ở Sài Gòn, chứ không do Viện Quản Lý Kinh Tế Trung Ương (CIEM) ở Hà Nội xuất bản như ghi trong mục Sổ Tay nói trên. Tùy viên CIEM trước đây có tham dự tổ chức cuộc tọa đàm về nội dung quyển sách trên tại Hà Nội hôm 5/5/2001, do Cơ Quan Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) chính thức bảo trợ, và đã mời một số các tác giả đóng góp cho cuốn sách trong và ngoài nước về Hà Nội tham dự hội thảo về các vấn đề kinh tế Việt Nam trong vài thập niên tới. Buổi Tọa đàm đã được tác giả Xuân Quang tường thuật trong số báo Thế Kỷ 21 tháng Sáu vừa qua.

Vì có cơ hội được biết rõ về sự việc này, tôi xin đóng góp những hiểu biết của tôi để độc giả khỏi bị thông tin sai lạc.

Do Pham *(Internet)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Đắc Khoa, Phạm Cây Trâm, Nguyễn Văn Cường, Miên Du, Chu Vương Miện, Hoài Cẩm Lê Văn Hưng, Tạ Tỵ, Phạm Đỗ Chí, Võ Doãn Nhẫn, Nguyễn Hòa Trước, Trần Vi, Đăng Trình,

Cung Vĩnh Viễn, Hà Nguyên Du, Hoàng Ngọc Lễ, Nguyễn Hữu Chi, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Xuân Quang, Đỗ Thông Minh, Xuân Đỗ, Lê Hùng, Khánh Hà, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Đức Tường.

Đính chính: Tên truyện *Mùa Tôm Bạc Đất*, Thế Kỷ 21 số 147, trang 91, xin đọc là **Mùi** Tôm Bạc Đất. Xin cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả.

Thưa quý độc giả,

Đã từ lâu, do thiếu người phụ trách, mục "Tòa soạn và Bạn đọc" hầu như không còn là nhịp cầu nối liền giữa những người làm báo với người đọc để thăm hỏi và trả lời các thắc mắc. Dù không hoạt động nhiều, mục này vẫn được duy trì, vì chúng tôi nghĩ một cây cầu ít khi được dùng vẫn là một cây cầu, với công dụng nối liền hai bờ. Có thể ít đi việc nhắn gửi hay tâm tình cá nhân đôi khi nặng tính cách khách sáo không cần thiết, đây vẫn là nơi Tòa soạn có thể thưa với bạn đọc về những chuyện cần thông báo chung, như về đường lối, về sinh hoạt và ngay những nỗi vui buồn giữa chúng ta.

Gần đây việc Thế Kỷ 21 giới thiệu một cách hơi đặc biệt cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng đã gây nên một sự đáp ứng khá hào hứng về phía bạn đọc. Chúng tôi đã đăng một số bài và một số ý kiến nhận xét về cuốn sách. Nhưng điều chúng tôi mong mỏi khi làm việc này không phải là cùng nhau đào sâu mãi về cuốn sách ấy, mà là nhân cách đặt vấn đề một cách triệt để về đặc tính con người Việt Nam của tác giả Nguyễn Gia Kiểng, rồi thêm các phân tích độc đáo của Lê Thị Huệ về văn hóa Việt trong cuốn *Văn hóa trì trệ nhìn từ Hà Nội đầu thế kỷ 21* (đã giới thiệu trên Thế Kỷ 21 số 146), tất cả chúng ta sẽ cảm thấy một sự đánh động nơi chính mình, cùng nhau mở một phong trào phản tỉnh nghiêm chỉnh về những yếu kém của chính chúng ta. "Tự thấy được các yếu kém của mình là đã mạnh lắm rồi," có một người nào đã nói như thế, vậy tại sao chúng ta lại không thử để cùng nhau ra khỏi những thất bại, những luẩn quẩn, những gấu ó bất tận giữa người Việt Nam với nhau, để rèn cho mình một cá tính vững vàng và trưởng thành hơn?

Hy vọng tất cả chúng ta sẽ có những trao đổi thân thiện và thẳng thắn, nhắm đến cái chung, gác qua một bên những điều không vừa ý có tính cách cá nhân. Biết đâu, với tấm lòng thành thật và đầy thiện ý với nhau cũng như đối với đồng bào, đất nước của mình, rồi ra chúng ta sẽ cùng tạo nên một diễn đàn có ích lợi, cho bây giờ và cho mai sau. Quý bạn đọc nghĩ sao?

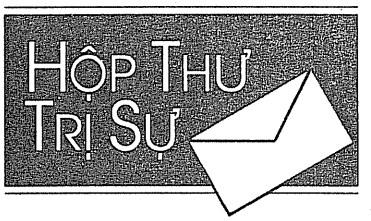

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyen Dinh Cuong (Cerritos CA), MC Gregor FR (Oregon IL), Gabe Gancarz Glenbard East High School (Lombard IL), Pham Minh Triet (Elsmireon KY), Ho Van Thai (GERMANY), Duong Manh Hung (Beaverton OR), Nguyen Chi Thiep (Houston TX), Nguyen Tam Tu (Pennsauken NJ), Minh Q. Le (Walnut Ca),Tuan Dam (Richmons CA), Duong Phuoc Luyen (Royal Palm Beach FL), Nguyen Quang Hien (San Antonia TX), Nguyen Thi Minh Nguyet (Anaheim Hills CA), Pham Tuan (Silver Spring MD), Phạm Nguyen Luong M.D (Irvine CA), Khai Doan (Riverside CA), Bui Manh Duc (San Francisco CA) Chinman (Houston TX), Nguyen Gia Khanh (New York NY), Tran Van Phi (Talahasse FL), Nguyen Thi Thu Huong (CANADA),Tran Van Quang (Westminster CA), Trieu Ngoc Quach (Falls Church VA), Tran Thi Tram (Pacifica CA), Lai Quoc Trang (Los Angeles CA),Dang Quoc Chien (Honolulu HI), Lac Toi Nguyen (Annadale VA), Tai Van Ha (Randolph MA), Vu Gia An (Herndon VA), Chu Xuan Vien (Fairfax VA), Thanh Dan Doan (Springfield VA), Thu Doan (Plano TX), Thanh Minh (Monroe LA), Ta Van Ha (Randolph MA), Thai Tu Hap (Rosemead CA), Trinh Nhu Hoa (Houston TX), Anh Nguyen (Westminster MD), Nguyen Thi Van (Orange Park FL), Nguyen Thi Ngoc Chi (Tustin CA),Lib: Paul Bechtold (Chicago IL), Lib: Healey (Boston MA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Ho Manh Son (Clearwater FL).

ĐÔNG NAM Á TẬP SỐNG DÂN CHỦ

VŨ NHẤT SẮC

Sau Phi Luật Tân, xứ Indonesia mới thay đổi người lãnh đạo: Vị tổng thống bị đàn hặc và truất phế, bà Phó tổng thống được cử lên thay chiếu theo hiến pháp. Bà Gloria Arroyo ở Phi tuyên thệ với một cuốn Thánh kinh Thiên chúa giáo, còn bà Megawati trong lúc tuyên thệ thì có người nâng cuốn kinh Koran cao ở trên đầu. Hai cuộc thay đổi người lãnh đạo quốc gia cho thấy hai nước trong khối Đông Nam Á ASEAN đang tập sống theo các thủ tục dân chủ.

Thể chế Dân Chủ cần thời gian để thành nền nếp. Có một bản hiến pháp dân chủ rồi, cần tạo thêm những thói quen trong cách cư sử và nếp suy nghĩ của người dân, nhất là của "giới làm chính trị." Những nếp suy nghĩ như: tôn trọng luật lệ và hiến pháp, tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người dân, người thắng không tìm cách tiêu diệt người thua, người thua chấp nhận thua trong danh dự, phân biệt tình và lý, v.v... Những tập tục biểu hiện tinh thần dân chủ, cũng biểu hiện trình độ dân trí một nước, đặc biệt là khi thay đổi chính quyền.

Binh biến Trần Kiều

Trong thời quân chủ chuyên chế, một ông vua muốn lên ngôi nhiều khi phải giết anh em, chú bác mình. Thay đổi một triều đại, từ dòng vua này sang một dòng khác, còn khó khăn hơn nữa. Năm 626 hoàng tử Lý Thế Dân nghe cha báo động anh em đang muốn giết mình, bèn giả lệnh cha triệu người anh ruột là thái tử Lý Kiến Thành, và em thứ tư là Lý Nguyên Cát đến chầu từ sáng sớm. Hai hoàng tử đi tới cửa Huyền Vũ thì bị phục binh bắn chết, Lý Thế Dân ép vua cha phong làm thái tử rồi lên ngôi cửu ngũ. Các chế độ độc tài đời sau này cũng thường đẫm máu như vậy.

Việc truất phế một ông vua để người khác họ lên thay, dù có thuận lòng tướng sĩ và có lợi cho dân, cũng phải bầy ra những mưu mô mới thực hiện được. Vì không có thủ tục nào để thay đổi tự nhiên. Năm 959, vua nhà hậu Chu mất, con lên nối ngôi mới có sáu tuổi, hoàng thái hậu nhiếp chính cũng còn quá trẻ thiếu kinh nghiệm. Tại kinh thành bỗng có tin đồn quân Khiết Đan sang đánh, triều chính nhốn nháo. Triệu Khuông Dận giữ chức Điện tiền Đô Kiểm điểm, thống lĩnh hàng vạn cấm binh, nhận lệnh quan tể tướng mang quân đi chống cự. Kéo quân đến Trần Kiều thì bị tướng sĩ dưới quyền phục rượu cho say, khoác cho áo long bào bắt ép trở lại triều đình mà lên ngôi. Trên lý thuyết, Triệu Khuông Dận không thể từ chối vì đã lỡ mặc áo long bào thì coi như đã phạm tội phản nghịch, đáng chém đầu rồi! Chuyện này giống như chuyện Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn ở nước ta được bà Thái Hậu khoác cho áo rồng, đặt lên ngai vàng thay thế cho nhà Đinh năm 980 - chỉ thiếu màn tướng sĩ phục rượu.

Cuộc "binh biến ở Trần Kiều" chấm dứt dòng họ Sài nhà Hậu Chu, đưa Triệu Khuông Dận lên ngôi hoàng đế mở đầu triều đại nhà Tống, cũng chấm dứt thời kỳ hỗn loạn "ngũ đại thập quốc" trong lịch sử Trung Hoa. Nhưng cái ngai hoàng đế vẫn chưa thể ngồi yên. Một năm sau, Triệu Khuông Dận bãi bỏ chức Điện tiền Đô kiểm điểm của tướng Mộ Dung Chiêu, là chức vụ của chính ông khi đảo chính. Ông cho Chiêu đi làm Tiết độ sứ, phải ra khỏi kinh thành. Rồi một bữa, Tống Thái Tổ mời các vị tướng lãnh trung thành với mình đến dự tiệc. Tiệc xong, ông làm mặt rầu rĩ, than rằng làm vua khổ quá, lúc nào cũng lo một vụ "Binh biến Trần Kiều" thứ hai! Các tướng hoảng sợ, phủ phục xuống tâu: Chúng tôi lúc nào cũng dốc lòng thờ hoàng thượng! "Nhưng nếu bọn tướng sĩ cấp dưới chúng nó ham phú quý, chúng ép các ông mặc áo long bào, rồi các ông làm sao cưỡng được?" Thế là ngày hôm sau các tướng đều đệ đơn xin từ chức, tất cả vui vẻ được bổ đi làm Tiết độ sứ. Từ đó, nhà Tống được yên ổn, cha truyền con nối kéo dài hơn 300 năm, không lo một vụ "Binh biến Trần kiều" nào khác.

Biến cố cửa Huyền Vũ và binh biến Trần Kiều là những hình ảnh tiêu biểu cho việc chuyển giao quyền hành trong thời quân chủ.

Khi các định chế truyền ngôi chưa trở thành tập tục, thì thường phải có binh biến. Ngay cả khi một thủ tục đã thành hình, như lập con trưởng làm thái tử, vẫn có người nhòm ngó ngôi cao. Trong các chế độ độc tài thời nay, việc truyền ngôi càng dễ gây đổ máu. Các ông Kim Nhật Thành xứ Bắc Hàn, Assad xứ Syrie mất bao tâm cơ để truyền ngôi cho con, dân các xứ đó vẫn còn kính trọng văn hóa tập tục thời quân chủ. Vì họ không có cơ hội thay đổi.

Ngày nay mọi người muốn áp dụng chế độ dân chủ, nhưng các nước có truyền thống lâu đời vẫn ổn định hơn. Năm ngoái nước Mỹ mới bầu Tổng thống, cả thế giới theo dõi hai ứng cử viên tranh cãi nhau coi ai nhiều hơn ai mấy trăm phiếu. Nhưng khi Tối cao Pháp viện phán nghiêng về ông Bush là xong, ông Bush lên làm Tổng thống, Phó Tổng thống Gore về nhà làm Phó thường dân. Chẳng còn ai thắc mắc về chuyện đó nữa. Hai năm trước Quốc hội Hoa kỳ đã từng đem một Tổng thống ra đàn hặc, hạch tội, bêu riếu suốt năm trời, nhiều người đã yêu cầu ông Clinton từ chức cho yên. Đến khi Thượng viện bỏ phiếu, theo đúng thủ tục thấy không đủ phiếu kết tội thì thôi. Ông Clinton vẫn làm tổng thống, Quốc hội lại lo thảo luận các dự luật, dân Mỹ lại lo làm ăn không ai lo truất phế tổng thống nữa! Đó là tình trạng ổn định tự nhiên có được nhờ có luật pháp và tập tục dân chủ.

Chính trị ổn định

Thể chế Dân Chủ khác các chế độ độc tài vì việc chuyển giao quyền hành diễn ra một cách hòa bình, và theo các thủ tục hiến pháp có sẵn. Đó chính là sự ổn định. Chuyển giao quyền hành là một thử thách lớn của các nền dân chủ phôi thai. Năm 1998 các nước Đại Hàn và Đài Loan đã làm cả thế giới kính trọng vì chính quyền được chuyển từ các đảng cầm quyền lâu năm sang các đảng đối lập. Năm ngoái, Mexico cũng mang hy vọng lại cho Châu Mỹ La tinh vì một đảng cầm quyền hơn 70 năm đã thất cử và ghế Tổng thống được trao cho một lãnh tụ đối lập. Nếu Indonesia thoát qua cuộc khủng hoảng, thì người dân mới tin tưởng ở thể chế dân chủ, đó cũng là điều hay cho cả vùng Đông Nam Á.

Chế độ dân chủ thay đổi chính quyền theo các thủ tục ghi trong hiến pháp. Tuy nhiên, bản hiến pháp không thôi chưa đủ bảo đảm việc "truyền ngôi" diễn ra êm thấm, nghĩa là bất bạo động và theo đúng luật lệ. Ngoài bản hiến pháp ra, còn phải có những định chế thành văn hoặc bất thành văn, tiềm tàng trong nếp sống được giới làm chính trị tôn trọng và được dân chúng chấp thuận. Hai điều kiện đó bảo đảm tính chất ổn định của xã hội.

Á châu đã có một quốc gia sống theo lối dân chủ lâu đời là Ấn Độ, với bản hiến pháp năm 1947 sau khi Anh quốc trả độc lập. Đảng Quốc Đại đã cầm quyền hơn 40 năm, rồi có lúc phải nhường chính quyền cho đảng đối lập, chờ đến kỳ bầu cử khác họ chiếm lại chính quyền, rồi lần sau lại thất cử. Ở Ấn Độ vẫn có những vụ bạo loạn vì lý do tôn giáo quá khích, nhưng không có các vụ biểu tình lật đổ chính quyền, không ai nghĩ đến chuyện đảo chính. Đảng Bharatiya Janata lên cầm quyền lần đầu mười năm trước đây đã thay đổi nước Ấn Độ từ căn bản. Họ xóa bỏ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa của đảng Quốc Đại, tư nhân hóa ngân hàng và nhiều doanh nghiệp nhà nước, mở cửa cho tư bản nước ngoài vào làm ăn, bắt đầu đổi mới và đang đưa Ấn Độ bước vững vàng trên đường phát triển. Nước Ấn Độ đã chứng kiến những cảnh thay đổi chính phủ, thay đổi cả chính sách quốc gia. Trong hòa bình và nhờ thế có tiến bộ. Dân trí Ấn Độ không thể nói là cao hơn các nước Á châu khác. Nhưng giới chính trị ở xứ này đã trưởng thành, các định chế phân quyền được tôn trọng, hệ thống tư pháp độc lập theo truyền thống Anh quốc, đó là những bảo đảm cho nền dân chủ bền vững, ổn định, không lo một vụ "binh biến" nào cả.

Á châu cũng chứng kiến cảnh thay đổi chính quyền ở Hàn Quốc và Đài Loan năm 1998, dân chúng đặt những người đối lập vào ngồi ghế lãnh đạo bằng lá phiếu. Các tướng lãnh ở Hàn Quốc và Quốc Dân đảng ở Đài Loan cầm quyền từ bao nhiêu năm đã phải đổi vai trò, ngồi vào ghế đối lập, họ làu bàu hậm hực nhưng đành chịu, không ai tính chuyện gây "binh biến" để ngồi lại.

Tại sao hai nước này may mắn chuyển giao quyền hành êm ái như vậy? Vì từ mấy chục năm qua, ở các nước đó chính quyền không bao giờ dám tự nhận họ là độc tài, chuyên chế, nhân danh một chủ nghĩa nào, cũng không tự nhận được "nhân dân tín nhiệm ủy quyền vĩnh viễn!" Trong thời gian đó các chính phủ Nam Hàn và Đài Loan vẫn cố thu hết quyền hành trong tay, nhưng dưới áp lực dư luận quốc tế, nhất là áp lực Mỹ, chính quyền Hàn Quốc và Đài Loan trong 40, 50 năm vẫn phải tôn trọng các hình thức dân chủ: báo chí tự do, đảng phái tự do, nghiệp đoàn tự do, bầu cử tự do, và dân chúng vẫn có quyền biểu tình phản đối

nhà nước. Chính các hình thức dân chủ có khi bị coi trống rỗng chưa có thực chất đó, tập sống mãi thành thói quen, đã giúp các dân tộc trưởng thành trên đường dân chủ hóa.

Tại Phi Luật Tân, sau chế độ độc tài của ông Marcos kể từ năm 1986 đã có ba cuộc bầu cử thay đổi người làm tổng thống; và năm nay một bà Phó Tổng thống đã lên cầm quyền sau khi Tổng thống Estrada bị mất chức.

Bà Arroyo lên ngôi với một tì vết, không hoàn toàn theo đúng thủ tục: cựu tổng thống Estrada chưa từ chức, cũng chưa hề bị cất chức một cách hợp pháp vì thủ tục đàn hặc chưa xong. Ông Estrada không chịu rút lui khi bị đe dọa đàn hặc và truất phế, nhưng rồi dân chúng biểu tình lập lại hình ảnh "Quyền Dân" năm 1986 tạo áp lực bắt ông Marcos rút lui. Ông Estrada bỏ chạy khi các tướng lãnh tuyên bố bất tín nhiệm, Tối cao Pháp viện tuyên bố ghế tổng thống bị bỏ trống, và bà Arroyo tuyên thệ lên ngôi. Trông giống như một cuộc đảo chính cung đình. Do dân chúng thủ đô hành động và được hàng giáo phẩm ủng hộ, trong khi quân đội đứng ngoài làm ngơ! Nhưng cuối cùng ông Estrada đã chịu thua khi ông kiện trước Tối cao Pháp viện và thua kiện. Dân Phi đã bầu lại Thượng viện và phe bà Arroyo lại thắng lớn. Ít nhất việc thay đổi lãnh đạo cũng có một bề ngoài hợp pháp và dân chủ.

Có bề ngoài dân chủ còn hơn không có gì hết, đó là bài học 73 Phi Luật Tân. Vì việc bảo vệ cái bề ngoài đó cho thấy giới chính trị công nhận thủ tục dân chủ là tốt, xúc phạm thủ tục dân chủ là xấu! Đó là thứ tập tục chính trị hình thức nhưng hữu ích, nó sẽ dần dần tạo thành thói quen, thành tập tục chính trị. Cũng như một người cứ đi lễ đi bái, tuy lòng không nhiệt thành tín ngưỡng nhưng cũng tạo được thói quen, rồi tới ngày sẽ có niềm tin dễ hơn những người không bao giờ tập quỳ xuống tụng kinh, cầu nguyện!

Indonesia khác Phi Luật Tân, vì chưa có các tập tục như vậy. Tai họa lớn của nước này là trong 32 năm dưới thời Tướng Suharto 200 triệu dân ở hơn 3000 hòn đảo chưa được tập sống dân chủ, dù là dân chủ hình thức! Một di sản của chế độ độc tài là nó tạo ra thói quen của người dân nghĩ rằng chính trị là việc của một nhóm người "ưu tú" cha truyền con nối. Trong chính giới, nó tạo ra không khí thiếu tín nhiệm lẫn nhau và không tin vào pháp luật, không tin các thủ tục dân chủ. Tổng thống Wahid cho rằng ông hành động hợp hiến khi tuyên bố tình trạng khẩn trương và giải tán Quốc hội. Quốc hội cũng tin rằng họ hành động hợp hiến khi cách chức Tổng thống vì bất lực. Cả hai bên đều căn cứ trên bản hiến pháp năm 1945 mà một chính trị gia, ông Marzuki Darusman thuộc đảng Golkar cho là "Theo bản hiến pháp đó thì cái gì cũng có thể hợp hiến được hết" tùy theo cách người ta giải thích. Trong trường hợp hiến pháp cũng mơ hồ, phân vân như vậy thì ai làm trọng tài?

Indonesia đã thoát cảnh hỗn loạn nhờ giới chính trị xứ này đã trưởng thành sau khi thí nghiệm dân chủ chưa đầy hai năm. Năm 1999 đảng của bà Megawati thắng nhiều ghế nhất trong Quốc hội, nhưng không đủ đa số trong Hội Đồng Tư vấn Nhân dân, gồm cả Quốc hội lẫn các đại biểu địa phương và quân đội. Ông Wahid đã liên kết được nhiều phe, kể cả đảng Golkar của cựu tổng thống Suharto, trong khi bà Megawati không chịu thỏa hiệp với các đảng khác. Bà chấp nhận để ông Wahid đề cử làm Phó tổng thống, ngồi chờ. Ông Wahid là một học giả Hồi giáo được kính trọng, có tiếng đạo đức và ôn hòa. Ông cũng có uy tín trên khắp thế giới. Nhưng làm chính trị thì đạo đức cá nhân không đủ. Ông Wahid đã không dùng đúng người có tài, không có các chính sách thiết thực để phục hưng kinh tế, và những người chung quanh ông tham nhũng gây tai tiếng. Vì vậy ông đã bị lật đổ. So sánh với Phi Luật Tân thì ở Indonesia bà Megawati lên ngôi tổng thống đúng thủ tục hiến pháp hơn. Phải nói rằng chính giới nước này đã trưởng thành hơn, nhất là các tổ chức Hồi giáo ôn hòa. Tuy nhiên, liệu các chính trị gia Indonesia có khả năng giải quyết các khó khăn lớn lao ở nước họ hay không, đó lại là một vấn đề khác.

Sự ổn định do chế độ dân chủ tạo ra mang tính chất bền vững, cũng như sự phồn thịnh trong nền kinh tế thị trường, vì mọi người được tự do lựa chọn chứ không bị ép buộc. Một chế độ độc tài có thể bắt dân nhịn đói làm việc khổ sai xây cất nhà máy, đập nước, khai mỏ, phá rừng, nhưng nếu có phát triển trong một thời gian thì sau một thế hệ lại tàn lụi. Kinh tế thị trường có lúc lên lúc xuống nhưng cứ thế mà tiến. Có phồn thịnh vì người ta có tự do. Một chế độ độc tài có thể dùng guồng máy bạo lực bắt dân chịu phục tùng, nhưng không thể tạo được tình trạng ổn định bền vững, như sự ổn định do các định chế và tập tục mà chế độ dân chủ tạo ra. Có ổn định là vì người ta có tự do. Đó là một bài học mà các nước Đông Nam Á nên rút ra sau các biến cố ở Phi Luật Tân và Indonesia.●

CÂU CHUYỆN ĐÓNG GÓP CỦA NHÀ KINH TẾ VIỆT

PHẠM ĐỖ CHÍ

Lý do chính của người viết bài này là một động cơ tình cảm thúc đẩy tác giả đưa ra vài ý nghĩ về vai trò đóng góp thực tế của một nhà kinh tế Việt cho hoàn cảnh đất nước hiện tại, trong một lãnh vực vốn dĩ khô khan ít hấp dẫn và từ vị trí khó khăn của những người Việt Nam ở hải ngoại luôn "đứng giữa hai lằn đạn" khi bàn về những vấn đề của "quê xưa."

Từ tuổi mới cắp sách đến trường, người Việt Nam đã được dạy với niềm tự hào có lẽ mang theo suốt đời rằng chúng ta là "Con Rồng Cháu Tiên" và có hành trang "Bốn Ngàn Năm Văn Hiến" do ông cha để lại. Cho dù chỉ là huyền thoại về gốc gác nhưng cái ước mơ có tầm vóc cao rộng gạn lọc được từ lớp sương mù của "gia phả" huyền hoặc này, với dân ta đã ít nhiều trở thành thứ trang bị tinh thần mà mỗi khi cần khơi dậy niềm tự hào quốc gia hay mối tình tự dân tộc người ta thường viện cầu đến.

Bên hành trang tinh thần ấy, chúng ta có khối nhân lực mà năng lực và đức tính, chỉ cần đứng mức khách quan để có thể khẳng định, có khả năng đáp ứng được nhu cầu phát triển, thế nhưng dường như chúng ta đã bỏ lỡ đi cơ hội hiện thực hóa cái ước mơ kì vĩ của tổ tiên được gửi gấm qua huyền thoại mở nước. Nên thực tế là bước sang thế kỷ 21, khi hoàn cầu và nhân loại vừa kiểm điểm xong thành tích của thế kỷ qua và bước vào thềm thế kỷ mới, chúng ta không thể chối bỏ niềm tủi hổ nhận ra cái gia tài rách nát của một Việt Nam nghèo đói, dốt nát và bệnh tật, có lẽ chỉ khá hơn vài nước Châu Phi trên bản đồ thế giới, mà vài thế hệ gần đây kể cả thế hệ của chúng ta lại còn làm cho tệ hại hơn nữa!

Tất nhiên vẫn còn bao trang sử oai hùng và giải giang sơn gấm vóc để hãnh diện về tổ tiên và nòi giống, nhưng sự thật khách quan với những con số cho thấy chúng ta không đang là một "Con Rồng," dù chỉ là một con rồng của châu Á. Người viết do một thôi thúc mãnh liệt từ cảm tính, đã mượn hình ảnh con Rồng (một biểu trưng cho ước vọng to lớn của tổ tiên về tiền đồ đất nước) thay cho một viễn ảnh phải đạt được sau quá trình phát triển, trong đó vài ý nghĩ tâm huyết mà tác giả gửi gấm nơi đây có thể được hình dung như một ước mơ nằm trong nỗ lực chung góp phần vào việc hoạch định chiến lược phát triển quốc gia, để thoát khỏi sự trì trệ tụt hậu hiện tại, một việc làm có ý nghĩa tương tự như cố gắng tự đánh thức và tạo điều kiện phục hồi cho CON RỒNG THỨC DẬY trong tâm thức chúng ta.

Kinh tế gia Việt Nam làm được gì?

* Nhận ra như thế không phải để lấy thái độ thụ động, mà phải tạm gạt bên những tô điểm đó đã từ bao thế hệ truyền nối cho đến ngày nay về lịch sử của quốc gia dân tộc, để thẳng thắn nhận ra trách nhiệm trước mặt cho phần đời còn lại của mình và những thế hệ sắp tới. Chúng ta sẽ tự bảo nhau quên đi danh xưng Con Rồng Cháu Tiên khi nào nước mình còn nghèo và tụt hậu so với các nước láng giềng châu Á, tạm lấy đó là một chỉ tiêu so sánh cho những tiến bộ phải đạt được trong tương lai.

* Khi phác họa tương lai phát triển dựa trên cái cảm tính có tính chất văn hóa, niềm tự hào của cả một dân tộc về một tương lai rực rỡ qua hình tượng dòng giống Tiên Rồng, người viết không có ý định nêu cao việc tiếp tục sử dụng cái gia tài tinh thần ấy như thứ bảo chứng duy nhất cho mọi kế hoạch hay chương trình phát triển. Cũng không xem cơ ngơi tinh thần ấy có khả năng thay thế được những đòi hỏi thực tiễn cần thiết cho sự tạo dựng thịnh vượng của xã hội, cho sự an lạc của người dân. Thay vào đó, mục tiêu trọng yếu của các kế hoạch và chương trình phát triển là cải thiện đời sống kinh tế xã hội cho một phần dân chúng còn sống dưới mức nghèo khó, xây dựng một xã hội ổn định và bình đẳng trong tinh thần pháp trị, và từ đó tạo điều kiện cho sự nảy nở trong tương quan xã hội một tinh thần nhân bản, nhằm phục hồi các giá trị con người đã băng hoại sau bao năm chiến tranh.

Sau khi đã đạt được những mục tiêu này, có lẽ trong vài thế hệ tới, con cháu chúng ta sẽ có quyền tự hào lấy lại những danh xưng trên đây mà tổ tiên đã tạm chối bỏ trong vài chục năm, như một kích thích cho lòng tự hào dân tộc để bắt tay vào việc xây lại nhà dựng lại nước.

* Làm sao để bắt đầu thực hiện được giấc mơ này ở những tháng năm đầu thế kỷ 21? Tất cả những người Việt nam dù ở bất cứ phương trời nào, do chọn lựa của riêng mình, đều có thể góp tay vào công cuộc chung đó bằng sự khiêm tốn nhẫn nại làm việc, bằng tài sức vật lực. Mỗi người trong lãnh vực hoạt động và chỗ đứng riêng biệt của mình có thể có các đóng góp riêng theo hoàn cảnh trong guồng máy vận hành rộng lớn của một quốc gia. Khi xã hội tiến bộ, nền kinh tế trở nên phồn vinh, quốc gia thành hùng mạnh, chúng ta sẽ cùng chia xẻ niềm tự hào. Đây có lẽ là niềm thao thức chung của người Việt đôi bờ.

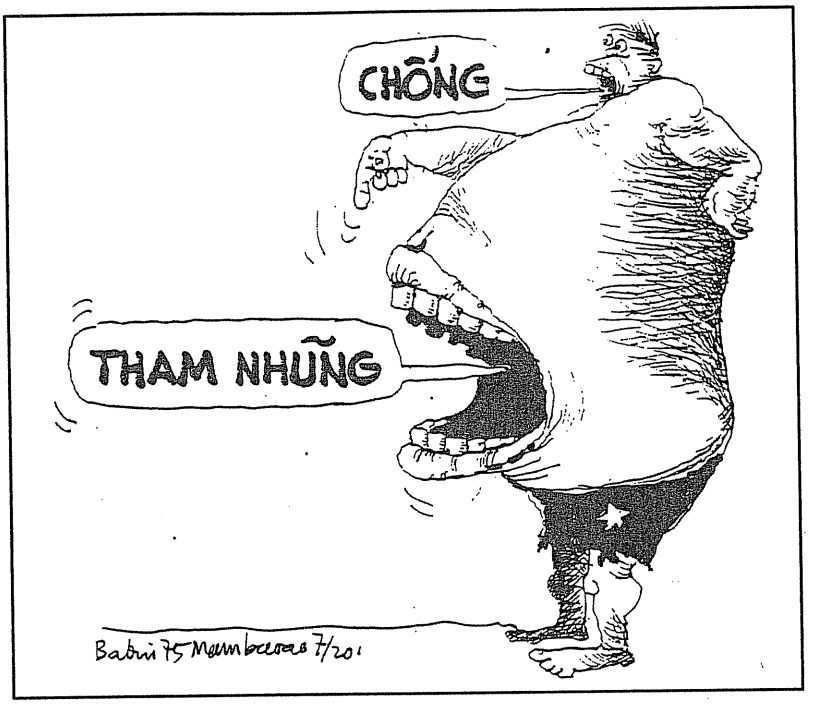

* Vì đã quan niệm việc phát triển sẽ đòi hỏi sự đóng góp của vài thế hệ hiện tại và tương lai trước khi đạt được kết quả đáng kể, chỉ các thế hệ con em chúng ta mới được "hái quả" hưởng trọn vẹn kết quả trồng trọt của chúng ta ngày hôm nay. Ngoài ra, thống kê cho biết một nửa dân số Việt Nam bây giờ gồm thế hệ thanh thiếu niên dưới 20 tuổi, là thế hệ lớn lên sau chiến tranh không mang nặng "hành trang tâm lý" nặng nề như các thế hệ trước và có thể bắt tay xây dựng hiệu quả. Vì thế chúng ta cũng quan niệm việc góp ý cho các vấn đề cải cách chính trị kinh tế hay xã hội ở quê nhà sẽ không mang một ý nghĩa gì đặc biệt hơn là món quà cho thế hệ trẻ này, mong các em cũng sẽ tiếp nối cầm bó đuốc đang trong tay của thế hệ chúng tôi và các đàn anh đàn chị để đem vinh quang thịnh vượng dài lâu cho một "Con Rồng Việt Nam" thực sự trong tương lai.

* Người viết bài này rút ra một vài ý nghĩ từ kinh nghiệm cá nhân sau nhiều năm làm việc tại một số quốc gia Á Phi. Đặc biệt trong vài năm, người viết đã làm Đại Diện Thường Trú của một tổ chức tài chính quốc tế tại Togo, một nước nhỏ ở Trung Phi. Trong tư cách đó, người viết cũng tự nhiên trở thành cố vấn kinh tế của chính phủ bản xứ và có nhiều dịp đàm đạo hay trình bày chính sách kinh tế cho vị nguyên thủ quốc gia hay các vị bộ trưởng hữu quan. Những lần tiếp xúc đầu, người viết ngỡ ngàng chợt nhận ra là một nhà kinh tế chuyên môn chưa được trang bị đầy đủ để trình bày các vấn đề kinh tế vĩ mô phức tạp bằng một ngôn ngữ giản dị để thuyết phục được nhà chính trị vốn là một tướng quân sự. Trong thời gian kế tiếp, công việc của người viết chỉ hiệu quả hơn sau khi biết trình bày các vấn đề một cách đơn giản và nhất là học hỏi được một vài yếu tố đặc thù điều kiện hóa nền kinh tế địa phương. Quan trọng nhất là chuyện đợi những cơn mưa của xứ nghèo này như người viết còn nhớ rõ dưới đây.

* Những giọt mưa Phi Châu không mang tính lãng mạn gây cảm hứng cho các văn thi sĩ. Mưa ở đây là phép lạ của thượng đế cho sự sinh tồn, cho miếng ăn hàng ngày của đa số đám người lam lũ trồng ngô, sắn, cho những vườn cà phê hay ca-cao cố đạt năng xuất tối thiểu, vì là nguồn sinh lợi xuất khẩu duy nhất của nhiều nước Châu Phi. Lượng mưa hàng năm là yếu tố chính cho sản lượng nông

nghiệp, quyết định sự thành công hay thất bại của những chính sách kinh tế khôn ngoan đề ra trong các tập tài liệu hoạch định phát triển. Người viết và một số bạn đồng nghiệp đại diện các tổ chức quốc tế ở Togo thường hay họp nhau để bàn về các biện pháp kinh tế tài chính nhằm "cố vấn" cho giới hữu trách. Ban đầu vài anh chuyên viên trẻ với mớ kiến thức dầy cộm chưa kịp "tiêu hóa" từ các trường đại học Âu Mỹ rất hung hăng với các lý thuyết cao xa thường được áp dụng trong các nước công nghệ tiên tiến, nhất định đem ra đề nghị áp dụng với chính phủ nước chủ nhà. Các viên chức chính phủ thường trợn mắt ngạc nhiên hoặc phản đối nếu thấy mức đề nghị của các "cố vấn" đi quá đà đặt thành điều kiện vô lý cho viện trợ hay thỏa ước cho vay vốn.

* Nhưng chỉ sau một năm, chúng tôi đều học chung bài học là mặc dù một số biện pháp thuế khóa tài chính có thể ích lợi về vài phương diện tùy theo điều kiện phát triển, song yếu tố chính của mức tăng trưởng tổng sản lượng hàng năm vẫn là các điều kiện thiên nhiên, nói giản dị là mực nước mưa hàng năm. Với kinh nghiệm mới học, chúng tôi sau đó mong mỏi chờ đợi các cơn mưa đến sớm và đều đặn để biết ẩn số lớn nhất của kinh tế sở tại hàng năm. Trong những năm có mưa nhiều ở Togo và dân chúng đầy đủ lương thực, người viết nhớ lại những ngày ngồi nhìn mưa lê thê trong bầu trời Lomé (thủ đô Togo) và nhớ xót xa khung trời quê hương lúc đó (1985-87) đang có tin mất mùa và nhiều vùng thiếu gạo ăn. Lúc đó, người viết chợt mong những giọt mưa thân yêu của trời Phi tạm dừng để đưa những đám mây đen của xứ người về bên kia vòng địa cầu, gặp lạnh tỏa xuống thành những cơn mưa lớn cho các bờ ruộng cằn cỗi nào đó của quê nhà, ở những nơi mà sự thiếu ăn chỉ hoàn toàn vì chờ mưa! Từ việc cầu đảo một cơn mưa chợt hình thành ý nghĩ được về lại khung trời Á một ngày nào đó để làm việc.

* "Cơn mưa trở về" đó, một phần, thành sự thật hai năm sau lúc người viết lại được cử làm Đại Diện Thường Trú của cùng tổ chức tại Lào, cũng lại một nước nhỏ khác nhưng mang ý nghĩa đặc biệt với tác giả vì nằm sát cạnh Việt Nam và mang thách đố là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên muốn có văn phòng đại diện của các cơ quan tài chính quốc tế để trợ giúp việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Như cơn hạn gặp mưa, hành trang của người viết đầy ắp lý tưởng phục vụ và kiến thức thu thập từ nhiều nước đã từng làm việc. Tuy nhiên, sự thách đố công việc lại càng lớn lao hơn khi người điều khiển chiến lược phát triển lại chính là Ông Tổng Bí Thư Đảng kiêm Chủ tịch nước Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào. Vị này đã lưu tâm đến cả chi tiết của các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng, mời người viết đến phòng làm việc riêng ở tư gia để bàn bạc và nhất là "chất vấn" tác giả, có buổi kéo dài nhiều giờ, về các biện pháp được đề nghị, các căn bản lý thuyết của những chính sách đó, ngay cả vài khái niệm cơ bản về kinh tế học.

* Đó là kinh nghiệm hãn hữu trong đời người viết, chọn những đề tài kinh tế vĩ mô thích hợp, dùng thí dụ và cách trình bày đơn giản như cùng kinh nghiệm ở Togo, để người đối thoại dễ theo dõi. Sự thông cảm có được giữa vị nguyên thủ một nước theo xã hội chủ nghĩa vừa quyết định mở cửa theo kinh tế thị trường và người đại diện một tổ chức tài chính quốc tế, lại đậm đà thêm nhờ những lần gặp gỡ này được trao đổi bằng tiếng Việt (vì vị nguyên thủ xứ Lào đã từng sống và đi học ở Việt Nam). Điều này đã là lý do then chốt cho việc Lào áp dụng nhiều chính sách kinh tế tài chính hiệu quả và đạt được độ tăng trưởng và sự ổn định vĩ mô khả quan trong các năm đó (1991-94). Người viết cũng học được bài học quí giá nhất trong giai đoạn bốn năm đó tại nhiệm sở Lào là các chính sách dù hay đẹp trên lý thuyết đến đâu muốn được áp dụng thành công phải có tính cách thuyết phục với các giới chức cao cấp và được cấp lãnh đạo quyết tâm thực hiện.

* Người viết đã xin mạn phép dài dòng như trên về các kinh nghiệm làm việc cá nhân ở hai nước nhỏ Togo và Lào để nhấn mạnh ba bài học rút ra từ đó:

- Nhà kinh tế làm việc về chính sách cần nắm vững các yếu tố đặc biệt của nước nơi mình muốn áp dụng, nhất là về bối cảnh chính trị và xã hội.

- Cần trình bày các chính sách một cách đơn giản dễ hiểu cho giới lãnh đạo và các nhà làm chính sách vì họ không phải là chuyên viên.

- Để chính sách được thành công, phải có quyết tâm áp dụng của giới lãnh đạo chính trị.

Những bài học này cũng sẽ không phải vô ích cho việc đề nghị các chính sách cải cách trong bối cảnh Việt Nam bây giờ, dù chỉ là "tiếng vọng từ ngàn xa."●

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ DÒNG HỌ TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

VŨ HIỆP

Phần lớn các quốc gia và dân tộc trên thế giới đều được tập hợp bởi nhiều hay do một số **dòng họ** tạo dựng nên từ ban đầu. Chính nhờ các dòng họ đó quốc gia và dân tộc ấy mới hình thành và tồn tại. Có thể nói một dân tộc là tổng hợp tất cả dòng họ của một nước vậy.

Việt Nam là một đất nước đã có lịch sử từ hàng ngàn năm và các dòng họ đã giữ vai trò to lớn trong lịch sử dân tộc, tiêu biểu qua các triều đại do một số dòng họ thiết lập được vương quyền, như họ KHÚC, NGÔ, ĐINH, LÊ, LÝ, TRẦN, HỒ, LÊ, MẠC, LÊ-TRỊNH, NGUYỄN TÂY SƠN VÀ NGUYỄN PHÚC. Những vương triều này từng cầm đầu đất nước ta gần một ngàn năm và đã dẫn dắt dân tộc từ gian khổ đến vinh quang, và cũng có lúc suy đồi theo quy luật của thời gian và lịch sử.

Dòng họ ở Việt Nam, theo thiển ý, chỉ thật sự xuất hiện trong xã hội nước ta bắt đầu từ thời Bắc thuộc, do ảnh hưởng văn hóa và sự giao lưu nòi giống Hán Việt. Đó là một tất yếu lịch sử, thời xa xưa khi một nước nhỏ ở cạnh một nước lớn văn minh hơn thì tất phải chịu ảnh hưởng. Nhiều nhà khảo cứu về văn minh sử Á Đông đã cho rằng: Văn hóa và văn minh Trung Quốc thời cổ đã ảnh hưởng đến nhiều dân tộc ở Á Châu xưa nay như Triều Tiên, Nhật Bản, Mông Cổ, Việt Nam, Thái Lan, Singapore v.v... Điều này khó ai chối cãi được.

Theo ý chúng tôi, từ thời đại Hùng Vương dựng nước đến Hai Bà Trưng, có lẽ dân tộc Lạc Việt - Giao Chỉ còn trong tình trạng bán khai là bộ lạc, bộ tộc, chưa hề có ý niệm về *dòng họ* theo lối phụ-hệ rạch ròi như các dòng họ đã được quy định trong văn hóa, văn minh Trung Quốc. Triều Đại Hùng Vương chỉ có chế độ *Phụ Đạo* tức là tập tục *Quan Lang*, chứ chưa có ý niệm rõ về *dòng họ* như sau này ở nước ta. Cho đến thời Hai Bà Trưng vẫn còn mang dấu vết chế độ Mẫu hệ rõ ràng. Còn như trường hợp Thục Phán An Dương Vương và cha con ông cháu của Triệu Đà thì là gốc người Hoa Nam ở vùng Quảng Tây, Quảng Đông sang Miền Bắc nước ta cai trị. Vì họ có ý thức chống nhà Tần, nhà Hán ở Trung Quốc nên một số sử gia Việt Nam trước đây đã ngộ nhận hai triều đại nhà Thục 蜀 (257 đến 207 trước Tây lịch) và nhà Triệu 趙 (207 đến 111 trước Tây lịch) là các triều đại Việt Nam. Nhiều nhà sử học ngày nay đã chứng minh đó là những triều đại ngoại bang.

Chính sách đồng hóa, khai hóa của các triều đại Bắc Phương từ đời Hán đến đời Đường có lẽ đã mang lại tên cho các dòng họ Việt Nam cùng lúc với sự tiến hóa xã hội của Giao Chỉ, Giao Châu. Chúng tôi cho rằng các **dòng họ ở Việt Nam** đã ra đời trong mấy trường hợp sau đây:

1. Một số dòng họ do các viên quan cai trị người Trung Quốc đã để lại hậu duệ trên đất nước ta, cũng như những "giọt máu rơi" của đám viên chức, lính tráng đô hộ trên đất nước ta lúc bấy giờ. Tất nhiên trường hợp này phải mang dòng họ theo lối Trung Hoa.

2. Trong chính sách đồng hóa dân ta các viên quan cai trị thâm độc như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp... đã cố tình khai hóa dân bản xứ Giao Chỉ rất có hệ thống. Họ bắt dân ta lúc đó phải theo lối sống, phong tục của Trung Quốc cũng như bắt học chữ Nho... Tất nhiên, họ cũng bắt buộc dân ta phải có những **"tộc danh"** (tên của dòng họ) theo kiểu Hán tộc. Bởi thế có nhiều bộ tộc, bộ lạc người Giao Chỉ chúng ta hồi đó phải bắt chước họ mà đặt ra các *tên dòng họ*cho hợp với luật lệ của kẻ thống trị. Tên đặt có thể do các viên quan cai trị Trung Quốc áp đặt theo ý họ, giống như các trường hợp mà các vua ta về sau đã ban quốc tính cho các công thần vậy. Cũng có thể tên dòng họ do các vị tù trưởng bộ lạc hay các quan lang ta tự chọn theo ý riêng mà có.

3. Sử cũ cũng cho biết trong hơn một ngàn năm bị Bắc thuộc, đã có nhiều gia đình quí

tộc, quan lại, giới lái buôn và tướng sĩ Trung Quốc đã di cư sang nhập tịch ở xứ ta nhân lúc bên Trung Quốc có loạn lớn. Rồi lâu ngày họ thành dân bản xứ Giao Chỉ, Giao Châu (chẳng hạn như dòng họ Vua Lý Nam Đế tức Lý Bôn vốn có Tổ bảy đời từ nước Tàu sang lập nghiệp).

4. Cũng có những trường hợp các dòng họ do sự lai giống: Bố Tàu mẹ Việt (như trường hợp ông Tổ Vũ Hồn là Thủy Tổ của dòng họ Vũ Việt Nam)

5. Cuối cùng là các dòng họ do người Minh Hương đã bỏ nước Tàu sang tị nạn ở nước ta từ thế kỷ 17-18 và đám người Trung Hoa tị nạn gần đây khi nhà Thanh mất ngôi và chiến tranh chống Nhật Bản xâm lược hồi nửa đầu thế kỷ 20. Nhóm người này khá đông ở miền Trung và miền Nam bộ trong gần 300 năm nay.

6. Cũng phải nói thêm ở nước ta có một số họ hoàn toàn thuần túy gốc từ người Lạc Việt cổ xưa mà ra, ít thấy có ở Trung Quốc những họ sau đây: LÊ, ĐINH, KHIẾU, BẾ, LỀU v.v...

Nghiên cứu về *các dòng họ ở Việt Nam*là một điều lý thú cho những ai quan tâm tìm hiểu. Chúng tôi xin đi sâu vào vấn đề sau:

Dòng họ là gì?

Nếu giải thích một cách nôm na dễ hiểu theo cách hiểu phổ thông hiện nay thì DÒNG HỌ là một nhóm người có cùng nguồn gốc do một ông Thủy Tổ chung và cùng mang một tên chỉ về gia tộc riêng của nhóm gia đình bên nội (phụ hệ).

- Căn cứ vào *Tự điển Hán Việt* của Đào Duy Anh thì: **Tính** 姓 và **Thị** 氏 đều có nghĩa là "Họ." Nước Tàu thời Tam Đại, đàn ông xưng là *Thị,* đàn bà xưng là *Tính.* Ở nước ta đàn bà xưng là *Thị* (trang 289 cột 1).

- Tác giả Thiều Chửu thì giải nghĩa: **Tính** là họ. Con cháu gọi là *tử tính.* Thứ dân gọi là *bách tính* 百姓 (trang 128, cột 2). **Thị** = Họ, ngành họ. (trang 331 cột 2)

- Soạn giả *Hán Việt Tự Điển,* Nguyễn Quốc Hùng giải thích: "**Tính** là họ tức là tên để gọi phân biệt dòng họ này với dòng họ khác (trang 662 cột 2). **Thị** là Họ. Tức chữ đứng trước tên dùng để phân biệt dòng họ này với dòng họ khác - Triều đại, vì mỗi triều đại là một dòng họ làm vua - Tiếng thường làm chữ đệm lót trong tên đàn bà con gái Việt Nam" (trang 72, cột 2 chữ thứ 12).

- Ở chữ Nôm: HỌ 户 được viết bằng hai lối chữ: 户 (từ chữ **Hộ** đọc chệch ra) hay户氏(gồm hai chữ: **Hộ** + **Thị**, ghép vào nhau, để chỉ âm và ý).

- Trong *Việt Nam Tân Tự Điển* của Thanh Nghị (trang 650 cột 1) đã giải nghĩa chữ HỌ: "1- (Parenté, famille) gia tộc do một ông Tổ dựng nên. 2- (P.nom de famille, nom patronymique) tiếng gọi gia tộc mình, thường đứng trước tên..."

Nhưng còn chữ **Tộc** 族 nghĩa ra sao? Cụ Thiều Chửu đã giải thích chữ Tộc là loài, giống, dòng dõi, con cháu cùng liên thuộc với nhau gọi là *tộc.* Cùng một họ với nhau thì gọi là *tộc.* Loài, bụi, đám. 100 nhà là một *tộc* (HVTĐ, trang 226).

- Vậy DÒNG HỌ用户氏 là *tộc, gia tộc,* hay *tộc đoàn.*

- Ở phạm vi nghiên cứu về dòng họ Việt Nam hay Trung Quốc, người ta hay dùng chữ TỘC để gọi hơn là dùng hai chữ *Tính* và *Thị.* Chẳng hạn: Nguyễn tộc, Lê tộc, Trần tộc v.v...

- Đôi khi người ta cũng dùng chữ *Thị* như **Nguyễn Thị Gia Phả** (cuốn sách chép về nhà họ Nguyễn).

- Riêng chữ *Tính* ít thấy dùng để ghép với một danh từ riêng để chỉ về HỌ mà chỉ thấy dùng ở cấu trúc. Ví dụ: *"Công tính Nguyễn, danh Du* ông họ Nguyễn tên Du." Chúng ta không hề thấy ai xử dụng từ ngữ: **Nguyễn tính gia phả** bao giờ cả.

Đấy là vấn đề *chữ nghĩa* khi khảo cứu về ngành gia phả học của nước ta và vài nước Á Đông.

*

Giáo Sư Phan Văn Các ở Viện Hán Nôm Hà Nội đã giải thích cặn kẽ trong một bài viết của ông in ở tạp chí "Xưa và Nay" như sau:

"... Nói về dòng họ, người Trung Hoa từ thời cổ đại đã có hai từ khác nhau là *Tính* 姓 và *Thị* 氏 là ký hiệu nói rõ gia tộc đã sản sinh ra một con người nào đó. Bộ Từ Điển Chữ Hán cổ nhất, tương đối hoàn chỉnh là *Thuyết Văn Giải Tự* hoàn thành vào năm 1000 sau Công Nguyên đã giải thích về chữ *tính* như sau:

"Nhân sinh dĩ vi tính tòng nữ sinh 人生以爲姓從女生*"* Mọi người đều biết, thời cổ đại xa xưa, loài người đã trải qua chế độ *"Thị Tộc mẫu hệ."* Trong đó chế độ hôn nhân là *"ngoại tộc quần hôn."* Cả một tốp những người nam giới cùng lứa tuổi của thị tộc A được đưa đến thị tộc B là chồng của cả một tốp người nữ

cùng lứa. Con đẻ ra tất nhiên không biết bố mà chỉ sống với mẹ. Đó là nguyên nhân chính dẫn tới việc tạo ra chữ *Tính* 姓 bằng cách ghép chữ *Nữ* 女 với chữ *Sinh* 生 " *(sách đã dẫn trang 32)*

Tác giả họ Phan cho biết: đời xưa bên Trung Quốc *dòng họ* bắt nguồn, có khi từ nghề nghiệp, như họ *Cung* từ nghề chế cung nỏ, họ *Chúc* là quan chép sử. Có khi lấy địa danh nơi trú ngụ làm họ, thì thường có bộ *Phụ* và *Ấp* bên cạnh như họ Đảng, Nguyễn, Trịnh, Chu, Trần v.v... Hoặc ở gần sông ngòi, ao, hồ thì có họ Phan 潘, Tế 濟, Giang 江 v.v... hay dựa vào đồi núi thì có họ Kỳ 崎, họ Sơn 山, họ Thôi 崔 v.v... Hiện nay Trung Quốc dân số tăng tới 1200 triệu người mà chỉ có 926 họ.

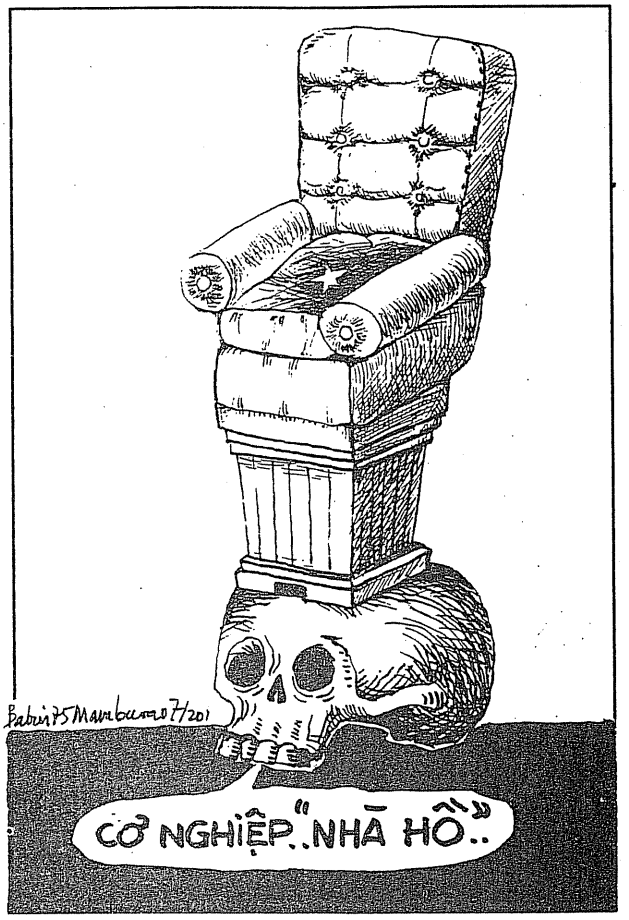

Nước Triều Tiên đời xưa chỉ có sáu họ: Lý, Thôi, Tôn, Trịnh, Bùi và Tiết vào năm 32 sau Tây lịch. Nay Hàn Quốc đã có tới 274 họ, chia làm 3435 chi phái. Nước Anh có khoảng 16000 Họ và Nhật Bản là nước có nhiều họ nhất thế giới, có tới 100.000 họ mà dân số chưa đến 140 triệu. Còn ở Việt Nam,thực sự chưa có thống kê chính xác con số các dòng họ. Năm 1930, nhà địa dư Pháp Pierre Gourou đã viết trong một cuốn sách của ông rằng: ở đồng bằng bắc bộ có 94 họ. Còn ông Dã Lan lại viết: "chỉ có độ chừng 300 họ." Nhưng chúng tôi cho rằng: chỉ có khoảng gần 150 họ của người Kinh ở Việt Nam mà thôi, không kể các dân tộc ít người (thiểu số) thì chưa thống kê rõ về số dòng Họ (có lẽ độ 109 dòng họ của dân tộc thiểu số mà thôi).

Khi nghiên cứu về các dòng họ Việt Nam cũng thấy có nhiều điểm thú vị gây ngạc nhiên. Dòng Họ ở Việt Nam có khi cùng chung một ông Thủy Tổ, có khi do nhiều Thủy Tổ mà ra. Cũng có khi đổi họ này sang họ khác vì lý do an ninh chính trị như họ Lý phải bắt đổi ra Họ Nguyễn; như họ Mạc đổi ra họ Hoàng, họ Bế, họ Bùi - Bùi Đăng, Bùi Đình, Bùi Thái, Bùi Trần; họ Vũ Tiến, họ Phan, họ Phạm, họ Chử họ Cát, họ Đặng, họ Đoàn, họ Lều, họ Đỗ, họ Nguyễn, họ Thạch v.v... để tránh thảm họa trả thù. Thật sự nhiều chi họ, có tổ tiên xưa vốn là một họ, rồi đi làm con nuôi nhà họ khác, cũng đổi luôn. Chẳng hạn họ Đặng Vũ, Phạm Vũ là họ VŨ. Và họ Vũ Phạm ở làng Đôn Thư lại chính gốc là họ Phạm. Họ Đặng Trần, Đặng Đình ở làng Nhân Mục, Lương Xá, Phù Đổng, Thượng Hạ Yên-Quyết v.v... vốn là hậu duệ của Đức Trần Hưng Đạo mà đời Lê mạt 1511 - 1526 đã đổi thành họ Đặng (theo gia phả họ Đặng).

Một vấn đề tế nhị của một số lớn các dòng họ vốn từ thời xa xưa, trên 1000 năm về trước có nguồn gốc từ bên Trung Hoa sang. Nhưng đến nay thường mặc cảm dân tộc, nên giấu giếm gốc tích một cách vô lý, trái hẳn với thời xưa, nhiều dòng họ lại lấy làm hãnh diện vì có gốc từ "thiên triều," từ quê hương của các thánh nhân đạo Nho bên Trung Quốc. Hai dân tộc lớn nhỏ, mạnh yếu ở bên cạnh nhau đã cọ xát lịch sử hơn 2000 năm nay, tất nhiên phải có sự di dân, giao lưu, là lẽ bình thường thôi. Thậm chí đời xưa có nhà còn "thêu dệt" thêm về nguồn gốc dòng họ của mình đã từ Trung Quốc truyền qua, cho tỏ ra là "quí tộc" nữa.

Các dòng họ ở Việt Nam

Có khoảng hơn 30 dòng họ thấy phổ thông

nhất trong tổng số *Bách Tính Việt Nam.*

Sau khi khảo cứu kỹ về dòng họ, chúng tôi nhận thấy đa số các dòng họ có nhân số (số lượng người) nhiều hoặc ít ở nước ta đều có nguồn gốc xa và gần từ bên Trung Quốc truyền qua. Điều này chúng tôi đã nói rõ ở trên. Dưới đây chúng tôi lần lượt trình bày và lược thảo về các dòng họ thường phổ biến nhất ở Việt Nam từ trước đến nay:

Dòng họ NGUYỄN 阮

Hầu như ở nước ta, từ Bắc xuống Nam, từ đồng bằng lên miền núi cao chỗ nào cũng thấy có nhiều người mang dòng họ **Nguyễn.** Khảo sát các lớp học nhiều cấp từ tiểu học tới đại học ở ba miền đất nước, chúng tôi thống kê và thấy số sinh viên học sinh mang họ Nguyễn chiếm tỉ lệ từ 30% đến 35% sĩ số. Thậm chí có lớp học, số học sinh, sinh viên Họ Nguyễn đã chiếm 40% đến 45% tổng số. Nói chung trong toàn quốc người Việt Nam mang họ Nguyễn có thể chiếm 33% dân số. Như thế hiện nay nước ta có 74 triệu người thì *số công dân Việt Nam mang Họ Nguyễn* đã có hơn 24 triệu người. Quả thật là một tỉ lệ đặc biệt trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Điều đặc trưng này đã làm cho nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam học rất ngạc nhiên và thích thú. Thậm chí có người ngoại quốc còn ngộ nhận bảo rằng: Hình như người Việt Nam tất cả đều họ Nguyễn!

Vậy tất cả những người họ Nguyễn ở Việt Nam phải chăng có cùng một nguồn gốc từ một vị Thủy Tổ không? Xin thưa: Hoàn toàn không cùng một nguồn gốc và tất nhiên cũng không hề chung một Thủy Tổ, Triệu Tổ, Thượng Tổ, Viễn Tổ. Bởi vì những ai quan tâm nghiên cứu đều thấy dòng họ Nguyễn ở Việt Nam hết sức phức tạp, đã có hàng trăm chi phái và do nhiều nguồn gốc phát sinh mà có. Tựu chung, chúng tôi tạm phân loại các nguồn gốc của họ Nguyễn ở Việt Nam như sau:

a/ **Họ Nguyễn thật sự** đã hiện diện từ trên 1000 năm nay ở Việt Nam, mà đến bây giờ có người vẫn còn giữ được các chứng cứ qua tộc phả, ngọc phả, gia phả để chứng minh. Chẳng hạn như *dòng họ Nguyễn ở làng Đại Hữu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.* Đấy là dòng họ Nguyễn chính thống và nổi tiếng vì đã sản sinh ra nhiều danh nhân lịch sử và hai triều đại họ Nguyễn là Chúa Nguyễn ở Đàng Trong và Nhà Nguyễn gần đây. Vị Thủy Tổ của dòng họ này là ông Nguyễn Bặc (924-979), vốn là một vị tướng thân cận của vua Đinh Tiên Hoàng. Theo một cuốn phả trên quê hương Ninh Bình còn giữ được cho biết thân sinh của Ông Nguyễn Bặc là cụ Nguyễn Thước vốn là Nha tướng của Tiết Độ Sứ Dương Đình Nghệ. Từ dòng dõi của Nguyễn Bặc về sau sinh ra các chi họ **Nguyễn Hữu, Nguyễn Phúc, Tôn Thất...** xuất thân từ làng Gia Miêu Ngoại Trang (thuộc tỉnh Thanh Hóa nay) và nhiều chi họ Nguyễn khác ở nhiều nơi trong vùng đồng bằng Bắc Việt, đều có để lại gia phả, cho biết rõ gốc tích đó.

b/ Lại có một số gia phả, thần tích và truyền thuyết đã cho biết: Hai ông *Nguyễn Phóng* và *Nguyễn Phu* là hai viên quan thứ sử người Tàu về đời Tấn Thành Đế (323-342), và Tấn Mục Đế (345-361) đã sang cai trị nước ta và trở thành hai vị Thượng Thủy Tổ của một số chi họ Nguyễn ở xứ Giao Châu trong thời Bắc thuộc. Cách đây hơn 70 năm, có vị quan Phụ Chính đại thần của vua Bảo Đại là ông Tôn Thất Hân đã viết một bài về tộc phả dòng họ **Nguyễn Phước.** Ông cho biết: chính quan Thứ sử Nguyễn Phu về đời Tấn, đã nói ở trên, là tổ xa đời của ông Nguyễn Bặc đời Đinh và nhà Nguyễn.

c/ Ngoài ra trước thời tướng Nguyễn Bặc (nhà Đinh) người ta thấy trong số 12 sứ quân ở đồng bằng sông Hồng từ năm 945 đến 968 đã có ba vị Sứ Quân họ Nguyễn là Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu vốn là ba anh em ruột con của quan Kiêu Kỵ đại tướng quân nhà Đường bên Trung Quốc sang xâm lược ta, tên ông là Nguyễn Nê. Ông Nê là con của tướng Nguyễn Hãng gốc ở huyện Đà Dương, tỉnh Phúc Kiến bên Tàu. Ba vị sứ quân họ Nguyễn nói trên đã trở thành người Việt, chiếm cứ ba vùng đất làm căn cứ và đánh lẫn nhau với chín vị sứ quân khác. Rõ ràng ba ông này không cùng chung một ông Thủy Tổ với tướng Nguyễn Bặc về sau.

d/ Điều rõ ràng nhất quốc sử cho biết: Tất cả những người họ *Lý* trong nước Đại Việt về đời Trần phải đổi sang họ Nguyễn vì kiêng tên Vị Thủy Tổ các Vua nhà Trần tên là *Trần Lý.* Quốc Sử chép rằng: "Năm Nhâm Thìn (1232)... Mùa hạ tháng Sáu, vì nguyên-tổ nhà Trần có tên húy là *Lý,* vua có lệnh đổi tên Triều nhà Lý thành họ Nguyễn. Vả lại cũng để tuyệt lòng dân khỏi mong nhớ đến nhà Lý... tháng Tám, Trần Thủ Độ giết hết tôn thất nhà Lý..." (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,* bản kỷ, quyển

5, Kỷ nhà Trần. Bản dịch, tập II, trang 12). Nhiều bộ Quốc sử khác còn cho biết Trần Thủ Độ và các chân tay trong dòng họ Trần đã bắt tất cả những người dân nào trong nước mang họ Lý, phải đổi ra họ Nguyễn hết. Mà chúng ta đã biết rõ nhà Lý đã làm vua tới hơn 215 năm, ắt hẳn con cháu dòng dõi nhà Lý rất đông đúc. Hơn thế nữa về thế kỷ thứ sáu lúc Bắc thuộc còn có nhà Lý Nam Đế, Lý Phật Tử nữa. Những ai họ Lý sống dưới đời Trần, kể từ hồi đó phải đổi sang họ Nguyễn hết. Từ đó họ Lý hiếm hẳn.

e/ Chúng ta cũng phải nói đến những dòng máu lai từ những người con rơi của những viên quan cai trị họ Lý trong thời Bắc thuộc như: *Lý Tiến* (làm Thứ Sử Giao Châu quãng năm 184-189), *Lý Tốn* (đời Tấn thế kỷ 4), *Lý Trường Nhân* (đời Tống Minh Đế, *Lý Thúc Hiến* đời Tống thế kỷ 6). Rồi tới *Lý Khải, Lý Tắc* (đời Tề, TK 6), *Lý Tượng Cổ, Lý Nguyên Gia* và *Lý Hộ* (đời Đường và Nam Hán, TK 9-10) đều là những người Bắc Phương sang đô hộ xứ Giao Châu nhiều năm. Chắc chắn đám quan lại này cũng để lại những dòng con mang họ Lý trên nước ta, rồi đến đời Trần phải chuyển sang họ Nguyễn.

g/ Rồi tới cuộc Nam tiến của Chúa Nguyễn Hoàng cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 đã có rất nhiều người họ Mạc và các gia đình những công thần của nhà Mạc đã đầu hàng Nguyễn Hoàng rồi theo ông vào đất Thuận Hóa, xin đổi ra Họ Nguyễn từ đó. Lại có nhiều gia đình họ Trần chống đối nhà Hồ và quân nhà Minh, cũng chạy về phương Nam, đổi ra họ Nguyễn mà trong nhiều cuốn gia phả ở vùng Ngũ Quảng đã cho biết các chi tiết ấy.

h/ Cũng phải kể đến những người thời xa xưa, đã hoặc sợ hãi về lý lịch dòng họ cũ của mình có phạm tội gì đó, hoặc có người xu thời khi chạy vào Đàng Trong đã cải sang họ Nguyễn cho thích hợp hoàn cảnh. Chẳng hạn: Ba anh em nhà Tây Sơn vốn gốc họ Hồ, sau đổi ra họ Nguyễn để làm một cuộc khởi nghĩa cuối thế kỷ 18.

Bảy lý do nêu trên đã đủ để giải thích tại sao dân Việt Nam chúng ta đến nay lại có nhiều người họ Nguyễn đến thế và tất nhiên chi phái họ Nguyễn ở Việt Nam hiện nay đã không cùng một nguồn gốc, không chung một Thủy Tổ. Đó là chưa nói đến các Chúa Nguyễn và các Vua Nhà Nguyễn đại đa số rất nhiều vợ và đông con (Chúa Nguyễn Phúc Lan có 146 con, Vua Minh Mạng có 142 con và nhiều ông Hoàng thường có vài chục con là phổ thông trong tộc phả Nguyễn Phước.) Vì thế dân số nước ta ngày nay các công dân họ Nguyễn chiếm hơn 33% cũng không lấy gì làm lạ.

Hiện nay có hàng trăm cuốn gia phả họ Nguyễn khác nhau chép bằng chữ Hán từ 100 năm trở lên đến vài trăm năm được tìm thấy trong phong trào đi tìm gia phả cũ gần đây. Nhiều bộ gia phả đã cung cấp rất nhiều chi tiết mới lạ liên quan đến lịch sử dân tộc. Thế nhưng đừng tưởng rằng mọi gia đình họ Nguyễn ở Việt Nam hiện nay đều có thể dễ dàng tìm về nguồn gốc xa xưa, ví dụ ở chi phái Họ Nguyễn nào? Quê gốc ở đâu? Thủy Tổ là ai? v.v...

Theo chúng tôi họ Nguyễn là đặc thù tiêu biểu trong các dòng họ Việt Nam mà chúng ta nên quan tâm nhiều. Đó là một đề tài nghiên cứu lịch sử dân tộc khá lý thú.

Dòng họ LÊ 黎

Đây là dòng họ có nhân số đông thứ nhì trong tổng nhân số Việt Nam. Nhiều người đã quả quyết giống như ý kiến của chúng tôi là: họ Lê chỉ đặc biệt có ở người Việt nước ta mà thôi. Hầu như trong lịch sử Trung Quốc rất hiếm có người họ Lê và trong hơn 1000 năm nước ta bị Bắc thuộc, không hề thấy có một viên quan cai trị nào mang họ Lê cả. Bởi thế mà nhiều nhà nghiên cứu cho rằng họ Lê là họ đặc trưng của dân tộc Lạc Việt đã định cư ở đất Thanh Hóa, Ninh Bình từ rất lâu đời. Họ Lê có thể chiếm đến 15% dân số nước ta hiện nay như chúng tôi đã thống kê. Xét qua danh sách các bậc khoa bảng Triều Nguyễn trong 112 năm đã thấy có 650 ông Hương Cống, Cử Nhân, Tiến Sĩ, Phó Bảng Họ Lê trong tổng số 5230 vị đăng khoa. Vả lại đây là một dòng họ đã có tới hai lần lập ra triều đại Vương Quyền ở nước ta: Tiền-Lê và Lê đã làm Vua nước ta tổng cộng 391 năm. Ắt hẳn dòng dõi của hai nhà Lê này phải đông đúc là thế. Ngày nay nghiên cứu về dòng họ Lê cũng vô cùng thích thú vì có nhiều danh nhân lịch sử, văn hóa nước ta mang dòng họ này. Đặc biệt những vị Thủy Tổ của nhiều chi phái họ Lê ở nước ta đều xuất xứ ở trên đất nước Đại Việt, không hề có ai gốc tích từ Trung Quốc sang ở trong dòng họ này cả.

Dòng họ TRẦN 陳

Là dòng họ có nhân số đông đứng thứ ba,

họ Trần có thể chiếm tới 13% dân số toàn quốc và chỉ đứng sau hai họ Nguyễn và Lê mà thôi. Họ Trần có một triều đại Vương Quyền dài 175 năm trong lịch sử Việt Nam, đã để lại nhiều võ công hiển hách chống quân Nguyên Mông thế kỷ 13. Dòng họ Trần có nhiều nhân tài đặc biệt được quốc sử ca ngợi. Nhưng dòng họ Trần làm vua lại là một dòng họ đã tự nhận có nguồn gốc từ tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc đã di dân sang vùng Thái Bình từ đời Tiền Lê. Đến đời Lý thì đã đồng hóa thành người Việt Nam. Ông Thủy Tổ tên là Trần Kính, sinh ra Trần Hấp. Cụ Hấp sinh ra Trần Lý. Tới đời ông Trần Lý đã thành người bản xứ và thành nguyên tổ của nhà Trần như gia phả của dòng họ này đã xác nhận như thế.

Ngoài ra trong thời Bắc thuộc đã có những viên quan cai trị người Tàu mang họ Trần sang nước ta đô hộ như Thứ Sử Trần Thời (đầu TK 3). Rồi tới Trần Tập sang làm quan (giữa TK 3). Đến đời Nam Triều (TK 6) có Thứ Sử Trần Bá Tiên v.v... ít nhiều những hậu duệ của những viên quan phương Bắc họ Trần này thường để lại ở xứ Giao Châu những dòng họ Trần đã bị Việt hóa. Cũng phải nói tới trong số 12 Sứ Quân giữa thế kỷ 10 có Ông Trần Lãm là một vị tướng hùng mạnh đóng quân ở Bố Hải Khẩu (tỉnh Thái Bình nay) cũng là một vị tổ của một chi họ Trần riêng rẽ (cha ông là người Trung Quốc tên Trần Công Đức quê ở Quảng Đông).

Chúng ta không thể quên được một số những người họ Trần gốc Minh Hương, đã bỏ đất Trung Quốc di dân sang Việt Nam để tị nạn hồi cuối thế kỷ 17. Rõ ràng nhất là trường hợp hai viên tướng nhà Minh là Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình làm Chánh, Phó Tổng Binh ở ba Châu thuộc tỉnh Quảng Tây bên Tàu, đã đem 3000 quân sĩ và 50 chiến thuyền, sang đầu hàng các Chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong hồi giữa thế kỷ 17. Các Chúa đã cho họ vào khai phá đất Thủy Chân Lạp của Cao Miên ta mới chiếm được. Đó là vùng Biên Hòa, Bình Dương và Mỹ Tho ngày nay. Trong hơn 300 năm sau, con cháu của hai viên tướng "họ Trần Minh-Hương" này, cùng nhiều gia tộc họ Trần trong hàng ngũ tướng sĩ đó, đã để lại rất nhiều con cháu họ Trần ở Nam Bộ và hòa đồng thành người Việt từ lâu đời. Vậy đa số họ Trần ở Miền Nam ngày nay không cùng gốc với dòng họ Trần ở Miền Bắc (trước năm 1975, có Hội Trần Tộc ở Chợ Lớn, rất đông hội viên gốc Hoa).

Lại nói thêm đến các gia đình họ Trần gốc Minh Hương từ Nam Trung Quốc sang tị nạn ở Bắc Việt từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19. Đặc biệt là nhiều gia đình họ Trần ở Hoa Nam đã vượt biển đến Thừa Thiên, Hội An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định cũng trong thời gian trên. Họ đã để lại những từ đường Họ Trần ở các tỉnh, hiện nay còn di tích. Thậm chí có viên quan lớn của triều Gia Long, Minh Mạng tên Trần Tiễn Thành, tổ tiên đến Thừa Thiên lập nghiệp hai ba đời, rồi ông ra làm quan trong triều đình Huế, trở thành một vọng tộc ở đó, được các vua triều Nguyễn quí trọng. Đấy là một số nguồn gốc họ Trần ở Việt Nam.

Dòng họ PHẠM 范

Họ Phạm cũng là một dòng họ đặc trưng của người Việt đã có trên 1500 năm lịch sử ở nước ta. Cho đến nay họ Phạm lớn vào hàng thứ tư trong tổng số gần 150 dòng họ ở Việt Nam. Thời quá khứ họ Phạm đã đóng góp rất nhiều nhân tài cho đất nước ta: hàng trăm danh tướng, lương thần họ Phạm nổi danh trong sử sách không thể kể xiết. Chỉ riêng về văn học khoa bảng, đã đếm được 218 vị tiến sĩ và phó bảng qua các triều đại. Hàng chục vị tam khôi: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa họ Phạm lừng danh trong bia đá bảng vàng. Chỉ riêng triều Nguyễn với 45 khoa thi Hương đã có tới 369 ông Hương Cống, Cử Nhân họ Phạm. Sử sách cũng cho biết có 36 vị Thượng Thư họ Phạm trong 500 năm cầm quyền cai trị dân và gần một chục vị tể tướng họ Phạm dưới nhiều triều đại nước ta.

Đến nay hình như Họ Phạm ở Việt Nam khá thuần nhất. Đại đa số các chi dòng họ Phạm trong nước đã phát xuất từ vị Thủy Tổ là ông Phạm Tu (479 - 545) đời Tiền Lý Nam Đế. Ông là một danh tướng, đã từng đánh đuổi quân nhà Lương cai trị nước ta thời đó và cũng cầm quân đánh tan giặc Chiêm Thành ở phía Nam. Ông được phong làm Thái Úy đứng đầu ban võ của nhà Tiền Lý, danh tiếng lẫy lừng. Quê ông ở làng Thanh Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là Thanh Trì gần Hà Nội). Năm 545 quân Trung Quốc lại tràn sang với binh hùng tướng mạnh, ông chiến đấu đến hơi thở cuối cùng ở bên bờ sông Tô Lịch, thọ 70 tuổi, hiện nay còn đền thờ. Nhiều Chi Dòng họ Phạm trên khắp trong nước, trải qua gần 15 thế kỷ đến nay đã hơn 50 thế hệ con cháu sản sinh ra nhiều nhân tài. Nhà Gia Phả Học Nguyễn Đức Dụ trong sách *Dõi Tìm Tông Tích*

Người Xưa mới ấn hành gần đây cho biết các điều trên đã được chứng minh trong 13 bộ tộc phả họ Phạm lưu truyền cho đến ngày nay.

Cũng nói thêm, lịch sử Trung Quốc có rất ít những nhân tài họ Phạm và trong suốt thời kỳ nước ta bị đô hộ, không thấy có một quan lại Trung Quốc nào họ Phạm sang nước ta cả. Chúng tôi cũng thấy không có một gia phả họ Phạm nào của Việt Nam có nhận vị Thủy Tổ là từ Trung Quốc sang.

Dòng họ VÕ 武

Theo nhận xét và tạm thống kê của chúng tôi, **họ Vũ - Võ** ở nước ta đứng hàng thứ năm về nhân số. Họ này có nhân số ngang ngửa với họ Phạm, có thể chiếm đến 9% dân số Việt Nam ngày nay. Đây là dòng họ có một ông Thủy Tổ tương đối có lý lịch rõ ràng, lai Việt Nam Trung Quốc ở thế kỷ thứ 9 trên đất Giao Châu về đời nhà Đường. Đó là nhân vật lịch sử **Vũ Hồn** có thật, đã làm chức Kinh Lược Sứ vào năm 841. Ông có mẹ là một phụ nữ Việt Nam quê ở đất Nam Sách (Hải Dương) tên là Nguyễn Thị Đức và cha là cụ Vũ Huy, người Việt Nam quê ở Phúc Kiến.

Cho đến nay hầu hết các chi họ Vũ ở miền Bắc Việt Nam đều công nhận Ông Vũ Hồn là Thần Thủy Tổ có quê gốc ban đầu ở làng Chằm (Mộ Trạch) nay thuộc tỉnh Hải Dương. Họ Vũ - Võ đã từng có mặt ở Việt Nam đến nay được hơn 1100 năm và có hàng trăm chi họ rải rác suốt từ Bắc xuống Nam. Trong lịch sử khoa bảng Việt Nam đã từng có 163 vị tiến sĩ, phó bảng (trong đó có năm Trạng Nguyên, một Bảng Nhãn và sáu Thám Hoa). Riêng dưới triều Nguyễn trong 111 năm tổ chức thi Hương, đã thấy có 300 vị Hương Cống, Cử Nhân mang họ Vũ - Võ đã đăng khoa. Ngoài ra, họ này còn đóng góp hàng trăm võ tướng, lương thần, danh nhân và gần một chục vị tể tướng, tham tụng, bồi tụng, thượng thư họ Vũ - Võ trong các triều đại phong kiến. Họ đã cùng kề vai sát cánh cùng với các danh nhân các họ khác ở nước ta cùng phục vụ tổ quốc biết bao đời nay. Đặc biệt dòng họ này thường phát triển về mặt khoa bảng. Chẳng hạn như ở làng Mộ Trạch đã sản sinh ra 28 vị Tiến Sĩ dưới triều Lê, Mạc và tại làng Hà Hoàng ở Hà Tĩnh đời xưa cũng có hơn 20 vị Tạo Sĩ (Tiến Sĩ võ) trong 60 năm mà thôi.

Từ làng gốc Mộ Trạch, họ Vũ đã phân nhánh, lan tràn tới các làng xã, các huyện trong khắp tỉnh Hải Dương và thiên cư tới hầu hết các trấn, các tỉnh trong toàn quốc sau mấy trăm năm. Đặc biệt họ Vũ đi vào Đàng Trong, vượt qua sông Gianh đã đổi ra thành họ Võ (vì kiêng tên Chúa Vũ Vương). Từ đó họ Vũ - Võ sinh sôi nảy nở khắp đất nước và nảy sinh nhiều anh tài trong lịch sử.

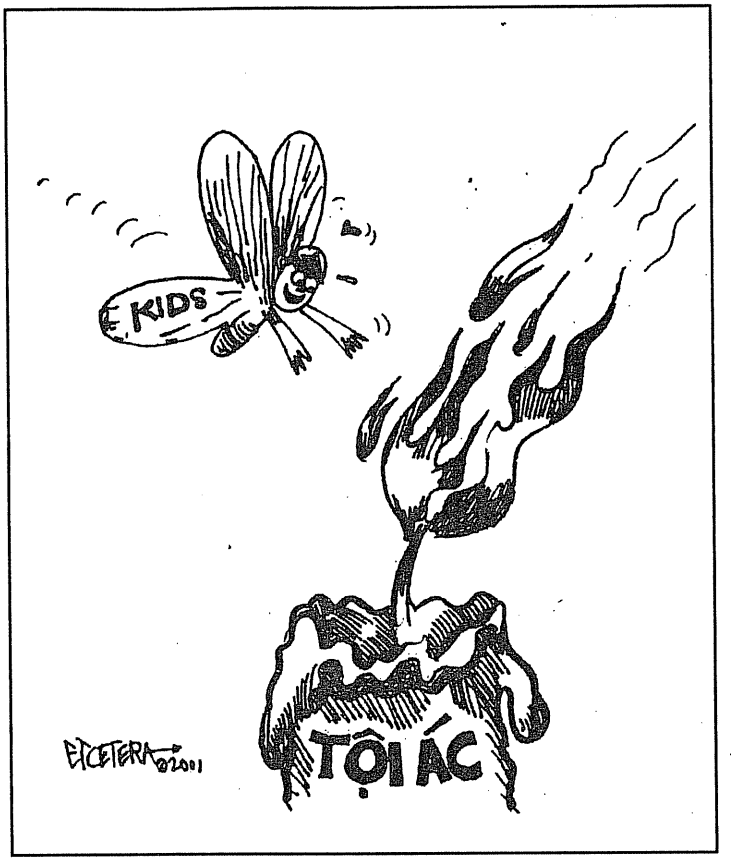

Theo chỗ chúng tôi nghiên cứu, họ Vũ - Võ trong cả nước có thể có vài trăm Chi Họ ở nhiều nơi. Theo con số của Câu lạc bộ thông tin các dòng họ ở Hà Nội của Hiệp Hội UNESCO cho biết: đã thống kê được 110 chi họ Vũ - Võ trong toàn quốc đã có liên lạc với tổ chức nói trên. Họ phỏng đoán còn hơn 300 Chi khác chưa liên hệ được. Có thể nói 75% những Chi họ Vũ - Võ trong tổng số những Chi họ này trên toàn quốc đều công nhận cụ Vũ Hồn là Thượng Thủy Tổ khai sáng ra dòng họ này. Chúng tôi đã có khá nhiều phả liệu

của các Chi, Dòng Vũ - Võ để chứng minh và đã cho nhiều chi tiết thú vị.

Dòng họ NGÔ 吳

Họ Ngô ở Việt Nam đã có hơn 1200 năm lịch sử, truyền tử lưu tôn được gần 40 đời (thế hệ). Họ này đã trải qua rất nhiều thăng trầm và phân hóa thành nhiều tộc đoàn, chi nhánh trong toàn quốc. Mãi đến 1990, các Chi họ Ngô ở trong nước, đặc biệt là ở miền Bắc và tại Hà Nội đã liên lạc được với nhau qua một số người trong dòng họ này có nhiệt tâm đứng ra liên lạc thư tín trao đổi gia phả và so sánh nguồn gốc. Nhờ đó họ đã kết nối được "dây mơ rễ má" lại với nhau khá ngoạn mục. Đó là nhờ các Chi họ Ngô đã tham dự có được tài liệu gia phả gốc viết bằng chữ Hán từ hàng trăm năm về trước. Mới chỉ có gần 50 Chi họ Ngô thôi mà đã có được sự nối mạng rất xúc động, vì họ đã tìm được nguồn gốc chung. Chúng tôi xin tóm tắt như sau:

- Ngài Thủy Tổ Ngô Nhật Đại (đời thứ nhất, khoảng thế kỷ 8) và của vua Ngô Quyền (đời thứ 5 = 897 - 944) ở Ái Châu (Thanh Hóa) và Phong Châu (Sơn Tây) mà ra. Rồi truyền đến đời thứ là cụ Ngô Kinh và đời 20 là cụ Ngô Từ (1370 - 1453) và 19 người con trai, gái của Cụ đều hiển vinh trong suốt thế kỷ 15 dưới triều hai Vua Thánh Tông và Hiến Tông (từ 1460 - 1540) nhà Lê.

Nhờ thế hệ thứ 20 của họ Ngô đã làm quan to trong triều đình, ngoài biên ải và các nơi trọng yếu trong nước với vai trò là họ ngoại của bậc "anh quân hoàng đế" đời Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497) Lê Thánh Tông. Mười vị "Quốc Cữu" (Cậu ruột nhà Vua) họ Ngô, cùng con cháu đã trở thành "danh gia thế phiệt," bảo vệ ngai vàng cho nhà Lê. Họ đã soạn được các quyển phả họ Ngô riêng và chung, để phổ biến cho một đại vọng tộc danh tiếng thời đó. Rồi mỗi chi mỗi ngành họ Ngô đi lập nghiệp ở đâu xa, đều đem theo gia phả ấy, gìn giữ và phổ biến trong đồng tộc. Nhưng sau đó cuộc chiến tranh Nam Bắc Triều (1545 - 1592) giữa nhà Mạc và tập đoàn Lê - Trịnh đã kéo dài hơn nửa thế kỷ đã làm xáo trộn và đứt đoạn các gia đình họ Ngô với nhau. Rồi tiếp đến cuộc chiến tranh hơn 200 năm giữa hai họ Trịnh và Nguyễn (1600 - 1780). Tiếp theo là nhà Nguyễn Tây Sơn diệt họ Trịnh và Nguyễn (1777 - 1802). Đó là thời kỳ đã làm cho tán lạc sự liên hệ các Chi họ Ngô, không còn mấy sự thông tin và liên lạc huyết tộc, nhất là giữa các Chi họ Ngô ở Đàng Trong và Đàng Ngoài. Họ hầu như không còn biết nguồn gốc và có liên hệ với nhau như thế nào.

Mãi đến năm 1987, may thay, có ông Ngô Đức Thắng quê gốc ở xã Trảo Nha, huyện Can Lộc tỉnh Nghệ Tĩnh cũ; đã nghỉ hưu ở Hà Nội, có tấm lòng với dòng họ Ngô của ông và đã có sáng kiến liên lạc, trao đổi gia phả một cách âm thầm với nhau trong một số gia đình họ Ngô. Cuối cùng nhóm này đã bắt được liên lạc gần 30 chi họ Ngô suốt Bắc Trung Nam. Rồi ông soạn thảo và viết thành bộ sách *Lịch Sử Họ Ngô Tổng Hợp* để phổ biến nội bộ dòng họ. Thật thích thú khi đọc công trình nghiên cứu này. Qua hơn 10 thế kỷ, họ Ngô đã có một ông Tổ chung là cụ Ngô Nhật Đại, rồi năm đời sau đến Vua Ngô Quyền và đời thứ chín là anh hùng Lý Thường Kiệt chính tên thật là Ngô Tuấn. Dòng họ Ngô này đã đóng góp cho lịch sử Việt Nam được ba vị Vua, một Nguyên Thủ, hơn 80 anh hùng Võ tướng, Quận Công. Còn từ tước Hầu đến tước Công, Quốc Công có rất nhiều dưới triều Lê - Trịnh, ngoài ra còn thấy ba vị hoàng hậu, Thái Phi, hai Thái Hậu và hơn 90 Tiến Sĩ. Còn có năm vị Thái Bảo, sáu Thái Phó, hai Thái Úy, một Quốc Sư, ba tước Vương, Đại Vương, hai Sứ Quân và 20 vị Phúc Thần họ Ngô được dân lập đền thờ hương khói trong mấy trăm năm, mặc dù trong quá trình lịch sử tiến hóa của dòng họ này đã có nhiều gia đình, Chi họ Ngô phải đổi tên, cải sang họ khác để tránh sự trả thù vì lý do chính trị thời xưa. Thật vẻ vang cho một dòng họ lớn và đặc biệt ở Việt Nam đã tìm được nguồn gốc và kết nối được sự liên hệ với nhau tương đối toàn vẹn (diễn giải bằng phả đồ huyết thống họ Ngô đã có sẵn).

Những dòng họ khác phổ biến ở Việt Nam

Ngoài năm dòng họ chiếm đa số ở nước ta như đã trình bày ở trên, chúng ta cũng phải nói đến một số dòng họ sau đây đã thấy hiện diện suốt từ Bắc xuống Nam đất nước: Đặng, Phan, Bùi, Đỗ, Trương, Dương, Lương, Đoàn, Hoàng (Huỳnh), Đinh, Trịnh, Đào, Hồ, Cao, Chu, Mai v.v... Ngoài ra ở Việt Nam còn có gần một trăm dòng họ khác, nhưng không đông người và thường chỉ phổ biến ở một số địa phương mà thôi. Chúng tôi chỉ nói phớt qua tiêu biểu một số dòng họ tương đối lớn về nhân số với hy vọng được trao đổi và học hỏi kiến thức về các dòng họ Việt Nam với quí vị độc giả.●

THỬ TÌM MỘT PHƯƠNG CÁCH ĐỂ GIÚP GIẢI QUYẾT

NHỮNG TRANH CHẤP CỘNG ĐỒNG

CHU QUANG ĐỊNH

Các bậc phụ huynh chắc hẳn không ai phủ nhận tầm quan trọng việc duy trì và phát huy truyền thống và văn hóa tốt đẹp của người Việt mình trong cộng đồng và nhất là cho thế hệ trẻ tương lai. Như thế, còn gì quí hơn bằng giúp tạo cho mình có những cơ hội để cảm nghiệm và học hỏi văn hóa Việt qua những sinh hoạt hữu ích và lành mạnh trong cộng đồng. Tuy nhiên, để giúp người trẻ (và cả người lớn) ở hải ngoại có thêm tự hào hoặc giữ được niềm hãnh diện về căn tính văn hóa mình trong những môi trường đa dạng và nhiều khi đối chọi, như xã hội Hoa Kỳ hiện nay, họ rất cần phải có cái nhìn tích cực, lạc quan về cộng đồng văn hóa của họ. Dĩ nhiên, ai cũng chỉ muốn và nên phát huy, duy trì cái gì tốt, đẹp và đáng làm cho mình tự hào, hãnh diện với người khác.

Tiếc thay, một trong những điều làm nhiều người Việt chúng ta quan tâm và phải tự thú khi bàn đến câu chuyện cộng đồng là "người mình hay có chia rẽ, thiếu đoàn kết" hoặc ngay cả là "người mình có máu chia rẽ"! Rồi liền sau đó, ta lại thường nhủ bảo nhau phải theo gương của người Trung Hoa hay đoàn kết, giúp đỡ người đồng hương của họ, nhất là trong việc buôn bán, hoặc gương của người Do Thái đã từ khắp tứ phương thiên hạ cùng nhau hợp sức xây dựng quê hương của họ sau Đệ nhị Thế chiến. Ở đây xin miễn bàn đến những nhận định này đúng hay sai cho người mình hay các sắc dân khác. Điều hiển nhiên là chúng ta đã và đang đọc, nghe biết nhiều về những tranh chấp, nguy cơ chia rẽ trong cộng đồng mình. Lắm khi cảm thấy thất vọng, chán nản chỉ vì nghe hoài đến những chuyện phê bình chỉ trích cá nhân giữa người mình với nhau. Xem chừng như không thuốc chữa!

Nếu vậy thì thật khó mà khuyến khích con em Việt nam, và ngay cả người lớn, "bảo vệ và noi gương truyền thống tốt đẹp của cha ông" hay "phải lo duy trì gia sản văn hóa Việt" tại hải ngoại. Vì trong nhiều khía cạnh, việc cảm nghiệm những cái gì gọi là "văn hóa" được thể hiện qua lối sống và sinh hoạt trong cộng đồng văn hóa đương thời. Liệu những cái nhìn hoặc thực tế tiêu cực về người Việt của người Việt hiện nay, như nhiều chuyện tranh chấp quá đáng trong cộng đồng, có ảnh hưởng nguy hại đến nỗ lực giúp chúng ta và đặc biệt giới trẻ, duy trì và phát huy truyền thống văn hóa "tốt đẹp" ở hải ngoại không? Làm sao giúp người trẻ tự hào về căn tính văn hóa và cộng đồng mình được khi họ nghe biết về quá nhiều tranh cãi thiếu xây dựng, dường như không lối thoát, trong cộng đồng?

Bài viết này không ngoài mục đích chia sẻ và mời gọi để tiếp tục thảo luận và thử tìm ra một hoặc nhiều phương cách giúp giải quyết những tranh chấp cộng đồng. Trọng tâm ở đây không phải là việc "giải quyết những tranh chấp" ("conflict resolutions"), tìm ra giải pháp và câu trả lời cho những vấn đề hóc búa, phức tạp trong cộng đồng, nhưng là trình bày và thử tìm ra những "phương cách" ("approaches to conflict resolutions") để giúp đối phó với những tranh chấp cộng đồng. Không nhất thiết cần phải có những giải đáp thích ứng cho những tranh chấp và đạt được sự thỏa thuận mọi phía (vì chắc phải có nhiều ý kiến và cái nhìn khác nhau, nhất là khi con số trong cộng đồng càng lớn). Hơn nữa, việc tranh chấp tự nó không phải là điều phải sợ, vấn đề là làm thế nào để đương đầu, đối phó với nhau khi có những khác biệt về chính kiến và đường lối giữa các cá nhân, nhóm hoặc đoàn thể, mà vẫn giữ được sự tôn trọng nhau trong tinh thần xây dựng? Được như thế, cộng đồng vẫn có thể có nhiều tranh chấp nhưng không bị "mang tiếng" là chia rẽ, thiếu đoàn kết.

Những điều trình bày dưới đây không hẳn là mới lạ gì với những ai đã đọc hoặc học qua những nguyên lý căn bản của việc áp dụng phương pháp giải quyết các tranh chấp ("conflict resolutions"). Với kinh nghiệm nghề nghiệp làm chuyên viên xã hội trị liệu, người viết cũng đã có nhiều dịp sử dụng các phương pháp này, không những trong việc tâm lý trị cá nhân và gia đình, nhưng cả trong trách nhiệm điều hành một trung tâm sức khỏe tâm trí.

Việc tranh chấp đương nhiên phải có và có trong nhiều hoàn cảnh và dưới nhiều hình thức khác nhau. Nó thường xảy ra khi hai người hoặc nhóm có những ý kiến khác nhau, không hẳn là phải trái ngược nhau hoàn toàn. Để giúp đối phó và dễ giải quyết những tranh chấp này, các đương sự cần phải giữ nguyên tắc quan trọng sau đây (xin đọc và nhớ rõ là

phương pháp này chỉ "giúp" để "dễ" giải quyết, chứ không "bảo đảm" giải quyết việc tranh chấp):

Cần chú trọng và tranh luận "vấn đề" thay vì chỉ trích "cá nhân" ("issues vs. person")

Một trong những điều giúp người khác có sự cởi mở, dễ thông cảm và hiểu mình là phải tránh đặt họ trong tư thế tự vệ. Nếu cá nhân họ cảm thấy bị tấn công hoặc phê bình, bản năng tự nhiên là phải tạo "pháo đài" để tự vệ, giống như con ốc sên thu mình trong vỏ cứng không để bất cứ ngoại vật nào đụng tới nó. Trong tư thế này, họ rất khó nghe và hiểu lý luận của ai được. Khoa học chứng minh rằng phần của bộ não điều khiển cảm xúc trở thành chủ động khi nó cảm thấy bị tấn công, còn bộ phận điều khiển khả năng lý trí trở thành thứ yếu. Rất nhiều khi chúng ta rơi vào cái bẫy phê bình cá nhân, thay vì chú tâm vào vấn đề hoặc đề tài tranh cãi, nhất là lúc chúng ta cảm thấy mình đuối lý và phải tấn công đối thủ, đặt họ ở thế tự vệ.

Không phải dễ dàng để tách biệt người nói và lời họ nói, vì chúng ta thường nhận xét và đánh giá lời nói của một người dựa theo nhận xét và đánh giá của ta về người đó. Tuy nhiên, áp dụng phương cách này để giúp giải quyết những tranh chấp cộng đồng trong những tranh luận về các vấn đề bao quát, ta phải cố gắng để nhận định vấn đề và các lý lẽ của nó mà không nhất thiết phân biệt xem ai là người đưa ra vấn đề đó. Thí dụ, việc riêng tư của ông này bà kia ly dị, thất nghiệp, giầu nghèo hoặc ham vui có liên quan gì đến quan điểm lập trường chính trị của họ không? Cũng vậy, nếu ta ủng hộ hoặc chống một vấn đề nào đó chỉ vì mình có thân tình hoặc ác cảm với người đưa vấn đề đó ra, thì chẳng phải là ta đã chỉ hùa theo người khác mà không dùng lý luận mình suy đoán vấn đề đó? Như đã đề cập trên đây, chúng ta phải xét vấn đề dựa trên lý lẽ riêng của nó, chứ không phải dựa vào người đưa ra vấn đề đó. Được như vậy, chúng ta cũng tránh được nhiều định kiến trong việc "phân loại" ("labeling") người khác. Cái nguy hiểm của việc "phân loại hóa" người khác thuộc phe này nhóm nọ, một cách nào đó, là "chụp mũ" họ. Kết quả là, dưới con mắt ta, họ hoàn toàn và luôn luôn phải có những cách suy tư và hành động rập khuôn của nhóm mà ta đã "phân loại" họ. "Ông này nhóm thân cộng!" hoặc "Bà kia nhóm chống Cộng quá khích!" Vấn đề tranh chấp cộng đồng do đó trở thành "trắng" hoặc "đen," chứ không được có màu nào khác hoặc "khi trắng, khi đen." Dựa theo thói quen "phân loại hóa" này thì trong bất cứ cuộc tranh luận về phong trào tranh đấu nào cũng vậy, mỗi người chỉ được quyền hoàn toàn ở bên "bênh" hoặc bên "chống," chứ không được có nhóm lưng chừng nào khác. Thực tế thì không chỉ hoặc "bênh" hoặc "chống" như việc phân loại hóa như vậy, vì có thể có người hết mình ủng hộ chính nghĩa và mục đích của một phong trào nhưng không đồng ý với tất cả các chiến lược tranh đấu nêu ra. Vì thế cũng có chuyện "không bênh, không chống" hay "vừa bênh, vừa chống" rất chính đáng (chứ đừng kết án là nhóm "ba phải").

Chúng ta cần "cho phép" mỗi người có cơ hội đưa ra ý kiến riêng họ về từng vấn đề một. Có thể quan điểm của họ khác với ta trong việc này nhưng lại cùng một ý nghĩ với ta trong chuyện khác. Vì tâm lý chung của ta dễ cảm thấy lo lắng khi mình không rõ quan điểm người khác như thế nào nên thường có khuynh hướng "phân loại" họ, dựa trên những điều ta "đã biết" hoặc "đã nghe" về người đó. Thêm nữa, khi biết họ như thế nào thì ta dễ xử sự với họ hơn. Rất tiếc những điều ta biết hoặc tưởng là biết lại thường quá giới hạn. Lắm khi có những người ghét cay, ghét đắng hoặc nói chuyện phê bình thậm tệ người khác mà họ chưa một lần gặp mặt, chỉ vì nghe đồn về người đó thế này thế kia! Rồi may khi có dịp trực diện nói chuyện với nhau thì mới biết thực là người kia "không đến nỗi." Tiếng Anh có câu "give someone the benefit of the doubt," xin tạm phóng dịch là "khi còn nghi ngờ chưa biết chắc thì bạn nên nghĩ lợi cho người ta," hoặc ta cũng nghe trong luật pháp "innocent until proven guilty" (người ta vô tội cho tới khi tòa chứng minh và kết án là có tội).

Tóm lại, cần phải chú ý và đặt trọng tâm vào việc thảo luận "vấn đề" cộng đồng, chứ đừng đánh phá "cá nhân" hoặc hoàn toàn "phân loại hóa" người đưa vấn đề, nếu chúng ta thực sự muốn đối diện, tỏ thiện chí và dồn nỗ lực vào việc xây dựng cộng đồng và đặc biệt tự mình nêu gương giúp giới trẻ Việt Nam phát huy, duy trì truyền thống văn hóa "tốt đẹp" của người Việt mình tại hải ngoại.

Điều mong ước của người viết là những chia sẻ và trình bày nguyên tắc trên được nhiều người trong cộng đồng suy nghĩ, mổ xẻ, và nếu được cùng thử thực hiện như là một trong những phương cách để giúp giải quyết những tranh chấp trong cộng đồng, giúp chúng ta và đặc biệt giới trẻ, có cái nhìn lạc quan hơn về chuyện cộng đồng mình. Mong rằng mọi người chúng ta có thể ngồi quanh bàn (và chung một phòng) để bàn thảo và tích cực tranh luận những vấn đề phức tạp trong cộng đồng, nhất là cho công cuộc tranh đấu để có một nước Việt Nam dân chủ, tự do và thịnh vượng thực sự, ngay cả khi chúng ta có những chính kiến rất khác biệt và đối chọi nhau.●

San Jose, Lễ Độc Lập Hoa kỳ 2001

MỘT TỆ ĐOAN XÃ-HỘI:
SÁT NHI VÀ SÁT NỮ NHI
(Infanticide and Female Infanticide)

NGUYỄN PHÚC BỬU-TẬP

Trong thập kỷ cuối của thế kỷ 20, Hà Nội, thủ đô Việt Nam, trở thành một trung tâm sinh hoạt lớn của cơ quan UNICEF (United Nations International Children Emergency Fund). Cuối năm 1995, Hội nghị "Bảo vệ trẻ em" kết hợp 18 quốc gia trong vùng Đông Nam Á được UNICEF triệu tập tại Hà Nội. Mười tám nước tham dự đã cam kết đặt vấn đề bảo vệ trẻ em và hài nhi lên hàng đầu trong chánh sách ưu tiên quốc gia, cụ thể là tăng ngân sách *giáo dục, y tế* để tăng cường thực hiện mục tiêu của Hội-nghị. Bà Carol Bellamy, Giám đốc Điều hành UNICEF, người chủ tọa hội nghị tuyên bố là các quốc gia tham dự đã đồng thanh đặt mục tiêu sử dụng 20% ngân sách và tiền viện trợ quốc tế vào các chương trình phát triển xã hội, trong đó đứng hàng đầu là chương trình chống các tệ nạn ngược đãi trẻ em, cưỡng bức trẻ em lao động, bán dâm và đặc biệt là tệ nạn sát hại hài nhi (infanticide) và sát hại hài nhi phái nữ (female infanticide).

Vấn đề sát hại hài nhi đi gắn liền với hai vấn đề nhân sinh quan trọng khác đang đè nặng trên tương lai phát triển thế giới là Nữ quyền (Feminism) và Dân số (Population). Cũng trong thập kỷ 90, Liên hiệp quốc triệu tập đại hội Nữ quyền Thế giới tại Bắc-kinh, thủ đô nước Trung-Hoa, kết hợp 185 quốc gia, gần 4000 đại biểu chính phủ, thảo luận trong mười ngày những kế hoạch nhằm thay đổi chính sách các quốc gia để cải thiện phương tiện giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế trong đời sống người đàn bà.

Trước Đại hội Nữ quyền Thế giới, năm 1994 Liên hiệp quốc cũng đã triệu tập Đại hội Thế giới, về Dân số tại thủ đô Cairo nước Ai Cập. Trong lúc đại diện toàn thể loài người đang bàn về chính sách nhân đạo tăng hay giảm dân số, và muốn làm giảm số gia tăng sinh đẻ hiện tại theo mức thang kỷ hà học, các quốc gia hội viên nên chấp nhận hay không chấp nhận các phương kế ngừa thai... thì tờ tạp chí "Viễn Đông Kinh Tế" (*Far Eastern Economic Review*), cơ quan ngôn luận có uy tín nhất của người Á đông trên thế giới, đăng tin ở Trung-Hoa một cặp vợ chồng trẻ sinh được một cháu gái đem ra giếng nhận chìm ngộp thở cho đến chết. Hỏi ra, không phải lần thứ nhất cặp cha mẹ sát nhân này làm vậy, và đã mấy lần trước, vì họ chỉ muốn sinh được một cháu trai nối dõi.

Sát nhi (ta tạm dịch chữ *infanticide* của Tây phương gốc La-tinh, do chữ *infans*= hài nhi, *caedere*= giết) là một thảm trạng xã hội tàn khốc tại tất cả mọi bộ lạc kém văn hóa hay tại các quốc gia văn minh tột độ, và xảy ra bất cứ vào lúc nào trong lịch sử loài người, đặc biệt là tại các môi trường xã hội nghèo kém. Dân Esquimo sống trong vùng băng giá, môi sinh vô cùng khốc hại, bắt buộc phải giết trẻ sau khi sanh để giữ gìn thức ăn cho người đang sống. Tại vùng hải đảo Polynesia, phía Trung Nam Thái Bình Dương, đời sống còn sơ khai, dân số cao mà lương thực hiếm, cũng thấy hiện tượng bỏ không nuôi hài nhi. Cũng có nhiều nơi bỏ không nuôi hài nhi vì tập tục văn hóa, như con ngoại hôn, như loạn luân (cha mẹ lấy con, anh em trai gái lấy nhau), hoặc trẻ sinh ra có tật nguyền. Ngày xa xưa, tại các nước vùng Cận Đông như Ai-cập, Hy-lạp và La-mã, sanh đứa con đầu lòng đem giết đi để cúng dường Thượng đế. Tại Cận Đông, nơi thần linh được tôn vinh vượt mức, giết con làm món lễ vật quý trọng nhất đem cúng tế đấng Sáng tạo.

Thế nhưng hiện tượng sát nhi xảy ra nhiều nhất và đặc biệt nhất tại Á châu, nước Ấn-Độ và nước Trung-Hoa, hai quốc gia khổng lồ mà dân số cộng lại bằng một phần ba số người trên trái đất. Bách khoa từ điển của các nền văn minh Tây phương, văn minh Cận Đông và văn minh Hồi giáo có ghi mục sát nhi, nhưng không thấy ở đâu dẫn chứng chi tiết sự kiện, ngoại trừ các văn án của khoa học nhân văn, khoa học xã hội và y học thuộc Ấn-Độ và Trung-Hoa. Dựa trên tài liệu có trong tầm tay, ta sẽ khảo sát hiện tượng sát nhi tại Ấn-Độ, và trong một phần ở sau, tại Trung-Hoa. Ta sẽ đặc biệt chú tâm vào hiện tượng sát nhi phái

nữ.

Sát nhi tại Ấn Độ

Ở châu Á, Ấn-Độ ngày nay về mặt kinh tế đang phát triển theo gương nước Nhật và Trung-Hoa, nhưng về mặt tư tưởng và văn học, vẫn dẫn đầu Á-đông. Các môn khoa học xã hội của Ấn-Độ không thua kém Mỹ và Tây Âu, tư tưởng cởi mở, điều nghiên chính xác. Ta sẽ duyệt qua một chút sử liệu và tìm đọc một số văn án trực tiếp liên hệ đến việc sát hại hài nhi nơi đây.

Thế kỷ Mười-tám, người Anh thôn tính nước Ấn-Độ. Dân Ấn-Độ trở thành một con bò sữa, chịu bóc lột để gây dựng nền bá chủ và phồn thịnh của đế quốc Anh. Sau Thế chiến Hai, thánh Gandhi và ông Nerhu lãnh đạo Ấn-Độ thâu hồi nền độc lập. Gần hai trăm năm cướp nước Ấn-Độ, nước Anh làm được ba điều đáng kể: thứ nhất, loại bỏ được tập tục *sati* của người Ấn buộc người đàn bà khi chồng chết phải nhảy vào ngọn lửa hỏa thiêu chết theo chồng; thứ hai loại bỏ tập tục đem người ra bóp cổ chết làm tế thần; thứ ba, loại bỏ tập tục sát nhi. Thế nhưng người Anh làm luật thì dễ, dân chúng có tuân hành luật lại là một việc khác. Tục lệ *sati* ngày nay mất hẳn vì đám táng hỏa thiêu phải làm trước công chúng, gia đình không thể ép buộc xô đẩy người vợ góa vào ngọn lửa, sợ cảnh sát xông đến bắt. Đem thắt cổ thiếu niên hay thiếu nữ đồng trinh lễ tế thần cũng dễ bị cấm đoán, vì lễ tế thần phải làm giữa công chúng. Tục lệ sát nhi, người Ấn-Độ gọi là *Valagiri Dosham* làm trong buồng the, trẻ sơ sinh mới lọt lòng mẹ hoàn toàn không chút tự vệ, cho nên bà mẹ, theo tín ngưỡng nghìn đời trước, vẫn thản nhiên giết con, vô tội vô vạ, lắm khi lại được người trong thôn xóm khuyến khích, giúp đỡ.

Để dẫn chứng cụ thể, Bộ Phát triển Nhân lực của Chính phủ Liên bang Ấn-Độ, năm 1992 cấp ngân khoản cho một hội thiện nguyện gọi là *Adithi*, tại thiểu bang Tamil Nadu miền Đông Nam Ấn-Độ là nơi nếp sống cổ truyền vẫn tiếp diễn và tục lệ sát nhi, đặc biệt là việc sát hại hài nhi phái nữ, được biết là vẫn xẩy ra công khai. Dự án điều nghiên được đăng tải trong một số tạp chí *India Today,* xuất bản cuối thập kỷ 80, lấy nhan đề *Born to die* ("Sanh ra để mà chết"). Kết quả điều nghiên được tóm lược trong sách *Female Infanticide* do R. Venkatachalam và Viji Srinivasan trình bày (Har-Anand Publications, New Delhi, 1993). Ta thử tóm lược khách quan các dữ kiện được công bố:

Địa điểm được chọn lựa cho cuộc điều nghiên là quận Salem trong tiểu bang Tamil Nadu (ngày trước là tỉnh Madras, trên 50 triệu dân, thuộc sắc tộc Tamil, thủ đô là thành phố Madras). Trước cuộc điều nghiên một năm, chuyên viên đến tận nơi lựa chọn thí điểm. Cuộc điều nghiên lấy danh xưng là "Điều tra đời sống gia đình" để tránh việc các bà mẹ đã giết con sợ không hợp tác, và tránh việc chống đối của dân chúng trong vùng. Điều tra viên đã biết trước là các bà mẹ giết con thường hành động vì chồng và vì gia đình ép buộc, nên khi phỏng vấn làm cho bà mẹ tin tưởng sẽ không vị trách móc, trả thù. Năm địa điểm được chọn lựa, mỗi địa điểm gồm nhiều làng, mỗi làng chọn lựa lối 15 bà mẹ. Tổng số người được phỏng vấn trong địa điểm là 250; tổng số chọn lựa chung năm địa điểm là 1250 bà mẹ. Qua điện cơ kế toán, kết quả đọc được như sau:

837 bà mẹ Tamil (67 phần trăm) xác nhận là hiện tượng sát nhi xảy ra thông thường trong làng xã. 476 bà mẹ (38 phần trăm) tuyên bố là nếu đã có được một cháu bé trai, thì họ sẵn sàng bỏ cháu gái thứ hai hay thứ ba mới sanh ra. 111 (9 phần trăm) khai rõ là trong hai năm trước cuộc phỏng vấn đã từng bỏ bé gái hài nhi.

Điều tra kỹ và xa hơn vào từng gia đình, chuyên viên y tế xã hội tìm được chứng cớ là 547 bà mẹ (44 phần trăm) đang chịu cuộc phỏng vấn đã từng giết hài nhi bé gái trong các năm trước, từ lúc sanh đẻ được. Thông thường, mỗi gia đình đều giữ một cháu gái, và chỉ đem giết cháu gái thứ hai hay thứ ba. Trong số 1250 bà mẹ tham dự điều nghiên, 606 đã giữ một bé gái (49 phần trăm).

865 bà mẹ trong số 1250 bà chịu phỏng vấn (70 phần trăm) dẫn lý do vì sao phải hành động sát nhi. Bốn lý do quan trọng hàng đầu là: 1/ sanh con gái suốt ngày phải nghe tiếng chê trách trong tộc họ; 2/ khi tới tuổi dậy thì, phải tốn kém làm lễ ra mắt tộc họ để tìm mối lái gả chồng; 3/ hôn lễ tốn kém quá nhiều; 4/ bố mẹ nhà gái phải gánh vác mọi chi phí khi có đứa con đầu lòng. 554 bà mẹ (45 phần trăm) còn phàn nàn về hai tục lệ gây tốn kém cho cha mẹ vợ là phải giúp đỡ khi vợ chồng mới cưới phải ra riêng, và làm lễ báo cáo với tộc họ khi hết tuổi xuân sắc (hết kinh nguyệt, menopause). Nhiều bà mẹ còn viện thêm lý do

khác nữa để giết bé gái: thiếu nợ khi vay mượn làm của hồi môn, nếu cha mẹ chết sớm, nợ đổ vào đầu con gái; thêm nữa vì tảo hôn, vợ chồng quá trẻ, cháu gái thường bị ông già chồng cưỡng hiếp mà không dám kêu ca.

Ngần đó lý do buộc bà mẹ Tamil giết con. Giết con bằng cách nào? Chuyên viên trong cuộc điều nghiên ghi nhận bà mẹ Tamil dùng tám cách để giết hài nhi: 1/ xoa mủ vỏ cây quế dại hay trái quế dại là độc dược có vị thơm vào vú cho hài nhi bú, một giờ sau bé tắt thở; 2/ dùng mủ vỏ cây bồng bồng (còn gọi là cây lá hen, Calotropis, mủ có chất độc thường dùng để tẩm vào tên bắn thú; (xem Nguyễn Văn Dương: *"Medicinal Plants of Vietnam, Cambodia and Laos"* California 1993) mủ trộn vào sữa cho bé bú; 3/ cho uống nước sôi trộn với trấu, bé nôn mửa, nửa giờ sau thì tắt thở; 4/ cho uống bã thuốc lá; 5/ cho uống thuốc giết chuột; 6/ bóp mũi, miệng, cuống họng, bé chết ngay trong vài giây; 7/ chụp khăn ướt vào mũi và miệng cho bé nghẹt thở; 8/ ở vùng lạnh, để bé trần truồng ngoài nhà, bé chết trong đêm (*Female Infanticide*, sách đã dẫn, trang 25-27).

Đọc xong bổn đúc kết điều nghiên, thực hiện rất khoa học, trình bày trên giấy trắng mực đen, không một ai có chút lương tri tránh khỏi giật mình kinh ngạc. Thượng Đế tạo con người trên nền tảng hiếu sinh. Vì sao bà mẹ lại có tấm lòng sắt đá giết được hài nhi mới lọt lòng mình? Chắc chắn là các nguyên nhân mà điều tra viên vừa thâu nhặt được để giải thích lý do bà mẹ Tamil giết con chỉ là những lý do phiến diện, và ta tin rằng phải có những nguyên nhân sâu xa hơn cần tìm hiểu. Các nguyên nhân sâu xa này phải tìm trong lịch sử các sắc dân Ấn-Độ.

Một cuộc điều nghiên lịch sử sát nhi tại Ấn-Độ do giáo sư Kanti Pakrasi sưu tầm trong Văn khố *Chính phủ Ấn-Độ thuộc Anh* (Government of British India) và *Chính phủ Ấn-Độ do Công ty Đông Ấn* điều khiển (East India Company's Government) có lẽ đã phanh phui được gốc ngọn và giúp tìm hiểu nhiều hơn. Giáo sư Pakrasi chuyên tìm đặc biệt trong số tài liệu gọi là *Selections from the Records of the Bombay Government* (Tuyển chọn các Văn kiện quan trọng trong Công báo của Chính phủ Bombay) và một số tài liệu gọi là *Transactions of Royal Asiatic Society* (Sự vụ Công báo của Hội Hoàng gia Á châu). Ông phân tích và tóm lược viết thành cuốn sách *Female Infanticide in India* ("Sát hại Hài nhi Phái nữ tại Ấn-Độ," Edition Indian, Calcutta, India 1970) trình bày một trường hợp điển hình là lịch sử sát nhi tại tỉnh Kattywar (Gurajat), tại miền Đông Ấn-Độ, nơi sinh sống của sắc dân Rajpoot. Một cuốn sách khác, *History of the Suppression of Infanticide in West India* của John Wilson (Smith, Taylor Co., Bombay, 1885) xuất bản hơn một trăm năm trước ta cũng có thể tìm đọc để hiểu bổ túc biến cố sát hại hài nhi tại vùng Gurajat. Từ các tài liệu phong phú và chi tiết trong hai tập sách của Wilson và Pakrasi, ta sẽ cố rút các điểm sơ lược cần biết về chương trình bài trừ nạn giết hài nhi, nhất là hài nhi phái nữ, tại Gurajat. Chương trình kéo dài trong nửa thế kỷ (từ 1805 đến 1855), thực hiện làm năm giai đoạn và cuối cùng chận đứng được một phần cái hủ tục công khai giết hài nhi gái.

Trước tiên là vị trí địa dư và dân số của thí điểm. Tiểu bang Kathiavar (còn viết là Kat tywar, cũng gọi là tỉnh Gurajat) là một bán đảo nằm vào phía Trung Đông Ấn-Độ, phía dưới ranh giới Pakistan ngày nay, miền Tây giáp với biển Arabian Sea, miền Nam đâm xuống Ấn-Độ dương. Diện tích bán đảo đo được 22,000 dặm Anh (tương đương với 57,000 cây số vuông). Vào đầu thế kỷ Mười chín, dân chúng sống trên bán đảo thuộc nhiều sắc dân Ấn-Độ Dravidian, đa số là tộc bộ Jhareja Rajpoot, chiếm 3786 xã, người Anh kiểm tra được một triệu tám trăm nghìn nam nữ trưởng thành ở tuổi đóng thuế.

Chương trình bài trừ nạn sát nhi được thực hiện trong thời gian 50 năm, chia làm năm giai đoạn. Giai đoạn Một (1805-1812) nhằm mục đích tìm hiểu cặn kẽ vấn đề hầu kiếm phương thức hữu hiệu đem ra thực hành. Nước Ấn-Độ rộng lớn bao la, chế độ thuộc địa của người Anh cũng mới bắt đầu (Quốc vương Mughal mới ban bố độc quyền thương mại *diwani* cho Công ty East India Company năm 1765). Năm 1800 huân tước Janathan Duncan được bổ nhiệm làm Thống đốc tiểu bang Bombay, là người đầu tiên cho điều tra việc sát nhi trong vùng. May mắn thay, ông được một người cọng sự đắc lực là đại tá Alexander Walker giàu lòng nhân đạo, hết sức căm phẫn, quyết chống cái tập tục man rợ giết hài nhi của người bản xứ Ấn-Độ. Alexander Walder lại được một số viên chức người Ấn như Soonderji Sewjee và Penguel Sing có thế lực uy quyền và am hiểu tình hình địa phương tán thành công tác nhân đạo của ông. Theo báo cáo đầu tiên của viên

chức sở tại, mỗi năm trong tỉnh Kathiwar có một nghìn cháu bé gái bị giết bỏ, và trong tỉnh Cutch kế cận, có lối 2000 cháu gái bị giết. Sewjee trình bày tài liệu dẫn chứng, mỗi năm con số hài nhi gái bị giết lên tới 20,000 trong mỗi tỉnh, là con số chính xác.

Lý do tiên khởi sát hại hài nhi Sewjee trình bày là bộ tộc Jhareja từ nghìn xưa có tục lệ người cùng họ không thể lấy nhau được, và vì dân chúng sống khắn khít trong bộ tộc (clan), gìn giữ tập tục giai cấp (caste), không thể lập gia đình với người khác tộc, cho nên sinh con gái rất khó gả chồng, phải đem giết đi hầu về sau chúng khỏi bị kỳ thị nhục nhã. Tục lệ đã kéo dài lâu đời, nay đã ăn sâu vào tâm khảm của người cùng bộ tộc, nên khi họ giết chết bé gái mới sanh ra được xem là việc tự nhiên phải làm, không trái với đạo của trời và luật của người.

Đại tá Walker đặt kế hoạch, vận dụng quyền năng và khéo léo sử dụng sự cọng tác của Penguel Sing, ông móc nối được và thuyết phục một số tộc trưởng trong bộ lạc Jhareja. Năm 1808, ông trình lên *"Bổn Phúc trình về Nguyên nhân Sát hại Hài nhi của bộ tộc Jhaareja"* là một tài liệu có giá trị lịch sử vô cùng quan trọng cho giới khoa học xã hội, nhân chủng và y tế (Đọc trong sách Pakrasi, đã dẫn, trang 2-521). Trong khuôn khổ bài viết này, tưởng cần phải tóm lược tối đa để tạo được một khái niệm về sự việc.

Nguyên nhân sát nhi bé gái của bộ tộc Jhareja đọc lên nghe như chuyện thần thoại. Cách đây năm trăm năm (bây giờ là bảy trăm năm) có một vị quốc vương (hay tù trưởng bộ tộc) Raja, rất giàu quyền lực giao cho vị tể tướng Bà-la-môn làm mối lái đi tìm một bộ tộc môn đăng hộ đối để gả chồng cho con gái yêu. Vị tể tướng gọi là *Rajar* không tìm được đám nào vừa ý đức vua. Nếu nhà vua không gả được con gái là một điều sỉ nhục cho vua và cho bộ tộc, nên vị tể tướng đề nghị phải giết chết công chúa. Vua đau khổ ngần ngại. Người Rajar trung thành xin gánh vác mọi tội lỗi đối với Trời đất cho nhà vua, và tự tay y giết công chúa. Từ đó mà có tục lệ sát nhi bé gái. Tộc trưởng mà còn không kiếm được chồng cho con, nữa là người thường dân khốn khổ.

Walker còn tìm thêm được một nguyên nhân lịch sử thứ hai thuộc về tôn giáo. Bộ tộc Jhareja ngày xưa sinh sống trên cao nguyên Sind, gần đất Ba-tư, đi dần xuống bán đảo Kattywar. Đất Ấn-Độ bị dân Hồi giáo xâm chiếm, người Hồi chiến thắng đi đến đâu cũng bắt người bổn xứ cải đạo. Bộ tộc Jhareja muốn giữ đạo Ấn-Độ giáo, lại không thể tìm chồng cho con trong các bộ lạc chung quanh đã theo đạo Hồi, nên giết con gái để tránh chung đụng.

Lý do cuối cùng, có lẽ quan trọng hơn tất cả, Walker dẫn ra thuộc phạm vi kinh tế. Nghèo đói càng gây ra đông con. Đã không đủ miếng ăn, lại sẵn có tập tục giết bé gái vô tội vạ, nên đem giết hài nhi bé gái.

Dân Jhareja giết con bằng cách thế nào? Bổn phúc trình của Walker cho biết cách thông thường nhất là bà mẹ quét thuốc phiện vào núm vú cho trẻ bú, hoặc dùng khăn ướt chụp mặt bé lúc bé mới sanh cho bé ngộp thở. Giết bé bằng thuốc phiện cho bé chết trong giấc ngủ là phương pháp thông thường nhất không làm bà mẹ đau đớn. Nhiều nơi, bà mẹ bỏ cháu gái trong cái chum đầy sữa, cách này gọi là *Dhood Pillana* (cho bé uống sữa). Tục lệ được kể lại khi sanh bé gái trong buồng the, bà mẹ báo tin sanh cháu gái, người cha ở ngoài nói vào *"Dhood Pillana,"* thế là kết liễu đời hài nhi.

Xác cháu bé được bà mụ đem chôn, hoặc giao cho người quản gia Rajar đem chôn, không kèm theo khai báo hoặc lễ lạc gì.

Đại tá Walker ước lượng trong vùng ông quản trị có 1,250,000 gia đình Jhareja và mỗi năm có chừng 20,000 hài nhi phái nữ bị đem giết. Ta tự hỏi nếu bộ tộc Jhareja giết hết hài nhi gái, thì việc nối dõi ra sao?

Câu trả lời của Walker là có nhiều nhánh trong bộ tộc không tuân theo tục lệ này, và may thay, vẫn còn nhiều ông cha và bà mẹ, thà chịu điều tiếng nhục nhã, nhưng cương quyết bảo vệ mạng sống của cháu gái. Một lý do khác nữa là cháu gái do vợ lẽ hay nàng hầu sanh ra được giữ không đem giết, vì khi cháu lớn lên, việc gả bán không làm phiền phức gia đình.

Sau khi trình bày cuộc điều nghiên, Đại tá Walker đề xướng kế hoạch bài trừ tập tục sát nhi. Kế hoạch được thực hiện trong năm giai đoạn.

Giai đoạn một 1805-1812, kéo dài bảy năm, nhằm mục đích mò mẫm tìm hiểu và lập ra được một kế hoạch hữu hiệu. Đại tá Walker và các cọng sự viên tìm cách tiếp xúc với một số tộc trưởng, thuyết phục họ bằng quyền hành và lắm khi mua chuộc bằng tiền, để họ bằng lòng ra lệnh cho các gia đình trong tộc từ

bỏ tục lệ giết con. Tháng Mười-hai năm 1812, các vị tộc trưởng đồng ý ký kết với Đại tá Walker đại diện cho Chính quyền Công ty Đông-Ấn một bổn *"Giao kết"* (Engagement) đảm bảo từ nay các gia đình trong bộ tộc Jhareja sẽ giữ để nuôi dưỡng mà không đem giết bỏ hài nhi bé gái.

Giai đoạn hai 1816-1825 chứng minh là việc loại bỏ một tập tục xã hội có đã lâu đời trong đám dân chúng còn ngu muội là một việc rất khó, cần nhẫn nại. Đại tá Walker mãn hạn về nước, một ông đốc sự, J.R. Carnac, và Đại úy F.D. Ballantine thay thế, tiếp tục chương trình. Cuộc kiểm tra thực hiện năm 1807-1808 cho thấy là chương trình bài trừ sát nhi khởi đầu từ năm 1805 chỉ cứu được sinh mạng của 20 em gái sơ sinh. Tiếp tục sứ mệnh nhân đạo, năm 1817 đại úy Ballantine thực hiện một cuộc kiểm tra mới, tìm được 63 bé gái được nuôi dưỡng không đem giết bỏ, nếu đem so sánh với tổng số dân chúng trong vùng, chỉ là một hạt muối bỏ biển.

Đại tá Walker từ Luân Đôn theo dõi chương trình viết một bổn báo cáo cho chính quyền East India Company công kích xây dựng và trình bày một kế hoạch mới. Theo ông, dân chúng Jhareja đã quên lời Giao kết và bây giờ Chính phủ phải đặt ra các biện pháp chế tài, tăng cường dần dần các biện pháp chế tài và thực thi các biện pháp đó. Biện pháp phạt tiền để dùng tiền giúp các bà mẹ mang thai (một cách kiểm soát khi sanh sản) và giúp các gia đình có con gái đến tuổi gả bán.

Giai đoạn ba 1826-1836 chứng minh là các biện pháp chế tài trở thành hiệu nghiệm. Dân chúng được giúp đỡ khi con gái lớn cần gả chồng đã bắt đầu thôi giết hài nhi gái mới sanh. Các vị trưởng tộc bị phạt vạ và tiền khi không ngăn chận được sát nhi cũng bắt đầu tuân theo luật pháp. Một vị thống đốc mới của tỉnh Kat tywar, ông J.P. Willouhby đem ngay một vị tộc trưởng Jhareja Rajkok ra tòa và trừng phạt rất nặng. Năm 1834, cuộc kiểm tra dân số trong quận Talook đếm được 1071 trẻ em và đã có 24% là bé gái. Willouhby càng áp dụng nghiêm ngặt hơn các biện pháp kiểm soát, và dần dần kết quả trông thấy khả quan.

Giai đoạn cuối cùng 1845-1855, "mã đáo công thành." Chương trình bài trừ sát nhi, do sáng kiến của một số nhân vật lãnh đạo có tinh thần đạo đức hiếu sinh đã đem lại kết quả tốt đẹp. Vào giữa thế kỷ Mười-chín cán cân hài nhi nam nữ trong vùng đã nhích lại gần quân bình. Một lý do quan trọng giúp cho việc sát nhi được loại trừ là chính phủ Anh quốc công bố bài trừ tục lệ "sati," một tập tục rất thịnh hành tại Ấn-Độ buộc người đàn bà khi chồng chết phải nhảy vào ngọn lửa thiêu chết cháy theo chồng. Bài trừ tập tục sati làm cho cha mẹ đỡ lo lắng về tương lai cháu gái, tránh phải đem giết cháu lúc mới sinh. Tục lệ sati cũng có đã lâu đời nay được bãi bỏ, làm cho dân chúng vững tin là mọi cơ chế xã hội đều có thể đổi thay.

Ở trên đã trình bày hai trường hợp điển hình về sát nhi tại Ấn-Độ, khác biệt về không gian (một trường hợp tại miền Đông Nam Ấn-Độ, một trường hợp ở Trung Tây Ấn-Độ) và khác biệt về thời gian (Cuộc điều nghiên Kattywar làm vào đầu thế kỷ trước; cuộc điều nghiên Tamil Nadu làm vào cuối thế kỷ Hai-mươi). Câu hỏi ta phải đặt ra là hiện trạng vấn đề sát nhi ở Ấn-Độ thế nào?

Ta mượn lời hai nhà nghiên cứu Ventakachalam và Srinivasan chịu trách nhiệm cuộc điều nghiên ở Tamil Nadu để trả lời. "Từ 40 đến 50 phần trăm các gia đình miền Nam Ấn-Độ, trong hai năm qua (lúc các nhà điều nghiên sống làm việc trong vùng), sát nhi vẫn là một tục lệ được tiếp tục, nhưng *che dấu* trong khung cảnh gia đình (Sách đã dẫn, mục Finding, trang 47). Và cũng hai nhà khoa học trên ở phần *Tri ân*, viết "Ngày xưa, một vài bộ tộc của đất Ấn-Độ có tục lệ sát nhi, nhưng cũng họa hoằn. Ngày nay tục lệ này đã trở lại dữ dội hơn, vì địa vị người đàn bà mỗi ngày mỗi tăm tối (from bad to worse)." Tháng Năm năm 2001 một bức thông điệp mới của đức Giáo Hoàng năng động bảo vệ nhân quyền của đạo Gia Tô La mã, John Paul II, lên tiếng chống đối nạn sát nhi và sát nữ nhi trên toàn thế giới. Việc này chắc hẳn có liên quan đến bản báo cáo của Hàn làm khoa học Ấn độ về việc người Ấn-Độ, tuy mức sống nói chung rất thấp, nhưng rất trưởng thành trong việc xử dụng kỹ thuật điện cơ mới. Họ đã tìm cách biết được rất sớm giống trai hay gái của phôi (embryo), và dĩ nhiên trong một xã hội mà việc ngăn ngừa sinh sản trở thành quốc sách, phôi nữ nhi được loại bỏ dễ dàng. Mối ưu lo hiện tại của giới khoa học và giới y tế Ấn-Độ là cán cân nam nữ (số lượng đàn ông và số lượng đàn bà) chênh lệch quá nhiều, trai thừa, gái thiếu, quốc gia Ấn-Độ đã được báo động.●

Kỳ tới: *Sát nhi tại Trung Hoa*

TÌM HIỂU LỊCH SỬ KHỐI NGƯỜI QUỐC TẾ DO THÁI

LƯU VĂN VỊNH

Nói đến lịch sử Tây Âu mà không nói tới nhóm dân rất đặc biệt này thì có thể rất thiếu sót: lịch sử 2000 năm Tây phương có ba mốc lớn nhất thì cả ba là do người gốc Do Thái: Jesus Christ rao giảng bình an dưới thế, Karl Marx chủ trì Cộng sản đại đồng và Albert Eisntein tìm quy luật vũ trụ thống nhất trường. Có thể kể thêm Nostradamus tổ sư Sấm ký Kabalah (thế kỷ 16), triết gia Spinoza, người đã cùng Descartes mang đầu óc Âu Tây ra khỏi huyền bí (mysticism) thế kỷ 17 và Freud, người dùng phân tâm sâu thẳm vào vô thức.... Ở Việt Nam, hai Bác sĩ mở đầu Ngành Y Khoa thời 1930 là Pháp gốc Do Thái, ông Luật sư Tây cuối cùng ở lại Sài Gòn tới 1975 là Pháp Do Thái, chia đôi VN năm 1954 là Mendes France, Pháp Do Thái, hòa hội Paris Nam Bắc Việt Nam là Kissinger, Mỹ Do Thái, tư lệnh Hồng quân Nga Trotsky là Nga Do Thái và ngay cả Bolsheviks thành công cũng là nhờ yểm trợ của Do Thái Âu châu!

Người Do Thái trong lịch sử thường bị nghi ngờ là có âm mưu quốc tế: thời Nga Hoàng thế kỷ 19 và ngay thời 1920-22 ở Mỹ Henry Ford trên tờ *Dearborn Independent* ở Michigan đã viết cả loạt bài tố cáo nhóm người "quốc tế" Do Thái lũng đoạn kinh tế thế giới vì không làm ra tiền mà chỉ tìm cách lấy tiền (*not make money but to get money* - trích *Everything you need to know about America' Jews and their history* by R.A.Rosenberg 1997), làm sa đọa văn hóa qua phim ảnh kịch nghệ với nhạc jazz, sex, rượu... *nằm vùng* trong Bolsheviks, dòng tu Jesuits (dường như giáo sĩ Alexandre de Rhodes cũng là gốc Do Thái cải sang), Masons và cả Thiên Chúa Giáo tân lập (modern scientific Christianism)...

Niên biểu Do Thái

Hơn ngàn năm trước Tây lịch: *Nô lệ ở Ai Cập, Moses giải thoát sang Palestine. Kinh Torah hình thành vào năm 1250 trước TL.*

600-500 trước TL: *Babylon chiếm Palestine (gồm Judah và Israel) đuổi dân Do Thái, sau Ba Tư thắng Babylon, cho dân Do Thái trở lại Palestine. Luận tạng Do Thái, Talmud, kết tập ở Babylon, trở thành giáo luật cả ngàn năm cho dân Do Thái tản mát bốn phương.*

400-200 tr. TL: *Alexander Đại Đế thắng Ba Tư, dân Do Thái sống dưới thống trị Hy Lạp, Kinh Do Thái được dịch ra tiếng Hy Lạp. Đế Quốc Hy Lạp tách đôi.*

100 tr.TL: *Đế quốc La Mã chiếm Palestine năm 63 tr.TL 1 TL tới 100 TL: Ky Tô ra đời, bị La Mã xử tử, dân Do Thái nổi lên chống La Mã lần đầu.*

100-200: *Dân DT nổi lên lần hai và ba, Palestine bị phá đổ và dân DT không được vào thành.*

200-300: *Dân DT bị tứ tán trong Đế quốc La Mã, sau được thành công dân và được trở về sống ở Palestine.*

1-100 TL: *một thanh niên DT, Paul ,mang giáo phái Ky Tô ra rao giảng cho những người ngoài DT Giáo, thành Jesusalem bị phá, Phúc Âm được viết khoảng năm 70-120 TL.*

200-300: *Dân DT thành công dân La Mã, từ đây Ky Tô Giáo phát triển mạnh, Giáo Hội với Giáo hoàng thiết lập, tín hữu DT sống giữa biển người Ky Tô Giáo.*

500-700: *Dân DT sống giữa Hồi Giáo Ả Rập, gặp khó khăn nhưng chưa bị kỳ thị, dân Ả Rập gọi dân DT là "dân kinh điển" (people of the Book), vừa mang ý nghĩa tôn giáo "mười điều răn," vừa hàm ý tôn trọng mức trí thức của DT.*

700-1000: *Hoàng kim thời đại Hồi Giáo, dân DT sống khắp bán đảo Ả Rập, được trọng dụng trong nhiều chức vụ cao cấp.*

1000-1500: *Trung Đông loạn lạc, dân DT chuyển dần về Tây phương, ở đây, từ năm 500-800 người DT đã sinh sống ở Ý, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, bị buộc cải sang đạo Cơ Đốc*

(trường hợp Nostradamus), người DT trở thành thương nhân giúp các nước Âu châu phát triển thương mại, họ trở nên giới trung lưu tư sản. Họ sang Anh quốc từ thời William the Conqueror, chuyên nghề cho vay lãi, từ đó thành chủ chốt giới Ngân hàng Âu châu. Từ 1000-1300 thời Thập Tự Chiến, dân DT gặp nhiều thử thách: chạy từ Đức sang Ba Lan, kinh sách bị đốt, bị đuổi khỏi Anh, sau đó, 1400 phải rời Pháp, 1500 phải đi khỏi Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, dân địa phương kỳ thị DT vì lý do kinh tế lẫn tín ngưỡng. Có nơi dân DT bị nghi là giết trẻ con làm bánh thánh cúng lễ Passover! Ngay cả Tin Lành của Martin Luther cũng rất kỳ thị DT! Từ Tây Ban Nha nhiều người DT chạy sang Thổ Nhĩ Kỳ lúc này đang bành trướng thành đế quốc rộng lớn Ottoman thời trung cổ.

1500-1700: *Dân DT sống riêng trong ghettos ở Ý, Đức, Đông Âu, chuyển sang Nga làm ăn. Dân DT bị cấm hành nghề liên quan tới ruộng đất, cấm nghề thủ công nghệ, nên chỉ còn đường cho vay lãi và bán hàng rong! Về sau, người DT được Anh, Pháp, Hòa Lan (tk 16) cho tái nhập. Từ tk 18-19 người Âu bắt đầu có tâm lý chống DT (anti semitism). Được tái nhập, dân DT phát triển mạnh ở Hòa Lan, vẫn chuyên về tài chính, thương mại, lan ra khắp Âu châu và sang Tân Thế giới Mỹ châu. 1700-1800: Nã Phá Luân cho dân DT quyền công dân Pháp, dân DT ở Đức di cư sang Mỹ châu rất đông.*

1800-1900: *Của cải dân DT ở Nga bị vua quan phong kiến chiếm đoạt, dân DT rơi vào cảnh nghèo đói và bị tàn sát. Năm 1827 Luật Nga buộc dân DT phục vụ 31 năm trong quân đội từ năm 12 tuổi. Năm 1881 lại ra luật khe khắt hơn, năm 1897 đảng Xã hội DT (Yiddish Socialist Party) thành lập ở Nga trước Đệ nhị Quốc tế Lao động Paris hai năm (1889), năm 1914 quân Nga thua trận trong đệ I Thế chiến, trên đường rút quân đuổi 600,000 người DT ra khỏi làng xóm, năm 1917 dân DT Nga ủng hộ Cách mạng Bolsheviks với vọng tưởng là con đường thoát khỏi áp bức phong kiến! Trong khi ấy ở Tây Âu dân DT vươn lên thượng tầng trí thức, chuyên viên, gia đình Rothschild trở thành nhóm tài phiệt ngân hàng mở chi nhánh khắp Âu châu. Tâm thức chống DT lan sang chính trị, vụ án gián điệp buộc oan Dreyfus ở Pháp, Karl Marx (Tư Bản Luận 1867, Tuyên ngôn CS 1848) với chủ thuyết Cộng Sản, Herzl lập nhóm chính trị Do Thái Giáo chủ trương hội nhập vào Âu châu sau thấy thất bại nên chủ trương lập tân quốc gia DT. Dân DT từ Đức, Nga tiếp tục di sang Mỹ.*

1900 - hiện tại: *Đức Quốc Xã giết năm triệu dân DT trong số 12 triệu người bị giết. Mỹ cho nhập cảnh 300,000 người DT tỵ nạn. Nước Israel được lập vào năm 1948 ở Palestine với sự yểm trợ của Anh và vận động của Herzl và tài phiệt Rothschild, khoa học gia Anh Weizmann, TT Mỹ Wilson. Cũng có nhóm DT, tiêu biểu là triết gia Hermann Cohen (1842-1918 DT Đức) và Leo Baek cho rằng người DT có thiên chức rao giảng*

lẽ phải dựa trên lý trí (righteousness và reason) ở bất kỳ nơi nào mình sống, lập nước riêng có thể ngăn lại nỗ lực ấy. Ngược lại triết gia Martin Buber (1878-1965) lại cho rằng nên lập nước Israel để sống chung trong tinh thần huynh đệ và hợp tác đối thoại. Cũng cần thêm rằng tộc họ DT Cohen thuộc đệ nhất tộc, DT (1st tribe) và Levy thuộc đệ nhị tộc DT...trong 13 tộc họ DT.

Niên biểu Do Thái trên (dựa theo *Jews, God and History* của Max Dimont và website nmajh.org/timeline) cho thấy lịch sử đưa đẩy dân DT thành loại dân quốc tế, sống còn khắp nơi, phân tán- *diaspora* - để thành dân du mục, không phải du mục lang thang trên sa mạc mà là lang thang khắp thành thị quận xã Âu châu, Trung đông... với lòng tin bỏ túi và với hai bàn tay trắng tạo nên sự nghiệp. Hiện nay dân DT còn 70,000 ở Đức-Áo, 300,000 ở Anh, 700,000 ở Nga, 92,000 ở South Africa... rải rác khoảng 18 triệu người trên 80 nước, từ Israel (3.5 triệu) tới Mỹ quốc (6 triệu), sống đâu nói tiếng ấy, "hòa nhi bất đồng" vẫn giữ được tín ngưỡng sắc thái riêng song hành với đa số khác. Họ quả là loại dân đặc biệt, không thể gọi là di dân vì họ sống lâu đời cả ngàn năm với dân bản xứ (như ở Âu châu), mà cũng không tan vào dân bản xứ vì họ có tinh thần riêng! Khi thế giới vào liên đới quốc tế, nhất là liên đới kinh tế toàn cầu, thì dân DT quốc tế là loại người giầu kinh nghiệm nhất, khả năng cao thâm nhất và nhất là có một mạng lưới network- sẵn sàng nhất, trong khi người Tầu chỉ mạnh ở hạ tầng buôn bán Á Đông, muốn lên mạng lưới kinh tài quốc tế, tiền để ra tiền, không dễ gì vượt nổi kinh nghiệm Do Thái! Cũng cần thêm rằng Marx chủ trương vô thần vì Do Thái giáo của ông bị kỳ thị nặng nề, chủ trương vô sản vì dân DT của ông từng bị cấm sở hữu ruộng đất ở Âu châu! Và Trotsky trở thành tư lệnh Hồng quân Nga vì muốn chống lại áp bức của Nga hoàng với dân DT và có thể nhờ tay súng DT đã nằm sẵn trong quân đội do cái luật quân dịch 31 năm ác độc của chính Nga hoàng!

Hành trình sang Tân Thế Giới

Riêng ở Mỹ, người Do Thái theo đoàn người Âu đầu tiên khám phá Châu Mỹ, có thể nói trí thức DT đóng vai chủ chốt trong các cuộc thám hiểm hàng hải Âu châu tk 16-17: họ chuyên vẽ bản đồ hải trình (cha con Abraham Cresques), chuyên về khí tượng thiên văn, chuyên về toán học... mới đầu họ cùng người Bồ Đào Nha (Portugal) tiến vào nước Brazil ngày nay, sau lại đi với Hòa Lan chống lại Bồ, khi Bồ Đào Nha tái chiếm, đuổi Hòa Lan đi thì dân DT phải chạy theo và chạy lên Bắc Mỹ (1654) đặt chân lên Nữu Ước lúc ấy gọi là New Amsterdam với dân số 750 người (23 người DT), mới đầu không được nhập cư nhưng họ nại cớ là đã giúp người Hòa Lan ở Brazil nên rút cục được chấp nhận. Năm 1664 Anh chiếm Bắc Mỹ thì dân New Amsterdam trở thành dân thuộc địa Anh quốc.

Lớp Do Thái đầu tiên tới Mỹ và an cư lạc nghiệp hội nhập thành công là nhóm Do Thái từ Đức, lớp sau tới muộn hơn, nghèo nàn hơn và kém khả năng hơn là nhóm từ Nga sang. Nhưng bắt đầu từ khoảng 1920, nhóm Do Thái Nga vươn lên, ra khỏi *xóm nhà lá* slums và với thành phần đa dạng *sĩ nông công thương*, nhóm này lại mang vào xã hội Mỹ nhiều sắc diện mới, kể cả văn học nghệ thuật. Yếu tố chính tạo điều kiện thuận lợi cho dân Do Thái phát triển trên đất Mỹ là thái độ cởi mở của Tin Lành và hệ Thanh giáo Puritans vùng New England, họ coi người Do Thái như huynh đệ vì cùng tin vào Cựu Ước, đại học Harvard dậy cả Cổ ngữ Hy La lẫn Hebrew, có người lại đề nghị dùng cổ ngữ Do Thái Hebrew làm ngôn ngữ chính cho thuộc địa Bắc Mỹ! Sau này hiến pháp tiểu bang Massachusetts và Hoa Kỳ đều mang dấu ấn của kinh luật Do Thái (... *Out of this Puritan spirit came many embodiments of the Mosiac Code in the American Constitution...* trích Dimont tr. 368). Câu kinh được khắc trên chuông Tự Do cùng với Tuyên ngôn Độc lập Hợp Chủng Quốc Mỹ là một câu kinh Cựu ước: "Bá cáo tự do xa gần, toàn dân nghe biết" (*proclaim liberty throughout the land, unto all its inhabitants* - Leviticus 25:10). Thời cách mạng chống Đế quốc Anh, tướng Washington đã được giới tài phiệt Do Thái ủng hộ tài chính mạnh mẽ, có huyền thoại kể rằng nhà tài phiệt Haym Solomon cúng tới 300,000 đô, một số tiền khổng lồ thời ấy, cho bộ Tài chính Mỹ. Nhóm Do Thái Tây Ban Nha, Đức mãi tới 1825 cũng chỉ vào khoảng 10,000 người, tới sau Nội chiến dân Do Thái vẫn sinh hoạt chủ yếu trong ngân hàng, tiểu thương, và văn hóa nghệ thuật. Tới giữa tk 19, Âu châu bất ổn, số di dân sang Mỹ mới vọt hẳn lên. Trong hơn 200 năm lịch sử Mỹ, nhóm Do Thái Mỹ đã đóng góp vô kể vào sự phát triển của Hoa Kỳ: từ khi có giải Nobel về Kinh Tế Học (1969),

bảy giải về tay kinh tế gia Do Thái Mỹ, ngành báo chí điện ảnh, từ New York Times (1896 do A.Ochs), CBS, RCA,MGM, Warner, Columbia Pictures (Cohn), Saint Louis Post Dispatch (của Pulitzer), chưa kể tới Michelson, Lipman, Muller trong ngành Vật lý, Walsman (tìm ra Streptomycin), Salk (poliovaccine), Frank (tìm ra Vitamins)... Thành công đặc sắc quá tất gập nhiều ghen tức của nhiều phe phái chủng tộc khác, người Do Thái trở thành vật tế thần khi chính quyền địa phương gặp khó khăn: suy thoái kinh tế Mỹ thời 1929, suy thoái xã hội Nga thời Nicholas, xã hội Đức sau Thế chiến I... nhưng như Toynbee luận giải, người Do Thái thức thời thực tế luôn luôn sinh tồn và phát triển, họ đã và sẽ trở thành con người quốc tế, *universal man*, như triết gia Spinoza viễn kiến, trong một thế giới toàn cầu hóa hiện đại. Điểm cần làm sáng tỏ là ảnh hưởng Do Thái không phải do tài lực hay nhân số mà là chất xám Do Thái, vàng bạc tài sản Do Thái chỉ là một phần nhỏ ở Mỹ, ở Anh, ở Đức, ở Pháp... nhưng đầu óc sáng tạo về Thị trường chứng khoán (stock exchange) ở Đức từ 1812, về tín dụng (securities, bonds) v.v... đã đưa kinh tế địa phương lên mức *kinh tế liên quốc, và kinh tế liên quốc lên mức kinh tế liên châu. Xuất sắc trong thương trường và truyền thông, hai mũi nhọn của cuộc cách mạng điện tử toàn cầu, người Do Thái vẫn là nhóm tiền phong của thời đại mới và chuyển hóa mới.*

Nhiều đại tài Do Thái xuất hiện không phải vì họ thông minh hơn người hay được Thượng đế lựa chọn nhưng vì họ nhẫn nại và thừa hưởng gia tài trí thức của 4000 năm văn hiến, với một số người ít ỏi nhưng nhiều chuyên viên trí thức nên họ trở thành một khối thượng tầng xã hội. Cộng đồng Do Thái trong cuộc hành trình sinh tồn đã mang theo trọn vẹn một gia tài truyền thống lưu động, đầy đủ cả mọi mặt: tôn giáo, văn hóa, triết lý, khoa học nghệ thuật và thậm chí cả bói toán, ẩm thực nấu nướng... cho nên họ không mất gốc mà chỉ tiếp cành (*not uprooted but only transplanted*).

Do Thái giáo

Do Thái giáo tuy chủ trì Thượng Đế toàn năng độc thần, chẳng khác gì Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo... sau này, nhưng sự khác biệt nằm ở tương quan giữa Thượng Đế và Con Người, con người đến với Thượng đế qua sự đồng thuận (covenant), chứng nhân của Thượng đế trong cuộc nhân sinh vui buồn thiện ác lẫn lộn, con người cố gắng làm điều phải sẽ lấn át được ác. Tín đồ Do Thái tin rằng linh hồn bất diệt và kinh Torah ghi nhận con người có khả năng sáng tạo cùng với Thượng đế (*God' partner in creation* - theo *The World'Religions, Judaism* - Rabbi Friedlander, London, Reader's Digest Ed. 1993) con người có trách nhiệm về mọi hành động của mình, không thể đổ tất cả thành bại vui buồn cho Tạo Hóa! Nói khác đi, con người có tự do hành động, nhận hay không nhận Thượng Đế, theo hay chống lại Thượng đế. Mãi tới thế kỷ 15 phong trào cải lương Tôn giáo với Luther mới mang lại cho Âu châu một quan niệm tôn giáo tương đối tự do như vậy. Ngày nay ít người Do Thái tin rằng sẽ có một đấng messiah giáng trần mang lại Thiên đường trên thế gian, đa số tin rằng nhân loại cố gắng xây dựng trong tình huynh đệ sẽ tạo được một hoàng kim thời đại an bình thịnh vượng *"messianic age"* dưới thế. Lối nhìn cởi mở về tôn giáo, về một Thượng Đế (Trời, Tạo hóa) không qua một bực giáng trần, không chấp nhận thần quyền đè ép con người... mang Do Thái giáo lại gần chính kiến của Phật giáo hơn bất cứ đạo nào khác phát xuất từ Trung đông.●

Sau *Sài Gòn Tuyết Trắng*, mời quý vị đọc

Quê Hương Thương Ghét

Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

Những vui buồn, yêu ghét khi về quê nhà, khi đi kiếm vợ

Những đấu trí ly kỳ với hải quan

Những mạo hiểm của Lý Tống, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá

Những dằn vặt, ước vọng đối với thân nhân, đất nước

Xác Thực, Sống Động, Ý Nhị

Sách dày 432 trang

Giá $20. Ngoài Mỹ $24.

Sài Gòn Tuyết Trắng: $18.

Xin gửi check, money order về: **Catherine Vũ, P.O. Box 5060 Springfield, VA. 22150**

website: www.geocities.com/vuthuyhoang

NHỮNG NGƯỜI RỖNG
THE HOLLOW MEN
(Một bài thơ của T.S. Eliot (1888-1965)

TRẦN NGỌC NINH

** Kính tặng hương hồn*
nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh
và nhà thơ Vũ Hoàng Chương.

Những Người Rỗng (The Hollow Men, 1925) không phải là bài thơ hay nhất hay nổi tiếng nhất của T.S. Eliot (1888-1965), nhưng cũng không thể coi là một bài thơ nhỏ, mặc dầu tương đối ngắn (98 câu), của ông.

Thơ của Eliot nổi tiếng là khó, với cả các học giả và phê bình gia Anh - Mĩ. Không phải khó vì dùng những từ cầu kì, cổ kính, mà vì tư tưởng - ông tiếp nối truyền thống "thơ siêu hình" của Donne (John) thi sĩ Anh ở Thế kỉ thứ Mười Bảy, Mallarmé (Stéphane) thi sĩ Pháp thuộc phái Biểu tượng chủ nghĩa ở cuối thế kỷ thứ Mười Chín, và nhất là Dante Alighieri, thi sĩ Í, Thế kỉ thứ Mười Ba, tác giả *Divinia Commedia,* với Ezra Pound, thi sĩ Mĩ thời nay chủ trương thi pháp Vosticism và Imagism, tác giả các bài thơ lẻ tẻ gọi là *Canto (Ca Khúc)* viết từ 1917 đến 1959. Thơ của Eliot lại khó vì quan niệm của ông về thơ; ông viết rằng "thơ đích thực có thể truyền đạt trước khi được hiểu" *(genuine poetry can communicate before it is understood).* Tôi để cả câu tiếng Anh vì không dịch nổi câu tuyên bố rất giản dị trên ra tiếng Việt một cách đích xác và trung thực. Người ta hiểu trực tiếp nhờ chữ nghĩa và nhờ ngữ pháp. Người ta hiểu gián tiếp nhờ những biểu tượng, những tỉ dụ, những siêu dụ hay nhờ cái giọng và đồng văn. Sự truyền đạt bởi thơ đến trước chữ nghĩa, trước cú-pháp, trước cả hình ảnh. Thơ của Eliot có tất cả, nhưng che phủ, đảo lộn, lắt léo, có khi nghịch đảo nên nghĩa lí không bao giờ đến ngay, kể cả khi các từ được dùng có vẻ như bình dị, thông thường, như trong bài *Những Người Rỗng.* Sự hiểu được kìm lại và sự truyền đạt *(communication)* đến trước. Truyền đạt bằng ý định (ngay từ tựa đề và câu văn dẫn); bằng hình thức và trước hết là thể thơ, đây là thơ tự do. E. Pound viết rằng "hình thức của (các) bài thơ là hình thức sống và quan trọng nhất trong thời đó" *(The form of these poems is the most vital form of that period).* Chính Eliot cũng viết về thơ tự do khi giảng về thơ của Ezra Pound *(tựa* cho *tuyển tập thơ của E.P,* 1928) và thơ của thi sĩ Pháp Jules Laforgue, rằng thơ tự do làm cho nhịp cách cổ truyền *(traditional measure)* (1) bị căng, bị chun, bị uốn vặn vẹo *(stretch, contract and distort).* Truyền đạt bằng cảm năng của thi sĩ, mà Coleridge có lẽ đã gọi là tưởng-năng tổng-hợp *(synthetic power imagination),* nghĩa là như Eliot giải thích "biến chuyển tư tưởng thành cảm xúc, cải dạng một nhận xét thành một tâm trạng." Và cuối cùng, truyền đạt bằng thi-nhạc, nhạc trong thơ, mà E. Pound giảng là có một giá trị đặc biệt để "soi sáng bài thơ vì làm cho chú ý đến chi tiết. Mỗi bài dân ca nào cũng có ít nhất là một câu mà ý nghĩa hoàn toàn trong sáng. Câu ấy hợp với nhạc. Câu ấy thường là câu nhạc" (Ezra Pound - *ABC về phép đọc* (thơ). Khi dịch thơ, ý nghĩa của thơ chỉ bị mất mát ít thôi, nhưng sức truyền đạt có thể bị mất đi nhiều lắm.

*

Giới thiệu T.S. Eliot với các độc giả Việt Nam, có lẽ tôi không nói gì hơn được rằng Eliot viết thơ, kịch thơ và phê bình không những thơ mà cả văn hóa, và ông đã được tặng Giải Nobel Văn Chương năm 1924.

Ông viết *Những Người Rỗng* vào lúc đó và hoàn thành bài thơ ấy để xuất bản, một bài riêng cho một cuốn thơ, năm 1925, một năm sau bài *The Waste Land (Đất khát, Đất Hoang/Đất Bạc/Đất Tàn)* là bài thơ đã đưa danh tiếng của T.S. Eliot lên như cồn trong thi đàn Âu-châu và thế giới.

Có lẽ *Những Người Rỗng* đã được thai

nghén rất lâu và thành hình cũng chậm. Năm 1924, một đoạt 18 câu được đến tay thi sĩ St-John Perse ở Paris, như một bài thơ chưa xuất bản. St-John Perse (tên thực: M.R.A.A. St-Léger Léger) là một nhà chính trị (2) và một thi sĩ Pháp được Giải Nobel về Văn Chương (Thơ) năm 1960. Hai người đã là bạn văn thơ với nhau và (?) có thể S.J Perse đã hỏi T.S. Eliot về bài thơ còn vô đề và chưa in này. Dầu sao, Perse cũng tỏ ra rất thích thú, và đã dịch Eliot, rồi cho in cả nguyên văn lẫn bài thơ dịch của mình trên báo Commerce, hai bản văn đối chiếu nhau.

Tôi dịch bài thơ của Perse, vì cũng là một thi hào lớn, và cũng để hai bài dịch đối chiếu nhau, tuy tôi không phải là một nhà thơ.

văn và dịch giả khác mà tôi sắp nói tới, đã viết năm 1956, bài dịch này là "Khi T.S. Eliot nói (tiếng) Perse." Tên của thi sĩ dịch giả *(Perse)* cũng là tên của một nước thái cổ (nước *Perse*, ta gọi theo Hán tự là Ba Tư), và câu trên là một trò chơi chữ rất ý nhị (không dịch được) (3).

Vì lí do ấy, không ai có thể khen hay chê bài dịch của St-John Perse. Bài dịch ấy có, tự nó. Cũng như không ai khen hay chê *Chinh Phụ Ngâm* của Phan Huy Ích hay của Đoàn Thị Điểm là đúng hay sai so với nguyên văn của Đặng Trần Côn. Hay *Tì Bà hành* của Phan Huy Chú là sát hay lơi *Tì Bà hành* của Bạch Cư Dị. Đó là những bản văn đứng hiên ngang một mình. Như *Le Cid* của Coneille, như

Poème inédit

Aumône aux hommes de peu de poids

Nous sommes les hommes sans substance
nous sommes les hommes faits de paille.
Pressés en foule fraternelle,
têtes bourées de paille. Hélas!
Nos voix stériles, si tout bas
nous murmurons en foule,
sont voix plus douces et plus vaines
que le souffle du vent parmi l'herbe stérile,
que la course des rats sur les débris
de verre,
dans nos caves stériles.
Ombres sans forme, nuances sans couleur,
force sans mouvement et geste qui
ne bouge...
Ceux qui s'en furent
droit devant eux, vers l'autre Royaume de
la Mort,
songeant à nous, s'ils songent à
rien, n'évoquent point
des âmes
violentes et perdues, mais seulement
les hommes sans substance,
les hommes faits de paille.
dịch bởi St-John Perse
Commerce, 1924

(Bài thơ chưa xuất bản)

Tiễn thí cho những người nhẹ cân

Chúng ta những người vô chất liệu
Chúng ta là những người bằng rơm.
Xúm nhau thành quần chúng anh em,
đầu nhồi những rơm rác. Ôi thôi!
Tiếng nói ta vô ích, nếu khe khẽ,
ta thì thầm cả đám,
thì còn êm dịu và vô tích
hơn là gió lướt trên cỏ héo khô,
là chân chuột chạy trên mảnh tinh vỡ,
trong các hầm rượu đã cạn sạch.
Bóng không hình, mầu không sắc,
Sức không chuyển và cử động
không nhúc nhích...
Những kẻ đi
thẳng đằng trước, đến Vương quốc kia
của Sự Chết
nghĩ đến chúng ta, nếu có nghĩ
đến một cái gì, không gợi lên những
linh hồn
dữ dằn và lạc mất, mà chỉ đến
những người không chất liệu,
những người làm bằng rơm.
Người dịch: Trần Ngọc Ninh 2001
(dịch từ Pháp văn)

Bài thơ trên, của St-John Perse, là của một đại thi hào dịch một đại thi hào. Vì thế, sức truyền cảm rất mạnh, do thi tứ và thi từ của người dịch, với cái ý tứ hay là tư tưởng và ý định của người viết. Một phần nào. Phần còn lại sau khi dịch. Như Pierre Leyris, một nhà

Iphigénie của Racine. Như *Faust* của Goethe. Xa hơn nữa, như *Đám cưới Figaro* của Mozart với *Đám cưới Figaro* của Beaumarchais. Và như *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du với *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài-nhân.

*

Bài thơ dịch của St-John Perse hàm súc một tư tưởng xã hội và chính trị. *Nous,* chúng ta, là những người dân nghèo, nếu không phải là những người lao động. Còn *"những kẻ"* kia, đang "đi thẳng đến Vương quốc khác của sự Chết," là bọn chủ, bọn tư bản, đầu rỗng không ("nếu chúng có nghĩ đến một cái gì," đã không hiểu nổi những người rất "nhẹ cân" trong xã hội, "bóng không hình...," chỉ biết "thì thầm" vô ích và vô tích.

T.S. Eliot

Khi dịch bài thơ vô đề chưa xuất bản của T.S. Elito thì St-John Perse chỉ có Đoạn I của bài thơ năm đoạn. Đoạn I này có một cái nón đội bí hiểm trên đầu, là:

A penny for the Old Guy

mà St-John Perse đã dịch là

Aumône aux hommes de peu de poids

và tôi dịch theo là

Tiền thí (bố thí) *cho những người nhẹ cân*

Khi bài thơ đã hoàn thành, thì người ta thấy nó có đến hai tựa đầu, một là

Mistah Kurtz - he dead (M.K., nó chết) .

in dưới niên biểu *1925,* ở tờ đầu để trắng, và hai là

A penny for the Old Guy (một xu cho Lão Guy)

ngay đầu bài thơ. Lại còn đầu đề THE HOLLOW MEN (Những Người Rỗng), chính thức trùm lên cả bài thơ, để định rõ ý nghĩa, nếu không phải là đối tượng thì cũng là của hình ảnh để qui chiếu đối tượng.

Mỗi đề từ này có một điển cố.

Người rỗng, hollow men, được nói tới đầu tiên bởi Shakespeare, trong kịch *Julius Caesar*

Khi tình yêu bắt đầu đau ốm và tan rã,
Thì dùng đến một nghi lễ bắt buộc phải theo.
Không có mẹo lừa chi cả, trong lòng tin thật thà giản dị,
Mà chỉ có những người rỗng...
(Hồi IV, màn 2)

/Người rỗng/ của Shakespeare là những người chỉ còn hình thức, đã hết tin và hết yêu, nhưng vẫn như còn yêu thương cho đến khi vào cuộc chiến thì lộ chân tướng "như ngọc giả, khi thử, thì xẹp lép." Tuy nhiên không nhận điển cố ấy, và chỉ nhận rằng nhà phê bình G. Tillotson nói có phần đúng, người rỗng là kết hợp hai tựa đề sách, một của William Morris *(The Hollow Land:* Đất Rỗng), một của Rudyard Kipling *(The Broken Men:* Những Người Đã Gẫy Gục). Shakespeare là đại văn hào của Thế kỉ thứ Mười Sáu mà không một người Anh nào không biết, nhưng ít ai đọc nổi *Julius Caesar* (một kịch lịch sử về Roma) và càng ít người hơn nhớ đến */những người rỗng/* của Ông Sẩm Già ở Avon, tuy rằng phần lớn các cặp tình nhân đã ít nhiều "rỗng" sau một thời gian chung sống. Nhưng hai cuốn tiểu thuyết đương thời của hai tác giả thời danh thì chưa hoàn toàn bị lãng quên trong xã hội Anh quốc giữa hai Thế Chiến.

*

Tôi nói hơi dài dòng về một điển cố văn chương vì cũng vào khoảng này, trong những năm ba mươi của Thế kỉ thứ Hai Mươi, Phong trào Thơ Mới ra đời ở Việt Nam và các thi sĩ của Phong trào cùng với bạn bè đã kịch liệt đả phá sự dùng điển trong thơ văn. Thực ra thì đây chỉ là một cái cớ và một cách để quét *Chinh Phụ Ngâm* và *Đoạn Trường Tân Thanh* vào thùng rác và rước Nàng Thơ *(La Muse)* của Alfred de Musset vào thơ Việt Nam sau vụ khởi nghĩa thất bại ở Yên Bái. Nhưng cả một nền văn-học song-ngữ hơn hai ngàn năm của một thời đại độc lập xưa không thể bị hất đi một cách dễ dàng như thế, mặc dầu thơ mới trong khoảng 15 năm sau đó cũng để lại được một số bài có thể còn sống sau một trăm năm. Và với Vũ Hoàng Chương cùng các thi hữu

thuộc thế hệ thứ hai của Thơ Mới, điển-cố Hán-Việt cổ lại trở lại Văn đàn Việt Nam, những hình ảnh thanh nhã xưa của dân tộc lại về trong thơ, với thơ. Như hai câu lục bát của thi sĩ Đinh Hùng:

Chèo đưa mây dáng ngập ngừng
Lao xao hoa nắng thủy cung in hình
(Thủy Mặc)

hay hai câu thơ trong *Thơ Gởi Vợ* của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, viết từ Nhà tù Chí Hòa, tháng Sáu năm 1976, vài ngày trước khi chết:

Thấm thoát vào đây tháng đã tròn
Lông hồng gieo xuống nặng bằng non

Điển *lông hồng/non Thái* không cần phải giảng, không một người Việt Nam nào không biết, không phải từ uyên nguyên trong *Sử Kí* của Tư Mã Thiên ("tính mạng của ta, nặng như núi Thái, nhưng cũng có lúc phải coi nhẹ như một sợi lông tơ"), qua thơ của Lí Bạch mà bắt đầu từ những bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn (? - 1745?).

Trương phu thiên lí chí mã cách
Thái sơn nhất trịch khinh hồng mao.

mà Đoàn Thị Điểm (1705-1748) phiên là:

Trượng phu mã cách quản bao
Ra tay Non Thái dường gieo lông hồng.

và Phan Huy Ích (1750-1822) dịch:

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái sơn nhẹ nhử hồng mao (4)

Dưới ngọn bút của Vũ Hoàng Chương, không những điển rất cổ kính và nghiêm trọng trên được chuyển thành tình cảm rất chân thực và thân mật của một người tự biết là sắp bị chết gửi cho vợ, mà còn nói ra sự thấm nhuần Đạo Phật của thi sĩ và lòng thương xót vợ con của một con người. Điển cũ được đảo nghịch và nhân loại hóa để cá nhân hóa:

Sử-kí và Chinh phụ	Thái sơn ⟹ Hồng mao
Vũ Hoàng Chương	Lông hồng ⟹ Non (Thái) (Thi sĩ bóc cái nhãn hiệu made in China của điển đi)

Coi tính mạng của mình nặng như núi Thái là vì Nho giáo dạy rằng thân ta là của cha mẹ (*Công cha như núi Thái sơn);* nhưng khi có lệnh của vua thì phải coi nhẹ như một cái lông tơ (*quân thần* trên *phụ tử).* Đó là đạo đức phong kiến. Miễn bình luận.

Coi cái tính mạng của chính mình như sợi lông hồng, vô thường, vô ngã, là cốt tủy của Đạo Phật. Thi sĩ bình nhật vẫn không cho cái thân xác mình là quan trọng:

Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?
ngọc đá cũng thành tro
lụ a tre dầ n mụ c ná t vớ i thờ i gian lê vế t má u qua đi (1963) (5)

và ngay cả thơ cũng mất:

vần điệu của Thi nhân chỉ còn là rợm rác
và chỉ nguyện được là rơm rác, (1963) (5)

nhưng trước cái chết (*chết theo vào đến lưng chừng* - 1976):

Ngày tới bữa ăn càng nhớ vợ
Đêm về giấc ngủ lại thương con, (1976)

thì lại thấy rằng cái mạng sống mà mình cho là nhỏ nhoi, nó nặng đến thế nào cho những người còn phải sống trong tình thương nỗi nhớ. Thi sĩ không viết mướn cho chính quyền, cũng không tâng bốc một giai cấp nào cho họ liều mình vì chúa. Thi sĩ thật với mình. Thi sĩ trung với lòng mình, và với cái tâm có tình, có trí, của con người.

Những ai biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương trước những ngày ông bị bắt, có lẽ còn có thể hiểu được bài thơ *Thơ Gởi Vợ* của thi sĩ nhiều hơn nữa, thực hơn nữa, bằng xương bằng thịt. Ông gầy như thể toàn thân chỉ còn là thơ, và thường chỉ từ Gác Bút ở Phường Cây Bàng qua đường Phan Thanh Giản đến Chùa Giác Minh đàm đạo về Thơ và Giáo lí với Thượng tọa Đức Nhuận. Ở trong tù (vì cớ gì? có án lệnh không? có hỏi cung không? có "tờ tự thú" như trong các Vụ Án Moscova không?), tôi cũng không hiểu làm sao thi sĩ có thể *"xác mỏi mòn"* hơn nữa sau một tháng *"một manh chiếu bả"* và *"ba chén cơm rau"*?

Lông hồng gieo xuống nặng bằng non

không phải là một điển xưa tích cũ đã mòn được lộn ngược lại, mà là một sự thật cân được bằng cái mạng của nhà hóa học Lavoisier của thi sĩ André Chénier mà Cách Mệnh Pháp còn mang trong lương tâm cũng như trong đời sống, hơn hai trăm năm sau và mãi mãi khi đưa hai thiên tài vô tội ấy lên máy chém (6).

*

Tôi xin lỗi các độc giả vì đã ra ngoài đề, mà còn nợ hai điển cố với một bài thơ.

Bài thơ *Những Người Rỗng* của T.S. Eliot còn có hai cái chìa khóa, là hai đề-từ dùng làm tựa cho bài thơ, cho những ai chưa bằng lòng với sự truyền đạt của thơ và muốn tìm nghĩa lí của bài thơ.

Hai điển cố bị cắt rời ra trong bản in. Dưới đầu đề (tựa đề) *Những Người Rỗng (The*

Hollow Men) và niên biểu *1925* là:

Mistah Kurtz - he dead

M. K. - nó chết

Trên bài thơ, ở một trang khác trong thi tập, là:

A penny for the Old Guy

Một xu cho Ông Già Guy

Lão Guy

(Lão già)

Old Guy (đọc: [gai]) thường chỉ có nghĩa là "Lão Già" /Guy/, danh từ chung, đặc biệt của tiếng Anh (và tiếng Mĩ, T.S. Eliot là người gốc Mĩ, sinh tại St Louis, Missouri, học tại Harvard, trước khi sang học ở Cambridge, anh và Sorbonne, Paris, Pháp, rồi lấy quốc tịch Anh), là một từ của cấp bình dân, tương đương với Pháp/*gars, garcon/*; giống cái của */guy/* là */gay/*, Pháp */garce/*, ít dùng bởi giới gọi là "có học."

/Guy/ viết hoa, là danh từ riêng. Người Pháp cũng có dùng tên này, nhưng hiếm khi, như Guy de Maupassant (nhà văn), Guy de Chauliac (giải phẫu gia Trung cổ).

The Old Guy là một người lịch sử, bất cứ người Anh nào cũng biết.

Tên thật của hắn là Guy Faukes. Sinh năm 1570, cha mẹ theo Đạo Cải Cách (Tin Lành), nhưng hắn bị dụ trở về với Đạo Catho; sang Ipanha đăng lính đánh Holan (bỏ Đạo), trở thành một tên cuồng tín và bị một tên cuồng tín khác là R. Catesby tuyển về lại Anh quốc để âm mưu lật đổ vương quyền, khi ấy là do vua James I lãnh đạo, ngõ hầu lập lại Đạo Catho ở nước Anh. Ngày 5 tháng 11, năm 1605, Guy đem thuốc súng vào Quốc Hội, chờ đúng lúc vua đến khai mạc Quốc Hội sẽ cho nổ chết hết. Nhưng bị bắt quả tang trong hầm Điện Westminster với thùng thuốc nổ, hắn đã bị tra tấn tàn nhẫn và bị xử giảo. Còn tên đầu đảng Catesby thì bị bắn chết khi chống cự lại lính đến bắt. Vụ này gọi là vụ Âm mưu Thuốc súng (Gunpowder Plot).

Từ đó, ngày 5 tháng 11 thành một ngày hội trẻ con được đốt pháo, diễn lại vụ Thuốc súng ở Quốc Hội. Trẻ con nhà nghèo không có tiền mua pháo thì lấy những mụn vải may thành hình người, nhét rơm vào đem ra đường phố xin tiền; gặp ai cũng chặn lại, xin *"a penny for the Old Guy,"* "một xu cho lão Guy." Có tiền mua pháo rồi thì các hình nhân chất lên để đốt. Tục này cũng giống như trẻ con Việt Nam ngày xưa, cứ tối ba mươi Tết thì dắt nhau đi các nhà, đến cửa nhà nào thì hát *"Súc sắc súc sẻ / Nhà nào còn đèn còn lửa / Mở cửa cho anh em chúng tôi vào..."* để chúc tụng và xin tiền mở hàng. Điển *"Lão Guy"* dĩ nhiên có một ý nghĩa khác.

Còn Mistah Kurtz, trong đề từ thứ nhất, thì là nhân vật chính trong truyện ngắn *Heart of Darkness* (Tim của Tối tăm, 1905) của J. Conrad, một tiểu thuyết gia gốc Polan, quốc tịch Anh, sống vào cuối Thế kỉ thứ Mười Chín. Chuyện xảy ra ở Congo, Africa. Kurtz là một người hung dữ, tàn ác, nhưng hắn không bị bắt và bị hành tội. Hắn cũng chết, nhưng được chết tự do. *Heart of Darkness* là một tác phẩm được đón nhận bởi các phê bình gia như một khai phá mới, kì diệu, trong văn thể truyện ngắn, và đã mở đầu cho một dòng sáng tác đặc sắc trong Thế kỷ thứ Hai Mươi.

Với những kiến thức ấy, đọc tác phẩm của T.S. Eliot, ta thấy *Những Người Rỗng* không còn truyền đạt sự tranh đấu nữa, mà truyền cảm một nỗi buồn mênh mang về những mập mờ trong sự sống và sự chết của người ta, mà tôn giáo chỉ cho những hình ảnh lạnh lẽo, vô tình trống không của một vương quốc hoàng hôn.

Tôi không đưa hết bản dịch Việt văn của tôi vào báo. Trước hết là vì tuy chỉ có 98 dòng, nhưng cũng quá dài với một tờ báo. Chính T.S. Eliot cũng viết từng đoạn một, năm đoạn để ở năm nơi trước khi gom lại thành một bài đầy đủ. Ngoài St-John Perse đã công bố bản dịch đầu tiên của Phần I (1925), còn có ba dịch giả Pháp nữa (7), và cả ba dịch giả đã đưa ra hai, ba và năm bản dịch, mỗi bản dịch có những đoạn hay những câu tuyệt hay, mỗi bản dịch có những khám phá kì diệu, nhưng không bản nào có thể gọi là toàn bích. Khi dịch *The Hollow Men* từ Anh ngữ sang Việt ngữ, tôi đã được tham khảo cả bản dịch đầy đủ và được đọc một số những lời phê bình của các học giả Anh và Pháp về mỗi bản dịch. Trong việc dịch cũng như việc tìm hiểu, tôi đã nhờ rất nhiều vào sách của G. Williamson *(Hướng dẫn Độc giả vào T.S. Eliot* , New York, 1949). Cuốn sách của bà J.F. Hooler *(Những thơ của T.S Eliot dịch ra Pháp văn,* UMI Research Press, Ann Arbor, 1983), thực là quí báu về tài liệu. Sau cùng, chính tập bài giảng của T.S. Eliot ở Cambridge và ở Đ.H. Johns Hopkins về *Các Loại Thơ Siêu Hình* (Faber-Faber, London, 1993) đã giúp tôi rất nhiều để hiểu được thơ

siêu hình Anh, Pháp và chính thơ của T.S. Eliot, một cách gián tiếp.

Tôi không thể trích đăng được hết các bài dịch và bắt buộc phải chọn. Theo sự chỉ dẫn của Ô. Hayward (bạn thân của T.S. Eliot) và bà Hooker, một bản dịch của Pierre Leyris đã được lựa ra (bản cuối, 1976). Leyris là người cầm đầu ban Anh văn của Nhà xuất bản Seuil, Paris. Ông đã dịch được nhiều tác gia, từ Blake đến Yeats (hơn 20 người), qua E. Brote, Shakespeare... Ông lại đã được chính T.S. Eliot và bạn thân là Hayward chỉ dẫn để tìm từng chữ cho xác đáng và hay trong nhiều năm, từ 1947 cho đến khi Eliot chết (1965). Tôi hoàn thành việc dịch vào khoảng đầu năm 2000, và đã cất bản dịch ấy đi để xét lại một năm sau, với một sự hiểu có lẽ thâm sâu hơn về bài thơ của T.S. Eliot. Kết quả sau mấy tuần sửa chữa là bản dịch thứ hai. Tôi biết rằng vẫn chưa ổn khi so sánh với P. Leyris: từ 1936 đến 1976, ông đã cho ra năm bản dịch: đó là dịch từ Anh văn sang Pháp văn, hai, ngôn ngữ bà con gần như Hán văn với Việt văn, và với sự liên tục thảo luận với tác giả! Lời nói của Paul Valéry đúng, không những cho thơ sáng tác, mà cả cho thơ dịch: "một bài thơ không bao giờ có thể xong được."

*

Hai bài dịch Việt ngữ đều là dịch thẳng từ Anh ngữ, nhưng với sự tham khảo mà tôi đã kể rõ ở trên. Trừ bài dịch thơ của St-John Perse, không có bài nào dịch từ các bài dịch Pháp văn.

Đoạn I, 18 câu, được dịch theo từng dấu phẩy, vì chấm câu cũng như các khoảng cách và các điểm ngưng cũng là thơ. Tôi chưa thành công hẳn, vì nhiều chữ (từ) của nguyên văn có hai ba nghĩa mà tiếng Việt không dịch được hết. Tôi chỉ bằng lòng có một chữ */we/* dịch là */chúng ta/*, nghĩa là "tôi + các bạn," không phải là */chúng tôi/*, nghĩa là tôi và (chúng) nó," loại các bạn ra. */We/* cũng như */nous/* không có sự phân biệt ấy. Theo đông văn, */we/* trong thơ là "chúng ta." Chúng ta là những người rỗng, như những hình nhân bằng vải hình tượng Lão Guy. Đối lại với những "kẻ đã đi rồi," như Mistah Murtz (*nó chết*). Đó là đối nghịch thứ nhất trong khung cảnh của một nhà thơ, chúng ta - những người nộm - họp nhau rầm rì cầu nguyện cho những người "ra đi."

Hình nhân Lão Guy	Mistak Kurtz
Bị chết	Chết
(Chúng ta), nộm	Người chết (chết thật)

Đoạn II là một mộ địa, đối nghịch với cảnh giới của Đoạn I, là thánh đường của nhà thờ:

Vương quốc (chết) (viết hoa)	vương quốc mơ (chết) (hoàng hôn)
Tôi (không gần) (hóa trang)	Các con mắt không hiện Các tiếng nói đang lu

Tôi chỉ gửi lời chào các bạn đọc vì chỉ giới thiệu thơ chứ không biết giảng thơ.●

2001

Chú thích

(1) Tôi không hiểu rõ T.S. Eliot muốn nói gì khi ông dùng danh từ *"measure."* Từ này thuộc về âm nhạc nếu không phải là ngôn ngữ thông thường. Trong thi pháp danh từ *meter* (Pháp *mètre*), tôi thường dịch là *thi thước*.

(2) St-John Perse, thi sĩ Pháp (1887-1975), bắt đầu làm trong ngành ngoại giao (Tổng thư kí Bộ, 1933), bị cách chức và bị đuổi ra khỏi quốc tịch Pháp năm 1940 vì chống lại chủ nghĩa quốc xã của Hitler. Ông sang Hoa Kì và năm 1941, được Tổng thống Roosevelt mời làm cố vấn chính trị về nước Pháp. Sau Thế chiến II, năm 1957, ông trở về Pháp. Năm 1960, ông nhận Giải Nobel với quốc tịch Pháp.

3) *Anabase* (1924) một bài thơ lớn của St-John Perse, cũng được T.S. Eliot dịch sang Anh văn (1930). Eliot viết rằng ông chỉ có một mục đích, là "giới thiệu một nhà thơ lớn và mới cho một số độc giả nước ngoài, và giúp cho sự hiểu thơ của thi sĩ này được dễ dàng hơn, vì bài thơ này khó và không thể nào giảng giải được bằng cách nào khác là bằng chính nó."

Đó cũng là mục tiêu của bài này. Nhiều bài thơ, dịch *may ra* mới có thể nói được hết ý của một bài thơ hay. Sự truyền cảm là một vấn đề khác.

(4) Theo sách *Chinh Phụ Ngâm Bị Chú* của G.S. Hoàng Xuân Hãn.

Theo G.S. Lê Hữu Mục thì câu này phải được đọc là:

Gieo Thái sơn nhẹ *nữa* hồng mao

còn thông thường, học trò đời nay, không cần biết ngữ cổ, vẫn quen đọc là:

Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao

(5) Vũ Hoàng Chương - *Lửa Từ Bi*, Saigon, 1963.

(6) Antoine L. Lavoisier (1743-1794), hóa học gia Pháp, người đầu tiên đã dùng cái cân để cân các chất trước và sau mỗi thí nghiệm hóa học, và bác bỏ được một thiên kiến rằng *nhiệt* (heat, chaleur) là một chất; ông đặt ra nguyên lí về sự bảo tồn vật chất, khám phá ra chất *oxygenum* (dưỡng khí)... Hóa học khoa học nhận Lavoisier là ông Tổ. Cách mệnh Pháp giết.

NM. André Chénier (1762-94) là thi sĩ Pháp đầu tiên đem tình cảm vào thơ. Cách mệnh Pháp giết.

(7) Ngoài ba dịch giả có thể gọi là chuyên nghiệp này (P. Leyris), G. Cattaui, C. Moncheur) và thi sĩ St-John Perse, còn phải kể vài danh sĩ đã dịch một hai bài của T.S. Eliot, là André Gide, triết gia Jean Wahl, G.S. Cazamian.

The Hollow Men

1925

Mistah Kurtz–he dead.

A penny for the Old Guy

I

We are the hollow men
We are the stuffed men
Leaning together
Headpiece filled with straw. Alas!
Our dried voices, when
We whisper together
Are quiet and meaningless
As wind in dry grass
Or rats' feet over broken glass
In our dry cellar

Shape without form, shade without colour,
Paralysed force, gesture without motion;

Those who have crossed
With direct eyes, to death's other Kingdom
Remember us–if at all–not as lost
Violent souls, but only
As the hollow men
The stuffed men.

II

Eyes I dare not meet in dreams
In death's dream kingdom
These do not appear:
There, the eyes are
Sunlight on a broken column
There, is a tree swinging
And voices are
In the wind's singing
More distant and more solemn
Than a fading star.

Let me be no nearer
In death's dream kingdom
Let me also wear
Such deliberate disguises
Rat's coat, crowskin, crossed staves
In a field
Behaving as the wind behaves
No nearer–

Not that final meeting
In the twilight kingdom

T.S. ELIOT, 1925.

Những Người Rỗng

1925

Mistah Kurtz – nó chết

Một xu cho Lão Guy.

I

Chúng ta là những người nộm
Chúng ta là những người nhồi
Chân dựa cùng vào nhau
Mốc sọ trọng đầy rơm - Ôi!
Tiếng nói chúng ta khô, khi
Chúng ta cùng rầm rì.
Trầm lặng vẻ rỗng ý
Như gió trong cỏ nọ
Hay chân chuột trên li vỡ
Trong hầm ta cạn khô

Dạng không hình, bóng không sắc,
Sức tê liệt, cử không động;

Những kẻ đã băng qua
Thẳng thắn, đến Vương-quốc khác của chết
Còn nhớ ta – nếu còn – không như hồn
Dữ mất, mà chỉ
Như những người rỗng
Những người nhồi.

II

Những con mắt tôi không dám gặp trong mơ
Cái vương quốc mơ của chết
Chúng không hề hiện:
Ở đó, các mắt là
Ánh nắng trên cột gãy
Ở đó, có đong đưa một cây
Và các tiếng nói là
Trong tiếng ca của gió
Xa xôi và trọng thể
Hơn vì sao đang lu.

Chớ để tôi gần hơn
Trong vương quốc mơ của chết
Hãy cho tôi cũng bận
Các hóa trang cẩn trọng
Áo chuột, da quạ, cọc chữ thập
Trong một cánh đồng
Xử sự như gió xử
Không gần hơn –

Không sự gặp cuối ấy
Trong vương quốc hoàng hôn

TRẦN NGỌC NINH dịch, 2001

VÀI SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TUẤN

LTS. *Tháng 10 năm ngoái, Nhà văn Phạm Thị Hoài phát biểu về "Tư cách chính thống của trí thức Việt Nam" trong cuộc trao đổi do báo Cánh Én tổ chức tại Bá Linh (Berlin, Đức). Bài phát biểu của Phạm Thị Hoài dẫn đến một cuộc tranh luận trên liên mạng (Internet) về vai trò của người trí thức trong xã hội Việt Nam. Bài viết sau đây của tác giả Nguyễn Văn Tuấn là một trong những bài thảo luận trên diễn đàn đó. Bài viết đã được tác giả hiệu đính lại cho Thế Kỷ 21.*

*

Người Âu Mỹ ở các nước tư bản theo thể chế dân chủ thường hay có thói quen đặt vấn đề. Bất cứ lúc nào, người dân cũng có thể tìm ra vấn đề và đặt vấn đề. Ngay cả trong lúc nền kinh tế của họ đang trong thời kỳ phát triển mạnh, và họ có một hệ thống an sinh xã hội khá an toàn, nhưng người dân luôn luôn tìm thấy những khiếm khuyết để mà tìm cách thay đổi cho tốt hơn. Có lẽ đã bị quen (hay "nhiễm") với những xã hội định hướng vấn đề (problem-oriented society), tôi cũng có thói quen đặt những câu hỏi.

Nỗi nhục

Đối với nước ta, tìm vấn đề là một việc cực kỳ dễ dàng, vì ở Việt Nam, người ta nhìn đâu cũng thấy có vấn đề, hay có thể đặt ra những câu hỏi. Hãy tạm để qua một bên những cái vinh quang, những chiến công hiển hách, những tự hào chính đáng của dân tộc, ta hãy nói đến những "vấn đề" hiện nay. Theo tôi, những vấn đề này là đất nước ta bước vào một thiên niên kỷ mới với rất nhiều điều không mấy gì đáng tự hào: trình độ dân trí chưa cao; kinh tế lạc hậu, nghèo nàn; và nhất là thu nhập bình quân còn quá thấp. Cả nước Việt Nam với gần 80 triệu dân, nhưng chỉ có khoảng một triệu người có trình độ cao đẳng hay đại học trở lên. Gần 74% lực lượng lao động làm trong lĩnh vực nông nghiệp, và 93% trong số này chưa bao giờ qua trường lớp về canh tác nông nghiệp. Nhưng điều đáng quan tâm nhất là, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, trong năm 1997, Việt Nam đứng hạng thứ 186 trong tổng số 200 nước về thu nhập bình quân đầu người, và đứng hạng 167 nếu tính theo sức mua của thu nhập. Thu nhập bình quân đầu người ở nước ta chỉ bằng một phần 10 thu nhập của Thái Lan. Nói tóm lại, Việt Nam đang là một trong những nước lạc hậu nhất và nghèo nhất thế giới (ai trong chúng ta cũng biết điều này). Có thể nói rằng đây là một nỗi nhục lớn của người Việt. Cách đây không lâu, một nhà trí thức ở trong nước có viết một bài luận văn ngắn mang tựa đề hết sức cảm tính, *"Rửa nhục,"* kêu gọi thanh niên và giới trí thức trong nước đang học hay làm trong các ngành khoa học và kinh tế phải rửa cho được cái nhục lớn này.

Trong một loạt bài bình luận và đánh giá về nền khoa học ở các nước Đông Nam Á Châu gần đây (khoảng giữa năm 1998) trên Tạp chí *Science* (một tạp chí khoa học quốc tế có ảnh hưởng thuộc vào hàng số một trên thế giới), họ *không có một chữ nào* dành cho nền khoa học và cống hiến của các nhà khoa học Việt Nam. Xin lập lại: không một chữ nào, kể cả hai chữ "Việt Nam." Nhưng họ dành khá nhiều trang cho nhiều nước trong vùng, trong đó có các nước mà ta từng gọi họ một cách khinh bỉ là "mọi" như Thái Lan, Mã Lai Á, và Nam Dương. Có lẽ còn mang chút tự ái vặt trong máu, tôi đã viết một "commentary" trên *Science* nhắc nhở họ rằng nước Việt Nam chưa bị xóa tên trên bản đồ thế giới, người Việt chúng ta vẫn còn có mặt ở Á châu, và có mặt trên trường khoa học quốc tế. Tôi cũng nhắc họ rằng, người Việt Nam có cống hiến trong mọi ngành khoa học, kể cả nghiên cứu và thám hiểm không gian do NASA của Hoa Kỳ

chủ trì. Nhưng giữa chúng ta ở đây, tôi phải thú nhận là trong bài đó, tôi chẳng lấy gì làm tự hào, khi mà thành tích của ta còn quá kém, và tôi cũng chẳng đưa ra được một đóng góp nào lớn lao của ta.

Tiếp theo đó là một cuộc điều nghiên trên 65 trường đại học ở Á Châu được công bố trên tờ tuần san *AsiaWeek*, trong đó, Đại Học Quốc Gia Việt Nam được xếp hạng 62, sau cả các đại học nhỏ của Mã Lai Á và Phi Luật Tân! Mặc dù cách xếp hạng này chỉ là tương đối và có nhiều nghi vấn về phương pháp làm, nhưng tôi nghĩ dù cho phương pháp nghiên cứu có hoàn chỉnh đi nữa thì xác suất Việt Nam đội sổ vẫn rất cao. Kết quả này cũng cho thấy tình trạng đáng ngại về nền giáo dục đại học Việt Nam nói chung và trường Đại học Quốc gia nói riêng. Đối với tôi và những ai từng theo học đại học ở Việt Nam, còn quan tâm da diết đến giáo dục, kết quả này là một sỉ nhục cho nền giáo dục Việt Nam, một nước thường tự hào là có nền "văn hiến" lâu đời. Các bạn có thể cho là tôi cảm tính đi, nhưng thú thật, tôi khó mà tưởng tượng nổi là Trường Đại học Quốc gia Việt Nam, nơi tôi từng học và có lúc dạy, lại tồi đến thế, tồi đến nỗi thua cả các trường đại học "vô danh" của Mã Lai!

Nhưng nghĩ lại kinh nghiệm của chính mình khi mới sang Úc từ trại tị nạn, tôi thấy khó mà nói là đại học của ta "khá". Có thể ta không dở, nhưng chắc chắn là ta không khá. Câu chuyện mà tôi hằng "ấm ức" và thường kể lại cho bạn bè nghe là khoảng 1983, lúc tôi xin vào học lại tại Trường Đại học Sydney, tôi được một nhân viên phỏng vấn để lượng xét trình độ học vấn, và câu đầu tiên ông hỏi là: *"Anh đã tốt nghiệp đại học ở Việt Nam rồi?" "Dạ."* Ông ta hỏi tiếp: *"Thế anh có biết làm phân số không?"* Tôi ngỡ ngàng trước câu hỏi, một phần không tin ở khả năng hiểu tiếng Anh của mình, một phần vì cái tâm lý "hạ mình" của mình, tôi nghĩ ngô nghê rằng biết đâu "phân số của bọn Tây" phức tạp hơn phân số mình học thì sao, nên cách hay nhất là nói "không" cho chắc ăn, rồi sau này mình làm được chắc cũng chẳng ăn nhằm gì! Nghĩ thế, tôi ngập ngừng trả lời *"Dạ, chắc không."* Ông ta cười một cách mỉa mai mà tôi không bao giờ quên cũng như không bao giờ tha thứ ông ta [1]. Sau này, tôi hiểu câu hỏi của ông ta như là một đánh giá thấp về nền giáo dục Việt Nam. Đối với người Úc lúc đó, một nước chiến tranh triền miên thì làm sao mà có một hệ thống đại học hoàn chỉnh. Tuy nhiên, câu hỏi đó nó ám ảnh tôi gần 20 năm qua, và chắc còn ám ảnh vài chục năm tới.

Trí thức Việt Nam tồi?

Những sự kiện trên đây và một loạt "bị thương vì thần tượng" khác đã đem cho tôi một cái nhìn "xét lại" về con người và đất nước Việt Nam, và về chính mình. Điều thú vị là tôi khám phá ra rằng trước đó đã có nhiều người làm công việc này rồi! "Tính vô chính phủ, thói khôn vặt, thói tạm bợ, thói vay mượn, thói dối trá, thói hư danh, thói huyênh hoang, thói ham bằng cấp, thói đạo đức giả" trong con người Việt đã từng được nói đến, và nói đến nhiều lần. Cách đây hơn 30 năm, Giáo sư Nguyễn Hồng Phong ở Hà Nội từng viết một cuốn sách bàn về "Tính cách dân tộc," chỉ ra những thói hư tật xấu của người Việt. Hơn 60 năm trước, Đào Duy Anh trong "Việt Nam Văn Hóa Sử Cương" cũng từng viết: *"Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, những xưa nay thấy ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm, mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, giàu trực giác hơn luận lý. Phần nhiều người có tính ham học, song thích văn chương phù hoa hơn là thực học, thích thành sáo và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động. ... Tính khí cũng hơi nông nổi, không bền chí, hay thất vọng, hay khoe khoang trang hoàng bề ngoài, ưa hư danh và thích chơi cờ bạc."* [2]

Nhưng trong những người thuộc phái "xét lại" này, chưa có ai làm một cách có hệ thống như Nguyễn Gia Kiểng với *Tổ quốc ăn năn* (TQĂN), mà tôi tin là các bạn hoặc đã nghe đến, hoặc đã đọc, cuốn sách này. Tôi đề cập đến TQĂN ở đây là vì phần lớn những gì Phạm Thị Hoài phát biểu về người trí thức Việt Nam đã được Nguyễn Gia Kiểng viết một cách rành mạch hơn, và với một ngôn ngữ cụ thể hơn. Về con người Việt Nam, Nguyễn Gia Kiểng phác họa như sau: *"Người Việt Nam không thông minh hơn ai, có sáng dạ thực nhưng là sáng dạ bắt chước chứ không phải để phát minh. Người Việt có tâm lý tồi kém, không làm việc tập thể được. Người Việt hiếu học, nhưng hiếu học để lấy bằng cấp chứ không phải để lấy kiến thức. Người Việt thiếu tự hào dân tộc và lại đố kỵ, ghen ghét nhau. Người Việt tôn thờ bạo lực và ác độc đối với nhau. Người Việt không có óc phương pháp. Người Việt không biết truyền thông, không biết đọc, không biết viết"* [trang

109], thậm chí *"không biết nói"* [trang 107].

Với giới trí thức Việt Nam, trong chương sách mang tựa đề *"Hai bằng tiến sĩ"* [trang 51-54], Nguyễn Gia Kiểng nhận xét những người nổi tiếng như Nguyễn Mạnh Tường rằng: *"Ông nói nhiều điều đúng, không có gì để phản đối cả, nhưng đều là những điều rất thông thường,"* hay như Trần Đức Thảo: *"Tôi chỉ đọc một tập sách ngắn - đúng ra là một bài dài - của ông nhan đề 'Un itinéraire' (Một lộ trình), trong đó ông tóm lược diễn tiến tư tưởng của ông. Thú thực tôi thấy nó rất xoàng, phải nói thẳng là quá xoàng."*

Nguyễn Gia Kiểng viết tiếp: *"Hình như đối với người Việt, bằng cấp là quan trọng nhất, và một con người trước hết được đánh giá qua những bằng cấp mà mình có. Bằng quí như thế nên tôi đã từng thấy những người 'chơi bằng'. Họ có đủ mọi bằng cấp, mặc dù chỉ làm được có một nghề. Có người ngoài 40 tuổi vẫn còn đi học để lấy thêm một bằng cấp khác, không biết để làm gì. Những thì giờ đó nếu họ dùng để học hỏi mở mang kiến thức thực sự, hay để sống với vợ con, hay ngồi nghỉ ngơi và suy tư thì hay biết mấy.*

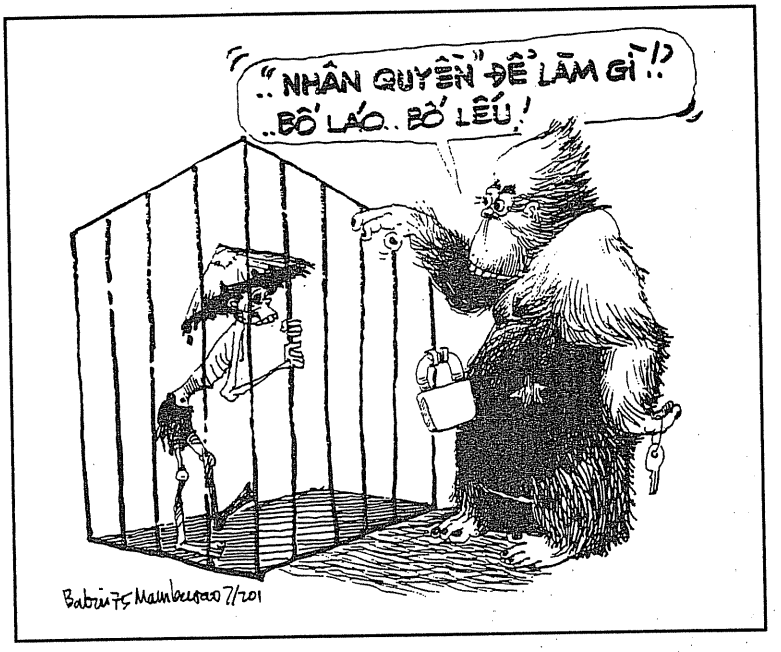

Người Việt Nam mình đánh giá người khác qua bằng cấp và sau cùng tự đánh giá mình qua bằng cấp. Bằng cấp đối với người Việt vì vậy có một tầm quan trọng rất đặc biệt. Có thể nói người Việt Nam đi học để lấy bằng cấp chứ không phải để lấy kiến thức. Bằng cấp không những là phương tiện để lừa người khác mà còn là phương tiện để đánh lừa chính mình.

Nếu bằng cấp là hãnh diện cho kẻ có thì nó cũng là một tủi hổ cho người không có. Một anh lúc còn ở Việt Nam là một tư chức nhỏ, trình độ học vấn của anh ta vào cỡ vào khoảng giữa bậc trung học. Anh ta mơ mảnh bằng tiến sĩ, điều đó vô cùng quan trọng đối với anh, đến nỗi anh vật vã trong hơn mười lăm năm miệt mài, ban ngày đi làm lặt vặt để kiếm sống, tối học đi thi lấy bằng tiến sĩ. Anh ta ghi danh vào một trường đại học không đòi hỏi bằng tú tài và cho anh làm luận án tiến sĩ mà không đòi bằng cao học, nghĩa là một thứ tiến sĩ đại hạ giá. Sau khi đã có bằng tiến sĩ, tôi không thấy anh ta khá hơn trước. Nhưng sự kiện có bằng tiến sĩ khiến anh ta trở nên thoải mái, tự tin, trông mặt anh ta sáng hẳn lên. Ít ra mảnh bằng đã làm cho anh ta hạnh phúc.

Phải giải thích thế nào óc trọng bằng cấp và ham bằng cấp của người Việt? Nó là biểu hiện của một dân tộc thiếu óc làm chủ, một dân tộc có bản năng làm công và làm mướn. Nếu không có ý định đi xin việc làm mà nhất quyết xây dựng một cơ sở của riêng mình chắc chắn người ta không cần bằng cấp, mà chỉ cần kiến thức."

Cách phát biểu bằng những từ ngữ xác định, không chừa một khoảng trống cho tương đối như thế của Nguyễn Gia Kiểng chắc chắn sẽ làm nhiều người khó chịu. Nhưng tôi nghĩ tàng ẩn đằng sau những câu văn gay gắt và chua chát đó là một thái độ trăn trở của một người trí thức. Có lẽ, Nguyễn Gia Kiểng và Phạm Thị Hoài muốn làm theo cách của những người như nhà văn Lỗ Tấn (ở Trung Quốc) và Bá Dương (ở Đài Loan), cố tình quất vào lòng tự ái của đồng bào mình để đánh thức họ ra khỏi cái bệnh trầm kha chỉ quen tự ru ngủ bằng những lời khen thuận nhĩ. Tôi không phản đối cái chủ ý cao quí đó. Nhưng tôi có lý do để chất vấn tính chính xác của những nhận xét này.

Cũng như trong bất cứ một nghiên cứu nào, các dữ kiện phải được thu thập một cách chính xác và có độ tin cậy cao thì kết quả mới có ý nghĩa và đáng tin. Câu hỏi cần đặt ra là:

người Việt Nam nói chung, và trí thức Việt Nam nói riêng, có phải xấu xí, tồi, dở như Nguyễn Gia Kiểng và Phạm Thị Hoài phác họa hay không? Tôi nghĩ ở một tầng số nào đó, cái chân dung mà hai tác giả trên vẽ là có thật, nhưng chưa có dữ kiện nào cho thấy nó là đại diện cho một cộng đồng nói chung cả. Ngay cả trong TQAN, tác giả cũng chỉ dựa vào những mẩu chuyện cá nhân để khái quát hóa cho một cộng đồng.

Thành ra, dù rất tâm đắc với những gì Nguyễn Gia Kiểng và Phạm Thị Hoài nói, tôi vẫn thấy không thể dựa vào những thói hư tật xấu của một số người để kết luận về bản chất của một dân tộc, một cộng đồng được. Những thói hư tật xấu, những cái đi ngược với "tính bản thiện" không thuộc về tính cách của một dân tộc, mà chủ yếu là do dân trí.

Thực ra, tôi thấy hình như dân tộc nào cũng có một vài thói hư tật xấu. Người Do Thái mang tiếng là hà tiện; người Á Rập mang tiếng là bần tiện; người Pháp nổi tiếng cao ngạo; người Mỹ là "vô văn hóa"; người Úc lười biếng... Nhưng đó chỉ là một trong những tật xấu của con người nói chung chứ không phải là "hằng số" biểu hiện tính cách của một dân tộc.

Mà ai là trí thức?

Những nhận xét trên của Nguyễn Gia Kiểng làm tôi liên tưởng đến định nghĩa "trí thức là ai" mà một số bạn đã bàn thảo. Người ta đã tốn nhiều giấy mực để định nghĩa hai chữ này. Tôi không có ý định lập lại làm tốn thì giờ các bạn. Tuy nhiên, tôi muốn hiểu hai chữ "trí thức" theo quan điểm làm khoa học của tôi là: *người trí thức là người sáng tạo ra tri thức mới*. Khi nói "tri thức," tôi muốn nói đến bốn cái hiểu biết của con người mà ai trong chúng ta cũng từng học qua: biết gì (tiếng Anh gọi là *what*) là tri thức loại thông tin; biết làm thế nào (*how*) là tri thức loại khoa học, công nghệ; biết ai và với ai (*who* và *whom*) là tri thức về xã hội; và biết ở đâu và lúc nào (*where* và *when*) là tri thức kinh tế. "Sáng tạo" ở đây có nghĩa là đề bạt, sự cống hiến một tri thức mới cho kho tàng tri thức của con người. Đặt ra một khái niệm mới hoặc đem lại một ứng dụng mới cho các khái niệm cũ cũng có thể cho là sáng tạo. Trong nghiên cứu khoa học, những bài báo mang lại tri thức mới thường được gọi là "Original contributions" (nhưng gần đây cũng có một vài lạm dụng cụm từ này); nhưng những bài mang tính chất "review" (như điểm báo, tổng kết các ý tưởng của người khác, v.v.) không được xem là tri thức mới.

Như vậy, bằng cấp hay có trình độ đại học không hẳn là một điều kiện để trở thành người trí thức. Hiểu theo nghĩa này, một người có bằng cấp, dù là bằng tiến sĩ như anh chàng trong TQAN do NGK kể lại, vẫn chưa là người "trí thức," vì anh ta chẳng sáng tạo ra tri thức gì mới. Những bác sĩ, kỹ sư, luật sư, v.v. nếu chỉ học xong, ra trường, và hành nghề dựa vào tri thức đã có sẵn (mà không có nghiên cứu, sáng tạo tri thức gì mới) không thể là những nhà trí thức. Ngược lại, những người, dù chưa từng qua huấn luyện đại học (như các văn nghệ sĩ) nhưng sáng tạo ra tri thức mới qua tác phẩm nghệ thuật của họ, quả là những người trí thức.

Một số người có đề cập đến người trí thức như là những người chịu dấn thân cho một lý tưởng, có quan tâm đến vận mệnh của đất nước. Theo tôi đây là cách hiểu người trí thức theo nghĩa của chữ *"Intelligentsia"* thời thế kỷ 19 ở Nga. Tức là, những người thuộc giai cấp trung lưu, chịu ảnh hưởng của các ý tưởng Tây phương, không hài lòng với sự lạc hậu của quê hương mình, say sưa với những ý tưởng về xã hội và chính trị của Tây phương, nhưng trong thực tế không làm gì được, do hệ thống chính quyền ức chế lúc bấy giờ.

Có lẽ vì ảnh hưởng cách suy nghĩ trên, nhiều người cho rằng người có học mà không chịu dấn thân vào chính trị, xã hội thì không phải là người trí thức. Nhưng tôi lại nghĩ đã là trí thức thực sự, ai chẳng cố gắng khai sáng, phê phán, thách thức, đánh đổ, vượt qua các ý thức hệ. Đã là trí thức thực sự, ai chẳng dấn thân cho một lý tưởng, dù lý tưởng đó chẳng liên hệ trực tiếp gì đến vận mệnh của đất nước. Theo tôi, do đó, một người làm toán Việt Nam, nếu có sáng kiến mới về một thuật toán đem lại lợi ích cho nhân loại, vẫn có quyền tự hào là người trí thức Việt Nam, dù anh ta chẳng quan tâm đến chính trị. Tôi không chống đối việc nhà khoa học hay văn nghệ sĩ tham gia vào hoạt động xã hội-chính trị, nhưng tôi cho rằng việc tham gia hay không là một quyền lựa chọn cá nhân. Sự kiện người trí thức không tham gia chính trị không đồng nghĩa với cái tư cách trí thức hay không trí thức của anh ta. Nếu mọi người trí thức đều tham gia vào hoạt động chính trị, đều chạy

theo những khẩu hiệu "yêu nước," "yêu tổ quốc," "yêu xã hội chủ nghĩa"... thì chẳng khác gì họ tự làm nhà tù cho chính họ, nếu không muốn nói là vận mệnh của họ chẳng khác gì với một cuộc tự sát tập thể.

Hãy tạm hiểu trí thức là "những người sáng tạo ra tri thức mới," câu hỏi kế tiếp là có bao nhiêu người như thế ở trong và ngoài Việt Nam? Trong thực tế, những người sáng tạo ra tri thức mới, nhất là các tri thức khoa học và kinh tế, thường là những người có trình độ đại học, nhất là hậu đại học, trở lên. Nhưng như nói trên, không phải người có trình độ đại học nào cũng sáng tạo ra tri thức mới. Theo kinh nghiệm cá nhân ở các đại học, chỉ khoảng 5% trong giới có bằng cấp đại học là tham gia trực tiếp vào việc sáng tạo tri thức. Như vậy, về mặt tổng quan, căn cứ vào con số người có trình độ đại học để ước đoán lực lượng trí thức tưởng cũng hợp lý.

Hiện nay, theo thống kê, toàn Việt Nam có khoảng một triệu người có trình độ đại học. Ở hải ngoại, tôi đọc đâu đó (hình như là thống kê trong nước) cho thấy số người có trình độ đại học trở lên ở nước ngoài khoảng 300 ngàn. Như vậy, số người trí thức Việt có bằng cấp đại học chỉ khoảng 65 ngàn. Rất khó mà biết trong số những người không có bằng cấp đại học bao nhiêu là trí thức, nhưng hãy cứ cho là 65 ngàn. Như vậy, có thể ước đoán rằng lực lượng trí thức người Việt Nam - trong và ngoài nước - chỉ xấp xỉ 130 ngàn người. Đó là một con số nhỏ cho một dân số gần 80 triệu. (Nhưng cũng là một con số cần tranh luận). Với một lực lượng trí thức nhỏ như thế và một lực lượng người có học thấp như thế, người ta có thể giải thích mọi hiện tượng tiêu cực ở Việt Nam, kể cả vấn đề phát triển kinh tế và èo uột khoa học.

Tại sao ta dở?

Nhưng dù có biện minh thế nào đi nữa, dù có dùng con số gì đi nữa, chúng ta vẫn phải đối đầu với một thực tế là: nước Việt Nam còn nghèo, và dân trí Việt Nam còn thấp. Tại sao người Việt Nam chúng ta kém như thế? Trong TQĂN, Nguyễn Gia Kiểng chỉ tay thẳng vào Khổng giáo và Khổng Tử như là một câu trả lời. Nguyễn Gia Kiểng cho rằng Khổng Giáo đã nhào nặn ra con người Việt Nam. Ảnh hưởng Khổng giáo ở Việt Nam cực kỳ tai hại: nó làm cho người dân trở nên thủ cựu, chỉ lặp lại những gì đã làm, mà không sáng tạo; nó là mầm mống cho độc quyền; làm cho người Việt sùng bái người xưa một cách bệnh hoạn; biến người Việt thành một dân tộc thích logic bạo lực; nó phủ nhận tri thức mới, và do đó, bài bác việc mở mang tri thức.

Theo Nguyễn Gia Kiểng, Khổng Tử là một người không có tài trí gì đặc biệt, nghèo nàn về tình cảm, kém về tư tưởng và nhận thức xã hội. Ông cũng chẳng chứng tỏ là người có lòng nhân đạo; ngược lại, ông mạt sát những người thứ dân khốn khổ một cách thô bạo: "Người quân tử mà có đạo thì yêu người; kẻ tiểu nhân mà có đạo thì dễ sai." Người đời sau cho rằng Khổng Tử là người có đức lớn, nhưng "Đức" ở đây chỉ là làm theo đúng nghi lễ, không phải có lòng tốt, vì ông chưa từng giúp ai cả. Ngoài ra, ông còn tỏ ra là người đạo đức giả: ông cũng mê nữ sắc, nhưng luôn khuyên học trò phải luôn luôn hành xử như là người "quân tử."

Tôi không đủ kiến thức về Khổng giáo hay Khổng Tử để biết những nhận xét của Nguyễn Gia Kiểng đúng hay sai, nhưng thú thật, dù có nhiều điều tôi không đồng ý với tác giả, tôi thấy những nhận định chung trên đây về ảnh hưởng của Khổng giáo đến tinh thần học hỏi của người Việt Nam có độ thuyết phục khá cao. Nhưng là người làm trong lĩnh vực giáo dục, tôi muốn bàn cụ thể hơn, bằng cách khởi đầu với câu hỏi: chúng ta đã và đang được huấn luyện như thế nào? Lấy kinh nghiệm của chính cá nhân, và qua theo dõi tình hình giáo dục ở trong nước, tôi có những nhận xét như sau.

(Còn tiếp)

Chú thích:

[1] Gần 10 năm sau, khi tôi về lại trường này để nghiên cứu, tôi vẫn chưa quên "mối thù làm phân số," nên sau khi xong thủ tục hành chính, tôi tìm lại viên chức ngày trước để hỏi lại câu hỏi vô duyên "Ông biết làm phân số không?" Ông công chức giờ đây đã già, nhìn tôi ngơ ngác chẳng hiểu tôi nói gì. Tôi kể lại cái giây phút lịch sử bốn năm về trước cho ông nghe; ông ta ôm tôi xin lỗi rối rít và nói là không có ý xúc phạm, mà chỉ là một câu hỏi đùa. Chẳng biết sao lúc đó, khi nghe ông ta nói thế, tôi lại rất hối hận và thấy mình quá nhỏ mọn; tôi thấy thái độ ăn thua đủ đó của mình sai và xấu hổ. Tôi tự nhủ và quyết tâm gột rửa cái "Việt Nam tính" từ đó. Bây giờ nhắc lại câu chuyện này tôi vẫn còn thấy mình xấu hổ.

[2] Trích *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào Duy Anh. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh tái bản năm 1992. Trang 24-25.

VƯƠNG HỮU BỘT

KINH TẾ MỸ CÒN HY VỌNG

Ai cũng thắc mắc không biết trong tháng Tám liệu Quỹ Dự trữ Liên bang (Fed) còn cắt lãi suất lần nữa hay không - lần thứ bảy kể từ đầu năm nay. Hai tuần liền cuối tháng Bẩy, ông Alan Greenspan, chủ tịch Quỹ, tức Ngân hàng Trung ương Mỹ, ra trước Quốc hội điều trần về tình trạng kinh tế liên bang và chính sách tiền tệ. Ông hé hé cho thấy có thể lãi suất còn được giảm lần nữa.

Ông Greenspan nói với các đại biểu: "Chúng ta đang thấy dấu hiệu của chỗ đáy thấp nhất (bottom của kinh tế Mỹ) đang bắt đầu thành hình." Nghĩa là kinh tế có dấu hiệu tăng nhịp phát triển, nhưng ông Greenspan không dại gì nói rõ rệt như vậy.

Kinh tế Mỹ sau mười năm gia tăng liên tục đã giảm tốc độ tăng trưởng cả năm qua. Từ tỷ lệ 5%, 6% năm ngoái giảm xuống chỉ còn tăng thêm 1%, 2% trong năm nay, và từ giờ đến cuối năm hy vọng chạy đều đều không giảm tốc độ nữa. Và chắc không đến nỗi suy thoái. Kinh tế gọi là suy thoái khi tổng số sản xuất giảm đi chứ không tăng và giảm liền hai quý. Tình trạng này mới xảy ra cho hai nền kinh tế xưa nay vốn rất mạnh là Nhật Bản và Singapore.

Nhưng nếu quả quyết nói rằng kinh tế Mỹ sắp lấy lại phong độ trẻ trung như ba bốn năm trước đây thì không ai dám nói. Thống kê chính thức về quý thứ nhì cũng chưa có, tình trạng ba tháng sắp tới cũng không ai biết chắc. Cho nên ông Greenspan theo đúng câu tục ngữ Việt Nam, "Làm trai, cứ nước hai mà nói." Vì hiện có nhiều dấu hiệu còn mù mờ chưa chắc chắn, mà ngay cả khi có các con số thống kê rõ rệt thì cách giải thích chúng bây giờ cũng phải thay đổi chứ không theo sách vở kinh tế học cũ nữa.

Một năm nước Mỹ sản xuất các hàng hóa, dịch vụ khoảng 10 ngàn tỷ đô la, bằng 23% sản lượng thế giới nếu tính theo hối suất đô la. Có ba phần chính trong Tổng sản lượng nội địa (GDP) này: hai phần ba là do người tiêu thụ mua cho chính họ dùng; khoảng 15% là do các xí nghiệp mua máy móc, thiết bị, nói chung là đầu tư vào tích sản cố định; và phần còn lại là do chính phủ các cấp mua, bằng tiền thuế dân Mỹ đóng góp. Hiện nay có nhiều dấu hiệu tốt về phần chi tiêu của người tiêu thụ, nhưng về phía các xí nghiệp thì chưa thấy họ chịu chi tiền. Hai thành phần đó ảnh hưởng lẫn nhau: khi các xí nghiệp sa thải người thì những người mất việc sẽ bớt tiêu thụ đi. Và cả hai bên đều chịu ảnh hưởng của tình trạng kinh tế thế giới, hàng bán ở Âu châu, Á châu xuống thì các xí nghiệp Mỹ cũng giảm bớt nhân viên.

Tình trạng người tiêu thụ có nhiều tin mừng. Thí dụ, nhà cửa. Bộ Thương mại Mỹ cho biết số nhà khởi công xây tăng 3% trong tháng Sáu, cao hơn tháng Năm, và tỷ lệ 3% vượt xa mức dự đoán 1.4%. Số tiêu thụ của dân Mỹ tăng liên tiếp, 0.4% trong tháng Tư, rồi 0.5% trong tháng Năm. Chỉ số tin tưởng của người tiêu thụ cũng tăng liên tiếp trong hai tháng Năm và Sáu. Giá xăng dầu đang lên nhưng đã bắt đầu giảm để người tiêu thụ có dư tiền mua thứ khác. Và dân Mỹ vẫn tiếp tục mua xe khá nhiều.

Trong khi Nhật lo giá cả xuống (thiểu phát) và Âu châu còn lo lạm phát thì giá sinh hoạt ở Mỹ chỉ tăng 0.2% trong tháng Sáu. Với áp lực lạm phát thấp như vậy, Quỹ Dự trữ Liên bang sẽ không ngần ngại nếu tháng tới họp và quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ bảy kể từ đầu năm đến nay. Giảm lãi suất để kích thích người tiêu thụ và các nhà sản xuất chi tiền, nhưng khi họ chi tiêu nhiều hơn thì lại lo lạm phát. Hiện nay nước Mỹ chưa phải lo lạm phát. Có một điểm đáng lo ngại về phía giới tiêu thụ, là dân Mỹ vẫn còn nợ nhiều quá, chắc họ sẽ ít vay tiền, dù lãi suất ngắn hạn có xuống. Trung bình, dân Mỹ lãnh lương về là dành 14% để trả nợ, tỷ lệ này cao nhất từ 20 năm trở về đây!

Nhưng nhìn vào dự định tiêu tiền của các xí nghiệp thì không lạc quan lắm. Các cơ xưởng hiện nay đang hoạt động ở mức 77% khả năng, mức thấp nhất kể từ năm 1983. Nghĩa là dù người tiêu thụ có đá vào đằng sau họ, bảo phải sản xuất thêm đi cho chúng tôi mua, các xí nghiệp vẫn chưa cần đầu tư thêm. Một điểm sáng trong tình trạng các công ty xản xuất là số hàng tồn kho của tất cả các

xí nghiệp, khoảng 1,197 tỷ Mỹ kim trong tháng Năm, không tăng lên sau khi đã giảm 0.2% trong tháng Tư. Khi hàng tồn kho không cao quá thì các xí nghiệp không cần giảm bớt sản xuất. Một công ty như Masco Corp. ở Michigan chuyên sản xuất các trang bị trong nhà như vòi ống nước, tủ bếp, tủ phòng ngủ, hiện giờ làm ăn khấm khá vì năm nay ước chừng sẽ có 1,658,000 ngôi nhà mới xây. Nhưng công ty này vẫn giảm ngân sách đầu tư, bớt 30% so với năm ngoái. Trong mấy năm gần đây nhiều xí nghiệp đã hăng hái mua thêm thiết bị tin học, máy và nhu liệu, nhiều quá bây giờ phải ngưng bớt. Nói chung, trong một năm qua kinh tế Mỹ chạy chậm lại không phải vì người tiêu thụ bớt chi tiền mà chính vì các xí nghiệp thắt lưng buộc bụng. Mà họ có lý do: tiền lời giảm sút. Những công ty lớn nhất cũng báo động không đạt được mức lời dự đoán, sa thải bớt nhân viên. Ông Greenspan phải dè dặt chính vì mối lo này.

Mà số bán cũng như tiền lời các xí nghiệp ở Mỹ xuống cũng do tình trạng kinh tế thế giới. Kinh tế Âu châu đang trì trệ và ít hy vọng ngóc lên được như Mỹ trong năm nay. Nhật Bản thì khỏi nói, rất yếu. Các nước Á Đông cũng giảm tốc độ phát triển, một nơi còn tăng trưởng khá nhất là Trung Quốc, nhờ họ có một thị trường nội địa lớn. Châu Mỹ La tinh đang lo con bệnh Argentina sẽ lan truyền thành bệnh dịch. Kinh tế thế giới xuống, mà nếu tình trạng còn kéo dài thêm nữa thì hàng hóa, dịch vụ của Mỹ cũng không bán được. Đó là lý do thứ hai khiến ông Greenspan phải dè dặt nói nước đôi.

Tóm lại, sức khỏe nền kinh tế Mỹ hiện nay tùy thuộc phần lớn vào người tiêu thụ. Các ông bà, các cô các cậu mà còn chịu khó đi mua sắm là kinh tế quốc dân sẽ còn hy vọng. Nếu quý vị cũng thắt lưng buộc bụng thì Tổng thống Bush sẽ buồn lắm. Vì năm 1991-92 lần chót kinh tế Mỹ bị suy thoái là dưới thời Tổng thống Bush I. Đương kim Tổng thống không muốn nay lại có một vụ suy thoái mới mang tên Bush II, mà ở giữa hai lần suy thoái đó là tám năm ông Clinton cầm quyền kinh tế thịnh vượng!

VIỆT NAM MUA NHIỀU XE MÁY QUÁ

Thông tấn xã Việt Nam cho biết trong sáu tháng đầu năm 2001 đã có 894,538 chiếc xe gắn máy được "đăng ký." Họ nói thêm, *"trong đó chủ yếu là xe Trung Quốc, nâng tổng số xe gắn máy trong toàn quốc lên 7.2 triệu chiếc."* (Bản tin không cho biết "chủ yếu" là bao nhiêu phần trăm, số xe mua từ Trung Quốc là bao nhiêu.) Có thể đoán rằng sáu tháng cuối năm 2001 sẽ có thêm gần 900 ngàn chiếc xe nữa, nâng tổng số lên gần 1.8 triệu chiếc xe một năm! (Bản tin bằng tiếng Anh, ngày 7 tháng 7 của VNA, Thông tấn nhà nước, có những chi tiết đáng nghi ngờ, vì họ nói riêng tỉnh Cần Thơ có 4 triệu chiếc xe gắn máy Trung Quốc. Không lẽ một tỉnh này chiếm hơn nửa số xe gắn máy của cả nước?)

Nhưng phải so sánh mới hiểu ý nghĩa của con số "894,538 xe đăng ký trong sáu tháng." Thử so sánh với năm 2000: suốt năm ngoái ở Việt Nam chỉ có 810,300 chiếc xe gắn máy được đăng ký mà thôi! Tức là sáu tháng đầu năm nay người Việt Nam mua nhiều xe gắn máy hơn cả một năm trước! Nếu lấy con số 7.2 triệu trừ đi tổng số 1,700,000 chiếc xe mới vào sổ trong 18 tháng qua, thì cuối năm 1999 ở Việt Nam chỉ mới có 5 triệu rưỡi chiếc xe gắn máy mà thôi.

Thông tấn xã nhà nước cũng nói số xe gắn máy đăng ký năm 2000 gấp đôi con số năm 1997, như vậy là năm 1997 chỉ có thêm hơn 400 ngàn chiếc xe đăng ký. Bản tin cũng nói "lượng xe máy Trung Quốc nhập vào Việt Nam tăng vọt" trong sáu tháng đầu năm nay. Và nếu kể cả số xe gắn máy lậu năm qua "đang trôi nổi trên thị trường" thì tổng số tới một triệu. Nhìn vào các con số mấy năm qua: 400 ngàn xe năm 97, lên 800 ngàn năm 2000, rồi gần 1 triệu tám năm 2001, ai cũng phải tự hỏi tại sao người mình ở trong nước lại mua nhiều xe gắn máy và mua thêm nhanh như thế? Ngoại tệ ở đâu ra mà nhập cảng ào ạt như vậy?

Trong khi đó thì báo *Sài Gòn Giải Phóng* cho biết khiếm hụt mậu dịch (tức tổng số tiền chi ra để nhập cảng cao hơn số tiền thâu khi xuất cảng,) trong sáu tháng đầu năm 2001 là 343 triệu Mỹ kim. Báo này cũng nói so với năm ngoái đã giảm được một nửa, như vậy thì trong hai năm qua ngoại tệ đi ra nhiều hơn đi vô cả tỷ đô la Mỹ. Lại phải hỏi: Trong lúc cán cân thương mại khiếm hụt như thế, số tiền đầu tư của người nước ngoài cũng giảm, thì lấy ngoại tệ ở đâu ra nhập cảng nhiều xe gắn máy như vậy?

Chưa hết. Việt Nam còn nhập cảng nhiều thứ khác mà tờ báo của Đảng ở Sài Gòn cũng đặt câu hỏi. Báo SGGP viết: "ba thứ hàng tăng bất ngờ và không hiểu nổi: đó là phôi thép, xe ô tô, xe gắn máy." Các xí nghiệp thép lập ra từ thời cụ Lê Duẩn ế hàng từ mấy năm nay vì chất lượng kém, thép tồn kho ứ đọng cả triệu tấn, vậy mà không hiểu sao vẫn nhập cảng phôi thép về làm nguyên liệu sản xuất thêm! Về xe hơi, số lượng xe nguyên chiếc nhập cảng trong sáu tháng đầu năm đã tăng 192% so với năm ngoái (lên 14,429 chiếc xe). Số bộ phận mua về để ráp xe hơi đủ để ráp 8,400 chiếc, tăng 94%. Ngoài số xe gắn máy nhập nguyên chiếc, tờ báo còn cho biết có 903,000 "bộ linh kiện" xe gắn máy được nhập cảng để ráp thành 903 ngàn chiếc xe! Phải nói rằng dân Việt Nam có thể "bội thực" xe gắn máy, như người đói ăn nhiều quá có thể bị đầy bụng không tiêu hóa nổi!

Vì dân Việt Nam chủ yếu là nông dân rất nghèo. Trên tờ báo Sài Gòn kể trên cũng viết "Có 50.3 triệu người trong cả nước có mức thu nhập thấp hơn... 295 ngàn một người một tháng" (tương đương hơn 20 đô la một tháng, 250 đô la một năm.) Trong số đó, nông thôn có 46.72 triệu, thành phố có 3.58 triệu người. Với số thu nhập dưới 300 ngàn đồng Việt Nam một tháng thì ai mua nổi chiếc xe gắn máy giá từ 10 triệu đến 25 triệu? Vậy thì con số 7.2 triệu chiếc xe gắn máy phải tập trung ở các thành phố.

Thế thì ai có ngoại tệ nhập cảng xe gắn máy, dù nhập cảng lậu giá rẻ hơn? Và lại phải hỏi, đô la ở đâu ra mà đi nhập cảng? Những nông phẩm xuất cảng như cà phê, hàng thủ công, gạo, thủy sản, giày dép đều giảm đi. Trong khi đó thì các món hàng hóa Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam. Báo *Sài Gòn Giải Phóng* cho biết "Tại các chợ đến các siêu thị, hàng Trung Quốc chiếm từ 50% đến 80%" và "chủ yếu là hàng nhập lậu." Những nhu yếu phẩm như gạo, đường, cũng có gạo và đường Trung Quốc bán lậu qua Việt Nam, riêng ở Quận Năm "trong ba tháng bắt được 6 tấn gạo lậu"!

Khi đưa ra các con số xe gắn máy gia tăng, Thông tấn xã Việt Nam cũng như tờ báo của Đảng chỉ nêu ra một hậu quả họ coi là đáng lo ngại nhất: tai nạn lưu thông lên cao. Có 12,336 tai nạn lưu thông trong sáu tháng đầu năm nay, làm cho 5022 người chết và 14,101 người bị thương. Các tai nạn lưu thông do xe gắn máy chiếm 72% tổng số tai nạn. Những con số người chết, người bị thương đó cũng đủ làm người đọc đau lòng nghe tin số xe gắn máy nhập cảng tăng lên. Nhưng đó cũng chưa phải là "tai nạn" lớn cho dân tộc Việt Nam!

Tai nạn lớn nhất là: dân một nước ít tiền mà lại tiêu xài nhiều quá! Tai họa lớn hơn nữa, là một Đảng nhất định đòi "lãnh đạo" nước Việt Nam đã duy trì tình trạng nhập cảng ào ạt như vậy từ mấy năm nay. Tiền đô la ở đâu ra mà nhập cảng trong khi khiếm hụt trong cán cân mậu dịch? Chắc một phần lớn số tiền đó là do đồng bào hải ngoại, trong đó có quý vị độc giả nhật báo *Thế Kỷ 21* ở khắp thế giới gửi về hay đem về tiêu ở Việt Nam - mỗi năm 2, 3 tỷ đô la!

Với số ngoại tệ đó, nếu được các xí nghiệp tư doanh sử dụng để nhập cảng máy móc, thiết bị, thì có thể cải thiện ngành sản xuất công nghiệp trong nước, thu hút nông dân đang thiếu việc làm. Nhưng không. Theo báo *Sài Gòn Giải Phóng*, họ đã mua phôi thép về để chế tạo thép phẩm chất kém không ai mua, chất đầy kho. Vì họ còn lo nuôi sống các cán bộ, đảng viên đang chỉ huy những nhà máy quốc doanh làm thép. Những nhà máy đó mua phôi thép, thí dụ một trăm đô la phôi thép, đem về biến thành những tảng thép bán rẻ không ai mua, giá trị chỉ còn là vài đô la sắt vụn! Nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước làm công việc "giảm trị giá" chứ không phải "gia tăng trị giá," hoàn toàn ngược lại với nhiệm vụ kinh tế của các xí nghiệp bình thường!

Nhưng dù có ngoại tệ cứ việc tiêu phí, tại sao lại nhập cảng nhiều xe gắn máy chứ không phải thứ gì khác? Chỉ có thể đoán là nhập cảng xe gắn máy là kiếm tiền nhanh chóng dễ dàng nhất. Mua nhanh, bán nhanh vì món hàng tự nó chạy được, để còn tẩu tán tiền lời ra ngoại quốc cũng nhanh! Các tổ chức buôn lậu xe gắn máy có "tính lưu động cao" dựa vào hàng ngũ công an, quân đội, hải quan, biên phòng bao giờ cũng muốn thanh toán chiến trường nhanh chóng! Số xe gắn máy nhập cảng tăng vọt trong mấy năm qua có thể đoán là do tâm lý "chuyến tầu vét" của những con chuột sắp chạy khỏi thuyền. Họ đánh nhanh, đánh vội, thu góp cấp

tốc, trước khi không còn cơ hội nữa!

XE CỘ VÀ QUYỀN HÀNH

Số tai nạn lưu thông ở Trung Quốc năm 1998 cũng làm chết 86 ngàn người (*theo China Daily*), so với 27 người chết mỗi ngày ở Việt Nam (theo *Sài Gòn Giải Phóng*). So sánh với dân số thì tai nạn ở Việt Nam cao hơn. Mà ở Trung Quốc và Việt Nam rất ít người dùng xe, so với Mỹ!

Trong tháng qua nghe tin Bắc Kinh được chọn làm nơi tổ chức Thế Vận hội 2008, lại nghĩ đến những xe gắn máy Trung Quốc đang chạy đầy đường ở nước ta. Và chúng tôi nhớ một đoạn trong cuốn du ký của một nhà báo Mỹ trước làm cho *The New York Times*. Cuốn *Hành trình tối hậu*, (The Ultimate Journey) kể chuyến đi của tác giả dọc theo con đường mà Thầy Huyền Trang đời nhà Đường đã đi qua. Chúng ta đều biết chuyện Pháp sư Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh ở Ấn Độ, vào năm 629. Đi đường mất bảy năm, ở lại học hỏi, rồi mang kinh sách về Trung Hoa, tổng cộng 17 năm trời. Richard Bernstein kể chuyến du lịch của mình, và suốt dọc đường luôn luôn nhắc nhở đến những điều ghi trong *Đại Đường Tây vực ký* của thầy Huyền Trang để so sánh.

Bernstein kể trên đường đi thăm Đại Nhạn tháp và chùa Từ Ân ở Tây An, là nơi Huyền Trang dịch kinh 14 thế kỷ trước, ông thuê được một chiếc xe hơi của công an, do công an lái. Điều Bernstein nhận xét, mà các du khách đi Việt Nam cũng nhận ra, là các tài xế công an lái xe rất tự do, các người đi bộ hay đi xe đạp phải lo tránh. Bernstein viết: "Viên tài xế lái xe khiến tôi nhớ ra rằng các nước ở trên thế giới chia ra hai loại. Có những quốc gia ở đó xe phải ngừng nhường đường cho người đi bộ; và ở những xứ khác thì người đi bộ phải ngừng để nhường đường đi cho xe."

Bernstein tả một phụ nữ Trung Quốc dắt con qua đường thấy chiếc taxi chạy tới thì vội dừng lại giữa đường hoặc lùi lại trong lúc tiếng còi xe kêu vang. Và bà ta không có vẻ gì là khó chịu hay giận dữ cả, trái lại bà còn có vẻ biết ơn bác tài xế phước đức bóp còi chứ không thì hai mẹ con bị cán chết rồi.

Ở những nước Tây phương, Bernstein nghĩ, những người làm chủ một thứ quyền lực có sức tàn phá, như là cái xe, họ có trách nhiệm phải bảo vệ những người khác khỏi bị cái sức mạnh mình nắm trong tay tác hại. Tại nhiều quốc gia khác thì những người nắm quyền lực trong tay coi chuyện người yếu thế phải chịu nhường đường cho mình là chuyện tự nhiên - và những người yếu thế cũng coi chuyện mình phải nhường là đương nhiên nữa. Từ chuyện xe cộ Bernstein suy ra đến vai trò của nhà nước. Chính phủ và Đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng đang lái những chiếc xe to lớn, ai băng qua đường đều phải lo tự bảo vệ tính mạng mình! Điều này cũng đúng ở Việt Nam!

Nhưng tại sao người Việt lái xe ở Tiểu Sài Gòn, mỗi khi ngồi vào chiếc xe trị giá hàng trăm ngàn đô la và có sức húc hàng trăm mã lực, lại biết giữ vai trò khiêm tốn của mình? Chỉ vì ở Bolsa có cảnh sát lưu thông. Và cảnh sát ký giấy phạt không nể nang ai cả. Đó là tác dụng của một xã hội có luật pháp. Và luật pháp được soạn ra với chủ đích rõ ràng là bảo vệ những người yếu thế, những người đi bộ. Và những người thi hành luật lệ chỉ biết có luật, không thiên vị và không ăn tiền.

Đó là bài học cho người Trung Quốc trong khi tổ chức Thế Vận hội năm 2008. Đây là một dịp để người ta học chơi theo đúng luật chơi, học tinh thần thượng võ. Phải học được rằng muốn cuộc chơi thể thao vui và hữu ích thì phải có luật lệ và phải tôn trọng luật. Nếu sân đá banh lại nghiêng về một phía, hay trọng tài thiên vị, thì hỏng. Ở những xứ độc tài, không những sân banh nghiêng mà có những cầu thủ vừa đá banh, vừa thổi còi nữa! Muốn sống như một nước văn minh, phải chấm dứt cảnh đó.

ĐỒNG BẠC CŨNG KHÔ CẠN?

Các ngân hàng ngoại quốc ở Việt Nam bị kẹt giữa nhà nước và thị trường. Cứ tiếp tục như vậy thì họ sẽ không biết có nên đầu tư thêm ở Việt Nam hay không. Các ngân hàng mà phải lo thì chắc các xí nghiệp ngoại quốc cũng sẽ lo. Một nhân viên ngân hàng ngoại quốc nói với hãng thông tấn Reuters ngày 13 tháng Bẩy: "Các nhà đầu tư sẽ phải suy nghĩ lại coi tiền họ đem vào đây sẽ được sử dụng có hiệu quả như thế nào?"

Các ngân hàng ngoại quốc bị kẹt, vì họ không có đồng tiền Việt Nam để trang trải khi cần đến. Mà theo luật lệ của nhà nước, ngân hàng ngoại quốc không được phép

cho các thân chủ mở trương mục ký thác bằng đồng tiền Việt Nam, mà chỉ được phép nhận ký thác tiền ngoại quốc, tức là Mỹ kim. Muốn có đồng bạc bản xứ họ phải vay từ các ngân hàng thương mại Việt Nam, phần lớn là của nhà nước (quốc doanh). Lãi suất khi "vay qua đêm" đã tăng từ 5.25% lên 6.5% vào giữa tháng Bẩy, một tuần sau lên 7.5% một năm, nếu có ngân hàng Việt Nam nào cho vay. Vì nhiều ngân hàng Việt Nam không chịu cho vay. Ngay từ đầu tháng Bẩy một quản đốc ngân hàng quốc doanh ở Sài Gòn nói với Reuters rằng họ không có tiền cho ngân hàng ngoại quốc vay nữa vì cần tiền cho thân chủ của họ vay. Hệ thống ngân hàng nhà nước thiếu tiền mặt! Nhà nước bên trên đè xuống các ngân hàng ngoại quốc.

Bây giờ đến áp lực thị trường: ở trong nước đang có tình trạng thiếu đồng tiền "Cụ Hồ," nói theo sấm ký là "Hồ khô, Đồng cạn." Hệ thống ngân hàng đang khan hiếm tiền Việt Nam, điều đó được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (tức Ngân hàng Trung ương) báo động từ đầu tháng. Ngày 5 tháng Bẩy ông Lê Đức Thúy nói rằng nhiều người ở Việt Nam chỉ thích gửi tiền Mỹ vào ngân hàng chứ không thích gửi tiền Việt Nam. Cho nên họ thu góp đồng bạc Việt Nam đi đổi lấy Mỹ kim rồi gửi ngân hàng, số lượng "Đồng" Việt Nam giảm đến mức khan hiếm.

Làm sao thoát khỏi cảnh khan hiếm Đồng bạc này? Thống đốc Lê Đức Thúy khuyên các ngân hàng hãy đem bán đô la Mỹ đổi lấy tiền Việt Nam, tránh cảnh "Đồng khô, Hồ cạn."

Nhưng trong các thị trường, người ta không quyết định mua hay bán vì muốn theo các lời khuyên của cha mẹ, thầy giáo, hay các vị Thống đốc ngân hàng. Thị trường chạy được vì mọi người quyết định làm việc nào có lợi. Ngân hàng Nhà nước ấn định lãi suất cho đồng bạc Việt Nam rất thấp. Nói cách khác, đồng tiền rất rẻ. Gửi đồng tiền vào ngân hàng được trả lãi thấp, chẳng mấy ai thiết gửi. Trong lúc đó giá Mỹ kim lại tăng. Ví dụ gửi ngân hàng một đồng Việt Nam được trả 13% một năm, nếu mình biết đến cuối năm giá đô la có thể tăng 17% hay 18% thì thà rằng đổi lấy đô la cất dưới gầm giường vẫn có lợi hơn. Mặt khác, khi đi vay bằng đồng Việt Nam trả lãi suất thấp, thí dụ chỉ có 15%; nếu vay ngay bây giờ đổi lấy đô la, sang năm đổi ngược lại được thêm 17% vì đô la lên giá, đem trả vốn lẫn lãi rồi vẫn có lợi. Mua đô la là một thí dụ thôi, người ta có thể vay đồng Việt Nam rồi mua nhà, mua cổ phiếu, chờ khi đồng bạc xuống giá nữa sẽ bán rồi trả nợ.

Chúng ta hiểu tại sao người ta không chịu đổi Mỹ kim lấy đồng bạc Việt Nam như lời ông Thống đốc Ngân hàng Trung ương đề nghị. Vì họ tính rằng nếu cứ giữ đô la, chờ lâu một chút, mai mốt đổi đô la sẽ được nhiều đồng bạc hơn. Họ đây tức là các ngân hàng (ngoại quốc cũng như quốc doanh), các xí nghiệp đủ mọi thành phần từ quốc doanh đến tư doanh, và các cá nhân may mắn có đô la gửi vào ngân hàng, mà phần lớn họ gửi vào ngân hàng ngoại quốc. Hiện tượng này diễn ra vì ai cũng trông đợi đô la tăng giá.

Giá Mỹ kim đã tăng lên từ đầu năm đến giờ. Đầu tháng Giêng giá một Mỹ kim chính thức là 14,504 đồng; đầu tháng Sáu lên 14,675 đồng. Và ngày 20 tháng Bẩy, các báo *Nhân Dân* và *Lao Động* cho biết giá chính thức là 14,903 đồng; còn trên thị trường tự do giá từ 14,930 đồng (Sài Gòn và Đà nẵng), tới 14,970 đồng (Hà Nội). Nhìn vào các con số đó, người ta biết giá đô la Mỹ ngày càng có khuynh hướng tăng lên. Ai có tiền cũng nghĩ nên giữ đô la đợi thời. Nhất là trong khi ông Thống đốc Lê Đức Thúy từ chối không cho biết sẽ để cho đồng bạc Việt Nam xuống tới mức nào, thì bà Phó Thống đốc Dương Thu Hương, trong bài phỏng vấn ở báo *Lao Động*, lại báo trước là "Có khả năng xảy ra khan hiếm ngoại tệ trong những tháng cuối năm (2001)". Nếu vậy thì ai có tiền càng nên tích trữ đô la nữa.

Và những người có thế lực sẽ nghĩ nên đi vay đồng bạc Việt Nam bây giờ, đổi lấy đô la để mai mốt bán lại. Một nhà ngân hàng quốc doanh ở Hà Nội nói với Reuters hôm mùng 5 tháng Bẩy rằng nhiều công ty nhập cảng đang vay tiền Việt Nam để đổi lấy Mỹ kim trong sáu tháng đầu năm nay, vì họ cần tiền trả nợ mua hàng. Không biết họ có cần trả nợ nước ngoài thật hay không, nhưng chắc chắn nếu họ cứ đi vay tiền Việt Nam ngay bây giờ đổi lấy đô la thay vì đợi ba tháng sau mới làm thì sẽ có lợi. Cho nên, Ngân hàng Nhà nước phản ứng, không cho các xí nghiệp vay tiền Việt Nam vì nghi họ chỉ vay để đổi lấy đô la. Bà Phó Thống đốc Dương Thu Hương (trùng tên với tác giả

Tiểu thuyết Vô đề) mới nói với báo *Lao Động* (ngày 16 tháng Bẩy) rằng "rất nhiều doanh nghiệp đang đề nghị được vay VND (đồng Việt Nam) với mục đích để mua ngoại tệ trả nợ. NHNN không khuyến khích ... và kiên quyết không xử lý cho vay, ngoại trừ trường hợp đặc biệt!" Nói vậy tức là bà Phó Thống đốc đã biết hết mánh khóe của các doanh nghiệp định tích trữ đô la. Nhưng ai sẽ quyết định thế nào là trường hợp đặc biệt? Làm sao biết ai đáng cho vay, ai không? Đây là một khoảng trống để cho các cán bộ nhà nước "xử lý."

Mà các cán bộ nhà nước nhiều khi quen làm việc trên bàn giấy chứ không quen suy nghĩ theo lối thị trường. Các bà nội trợ có khi lại quen không khí thị trường hơn, vì hàng ngày các bà phải đi chợ. Chợ búa là nơi huấn luyện thực tế, các cán bộ lâu lâu nên đi chợ để tu nghiệp với bà xã. Các cán bộ lớn thường khi cần một ly cà phê hay bao thuốc lá cũng có người sẵn sàng chạy đi mua mang về tận văn phòng rồi. Cho nên họ mới có những quyết định làm cho các ngân hàng ngoại quốc ngơ ngẩn, không hiểu được. Thí dụ vụ "swap" trong tháng Bẩy vừa qua.

Biết các ngân hàng ngoại quốc không có đồng bạc Việt Nam chi dùng vì cảnh "Đồng khô Hồ cạn," giữa Tháng Bẩy Ngân hàng Nhà nước muốn giúp, cho phép họ dùng một thủ tục tiền tệ gọi là "swap", tức các hợp đồng trao đổi có hạn kỳ. Các ngân hàng ngoại quốc có thể vay một số tiền Việt Nam trong thời hạn từ bảy ngày đến 90 ngày, lấy Mỹ kim bảo đảm, đáo hạn phải đổi Mỹ kim lấy đồng bạc để trả lại. Các công ty liên quốc thường dùng *swap* để mua trước ngoại tệ, ngăn ngừa rủi ro khi hối suất lên xuống bất ngờ. Cho các ngân hàng ngoại quốc dùng *swap* là một sáng kiến rất hay của các cán bộ Ngân hàng Nhà nước. Chỉ có một khuyết điểm, là họ không làm vài con tính (chắc không đi chợ mua rau, mua cá bao giờ!) Các ngân hàng ngoại quốc muốn có đồng bạc Việt Nam của Ngân hàng Trung ương thì phải trả lãi, thị trường tự nhiên là phải như vậy. Nhưng nếu họ dùng *swap* vay sổi mà Ngân hàng Nhà nước bắt họ trả 0.7% sau bẩy ngày, thì khi tính ra lãi suất kép tương đương với hơn 44% một năm! Các tay "sét ty" ở Chợ Cũ Sài Gòn mới nỡ bóp cổ người đi vay như vậy! Trong lúc đó các ngân hàng ngoại quốc biết rằng nếu "vay qua đêm" ở các ngân hàng thương mại họ chỉ phải trả 7%, 8% một năm mà thôi. Ai dại gì đi vay bằng swap! Đặt ra swap rồi chẳng ai đến cửa xin swap cả.

Những câu chuyện lòng thòng trên đây chỉ chứng tỏ một điều, là làm kinh tế thị trường nó không giản dị. Chỉ vì khi mở cửa thị trường chỗ này lại khóa cửa chỗ khác, để các cán bộ có cơ hội quyết định theo trí thông minh và hiểu biết của họ. Nếu phá giá đồng bạc ngay một lần cho xong thì khỏi lo cảnh thiếu tiền mặt, người ta không ghim Mỹ kim lại, ngồi chờ đô la tăng giá từ từ nữa. Cho ngân hàng ngoại quốc vào làm ăn nhưng lại đặt các rào cản để chúng không thể cạnh tranh với các ngân hàng của Đảng. Muốn bảo vệ các ngân hàng quốc doanh gây ra tình trạng nửa thị trường, nửa chỉ huy, nên gây ra thêm bao rắc rối!

Có hai thứ trên đời này mà người ta chỉ có thể nói "có" hay "không" chứ không thể nói "hơi hơi", "một chút" được.

Không thể nói một cô gái là "xử nữ một chút thôi," cũng không thể bảo một bà chỉ "hơi hơi có bầu." Cũng vậy, không thể có thứ kinh tế "hơi hơi thị trường một tý." Cứ tiếp tục theo lối hơi hơi thị trường một tý như vậy thì các nhà đầu tư ngoại quốc sẽ không biết có nên đầu tư thêm ở Việt Nam hay không. Hiện nay tiền vốn nước ngoài đang bỏ các nước Đông Nam Á để chạy hết vào Trung Hoa (40 tỷ Mỹ kim trong năm qua). Mà trong khối ASEAN thì Việt Nam lại là nơi làm người ta ngần ngại bỏ tiền vào nhất, cũng chỉ vì chủ trương "hơi hơi thị trường" của Đảng.●

Đã phát hành

CUỐI NGÀY, MỘT LẦN NGỒI LẠI

Tập truyện của

SONG THAO

Bìa *Khánh Trường*

VĂN MỚI xuất bản
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

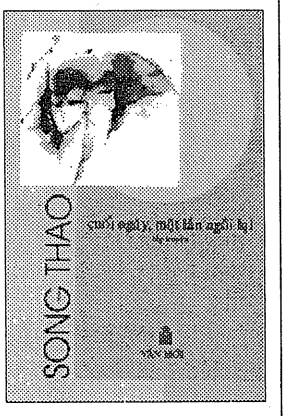

ĐỪNG ĐỂ "BỊ" MUA HÀNG

THANH THẢO

Cuối tuần rồi, khi sửa soạn đi dự một buổi tiệc, lúc tìm đôi vớ mỏng phụ nữ thường mặc với áo dạ hội, Thanh Thảo chợt bắt gặp trong tủ một đôi vớ rất đắt giá. Không phải đắt vì hàng tốt, hiệu danh tiếng - đôi vớ này là loại hàng thường thôi, màu không có gì đặc biệt, mà người "bị" mua nó đã phải trả trên $10 Mỹ kim. Chẳng qua vì lúc nhận đôi vớ qua đường bưu điện, mở ra thấy không đến nỗi tệ, Thanh Thảo cứ tưởng đây là đôi vớ thuộc loại hàng mẫu các công ty gửi cho mình dùng thử, miễn phí, để sau này có thích sẽ tìm hiệu đó mà mua. Lối quảng cáo này hợp pháp, có tên gọi hẳn hoi, đó là "Brand Loyalty," hay gây dựng tên công ty để chiếm dần thị trường. Các công ty sản xuất xà bông, thuốc gội đầu, kem thoa mặt... lâu lâu vẫn gửi mẫu hàng miễn phí đến nhà người tiêu thụ. Nhưng đến lúc nhận hóa đơn mới vỡ lẽ mình lầm!

Không phải Thanh Thảo là người chưa bao giờ mua vớ đắt tiền. Trái lại, đã có nhiều lúc "dại dột" bỏ ra $12 Mỹ kim cho một đôi vớ màu đặc biệt, hàng lụa mỏng, tên nhà vẽ kiểu thời danh (dù mua về rồi cũng tiếc, thấy phí phạm quá). Nhưng đó là trường hợp mình tự chọn mua hàng xa xỉ, khác hẳn với trường hợp "bị" mua đôi vớ tầm thường với giá khá cao kể trên.

Có lẽ một số đông quí vị cũng từng "bị" mua hàng mình không bao giờ đặt mua. Hàng ở đây thuộc nhiều loại sản phẩm từ những đôi vớ, đến công ty đòi tiền nợ nhà tính tiền bảo hiểm nhân thọ vào trong hóa đơn, tiền niên liễm cho một hội nào mình không điền đơn tham gia... Quí vị có thể an tâm nghĩ rằng thế nào trong đời mình cũng sẽ bị các công ty thương mại "đánh lừa" để mình phải mua sản phẩm một cách bất đắc dĩ. Bài tường thuật của phóng viên Charles Haddad và Brian Grow tại Atlanta trên tạp chí *Business Week* số phát hành 23 tháng Bảy, 2001, cho thấy nhiều trường hợp điển hình.

Bà cụ Sarah Corbett, 80 tuổi, một nhân viên sở xã hội đã về hưu sinh sống tại tiểu bang Maryland cho biết khi nhận thư báo mình đã trở thành hội viên hội MedAdvantage Health Care Savings Plan, bà cụ không hiểu mình đã "bị" gia nhập Hội Mua Thuốc qua đường bưu điện. Đến khi nhận hóa đơn hàng tháng của thẻ tín dụng thuộc công ty American Express, bà cụ mới nhìn thấy mình "bị" tính $96 Mỹ kim tiền niên liễm để làm thành viên hội này. Sau khi gọi điện thoại đến vài nơi, bà cụ tìm ra thủ phạm, công ty chuyên gọi điện thoại mời chào khách hàng (telemarketer) thuộc tiểu bang Pennsylvania, Encore Marketing International. Nhân viên công ty Encore cãi rằng bà cụ đã nhận gia nhập hội, và chịu đóng tiền niên liễm với nhân viên Encore qua điện thoại, trong khi đó, cụ Corbett nhất định nói bà không bao giờ nhận mua bán bất cứ cái gì bằng điện thoại hết!

Sau một lúc đôi co thấy khó lung lạc ý cụ bà Corbett, công ty Encore chịu hủy số tiền niên liễm hội viên cho cụ. Nhưng bà Corbett đã sẵn đà, gọi ngay cho nhân viên cơ quan bảo vệ người tiêu thụ thuộc chính quyền tiểu bang Maryland để xin nộp hồ sơ khiếu nại về trường hợp kể trên. Bà cụ nói khiếu nại vì lo ngại cho số phận của rất nhiều người cao niên yếu đuối phải trở thành nạn nhân của hình thức buôn bán kém đạo đức này.

Bà cụ Corbett có lý! Đó là lời của những nhân viên cơ quan bảo vệ người tiêu thụ. Tính toàn quốc, số đơn khiếu nại người tiêu thụ nộp vì "bị" mua hàng mình không đặt đã tăng 169% kể từ năm 1998 đến năm 2000. Những trường hợp không khiếu nại như Thanh Thảo và hàng triệu người khác không tính.

Đáng ngại hơn nữa, theo Ủy Ban Mậu Dịch Liên Bang, những công ty áp dụng hình thức bán hàng kiểu này không còn là những công ty nhỏ, thuộc loại "ăn xổi," mà hiện nay những công ty lớn, được giới tiêu thụ tin cậy, cũng bắt đầu lao vào thị trường buôn bán qua điện thoại. Thời buổi kinh tế khó khăn... làm sao miễn tăng thương vụ thì thôi!

Đó là câu trả lời của vài công ty cỡ lớn. Danh sách những công ty đang có hồ sơ bị chính quyền liên bang điều tra hiện nay gồm cả những tên như FleetBoston Financial Corp., Burdiness, HCI Direct hoặc Juno Online Services. Gần đây, cả công ty Sears, Roebuck & Co. cũng bị khiếu nại. Ông Les Garringer, một phụ tá Biện Lý tại tiểu bang Florida cho biết đa số các công ty bị than phiền sẵn sàng điều đình hoặc đóng tiền phạt khi nhân viên chính quyền trưng bằng cớ quảng cáo trái luật của họ.

Hình thức chào khách hàng bằng thư hay điện thoại là cách buôn bán hợp pháp, đã được các công ty bán sách, báo, tạp chí áp dụng từ lâu để tăng đơn đặt mua báo. Vấn đề chính là các công ty này phải giải thích rõ ràng với người tiêu thụ họ sẽ nhận hàng họ không đặt mua và họ sẽ bị tính tiền nếu họ không gọi điện thoại lại công ty, hoặc gửi thư cho công ty để hủy hợp đồng mua bán. Dù đây là cách làm ăn hợp pháp, người tiêu thụ vẫn "bị" giao trách nhiệm phải gọi lại, hoặc gửi thư cho các công ty thương mại. Trong chúng ta có bao nhiêu người rảnh rỗi để nhớ tới việc này? Đó chính là điểm các công ty thương mại hy vọng. Họ hy vọng người tiêu thụ trở thành nạn nhân vì tội... lười!

Nếu chúng ta không gọi lại, hoặc không viết thư yêu cầu ngừng dịch vụ, các công ty tha hồ tính tiền... hợp pháp! Khi nhắc đến điều này, bà Elaine Kolish, một trong những giám đốc tại Ủy Ban Mậu Dịch Liên Bang tỏ vẻ giận vì các công ty thương mại lợi dụng luật để bóc lột giới tiêu thụ. Nhất là những lời thông báo này được đánh máy chữ nhỏ như đầu tăm tuốt phía dưới cùng của lá thư dài... chi chít chữ quảng cáo lớn hơn nhiều.

Một trong những trường hợp bóc lột giới tiêu thụ gần đây nhất, liên quan đến một công ty lớn, là vụ công ty tài trợ địa ốc Fleet Mortgage Inc. Công ty này trước đây là một phần của công ty FleetBoston, được ngân hàng Washington Mutual mua lại. Bộ Trưởng Tư Pháp Tiểu Bang Minnesota đã đứng đơn kiện Fleet Mortgage Inc. vì tội tính tiền bảo hiểm cho con nợ nhà thêm vào khoản nợ có sẵn. Tiền bảo hiểm này đáng nhắc đến vì bao gồm từ bảo hiểm nha khoa cho đến bảo hiểm sửa xe hư, được tính chung vào hóa đơn tiền nhà hàng tháng của con nợ. Vấn đề là những người tiêu thụ (những con nợ) đã rơi vào bẫy vì tội... lười. Vì không ai gọi lại đòi hủy những bảo hiểm này trong thời gian nhất định, nên Fleet Mortgage Inc. cứ tính tiền. Công ty này phủ nhận làm ăn trái phép, nội vụ còn chờ ra tòa... hạ hồi phân giải trong khi các con nợ vẫn tiếp tục "bị" mua bảo hiểm mình không muốn, và không cần.

Trường hợp khác liên quan đến công ty Burdiness, một cửa hàng nhiều bộ phận (deparment store) tại Florida. Bộ Tư Pháp Tiểu Bang Florida đang điều tra về khiếu nại cửa hàng này tính tiền niên liễm hội mua sắm trên hóa đơn thẻ tín dụng của những khách hàng mua sắm tại Burdiness. Vấn đề đang được điều tra là liệu Burdiness có làm gì sai khi không thông báo đầy đủ cho khách hàng về tiền niên liễm này. Nếu Burdiness nói có thông báo, thì bằng hình thức nào.

Công ty Juno Online Services đã phải thỏa thuận đóng tiền phạt cho Ủy Ban Mậu Dịch Liên Bang sau khi Ủy Ban này chứng minh Juno vi phạm luật vì không cho giới tiêu thụ mua hàng trên mạng điện toán toàn cầu số điện thoại để họ gọi lại trả hàng, hoặc hủy hợp đồng thương mại, dịch vụ.

Trở lại với công ty HCI Direct, cộng ty chuyên gửi vớ đến nhà người tiêu thụ rồi tính tiền nạn nhân, sau khi bị Bộ Tư Pháp thuộc 11 tiểu bang Hoa Kỳ nộp đơn kiện, công ty này đã nhận bồi thường $300,000 Mỹ kim (thế mới biết nhiều nạn nhân lắm chứ!)

Sau khi biết được những công ty trên đây đã phải bồi thường cho giới tiêu thụ, hy vọng những công ty khác đang áp dụng lối nâng cao thương vụ bằng cách đánh lừa khách hàng sẽ suy nghĩ lại, giảm bớt hoạt động này. Nhưng người tiêu thụ cũng có thể "giúp" họ thay đổi cách làm việc bằng cách mạnh tay và mạnh miệng hơn khi nhận hàng mình không đặt mua, như trường hợp bà cụ Pat Corbett vậy.

Bà Pat Faley, Phó Chủ Tịch về Đạo Đức và Bảo Vệ Người Tiêu Thụ thuộc Hội Phổ Biến Thương Vụ Trực Tiếp (Direct Marketing Association) cho rằng để tránh trở thành nạn nhân, tốt nhất quí vị hãy đọc kỹ những dòng chữ nhỏ xíu in phía dưới thư báo mình nhận bất cứ thứ gì. Hàng mẫu có tính tiền, những dịch vụ mình không đặt, làm thành viên hội nào đó mình không cần, vân vân...

là những điển hình. Sau đó, quí vị gọi ngay cho công ty gửi, nói mình không đặt hàng.

Trong khi chờ đợi những hội bảo vệ giới tiêu thụ tranh đấu cho luật kiểm soát hình thức quảng cáo của các công ty thương mại, người tiêu thụ cần tự giúp chính mình vì nếu không sẽ còn rất nhiều người trong chúng ta phải bực mình khi "bị" mua những đôi vớ lúc đầu mình cứ tưởng cho không.

NGHỊ LỰC CỦA NANCY ADDISON ALTMAN

THANH THẢO

Năm 1995, khi nhận công tác thiện nguyện giúp thiếu niên bị nhiễm HIV, vi khuẩn dẫn đến bệnh Liệt Kháng (AIDS), tại Trung Tâm Incarnation Children Center, thuộc thành phố New York, nữ tài tử Nancy Addison Altman chỉ thấy thương cảm những thiếu niên này, mà không cảm thấy có sự ràng buộc tinh thần trực tiếp.

Với Altman, một người thành công trong vai luật sư Jillian Coleridge Ryan, vở kịch truyền hình nhiều tập kéo dài từ năm 1975 đến 1989 mang tên "Ryan's Hope," sự thăm viếng những em nhỏ đa số bị bỏ rơi và yếu đuối vì bệnh tật bốn lần một tuần chỉ mang cho bà cảm giác làm được việc hữu ích, giúp đỡ người kém may mắn hơn.

Cho đến khi biết được chính mình bị chứng bệnh Ung Thư Adenocarcinoma cách đây hai năm rưỡi, bà Nancy Addison Altman mới cảm thấy cuộc tranh đấu cho sự sống còn của mình và các thiếu niên mình thường thăm viếng có nhiều điểm giống nhau. Bà nói bà và các thiếu niên này nhất định thắng cuộc chiến với bệnh nan y và tử thần.

Cuộc tranh đấu chống bệnh Ung Thư của Nancy, 55 tuổi, không phải là chuyện dễ dàng. Bác sĩ cho biết từ ngày định bệnh đến nay những tế bào Ung Thư trong cuống phổi và tuyến hạch trong nội tạng bà Altman đã lan ra nhiều nơi. Tế bào Ung Thư hiện đã lan đến não bộ ảnh hưởng đến trí nhớ, và lan đến cột sống, nhưng bà Altman không lộ vẻ thất vọng. Người chồng đang chung sống với bà tại Manhattan, ông Daniel Goldfarb, 57 tuổi, một đạo diễn chương trình phóng sự truyền hình 20/20 cho đài ABC, đã nói tinh thần tranh đấu của vợ mình thật đáng khâm phục, dù ông biết bà chịu nhiều đau đớn với những phương pháp điều trị y khoa.

Ông Daniel Goldfarb không xem kịch truyền hình, nhưng khi gặp bà Nancy năm 1981 trong một buổi tiệc tại nhà người bạn cũ của Nancy, ông đã hoàn toàn bị Nancy chinh phục vì sắc đẹp, tính tình và nghị lực của bà. Hai người lập gia đình năm 1982. Với Nancy, đây là cuộc hôn nhân lần thứ nhì sau khi chia tay với người chồng tên Clinton Dunn mà bà đã chung sống sáu năm. Dù luôn tuyên bố "Vợ tôi làm cái gì cũng thành công hết," nhưng biết Nancy đang chiến đấu dũng cảm trước cuộc chiến cam go với tử thần, hiện nay ông Goldfarb đã nghỉ làm việc để có thời gian chăm sóc và chia sẻ vui buồn với người vợ ông yêu thương và kính trọng.

Nancy Addison Altman là một cô bé lớn lên trong gia đình khá giả tại vùng West Orange, tiểu bang New Jersey, con gái ông George Altman, một người chuyên bán áo lông thú và bà Adeline, một chuyên viên vẽ kiểu thời trang. Cha mẹ Nancy đã qua đời trong thập niên (19)80s, cha vì bệnh Ung Thư. Nancy đã trải qua thời niên thiếu hạnh phúc trung bình như nhiều thiếu nữ đồng lứa, với những lớp múa Ballet, đạp xe và xây lâu đài trên cát...

Sau khi học xong Trung Học, Nancy thích học đóng kịch với nữ kịch sĩ nổi danh Stella Adler. Dù chỉ đóng vài vai nhỏ trong các vở kịch tại các sân khấu địa phương, nhưng năm 1972 Nancy đã may mắn được chọn đóng trong loạt kịch truyền hình ăn khách "Guiding Lights" của đài CBS. Trong suốt 23 năm đóng nhiều vai trong những kịch phim truyền hình khác nhau, Nancy đã hai lần được đề nghị giải thưởng vinh dự Daytime Emmy. Nancy vẫn lạc quan, cười đùa với phóng viên khi nhắc lại thời đóng kịch đều đặn này.

Tinh thần lạc quan của Nancy vẫn thể hiện đều đặn từ lâu. Bạn bè và cựu đồng nghiệp đóng trong loạt phim kịch "Ryan's Hope" đều đồng ý về tinh thần lạc quan của Nancy Addison Altman. Nữ diễn viên Kate Mulgrew cho biết Nancy là một "chiến sĩ thuộc lực lượng khủng bố" trong cuộc chiến chống căn bệnh Ung Thư này. Tinh thần tranh đấu không ngừng đó khiến các y tá trong bệnh viện Nancy đang nằm điều trị chào những người bạn đến thăm bà rằng " Ồ! Ông/bà đến phòng tiệc của bệnh viện phải không?" Những người khác, tài tử Ilene Kristen, một cựu

đồng nghiệp khác trong "Ryan's Hope" đã tâm sự đáng lẽ Nancy phải tỏ ra giận dữ lắm mới đúng, nhưng trái lại, bà đã dồn hết năng lực của sự giận dữ vào các công tác thiện nguyện.

Nancy Addison Altman đã dùng năng lực của mình vào việc đem niềm vui đến cho người khác, những thiếu niên bệnh tật tại Incarnation Children Center, viết tắt là ICC. Trung tâm ICC được thành lập từ năm 1987 tại New York, và là nơi đem nguồn vui đến cho Nancy, vì đối với bà, các thiếu niên trong trung tâm này giống như thành viên một đại gia đình.

Nhưng vì có những lưu luyến tình cảm như vậy, nơi đem nguồn vui đến với Nancy cũng là nơi đem cho bà nỗi đau khổ vì mất một người thân trẻ tuổi đầu tiên. Nancy Addison Altman vẫn còn nhớ xúc cảm mãnh liệt khi ôm bé Tahara Taylor, sáu tuổi, lúc em qua đời tại trung tâm ICC. Bà nói yêu thương em như con gái, nên cho đến nay vẫn còn cảm thấy một phần trái tim mình bị mất đi sau cái chết của Tahara.

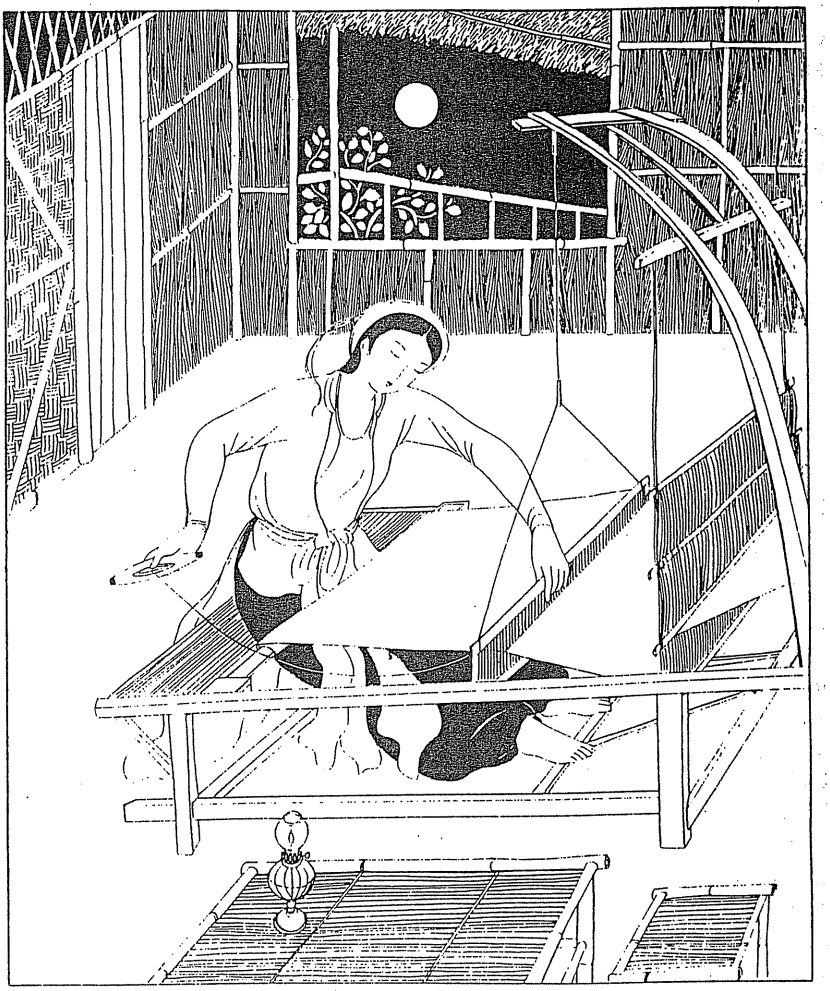

Thực tế Nancy không mất tim, mà mất rất nhiều tế bào lành mạnh trong cơ thể vì bệnh Ung Thư. Hiện nay vì phải điều trị bằng phương pháp chạy điện và hóa chất, *chemotherapy,* tại bệnh viện nhiều lần mỗi tháng, bà Nancy Addison Altman không còn đủ sức khỏe để thăm trung tâm ICC bốn lần hàng tuần như trước nữa. Nhưng bà vẫn là Thiên Thần Canh Giữ tinh thần những thiếu niên bất hạnh tại trung tâm ICC.

Với tổng số tiền $3 triệu Mỹ kim do công sức của mình quyên góp được, bà Nancy đã giúp trung tâm ICC phát triển từ một viện y khoa nhỏ chỉ có 21 giường, thành một trung tâm y tế đầy đủ tiện nghi với sức chứa 120 bệnh nhân một lúc. Thành quả này đưa đến việc bà được Hội Robinhood Foundation trao giải thưởng và vinh danh tháng 12 năm 2000. Khi nhận giải thưởng, bà chỉ tuyên bố "Ai trong chúng ta cũng phải trả nợ xã hội, và nếu may mắn được thành công, hạnh phúc hơn người khác, chúng ta buộc phải góp phần cho lại (xã hội)."

Lời phát biểu nhân nghĩa đó đã được cử tọa ghi nhận bằng những tràng pháo tay tán thưởng. Những người thân cận với Nancy cho biết tinh thần tranh đấu cho những điều tốt đẹp của Nancy sẽ không để cho bà chịu bước vào thế giới âm u của sự chết một cách nhẹ nhàng, ngoan ngoãn, mà bà sẽ chống trả đến cùng.

Đời sống con người vốn

hữu hạn, điều quan trọng là chúng ta làm được gì và để lại những gì trước khi ra đi về cõi khác. Có lẽ tinh thần phục vụ xã hội của nữ tài tử Nancy Addison Altman sẽ còn được nhớ đến và công việc dở dang của bà sẽ được tiếp tục phát huy sau khi bà không còn ở cùng thế giới với chúng ta.

THẮNG KIỆN BUỘC CÔNG TY TRẢ TIỀN THUỐC NGỪA THAI

THANH THẢO

Không phải nhân viên nào cũng có đủ can đảm kiện công ty đang mướn mình chỉ vì số tiền có $15 Mỹ kim một tháng. Nhưng khi về làm việc cho công ty có nhiều chi nhánh Bartell Drug tại Seattle, tiểu bang Washington, năm 1999, người nữ dược sĩ trẻ tuổi tên Jennifer Erickson đã chú ý đến một loại thuốc mua theo toa của bà không được hãng bảo hiểm trả tiền. Đó là loại thuốc ngừa thai bà uống hàng tháng.

Tuy số tiền này rất nhỏ, chỉ vào khoảng $15 Mỹ kim, nhưng vấn đề làm Jennifer Erickson khó chịu là vì thuốc ngừa thai hiện được xem gần như căn bản trong đời sống của người phụ nữ Mỹ lại là thứ thuốc hãng bảo hiểm của bà không chịu chi. Vấn đề bực mình này cứ được nhắc nhở đều đặn vì hàng ngày Jennifer phải bán thuốc theo toa của hàng trăm phụ nữ, người nào cũng phải trả tiền túi khi tính đến thuốc ngừa thai. Hàng ngày ngoài việc giải thích cách sử dụng thuốc cho khách hàng, Jennifer còn phải lập đi lập lại lý do tại sao loại thuốc này không được hãng bảo hiểm trả. Tự nhắc nhiều lần quá về điều vô lý này, Jennifer quyết định yêu cầu công ty đang mướn bà, công ty bán dược phẩm Bartell, trả tiền thuốc ngừa thai cho bà. Câu trả lời thẳng thừng là: Không!

Theo tạp chí Newsweek, Jennifer Erickson đã suy đi nghĩ lại về vấn đề vô lý làm bà khó chịu này. Rồi mùa Hè năm ngoái, dù biết mình đang làm một việc rất khó khăn, Erickson nộp đơn kiện công ty Bartell. Một dược sĩ kiện công ty đang trả lương cho mình chỉ vì $15 Mỹ kim hàng tháng. Trong lịch sử nước Mỹ đây là vụ kiện hi hữu đầu tiên!

Nhưng tuần trước, một quan tòa Liên Bang đã phán quyết bà Erickson có lý. Lý do được quan tòa nêu lên là công ty Bartell đã vi phạm luật căn bản kỳ thị phụ nữ mang thai vì trong khi công ty trả tiền cho tất cả người thuộc phái nam về mọi vấn đề y tế căn bản, công ty không chịu trả chi phí để phụ nữ tránh mang thai ngoài ý muốn. Chánh án Pobert S. Lasnik gọi sự kỳ thị này là "một lỗ hổng lớn trong chương trình bảo hiểm."

Án lệ này đã mở đầu cho một thời đại mới, một khúc quanh lịch sử trong ngành bảo hiểm y tế toàn quốc, theo luật sư Roberta Riley, luật sư đại diện cho cơ quan Kế Hoạch Hóa Gia Đình vùng Tây tiểu bang Washington. Bà Roberta Riley, luật sư của bà Erickson, cho biết theo kết quả nhiều cuộc thăm dò, từ phân nửa đến hai phần ba công ty kinh doanh thương mại tại Mỹ có khoản trả tiền mua thuốc ngừa thai. Nhiều công ty còn có thêm chương trình trả tiền mua thuốc tăng cường sinh lực của phái nam Viagra. Tuy hai loại thuốc này không có cùng công dụng, nhưng luật sư Riley nhấn mạnh việc trả tiền thuốc cho phái nam mà không trả cho phái nữ cho thấy sự phân biệt đối xử rõ rệt giữa hai phái.

Tuy công ty Bartell không trả tiền cho phái nam mua thuốc Viagra, nhưng phán quyết của tòa nghiêng phần thắng về phía bà Erickson khiến nhiều phân tích gia cho rằng các công ty kinh doanh thương mại lớn sẽ bắt đầu xem lại hồ sơ bảo hiểm y tế của công ty mình dành cho nhân viên. Ông Edward lane, một cố vấn về dược phẩm cho công ty Hewitt cho rằng vì phí tổn thêm cho mỗi nữ nhân viên chỉ có $2 Mỹ kim hàng tháng để trả tiền thuốc ngừa thai, nên các công ty lớn sẽ tự động thay đổi điều lệ nội quy để... tránh bị kiện vì số tiền không đáng kể này. Dĩ nhiên, chủ nhân những cơ sở thương mại không thích phải chi thêm tiền, nên trả thêm bao nhiêu họ cũng than phiền, nhất là Phòng Thương Mại Hoa Kỳ, đại diện cho những chủ nhân cơ sở thương mại.

Sự việc bà Jennifer Erickson thắng kiện có thể được nhận xét từ hai lý do. Thứ nhất là lợi thế của một người làm ngành chuyên môn đặc biệt trong thị trường nhân dụng đang thiếu người. Thứ hai là vì sự kỳ thị phái tính. Dù đã nộp đơn kiện công ty đang mướn mình, nhưng vì khu vực Seattle hiếm dược sĩ, bà Erickson đã được công ty Bartell thăng chức lên làm quản lý điều hành dược phòng. Chưa hết, vì được biết đến sau khi nộp đơn kiện, Jennifer Erickson

còn được nhiều công ty dược phẩm khác gửi thư tuyển mộ. Với những cơ hội nắm chắc trong tay, Erickson nói với phóng viên Newsweek, bà cho rằng bà là người có nhiệm vụ thay đổi vấn đề bất công này.

Erickson còn nói bà không tin bà là một nhà tranh đấu, nhưng rất nhiều phụ nữ toàn quốc sắp không còn phải bỏ tiền túi ra mua thuốc ngừa thai hàng tháng sẽ rất biết ơn bà, người đã đi tiên phong phá vỡ một sự bất công dành cho nữ phái.

COI NHẸ TIỀN TÀI

TRẦN QUÁN NIỆM

Thượng tuần tháng 6, 2001, miền Bắc New Jersey lên cơn sốt tiền. Sở Xổ Số tiểu bang cho hay, số trúng 46 triệu xổ cách đây một năm, có người trúng nhưng đến giờ này, thời hạn lãnh sắp hết, người may mắn trúng số vẫn chưa xuất đầu lộ diện. Chỉ còn một tuần lễ phù du, nếu không ai lãnh, số tiền sẽ được xung vào công quĩ. Thiên hạ tiếc suýt soa, cố nhớ xem mình có bỏ quên giấy số nào chưa dò hay không. Số tiền trời cho, bỏ qua rất uổng. Nhiều ông bà cả đời chẳng bỏ ra một đồng mua số, cũng tiếc hộ. Có hai người gọi điện thoại cho sở Xổ Số. Một ông cho hay, ông ta mua giấy số đó, đưa tặng ông anh, không ngờ ông này qua đời bất ngờ, không biết tờ số kia thất lạc về đâu, nhưng ông ta biết chắc đó là con số trúng, muốn đến lãnh số tiền. Một bà cho hay, bà ta vô tình liệng tờ số trúng vào thùng rác, xe rác đổ ra bãi rác, nên bà không biết làm sao bới ra tìm cho nổi. Sở xổ số nghe xong, ghi nhận cho vui, nhưng không có số trúng, làm sao lãnh được.

Rồi ngày hạn âm thầm qua. Bàn dân thiên hạ tiếc hùi hụi. Nhà nước ăn ngon ơ 46 triệu.

Đùng một cái, sáu ngày sau khi mãn hạn, báo chí loan tin động trời là có người trúng số. Thiên hạ vội vàng đổ xô tìm đọc xem sự thể hi hữu ra sao.

Hóa ra có anh chàng Melvin B. Milligan, 40 tuổi, kỹ sư điện toán, thỉnh thoảng mua số, để quên trong một ngăn kéo nào đó, quên dò (vì dò nhiều lần, không trúng, nản quá rồi). Không tin là mình may mắn, chỉ còn hai ngày trước khi hết hạn, anh chàng này mới lục tìm, thì ra con số trúng 46 triệu nằm chần dần, mốc meo cả năm nay. Anh ra tiệm bán xổ số, điền mẫu trúng số rồi ghé bưu điện, nhưng bưu điện đóng cửa, anh ta bỏ thư vào thùng và hân hoan thơ thới ra về, cũng chẳng thèm gọi thông báo sở xổ số.

Năm ngày sau khi hết hạn, nhân viên sở xổ số, soạn thư và tá hỏa khi nhận thấy cả một gia tài 46 triệu được gửi qua một bao thư bình thường với 34 xu tem. Ngay cả trưởng chi bưu điện Bill Hall cũng kinh ngạc. "Thật khó mà tưởng tượng. Một vé số quan trọng như vậy lại có người tin tưởng hệ thống bưu điện đến nỗi gửi qua thư thường. Nếu lỡ mất, hay lạc, thì biết đâu mà tìm, lại không có bằng chứng để chứng minh. Ít ra cũng phải gửi bảo đảm chứ."

Anh Melvin, trả lời tỉnh bơ: "Tôi biết là thư sẽ tới và sở xổ số sẽ gọi tôi." Vợ anh cũng kinh ngạc không kém "Anh bỏ vào thùng thư thật à?" Melvin đáp: "Thật chứ." Hoá ra anh này khi biết trúng số, không thông báo vợ (đáng phục), tự lái xe đến tiệm bán vé số để kiểm chứng và sau đó bỏ thư rồi ra về.

Khi được hỏi anh ta có xúc động và mừng rỡ khi trúng một số tiền lớn như vậy hay không. Anh đáp: "Có chút chút. Tôi lái xe vòng vòng một lúc."

Quả là anh này có thần kinh chắc như sắt thép, tiền tài không động tới tâm. Anh cho hay anh tiếp tục đi làm như thường lệ, dù hàng năm lãnh tấm check gần 2 triệu trong 26 năm sắp tới. Mộng ước của anh là đi cruise nghỉ hè một chuyến, mua căn nhà mới là đủ. Người khác nói thế thì khó mà tin nhưng với anh Melvin ta có thể tin được phần nào.

Có lẽ tiền bạc cũng như tình yêu, khi ta tìm nó thì nó chạy xa, khi ta lạnh nhạt thì nó tìm đến. Các cụ ta đã từng nói "Số giầu đem đến dửng dưng. Lọ là con mắt tráo trưng mới giầu."

Ai muốn trúng số, mua xong xin vứt vào một xó, đợi sở Xổ Số ra thông cáo năm lần bẩy lượt hãy dò. May ra.

NEW YORK CẤM NÓI ĐIỆN THOẠI KHI LÁI XE

TQN

Tháng 6 năm 2001, New York là tiểu bang đầu tiên ban hành lệnh cấm nói chuyện điện thoại di động khi lái xe, nếu người lái cầm điện thoại trên tay. Nói qua dây đeo tai thì được. Lệnh có hiệu lực bắt đầu 1 tháng 11, 2001. Trong 30 ngày, người vi phạm chỉ bị cảnh cáo. Sau 1 tháng 12, 2001, tiền phạt sẽ là $100.00.

Như vậy là trong vòng năm tháng tới, trên sáu triệu dân New York phải bỏ ra ít nhất mỗi người $15 mua dây đeo tai (tổng cộng 9 triệu), còn nếu mua dụng cụ để gắn điện thoại trên xe thì tốn chừng $200.

Mặc dù người lái xe có thể lơ đãng vì nhiều lý do khác nhau, thí dụ thay đĩa nhạc, đổi đài radio, ăn uống, nói chuyện với bạn bè, tìm đường, xem bản đồ v.v. nhưng thống kê cho hay nói chuyện điện thoại là nguyên nhân gây tai nạn nhiều hơn cả vì người lái xe dễ mất chú ý. Thống kê cũng tiết lộ 80% liên lạc bằng điện thoại di động được thực hiện khi lái xe.

Nhưng cấm cầm điện thoại trên tay khi lái xe, chỉ là biện pháp chạy chữa đàng ngọn. Rất nhiều người chỉ lái xe một tay, và người ta có thể không cần bấm số mà chỉ cần đọc tên, điện thoại sẽ tự động nối người gọi và người nghe (voice activated). Chính câu chuyện đầy hỉ nộ ái ố qua đường dây mới là thủ phạm khiến người lái xe quên lái xe, hoặc quên để ý đến dòng xe cộ chung quanh. Đời sống càng lắm văn minh, tiện nghi, càng nhiều phiền toái. Tốt nhất là tránh nói điện thoại khi lái xe, dù cầm tay hay đeo tai. 87% dân New York đồng ý với lệnh cấm, nhưng một người cẩn thận không nói chuyện điện thoại trên xe, nhiều khi lại bị tông bởi một người khác ham nói điện thoại. Nếu thế thì quả là đau.

New York là tiểu bang đầu tiên áp dụng luật này. 41 tiểu bang khác cũng muốn theo nhưng chưa được chấp thuận.

CHÓ CHẾT, CHƯA HẾT CHUYỆN

TQN

Một ngày đẹp trời 11 tháng 2, 2000, trên xa lộ dẫn đến phi trường San José dòng xe cộ tấp nập. Có một anh chàng lái xe ngổ ngáo, lách từ *lane* này sang *lane* khác, anh ta cắt gấp ngay trước đầu mũi một xe khác. Người lái chiếc xe bị qua mặt tức lắm, tăng tốc độ và cố tình đụng nhẹ vào cảng sau xe kia, như là một cảnh cáo. Thế là anh chàng nổi sùng, dừng xe lại, hùng hổ tiến đến chiếc xe nọ. Đến gần mới khám phá ra người lái xe dám "vuốt râu hùm" lại là nàng kiều nữ McBurnett. Chẳng lẽ túm cổ một người đàn bà để ẩu đả, gây gỗ, mà về tay không cũng kỳ, anh chàng này thấy chú chó nhỏ nằm gọn trong lòng người đẹp trông ngứa mắt quá, bèn túm cổ, quăng ra đường cho bõ ghét. Tạm hả cơn tức, anh chàng quay về xe, và ai đi đường nấy. Chỉ tội nghiệp cho con chó, chạy lạng quạng được vài bước, liền bị xe cán chết.

Đánh chó phải ngó chủ

Đau lòng vì chó quí nuôi đã 10 năm bị chết oan uổng, McBurnett than thở với anh chàng nhà báo quen. Anh này đăng ngay câu chuyện "chó chết" trên mặt báo. Nếu như ở Việt Nam, thì câu chuyện "xe cán chó" lãng xẹt chẳng được ai quan tâm, nhưng ở xứ Mỹ thì khác. Hội Bảo Vệ Súc Vật lên tiếng ngay, và từ khắp nơi, những "người yêu của chó" ồn ào ủng hộ McBurnnet, gửi tiền về để làm giải thưởng bắt anh chàng nọ. Số tiền thưởng lên đến cả trên trăm ngàn.

Chuyện xẩy ra giữa ban ngày, trên xa lộ xe cộ tấp nập, nên nội vụ có khá nhiều nhân chứng, và số tiền thưởng lại hấp dẫn nên việc truy lùng anh chàng kia không khó lắm. Quả nhiên anh chàng Andrew Burnett, thợ sửa điện thoại và đang thất nghiệp, bị bắt sau đó ít lâu. Và dĩ nhiên là nội vụ ra toà. Mới đầu anh Burnett hiu hiu tự đắc, đoán chừng là chỉ bị phạt vạ sơ sơ là cùng. Chó chết chứ có phải người chết đâu mà lo, Ai ngờ câu chuyện có vẻ trầm trọng hơn anh ta dự đoán. Có thể "ủ tờ" đến ba năm.

Hoảng quá, anh này ngỏ lời xin lỗi và luật sư biện hộ nêu lý do anh Burnett vừa túm cổ con chó, nó, táp bàn tay anh, nên theo phản xạ tự nhiên anh ta ném nó ra xa. Nhưng đã muộn. Quan tòa không tin lời xin lỗi của anh là thành thật và cũng chẳng nghe lời biện hộ của ông thầy cãi. Kết quả ngày 20 tháng 6, 2001 Bunett bị tuyên án vào tù bóc lịch ba năm. Không ai nhớ đến cử chỉ lịch sự và văn minh của Burnett là "không đánh đàn bà, dù chỉ bằng một cành hoa," anh chỉ đánh chó thôi.

Những người bênh Burnett cho rằng bản án quá khắt khe, vì suốt 28 năm qua, anh ta chưa hề mang tiền án nặng. Những người yêu súc vật thì hoan hô quyết định của quan toà. Burnett sẽ kháng án.

Thế mới biết chân lý từ Đông mang sang Tây thì không đúng nữa. Ở Việt Nam, "chó chết là hết chuyện," nhưng bên Mỹ, chó chết là "ủ tờ" ba năm. Nhà văn Nguyễn Vỹ đã từng nói một câu để đời "nhà văn An Nam khổ như chó." Trên xứ Mỹ, câu đó sai bét. Khi sống chó Mỹ được chiều chuộng, nâng niu, khi chết còn được chôn cất hay hỏa thiêu, chủ chó đem tro cốt về nhà đặt lên bàn thờ để ngày đêm hương khói.●

LÁ THƯ PARIS

NHỮNG NẺO ĐƯỜNG

BÙI XUÂN QUANG

Không biết nơi bạn ở như thế nào, chứ năm nay người dân Paris, tuy ham chơi và vui sống, đã lại tỏ ra yếu ớt hơn bất cứ bao giờ đối với vấn đề thời tiết. Mùa Xuân đến chậm, những người tôi thường gặp trong métro, trên xe buýt, ngoài đường phố, cho đến trong cái thang máy đưa lên nhà, nhìn mặt mày họ ảo não, muốn khơi chuyện một vài câu rồi cũng phải chùn. Trong cái không khí ảm đạm của mùa Xuân chưa ló dạng, Stanislas, diễn viên kịch, nhét vào tay tôi cuốn *le Portail* của Francois Bizot. "Q. đọc đi, rồi cho tôi biết ý kiến, có đoạn ghi một cuộc đối thoại có thể viết thành kịch bản..." Tôi để sách đấy. Mùa Xuân trời mưa lạnh như thế này, Stan lại muốn tôi đọc thêm câu chuyện của Francois Bizot kể lại mấy tháng bị Khờ-Me đỏ bắt và hành hạ tinh thần như thế nào, với những chi tiết rất sống động, rất thật, thì quả là anh bạn diễn viên muốn khơi mào một thảm kịch nào đó! Nhưng rồi, một đêm, khuya, tôi bước chân vào quá khứ của Bizot. Một câu chuyện khủng khiếp. Bizot từ một cuộc đời vô tư, êm ả, bỗng nhiên rơi vào thế giới hoang đường và điên rồ của Khờ-Me đỏ, mấy tên đồ đệ của Mao (*).

Bizot lấy vợ Miên, sinh một con gái, sống trong một làng nhỏ gần Angkor. Bizot nói thông thạo tiếng Khờ-Me và làm việc trùng tu các bức tượng bị hư hỏng cho chương trình bảo tồn văn hóa Khờ-Me của trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Bizot chuyên về dân tộc học). Tháng mười 1971, Bizot bị Khờ-Me đỏ bắt, nhốt ở một làng hẻo lánh. Trong ba tháng phải đối đầu với sợ hãi, với tuyệt vọng, Bizot đã thấy hé mở nơi những tên cán bộ vô cùng độc ác Khờ-Me đỏ tia sáng của một thứ nhân tâm khờ khệch nào đó. Tên Khờ-Me đỏ bắt giữ Bizot tên là Douch. Hiện giờ Douch đang nằm trong tù ở Nam Vang, đợi bị đưa ra toà án quốc tế vì tội diệt chủng.

Qua đây nói, Stanislas nhắc tôi đọc thật kỹ đoạn đối thoại giữa Bizot và Douch quanh ngọn lửa. Bizot nói thẳng với Douch là anh thấy cách tổ chức của Khờ-Me đỏ không khác gì cách tổ chức của đạo Phật. Douch hoàn toàn phủ nhận. Với một giọng đầy niềm tin nơi vai trò giải phóng Cam-Bốt của Khờ-Me đỏ, Douch gạt ra tất cả những ý kiến của Bizot có thể làm Douch suy nghĩ. Một bên là suy nghĩ để hiểu biết, một bên là suy nghĩ để hành động. Cuối cùng, cách lý luận của Douch là cách lý luận để giải thích hành động. Con đường đã vạch sẵn, bạn với thù rõ rệt. Con người chỉ cần có đủ nghị lực và vô tâm để thi hành nhiệm vụ.

Không bao giờ Bizot tỏ ý thù hằn đối với những kẻ đối xử một cách dã man với mình. Ngược lại, Bizot chỉ trích thậm tệ Hoa Kỳ vì Hoa Kỳ đã lôi Cam-Bốt vào vòng chiến và đã tỏ ra không hiểu một tí gì về văn minh và dân tộc Khờ-Me. Theo Bizot, Hoa Kỳ là tượng trưng cho cái gì tệ hại nhất của chế độ tư bản:

dùng không được thì vứt. Bizot cũng không tha thứ những nhà trí thức tả phái Pháp như Jean Lacouture đã bênh vực Việt cộng, bênh vực Khờ-Me đỏ, vì giáo điều, và cũng chỉ vì mục đích chống Mỹ. Không gì có thể làm chuyển lòng thương dân Khờ-me của Bizot. Năm 1975, hơn 1000 người ngoại quốc bị kẹt ở Tòa đại sứ Pháp ở Nam Vang. Khờ-Me đỏ cho số người ngoại quốc ấy rời Cam-Bốt bằng đường bộ để qua Thái Lan. Và trong chuyến di chuyển bằng xe cam-nhông GMC để trốn cái thế giới kinh hoàng của Khờ-Me đỏ, Bizot, qua đôi ba nét bút thôi, đã tả được cái hèn nhát, cái bất nghĩa, cái đê tiện của một số người Tây phương trước thảm trạng của người dân Cam-Bốt.

Tôi tự hỏi, có phải vì Bizot là người công giáo nên mới tha thứ cho những người đã hành hạ mình? Hoặc, Bizot luôn luôn tự cho Tây phương là tội phạm, mang trên vai tất cả tội lỗi của nhân loại da trắng, nên phải tìm đủ mọi cách để chuộc tội cho mình, cho dân tộc mình. Có lúc Bizot gọi Douch, "người bạn đáng thương của tôi" ("mon malheureux ami"). Bizot cũng đề: "tặng Lay và tặng Son," hai người Khờ-Me làm việc cho Bizot đã bị Douch giết. Có phải vì Bizot đã thâm nhiễm đạo Phật nên mới có lòng từ bi của một Phật tử? Hay Bizot là người trí thức Tây phương, cho rằng lòng cao cả của mình phải vượt trên sự khổ đau của người khác, của người có cha, có anh đã bị Douch giết? luôn luôn muốn đấu tranh với những mâu thuẫn của lòng mình nhưng không muốn thật sự giải quyết? Đặt nặng cái nhân hơn cái nghĩa?

Câu hỏi thứ hai đến với tôi: tại sao với những chứng nhân như Bizot từ năm 1971, mà không có lực lượng nào biết cách chận trước thảm trạng của dân Khờ-Me, để đến 1975, Khờ-Me đỏ khỏi giết hại hơn hai triệu người Khờ-Me vô tội; thiên cơ dựa trên cái vô tâm của con người hay sao?

Và tại sao đến 30 năm sau, Bizot mới đặt bút viết lại chuyện của mình? Câu hỏi cuối cùng này, nhà báo J.C. P. trả lời cho tôi: Bizot không muốn bỏ Á châu. Bizot nhất định ở lại Lào, nhưng hai đứa con sau này (vợ thứ hai người Pháp) bị bệnh, cần phải về Pháp mới điều trị được. Bizot đã phải trở về Paris (**). Còn cuốn sách? Vết thương trong lòng của Bizot quá nặng, JC P. nói với tôi, nên Bizot không còn muốn nói đến quá khứ. Rồi có lẽ vì thời gian, vì tuổi tác, hay vì ký ức trong lòng đã lắng đọng phần nào, Bizot viết được *Le Portail*, trút xong gánh nặng. Và hiến cho người đọc một tác phẩm trong sáng, chân thật về một giai đoạn bi đát của lịch sử nhân loại. Nhưng *Le Portail* cũng xác nhận khía cạnh mờ ám, phức tạp của lòng người, của lý trí con người. Hình như con người, dù vùng vẫy bao nhiêu, trong một giây khắc nào đó cũng có thể bị định mệnh nuốt trong chớp nhoáng, và cũng phải chấp nhận cái số phận tốt xấu của mình.

(*)Từ năm 1970, sau khi Lon Nol đảo chánh (18 tháng 3), Việt cộng tràn qua chiếm cả vùng Angkor, và kiểm soát chặt chẽ Cam-Bốt. Năm 1973, Đảng cộng sản Cam-Pu-Chia (Khờ-Me đỏ), với sự hướng dẫn của Trung cộng và do Việt cộng chỉ huy, ập vào các làng mạc Cam-Bốt, bắt thanh niên phải gia nhập Quân đội cách mạng giải phóng. Hoa Kỳ đã ký xong Hiệp định Paris, "phủi tay có trật tự." Ngày 17 tháng tư 1975, Nam Vang rơi vào tay Khờ-Me đỏ. Và cuộc tàn sát bắt đầu.

(**) Francois Bizot hiện đang giảng dạy lịch sử và tư tưởng Phật giáo tại Cao đẳng học viện (Paris-Sorbonne).

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

VỀ TẤM AO XƯA

ĐƯỜNG LÊN FANSIPAN

BÙI DƯƠNG CHI

Fansipan là núi cao nhất ở Việt Nam (3.143 mét = 10,312 feet). Núi nằm trong tỉnh Lào Cai trên cao nguyên Tây Bắc. Chữ "Fansipan" do người Pháp phiên âm. Theo sách *Một Số Vấn Đề về Địa Danh Việt Nam* của tác giả Nguyễn Văn Âu do nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội phát hành năm 2000 thì *Fansipan* theo tiếng dân tộc Hmong có thể có nghĩa là "Núi trấn phía Tây" hoặc "Núi có sườn hiểm trở," hoặc có thể là phiên âm của cụm từ "Tam Thanh Bản nghĩa là Ba Phiến Đá trên đỉnh núi" hoặc cụm từ "Phan Sĩ Bằng" là tên một người dân tộc Kinh.

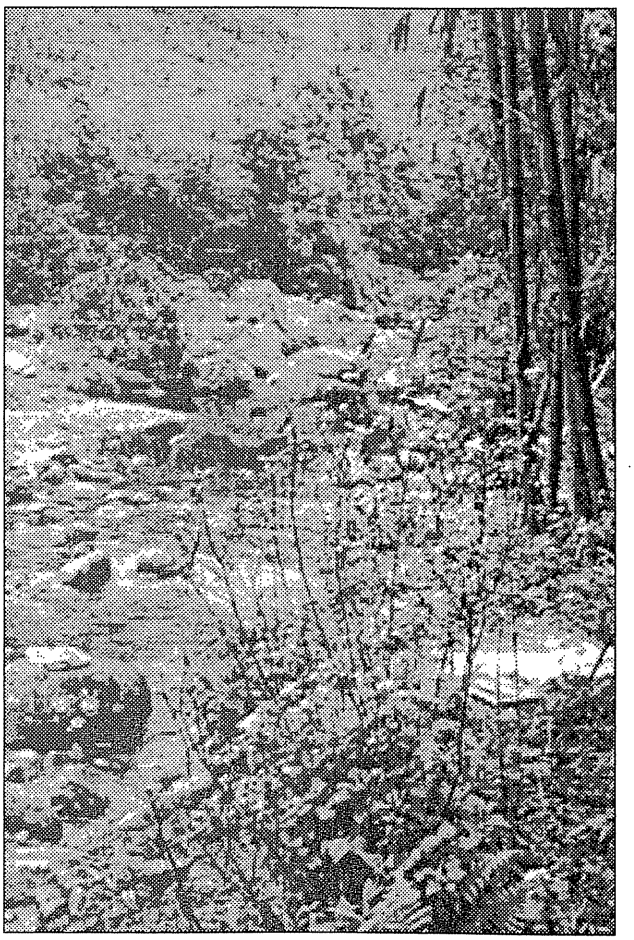

Tuấn Anh, đại diện văn phòng Du Lịch Xanh Handspan ở phố Đinh Liệt, Quận Hoàn Kiếm, nói là với khách Tây một chuyến trèo Fansipan thường mất năm ngày bốn đêm: một ngày từ Hà Nội đi Sapa, ba ngày lên xuống núi, hai đêm ngủ lều, hai đêm ngủ khách sạn và một ngày từ Sapa trở lại Hà Nội. Nếu khách đi về bằng tầu đêm thì đỡ tiền khách sạn và rút ngắn được hai ngày.

Tôi bảo tôi lên Sapa ba lần rồi. Đi lại và ăn ngủ ở thị trấn tôi lo. Chỉ cần người dẫn đường và hành trang leo núi thì tốn bao nhiêu. Tuấn Anh bấm điện thoại trao đổi thông tin với người bạn phụ trách trên Sapa rồi đưa máy để nghị tôi nói chuyện trực tiếp. Cậu này tên là Vỹ. Vỹ cho biết giá lên xuống núi trong ba ngày hai đêm là 75 đô gồm tiền dẫn đường, nấu nước thổi cơm, dựng lều che bạt, lệ phí giấy phép Công An và tiền "cửu vạn." Cửu vạn là tên lá bài trong bộ Tổ Tôm có hình người khuân vác hàng hoá.

Vỹ còn nhấn mạnh là bỏ cuộc nửa chừng vẫn phải trả 75 đô. Khách leo chậm quá vì bất cứ lý do gì như mưa gió, thích la cà chụp ảnh hoặc đuối sức thì mỗi ngày quá hạn tính thêm 20 đô.

Phần biết công ty này đàng hoàng, phần nghe Vỹ trình bầy minh bạch, tôi chịu giá đó kể cả khoản ngoại lệ. Tôi dặn nhớ đón nghe dự báo thời tiết để tránh mưa. Vỹ cho biết trèo trong quãng tháng ba đến tháng năm là dễ chịu và đẹp nhất nhưng lên cao thì lúc trời quang mây tạnh, lúc gió lộng sương mù, đôi khi vẫn còn bị mưa, không đoán trước được. Vỹ dục tôi lên ngay vì hơn tuần nay nắng ráo, đường khô dễ trèo.

Năm giờ sáng hôm sau, tôi ra ga Trần Quý Cáp mua vé tầu Hà Nội đi Lào Cai. Tầu đêm có hạng giường nằm nhưng tầu ngày chỉ có hạng ghế cứng và ghế mềm. Tôi mua ghế cứng, không có nệm mông và nệm lưng, giá 50.000Đ ($3.25). Rẻ hơn ghế mềm gần nửa đô.

Đúng 6 giờ tầu chạy. Hà Nội cách Lào Cai 340 cây số. Đi mất 10 tiếng. Dọc đường mở cửa sổ ngắm cảnh thì phải kéo lưới thép bảo vệ xuống để phòng bị ném đá. Năm 93, trên chuyến tầu xuyên Việt, tôi và một sinh viên đã kéo lưới xuống nhưng đứa ác ý liệng phân trâu bò nên thầy trò lĩnh gần nguyên gói.

Học kỳ Xuân 2001 này, tôi đi tầu khứ hồi Hà Nội-Lạng Sơn-Đồng Đăng, Hà Nội-Lào Cai, Hà Nội-Hải Phòng, Hà Nội-Vinh-Huế. Khách đồng hành và mấy người trực toa nói rằng nạn ném đá hầu như đã chấm dứt. Ngoài tin yên tâm này, trong các chuyến tầu mới đây, tôi thấy Hỏa Xa Việt Nam đã duy trì và thực hiện được nhiều điều hay. Chẳng hạn ngay cả tầu ghé nhiều ga nhỏ cũng đi, đến đúng giờ; các sân ga tội lên, xuống hoặc đi qua đều sạch sẽ, quy củ; cung cách phục vụ hành khách ở nhà ga và trên tầu đáng khen; có cảnh sát đi lại trong toa để bảo đảm trật tự; các toa tầu tôi nằm hoặc ngồi tuy cũ kỹ nhưng sàn và phòng vệ sinh thường xuyên có người quét dọn; khẩu phần ăn trong những chuyến đường dài thấy nhiều khách khen ngon. Theo tôi, việc cần làm thêm là cứ vài toa nên dành một khoảng để hành khách và nhân viên nghiện thuốc lá khi nào đến cữ thì vào đấy mà hút.

Gần 4 giờ chiều tầu đến ga Lao Cai. Muốn lên Sapa phải đi tiếp bằng ôtô. Thấy gấp gáp quá nên tôi đón xe ôm vào thị xã, cách ga chưa đầy hai cây số. Tới ngã ba đầu tiên, rẽ trái qua cầu Cốc Lếu là đường vào chợ, vào các phố buôn bán và khu hành chính. Nếu đi thẳng thì tới cầu Mới và cầu tầu hỏa bắc qua sông Nậm Thi. Sông không rộng. Đứng bên ta thấy rõ nhà cửa ruộng vườn bên Trung Quốc.

Tôi thuê phòng ở khu này cho rẻ và đỡ ồn. Chiều về, lững thững đi ngắm cảnh sông nước yên bình bên cầu biên giới thì khó tưởng tượng là năm 1979 Trung Quốc đã san bằng cả thị xã. Hiện nay, dân hai nước và du khách qua lại dễ dàng nhưng tôi thấy hoạt động buôn bán không náo nhiệt như ở thị trấn cửa khẩu Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn và thị xã cửa khẩu Móng Cái. Mấy nơi này hồi đó cũng bị Trung Quốc san thành bình địa hết. Cô chụp ảnh khách du lịch trên cầu biên giới Bắc Luân kể là Móng Cái hồi ấy chỉ còn sót lại đúng một căn hộ. Bác tài xế đưa chúng tôi đi xem Hữu Nghị Quan ở gần Đồng Đăng thì chê các đồng chí phương Bắc quen thói áp dụng chiến thuật lấy thịt đè người nên bị ta quạt ngã như rạ.

Sáng hôm sau, mới 5g30 đã nghe tiếng quân nhạc bên kia sông vọng sang. Tính nằm nán thêm chút nữa thì các loa phóng thanh bên ta hùng hồn đáp lễ. Tôi vội vã thu xếp vật dụng cá nhân, trả tiền phòng và gọi Honda ôm ra ga đón ôtô đi Sapa. Sáng sớm ngoài ga nhiều xe hơn trong bến vì có tầu đêm ở Hà Nội lên.

Từ thị xã Lào Cai, xe khách chạy 40 cây số đường đèo vừa dốc vừa quanh co, mất khoảng tiếng rưỡi mới lên tới Sapa. Khách đi từ ga đa số là người nước ngoài. Giá ta 12.000 đồng. Tây, nay bị gọi là "bọn đít to," thì tài xế tùy đông hay vắng, tùy ngày thường hay cuối tuần mà "chém" gấp đôi, gấp ba. Được cái có đủ "đít to" thì mỗi người một ghế, xe không đón khách dọc đường, đỡ sốt ruột, đỡ bị nèn như cá hộp.

Mùa hè, xe lên càng cao, khí trời càng mát. Mùa đông, thời tiết rất lạnh, đôi khi xuống tới gần O độ (32F). Đường đèo tráng nhựa, bên núi đồi trùng điệp, bên vực sâu suối đá. Nhiều chỗ có ruộng bực thang rất đẹp mắt nhưng không bù lại được những nơi bị đốt nham nhở hoặc bị bỏ hoang. Cứ vậy quanh co, lúc nào thấy bên đường có các bảng quảng cáo của mấy khách sạn cao cấp là lên tới thị trấn.

Bến xe thị trấn nằm ngay khoảnh đất hẹp ở giữa sân vận động và nhà thờ. Sân vận động thiếu bảo trì nên nhiều chỗ lồi lõm và một số bực xi măng bị rạn nứt lộ cả sỏi đá. Nhà thờ không có linh mục, chỉ có "già quản" vừa lo việc kéo chuông vừa tranh thủ bán quà vặt. "Già quản" bảo 6 giờ mỗi chiều còn quản lý mấy người đọc kinh. Hiện cả vùng có độ vài chục hộ theo đạo, đa số là Hmong. Chùa cũng có. Chùa chung chỗ với đền Bạch Y Thánh Mẫu ở ven thị trấn. Chính điện thờ Thánh, gian bên cúng Phật. Tôi xin gặp sư trụ trì thì một bà cao tuổi đang ngồi têm trầu trả lời là có việc thầy mới lên.

Trung tâm thị trấn gồm có chợ, một phố dài và các đường nhỏ cắt ngang. Tại đây, nhà ở, tiệm ăn, cửa hàng và mini hotel dựa nhau san sát, nhô ra thụt vào, cái thấp cái cao, trông hỗn độn và thiếu thẩm mỹ. Tuy nhiên, nhờ dân tình hiền hòa, phố đồi quanh co với cảnh núi non trùng điệp và mây bay giăng mắc nên số du khách nước ngoài tham quan ngày càng

tăng. Đặc sắc hơn nữa là đây không có cảnh nhậu nhẹt xô bồ, không có các hàng cà phê mở nhạc om xòm và không còn nạn hành khất. Những người này, trước kia phần lớn là phụ nữ Hmong lớn tuổi, nay quay sang bán hàng thổ cẩm dọc theo phố chính. Trong chợ, có khoang dành riêng cho người thiểu số bầy bán đồ thủ công. Đa số bạn hàng là phụ nữ Dzao. Họ mặc áo và váy nhiều mầu trông rất linh hoạt và đẹp mắt.

Qua chợ, đi tiếp xuống cuối dốc là văn phòng du lịch đặt trong Restaurant Chapa. Tôi vừa đẩy cửa vào thì một thanh niên tên Thắng ra chào. Thắng nói Vỹ có việc đột xuất phải đi Hà Nội. Sau mấy câu hỏi han sức khoẻ, Thắng bàn chuyện ăn uống để chuẩn bị thực phẩm sáng mai lên đường. Tôi nói tôi chỉ ăn rau đậu. Thắng sửng sốt sợ ăn như vậy không đủ sức trèo. Tôi hỏi đã lên xuống Phù Vân Yên Tử trong cùng ngày thì liệu trèo nổi Fansipan không. Ông chủ quán trả lời trèo được, chỉ cần thận trọng và đừng cố sức quá. Thắng nói để bảo đảm thì cứ cho cửu vạn kèm sát tới đỉnh. Khách Tây cũng chưa ai lớn tuổi bằng tôi. Nhỡ có chuyện gì, hai người mới tải xuống được.

Sáng hôm sau, tôi đi xe chín cây số từ thị trấn đến bản Sín Chải sát chân núi để giữ sức. Cửu vạn là Tỏa, dân tộc Hmong. Hướng dẫn kiêm nấu ăn là Lộc, dân tộc Kinh. Đã thỏa thuận trước, tôi chỉ mang máy ảnh và vật dụng cá nhân. Đồ ăn của tôi Tỏa thồ theo gồm gạo, mì gói, muối vừng, xì dầu, dưa chuột, 15 gióng mía và cà phê. Nước đã có suối, nhưng mỗi người vẫn mang theo một chai phòng hờ.

Từ bản Sìn Chải đi qua một cầu tre, một cầu treo và hơn chục thửa ruộng bực thang thì kể là bắt đầu lên núi. Đoạn dốc thứ nhất dài độ nửa cây số, có nhiều đá tảng và đá cục. Hai bên đường cây cối rậm rạp nhưng không có cây to. Trèo dốc này tôi phải nghỉ mệt hai lần. Lên tiếp thì cũng có lúc đường bằng, có lúc đi xuống thung lũng nhưng nếu gặp dốc thì dốc càng cao. Dốc thẳng đứng có bốn cái. Ba cái chưa tới năm thước. Đối với tôi, đường lên đỉnh Fansipan có hai chỗ phải rất thận trọng. Một chỗ dốc đứng hơn hai chục thước và một chỗ phải trèo vòng quanh một gờ núi. Thoạt nhìn, tôi sợ nhưng nhờ có những hốc đá và nhiều rễ nhỏ trổ ra nên chỉ khi nào cả hai tay đã bám đá hoặc nắm rễ thật vững thì tôi mới trèo thêm một bước hay nhích người men theo gờ núi. Nếu ngã, không đập vào đá cũng va phải cây hoặc lăn xuống vực. Tôi hỏi, "Sao không mang giây đeo cho an toàn?" Lộc trả lời, "Chưa ai bị ngã cả."

Quá trưa, chúng tôi lên tới một đỉnh cao 2.100 mét (6,890ft). Trời nắng nên tôi thấy rõ Fansipan mầu xanh lam sừng sững giữa những cụm mây và các mỏm núi thấp hơn. Lộc nói

HÀ NGUYÊN DU

CHÂN DUNG BƯỚC DỰ PHÓNG

không để bọng thời khắc vô bổ đánh
mất tính lịch lãm bước dự phóng
sẽ không lá úa với thu cứ gieo
rắc sẽ không cành khô với hạ mãi ,

rát bỏng rừng thiên bẩm cố bám chắc
rễ sinh khí cho tiếng hót loài thiên
di thêm chút lanh lảnh qua cái mỏ
vàng xông pha tinh ngoan tha từng rác

rơm năng kết tổ xây uyên trên cành
ngàn xa hoài trở trăn nơi mình chôn
nhau hằng quen cơn mộng du ơi sáng
danh cá hồi xuôi dòng thênh thênh gớm

thay bầy bản năng dây dưa thống thiết
ngàn sau nhân sinh em nhân sinh ta
rực ngời chân dung lương tri tự do
tin yêu trổ hoa trên muôn cành trơ...

lên trên ấy khi đi từ đỉnh nọ sang đỉnh kia mà không bị sương mù thì có cảm tưởng cứ với tay ra là đụng vào mây.

Ăn trưa xong, chúng tôi đi xuống chỗ nghỉ đêm ở độ cao 1900 mét. Tưởng hết phải trèo đã mừng nhưng đi chưa được nửa tiếng, hai bắp đùi và đầu gối mỏi rã rời vì cứ phải ưỡn người ra sau để ghìm dốc và giữ thăng bằng. Đã thế, các ngón chân lại bị dồn vào mũi giầy nên càng xuống càng thốn. Vấp phải đá hoặc trượt vào rễ cây thì buốt lên tận óc.

Lộc giải thích triền núi bên này trơn hơn cả vì quanh năm sương xuống mờ mịt. Trồng "thảo quả" ở đây rất hợp. Tỏa có ngót một nghìn cây, trồng xen lẫn với cây cối trong cánh rừng nguyên sinh này. Tôi nhờ Tỏa dẫn đi xem. Cây thảo quả trông dáng giống gừng nhưng cao như cây ngô. Lá vò ra, ngửi có mùi thơm. Tỏa nói trồng ở đây thì quả chín mới to bằng ngón chân cái và bán được giá. Ăn thảo quả khỏi đau bụng hoặc để ướp cho bánh phở khỏi bị ỉu. Lái buôn Trung Quốc mua 150.000 đồng (10 đô) một cân để làm thuốc gì không rõ. Năm ngoái được mùa, hái gần một tạ. Tỏa còn cho biết ít ai lên đây trồng, không phải canh giữ vì người Hmong không lấy trộm, không cần bón phân, không cần xịt thuốc trừ sâu.

Thảo nào từ sáng đến giờ tôi không thấy sâu bọ và ruồi muỗi. Tôi hỏi trên này có rắn và vắt không. Tỏa nói không. Như vậy, so sánh với những vùng cao tôi đã đi thăm, kể cả đỉnh K'Lang và K'Biang trên Đà Lạt, thì về mặt này, đường lên Fansipan dễ chịu hơn cả.

Gần 5 giờ, chúng tôi xuống tới địa điểm cắm trại. Tỏa đi chặt củi, nhóm bếp. Tôi theo Lộc ra suối lấy nước. Lòng suối rộng chừng chục mét. Nước trong vắt, chỗ chảy ào ào trên những phiến đá, chỗ chảy róc rách qua những khe nhỏ.

Không tắm được vì nước lạnh buốt, tôi đi chụp ảnh mấy khóm hoa mầu hồng tím mọc bên những tảng đá xanh rêu. Đây là một trong bốn loại hoa tôi nhìn thấy ở trên núi. Loại thứ hai là hoa vàng, mọc ở những đỉnh và các sườn núi cao. Hoa to gần bằng lòng bàn tay, cành tỏe ra thành bụi rất lớn. Xuống thấp hơn có những cây cao khoảng ba mét, thân cỡ bắp đùi, hoa lớn hơn hoa hồng nhung, mầu đỏ rực. Cùng cao độ này còn có các khoảnh hoa mầu tím xanh mọc sát đất. Hoa trông giống như ngón tay chỉ lên trời.

Tôi không thấy ong bướm. Tôi chỉ thấy hai loài chim ăn hoa quả. Một loại như chim khuyên, màu nâu. Một loại như con sáo, màu đen. Tỏa nói trước kia trên cao có khỉ, dưới núi mùa Hè có rắn nhưng đã từ lâu bị dân săn bắt hết rồi.

Tôi đi chụp ảnh về thì Lộc đang thổi cơm. Tôi giúp Tỏa dựng lều. Lẽ ra tôi nằm riêng, nhưng muốn mang thêm mía và dưa chuột, tôi bằng lòng ngủ ba người một lều. Cơm nước xong, Tỏa và Lộc lên địa điểm cắm trại ngay phía trên thăm hai toán vừa từ đỉnh Fansipan xuống. Lộc nói có cả hướng dẫn nữ, người Kinh.

Sáng hôm sau, Lộc và Tỏa lo cất thực phẩm dành cho chuyến về. Tôi phụ trách nhặt rác. Lên đường đi tiếp, Lộc cho biết hôm nay phải qua bốn chặng rất dài khi lên và xuống đỉnh 2.408 mét và đỉnh 2.600 mét. Sau đó là đoạn cuối, dốc nhưng không khó trèo vì hai bên đường toàn là trúc và tre nhỏ.

Háo hức và sợ thời tiết thay đổi, tôi vượt lên dẫn đầu. Tôi không sợ lạc vì đường có đánh dấu bằng những vết chém trên thân cây hoặc bằng giây vải nhựa mầu xanh hay tím buộc vào những cành nhỏ. Lộc nhắc tôi lối nào nhẵn nhụi và không đánh dấu thì đừng đi vào vì đó là đường đẩy cây xuống núi. Vùng này, cây gỗ quý Pơmu bị đốn rất nhiều. Tỏa cho biết thêm là năm 99, lửa từ Lai Châu lan sang, rừng cháy suốt tháng. Trên các triền núi cao, tôi thấy vẫn còn một ít xác cây Pơmu đứng trơ trọi như những bộ xương đen dang tay kêu trời.

Khoảng hai giờ chiều chúng tôi lên tới đỉnh 2600 mét. Đang nghỉ mệt thì mây xám ùn ùn kéo tới. Trời bắt đầu lất phất mưa. Tôi sợ sét đánh dục Tỏa và Lộc đi ngay. Tỏa nói, "Chú đừng lo. Chưa ai bị sét đánh cả."

Đi hơn một tiếng nữa, trời vẫn mưa nhẹ nhưng gió thổi mạnh hơn. Lộc đề nghị cắm trại. Tôi hỏi lên đỉnh còn lâu không. Lộc không trả lời và nói ngủ ở đây cho an toàn và gần khe nước. Tôi hỏi Tỏa. Toả nhìn Lộc rồi ngập ngừng trả lời độ hai tiếng. Tôi cho rằng Lộc giống nhiều người tôi quen ở điểm hay sợ mưa bị cảm, sợ gió bị ốm, sợ sương bị đau nên tôi bảo Lộc cứ ở lại. Hỏi Tỏa, Tỏa đồng ý đi tiếp. Lộc miễn cưỡng nói sẽ theo sau.

Đường càng lên càng dốc và trơn. Tỏa đi trước. Tôi cố gắng bám sát nhưng không nổi. Lên cao nữa là rừng trúc. Thân trúc bằng đũa ăn cơm, cao hơn hai mét (8 ft). Trúc mầu nâu, ngọn tỏe như cỏ lau và hầu như không có lá

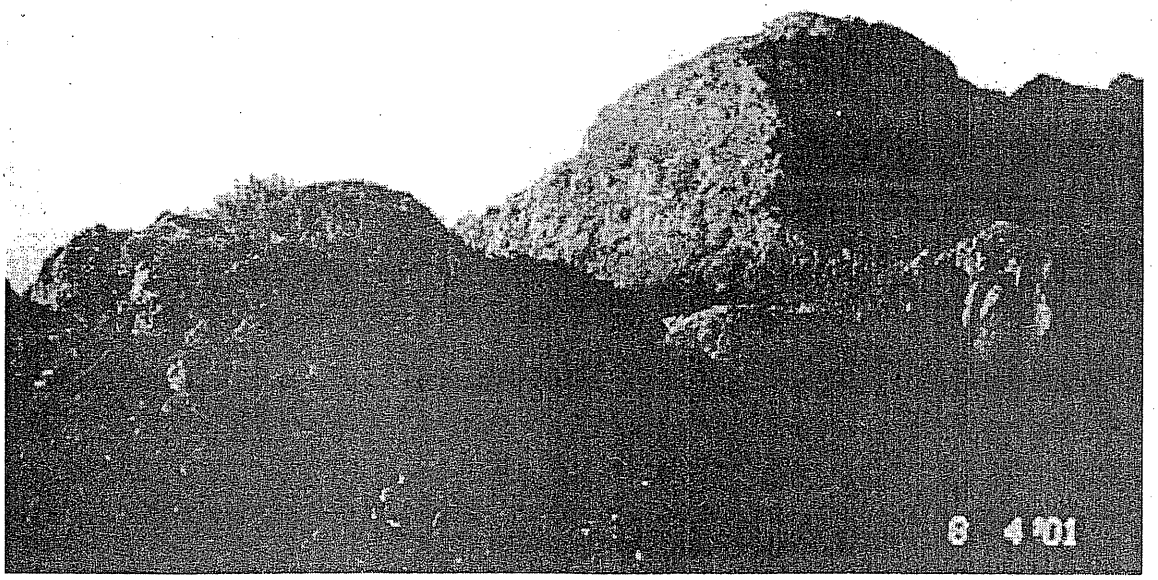

Hoàng Liên Sơn ở hướng đông của đỉnh Fansipan

xanh. Theo dấu chân và dấu vải nhựa, tôi thấy đường lên nhiều chỗ đất lẫn bùn đen như than. Bám trúc cho đỡ bị trơn trượt đồng thời dùng sức tay kéo phụ với hai chân, tôi cắn răng gò người tiếp tục trèo tới. Khoảng nửa tiếng sau, tôi gặp Tỏa ngồi bên đường. Tỏa nói nghỉ mệt. Tôi hỏi còn xa không. Tỏa đáp không xa lắm và dục tôi đi ngay kẻo mưa to khó trèo. Tôi bảo đưa tôi tấm mía ăn lấy sức. Ăn xong, Tỏa nói để túi cá nhân lại, Tỏa sẽ mang lên sau. Tôi không chịu, đeo túi đi tiếp.

Gạt trúc lên chừng hai trăm bước nữa, tôi bỗng thấy mấy phiến đá xám nhạt, lớn như cái giường, tựa vào nhau. Trên gờ cao nhất, có cái mốc hình kim tự tháp bằng kim loại mầu bạc. Biết là Fansipan, tôi vừa trèo, vừa bò lên sát tận nơi. Mừng rỡ và xúc động, quên bẵng cả sét đánh, tôi ngửa mặt hãnh diện nhìn trời, hai nắm tay dơ cao như đấu thủ quần vợt đoạt giải quán quân.

Bỗng đâu từ đằng xa, một bờ mây vần vũ cuồn cuộn tiến tới rặng núi đối diện. Đến bên trên các đỉnh cao, thay vì vượt qua, bờ mây tuồn tuột đổ theo những triền núi như thác nước nhưng không có mảy may một tiếng động. Cảnh tượng lạ lùng này làm cho đỉnh Fansipan như chòng chành nhô lên. Tôi cuống quýt tụt xuống, nép mình vào phiến đá, hồi hộp chờ bờ mây tràn sang.

Chờ một lúc, không thấy gì cả. Tôi hú gọi Tỏa nhưng chỉ nghe tiếng vọng. Định gọi tiếp thì tôi chợt hiểu ra. Tỏa giả vờ nghỉ mệt nhường tôi lên trước và để tôi mặc tình bộc lộ niềm vui trên đỉnh Fansipan.

Đang nghĩ sẽ đáp ứng sao cho hợp với lòng tốt của Tỏa thì đất đá chung quanh tôi nhấp nhoáng như có chớp. Tôi ngồi xụp xuống, nín thở đợi sét đánh. Đợi hết hơi, chỉ nghe có tiếng gió. Ngước nhìn, tôi thấy sau lớp mây mờ là mặt trời sáng dịu như trăng. Bên dưới, những đám mây nhỏ có hình thù kỳ lạ kéo nhau bay qua làm cho ánh nắng lúc mờ lúc tỏ. Hoàn hồn nhưng tâm thần rúng động, tôi đứng dậy khấn và vái tạ trời đất.

Chạng vạng tối, trời tạnh hẳn thì Tỏa và Lộc mới lên. Lộc đề nghị chụp ảnh rồi xuống chỗ ban nẫy dựng lều. Tôi nói tôi ngủ lại đây, mai chụp ảnh mới bõ công trèo. Lộc nói đêm lạnh lắm, sợ gió thổi bay mất lều. Tôi nói mất tôi đền, và nếu không muốn ở lại thì Lộc mang bạt xuống chỗ ban nẫy mà ngủ. Tôi hỏi Tỏa. Tỏa trả lời ngủ đâu cũng được. Lộc nói ở lại không còn nước nấu ăn. Tỏa đưa dao bảo Lộc chặt trúc nhóm bếp. Tỏa đi lấy nước.

Nhìn trúc ướt nhưng vẫn cháy lách tách, tôi không biết mùa nào trúc xanh nhưng theo tôi, vào thời điểm đầu tháng Tư Dương Lịch, chặng nguy hiểm nhất là từ khu rừng trúc lên

đến đỉnh Fansipan. Nếu có hỏa hoạn chắc không cách nào thoát được. Tôi căn dặn Tỏa và Lộc phải cẩn thận củi lửa vì bùn đen như than tức là đã có cháy rừng. Lần này cả hai đều yên lặng. Cơm xong, Tỏa tưới nước dập tắt bếp. Nằm trong lều, Tỏa nói với tôi là theo tục lệ Hmong, trèo lên đây thì về phải cúng thần. Tôi hỏi cúng hoa quả được không. Tỏa nói cúng một con lợn quay rồi mời bạn bè đến ăn.

Suốt đêm trên đỉnh núi, gió thổi vù vù. Lều và bạt đã buộc chặt vào bốn cọc sắt mà vẫn rung lên phần phật. Chập chờn và thao thức đến hơn sáu giờ sáng thì gió lặng. Để hướng dẫn và cửu vạn tiếp tục khò khè, tôi kéo khóa cửa lều, vén bạt chui ra. Ngoài trời, bình minh đã lấp lánh trên mốc kim tự tháp. Nhìn về phía Tây Bắc, tôi thấy rặng Hoàng Liên Sơn xanh mướt, đó đây rực rỡ những cụm hoa vàng và những tàng hoa đỏ. Quay sang hướng Đông Nam, tôi thấy sương sớm chưa tan hết nhưng hình dáng núi non hùng vỹ đã mờ mờ hiện ra.

Lau ống kính phòng hờ hơi ẩm xong, tôi mải mê chụp ảnh cho đến lúc Lộc mời ăn sáng. Chắc trúc ướt quá nên sáng nay cơm rang, mì gói và cà phê đều bị oi khói. Ăn xong, Lộc xin chụp cho một tấm đeo kính râm, tay chống nạnh, tay vịn mốc kim tự tháp để tặng người yêu. Tôi chụp cho hai tấm, mỗi tấm một kiểu. Hỏi Tỏa, Tỏa lắc đầu.

Xuống đến giữa rừng trúc, chúng tôi gặp một đoàn hai khách Tây đang lên. Một cậu trông vẻ rất đuối sức. Tôi khuyến khích bảo trên đỉnh nắng đẹp vô cùng, gắng sức 15, 20 phút nữa là tới. Hướng dẫn nói khách là người Đan Mạch. Lộc nói chắc bị đau bụng tháo dạ chứ Tây ba lô trèo khoẻ như người Hmong.

Xế chiều chúng tôi xuống tới địa điểm cắm trại. Lộc nói đổi chỗ dựng lều. Chỗ này hơi xa suối nhưng rộng rãi và bằng phẳng. Tôi cởi giầy, mượn giép xuống suối lau mình và rửa chân tay. Lúc trở về thì gặp thanh niên Đan Mạch đã xuống tới nơi. Cậu ta chào, cảm ơn và nói lúc sáng muốn bỏ cuộc nhưng nghe tôi bảo nắng đẹp và sắp tới đỉnh nên cố gắng tới cùng.

Trong khi hai hướng dẫn và hai cửu vạn lo nấu ăn dựng lều, tôi đi loanh quanh xem cảnh ở địa điểm này. Càng đi càng buồn lòng vì tôi thấy đủ loại rác rưởi như vỏ hộp sắt đựng thịt cá, giẻ rách, giấy vệ sinh, chai lọ và túi nhựa vương vãi khắp nơi. Tôi nhặt chai lọ và dùng cọng cây để gắp giấy. Một lúc sau, cậu Đan Mạch tiếp tay. Tỏa gom rác thành đống to rồi chặt cành khô làm dàn hỏa đốt hết. Tôi bảo cậu Đan Mạch nhớ nói với bạn hữu không phải chỉ có người Việt Nam mà du khách nước ngoài cũng vứt rác bừa bãi. Cậu này ranh mãnh đáp, "Có khi họ hành xử theo tục ngữ: *When in Rome, do like the Romans.*" (nhập gia tùy tục).

Sáng hôm sau, chúng tôi ăn bữa điểm tâm đặc biệt để khỏi phải thổi cơm trưa. Dọn dẹp chỗ cắm trại xong, tôi tặng cửu vạn một món tiền và khuyên phải kiên trì cho hai con nhỏ đi học. Hướng dẫn cũng có quà nhưng độc thân nên ít hơn. Tỏa nói sẽ về trước lấy xe gắn máy chở tôi và Lộc ra thị trấn.

Tỏa xuống núi rất nhanh, có lúc như nhẩy từ chỗ này sang chỗ kia. Tôi thì chỉ chỗ nào ít dốc mới bước xuống bình thường. Gặp đoạn khá dốc, tôi đi ngang như cua bò cho khỏi bị trượt và đỡ đau đầu ngón chân. Những chặng dốc hơn thì tôi nắm rễ cây hay bất cứ thứ gì có thể bám víu được, rồi xuống theo lối ngồi xổm. Mỏi bắp chân quá thì tôi ngồi bệt cho tuột dốc luôn. Gặp mấy bờ dốc đứng phải cúi nhìn để tìm chỗ đặt chân thì bụng tôi cứ thót lại. Tính ra, tôi lên hay xuống đều chậm như nhau. Chỉ khác là lên thì mệt, xuống thì mỏi. Mệt mỏi quá thì tôi lại nhớ đến bác bảo vệ ở khách sạn. Bác nói, "Tụi Tây nhiều đứa khùng lắm ông ạ. Lên đây không nghỉ ngơi cho sướng lại bỏ bạc triệu để mua lấy cực vào thân."

Hai giờ hơn Lộc và tôi về đến bản Sín Chải. Tỏa đã ăn mặc sạch sẽ đứng đợi bên xe gắn máy. Tỏa chạy rất vững tay nhưng có thói quen nguy hiểm như dân xe ôm là cứ xuống dốc thì tắt máy cho đỡ tốn xăng. May là xe chở ba, tôi ngồi ở giữa nên đỡ sợ. Tới Sapa, tôi xuống đại lý tầu hỏa bên cạnh chợ mua vé. Tỏa và Lộc về Restaurant Chapa đợi.

Lúc tôi vào quán thì Vỹ ra chào và nắm tay giới thiệu với mấy khách Tây đứng tuổi còn lưỡng lự chưa biết có nên trèo Fansipan không. Tôi tươi cười quảng cáo hộ là mệt nhưng đẹp tuyệt vời.

Ngồi vào bàn với Tỏa và Lộc, tôi hỏi chủ quán có lợn sữa quay thì bưng ra nguyên con. Chủ quán không biết tôi đùa, trả lời phải đặt trước một ngày. Tôi nói tối nay tôi về Hà Nội, không có lợn quay thì mang ra đây ba Con Hổ. Hai con có đá, một con ướp lạnh. Tỏa cười và nói, "Mỗi người phải hai con mới vui."●

Học kỳ Xuân 2001.

HÀ NỘI VÀ NHỮNG KHÚC MƯA

TRẦN NGỌC TUẤN

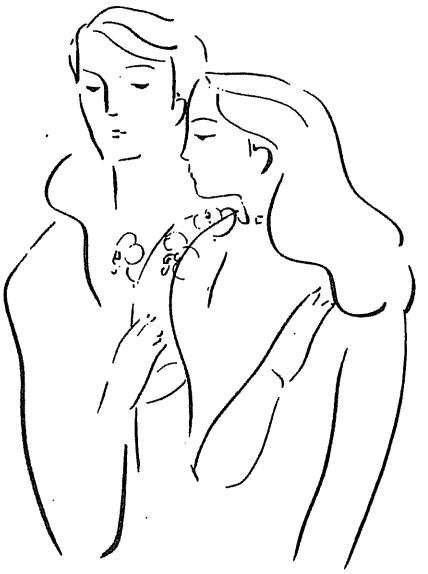

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa nhỏ.

Tối hôm qua cả phố ầm ĩ vì một việc rất xoàng, thằng Du lên cơn nghiện trói mẹ lại lấy giây chuyền mang bán. Chẳng ai dám can, đụng vào nó không ra Văn Điển thì cũng thành phế nhân. Chị Thanh (người nghiên cứu Mỹ Học) lẩm bẩm: Các giá trị nhân bản đang bị hành quyết. Mẹ tôi hỏi: Bộ môn của cô không có định hướng phần này? - Thưa bà, không! Nó liên quan tới tôn giáo và chính trị...

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa như người đái giắt.

Tới nhà rủ An đi chơi. Tôi mặc bộ quần áo bộ đội của bố. An đi giầy Italia, áo phông Thái, váy mầu đen. An bảo: Anh chẳng chú ý gì tới hình thức. Tôi nói: Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, An bĩu môi: Anh là loại gỗ mục.

Đang đi gặp Long, tôi hỏi: Mày định đi đâu? Nó bảo: Cũng không biết nữa. Đưa mắt nhìn An nó lơ lửng một câu: Hà Nội bây giờ có mốt, lũ con gái mặc váy ngắn dắt chó ra ngoài đường phóng uế đó là dấu hiệu phồn thịnh của thủ đô ta. Quay sang An, nó hỏi: Váy em là hàng Trung Quốc? An trả lời: Vâng! Sao anh biết? - Nhà anh buôn đồ vải thứ này rẻ chất lượng tương đối khá, giá phải chăng, trong cuộc Bắc Thuộc lần này hàng hóa xứ An Nam xem chừng bị lấn lướt. Tôi bảo nó lên xe, chở ba người mắt đứa nào cũng lấm lét như kẻ cắp chợ Đồng Xuân, gặp công an thì mất toi một chầu bia liên doanh.

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa lèm nhèm, mưa như trêu tức người ta.

Ba chúng tôi ngồi ăn bánh tôm ở Hồ Tây, Long bảo: Cách đây mấy năm bánh tôm là đặc quyền cho kẻ lắm tiền, bây giờ đã trở thành đại chúng, đấy là cuộc cách mạng ẩm thực vĩ đại và giai cấp vô sản đã giành lại vị trí của mình. Tôi nói vuốt đuôi: Chẳng mấy chốc mà khá!

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa vừa đủ hôi quần áo.

Gió - bụi mù - hình như có cát trong bát nước chấm. Mấy đứa trẻ ở tổ bán báo "Tình Thương" bâu lại: Mua đi anh chị, tin mới nhất về vụ buôn ma túy xuyên quốc gia... còn nữa

vợ giết chồng chặt đầu vất xuống ao bèo, băm xác cho vào nồi cám lợn. Long gắt: Thôi xin các tướng, để chúng tôi ăn cho ngon miệng mấy việc này có gì là lạ xẩy ra như cơm bữa. An co người lí nhí: Khiếp! Hết cả tính người. Long dịu dàng: Em đa cảm, như vậy, rất đáng yêu đó là dấu hiệu sự phục sinh nhân cách của người Thăng Long.

... Long về, tôi rủ An ra ven hồ ngồi ngắm mặt trời đang lặn. nước hồ bốc mùi thum thủm, mấy con bọ cỏ đậu vào tay rin rít rất khó chịu. An hỏi: Anh Long có cách nói chuyện sâu sắc, và hóm hỉnh. Tôi nói: Nó rất nổi tiếng, cả Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo đều biết tên...

An nhỏ nhẹ: Chắc anh ấy học giỏi. Tôi nói: Nó nổi tiếng không phải vì học giỏi mà có dũng khí ăn hết bãi cứt gà. Sinh viên thách đố nhau ấy mà, phần thưởng là một chầu thịt chó Nhật Tân. Sự việc vỡ ra kẻ thách đố bị đuổi học, còn nó bị kỷ luật đình chỉ học tập một năm, cải tạo lao động cảnh cáo toàn trường và ghi vào lý lịch sinh viên: "Tự hạ thấp nhân cách người trí thức Xã Hội Chủ Nghĩa, bị sa ngã vì những ham muốn vật chất tầm thường dung tục..." Nó yêu Hà Nội khủng khiếp từng tuyên bố công khai: Không đi bất cứ đâu khi ra trường, thà uống nước cống Hà Nội còn hơn uống nước máy ở các địa phương khác. An bảo: Đất Thăng Long tự hào vì có một tín đồ trung liệt.

Trời nhập nhoạng, tôi hôn An và luồn tay sờ vú. Vú An căng cứng, An oằn người rên rỉ: Giữ cho em anh nhé, em vẫn còn trinh. Tôi bảo: Trước sau rồi cũng mất, cho anh đi chúng mình yêu nhau mà. An trả lời: Để lúc khác, em không thích nơi bờ bụi, hôm nay là ngày không an toàn. Tôi bảo: Anh chiều em, nhớ nhé! Đừng nuốt lời và tìm kế hoãn binh. An cười: Anh đa nghi như Tào Tháo, tin em đi.

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa cò con, mưa lèm nhèm, mưa như khiêu khích.

Nóng, khó ngủ, muỗi nhiều. Tôi ra đầu phố xem ông Tràng đánh cờ thế, ông Tràng nổi danh trong làng cờ được phong là Đế Thích. Liên Đoàn Cờ Tướng Việt Nam mời ông làm huấn luyện viên xong ông từ chối. Vốn kinh doanh của ông có lẽ rẻ nhất thế giới, mảnh bìa và bộ cờ gỗ, tà tà mỗi ngày ông kiếm vài trăm nghìn ngon ơ, chẳng thuế má gì cả. Ông Tràng ngồi xổm tay thò vào trong quần gãi dái, tay kia dí tốt vượt sông, giọng ông đắc thắng: Hai nước nữa cậu thua! Chơi cờ với ông là một gã trai mới lớn, nhẫn vàng đeo đầy tay, mắt trái bị chột đục nhờ như có người vừa khạc vào đấy bãi đờm. Cộp! con xe đã nhập cung... Gã trai xỉa ra tờ 50 ngàn miệng lầu bầu: Đen hết chỗ nói, tối hôm qua chơi em nhà quê bướm không có lông, thiên hạ nói chẳng sai "Âm Hộ Vô Mao Bần Chí Tử."

- Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa li ti, mưa như bố thí.

Nhà ông Thăng lại có "nội chiến," tiếng bát đĩa bị đập vỡ, tiếng ông Thăng rít lên: Im mồm ngay con đĩ! Vợ ông tru tréo: Tao làm được bao nhiêu tiền mày mang đi trai gái bồ bịch, thế mà cũng là đảng viên, ông nhà nước lầm rồi. Tiếng đứa con gái: Con xin bố mẹ, hàng xóm người ta cười cho. Ông Thăng hét: Sĩ diện hão, mày dậy dỗ học sinh của mày cho tốt vào, chúng nó còn tụt quần mày ngay giữa lớp chứ hay hớm gì mà lên giọng dậy đời đòi "trứng khôn hơn vịt..."

Gặp thằng Nội mua phở cho chó ăn đêm. Nó phàn nàn với tôi: Tối nào cũng bát năm nghìn đập vào hai quả trứng, nửa cân thịt bò ngày, không kể xương, sữa, cà rốt, khoai tây... thế mà con chó nhà tao lông cứ rụng hết. Tôi bảo: Nó không thiếu dinh dưỡng đâu, chắc tại khí hậu nước mình.

"Tới nhà tao, xong hai đứa mình đi lượn." Nó rủ rê.

Bố thằng Nội là tiến sĩ đầu tiên của ngành giao thông, mẹ nó tốt nghiệp đại học thể dục thể thao bên Trung Quốc thời "Cách Mạng Văn Hóa." Một gia đình "có chữ" (nói theo kiểu hàng phố). Họ sống khép kín, tế nhị trong các mối quan hệ...

Nhà thằng Nội thoáng mát, nhiều sách, cách bài trí đơn giản nhưng có gu thẩm mỹ. Mẹ nó hỏi: Cháu uống gì?

- Dạ! Cô cho cháu xin ly nước đá...

Mẹ thằng Nội cầm cuốn sách dầy cộm chăm chú xem rồi đột nhiên hỏi bố nó: Anh ơi! Thánh nhạc là gì, có khác với thánh ca không?

- Khác chứ! Về mặt ngữ học thánh nhạc tương ứng với từ "Musicasacra" (tiếng Latinh), trong tiếng Anh là "Sacred music," tiếng Pháp "Musique sacrée." Thánh nhạc có trước, thánh ca chỉ là một loại hình được chia làm hai nhóm chính "Thánh ca phục vụ," "Thánh ca tôn giáo "...

Tôi nói khẽ với thằng Nội: Bố mày hiểu biết nhiều lĩnh vực quá!

Bố thằng Nội quay sang nói với nó: Ngày

mai con ngắt giây chuông, bố đang làm đề tài nghiên cứu mà ăn xin ăn mày cứ bấm chuông liên tục, không thể nào tập trung tư tưởng được. Mẹ nó hỏi: Tại sao bây giờ nhìn người ăn xin thế? Bố thằng Nội trả lời: Đó là "Cơn Sốt Vỡ Da Của Tiền Kinh Tế Tư Bản" hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của nước mình. Nước Mỹ đã làm giầu trên xương máu, ruộng đất người da đỏ, nô lệ da đen, nước Anh đã thay thế công nghệ sản xuất khiến bao thợ thủ công phải chết đói, ngày nay ai đám bảo hai quốc gia trên là chậm phát triển. Mẹ thằng Nội nói: Thế thì còn nhiều điếm nhục, còn nhiều chuyện đau lòng, giá trị nhân cách không mua nổi một bát phở cho con chó Ky nhà mình.

Bố thằng Nội hùng hồn: Sau sự điếm nhục đó cả dân tộc sẽ bay lên, các giá trị nhân văn tái hiện, những kẻ giết người, buôn lậu, tham nhũng... sẽ đi chùa, đi nhà thờ cầu nguyện cho chúng sinh và làm điều thiện.

- Thời gian là bao lâu? Mẹ thằng Nội hỏi.

- Điều này phụ thuộc vào các nhà chính trị và sự nhân hậu, nếu như họ có...

Thằng Nội đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn của nó bảo tôi, "biến" cho khỏi nhức đầu.

Hai đứa chúng tôi ngồi uống sen dừa ở phố Thuyền Quang, một cô gái tới hỏi: Các anh thích đi "tầu nhanh" hay "tầu chậm" giá "cực mềm." Thằng Nội quát: Biến ngay! Con phò... Nó nói: Phò phạch bây giờ còn nhiều hơn sự tử tế!

Tôi bảo: Nói như bố mày từ lúc nãy, đó cũng là cơn sốt "vỡ da của tiền kinh tế tư bản." Hai đứa lên xe ra về, ánh điện lọc qua lùm cây loang lổ như da rắn. Tiếng ai thất thanh: Bà con ơi! Bắt hộ tôi cái thằng đi xe DREAM mầu đỏ kia kìa, nó giật mất đồng hồ của tôi. Tiếng kêu bị rơi vào sự câm lặng ở lòng người và sự ồn ào của phố xá.

Tôi về tới nhà, bố mẹ đã ngủ, chiếc vô tuyến chưa tắt đang phát bản tin dự báo thời tiết cuối cùng trong ngày:

- "Khu vực Hà Nội ngày mai ít mây, có mưa, lượng mưa không đáng kể... "

CUNG VĨNH VIỄN

KÝ ỨC

Gửi thân bằng

nơi mỗi người có một cõi riêng
mỗi người có những chuyện không quên
nằm sâu đâu đó trong tiềm thức
năm tháng qua dần vẫn lắng im

đời sống buồn như tiếng thở dài
bao nhiêu mơ ước đã tàn phai
sớm chiều vẫn một thân còm cõi
ta có còn ai mất những ai

ôi câu hỏi ấy chiều nay bỗng
khuấy động hồn ta đến ngẩn ngơ
những ngăn kỷ niệm thường phong kín
dẫn ta về với dấu yêu xưa

bạn cũ, bao nhiêu là khuôn mặt
mỗi người một tính một tình riêng
kẻ như hòn đất người ngang ngược
mà giống như nhau: cũng bạn hiền

bạn cũ. bốn phương trời trôi giạt
có chạnh lòng không lúc tuổi già
chung quanh cũng lắm người quen biết
nhưng chẳng một ai giống bạn ta

bạn cũ. có khi nào hội ngộ
ha hả cùng nhau lại nói cười
hồi lâu bỗng thấy hình như vẫn
giống hệt như thời trai trẻ thôi

bạn cũ. lá vàng rơi lác đác
đã nghe ơi ới báo tin nhau
hình như chiều chợt vừa thêm lạnh
ai ở ai về một thoáng mau

nơi mỗi người có một cõi riêng
ta còn kiều dưỡng bóng hình em
lỡ khi hồn lãnh đầy thương tích
ta vẫn còn nguyên chút của tin.

KHI MÁI TÓC CÒN XANH

HỒNG KHẮC KIM MAI

1.

Bài hát Giòng Sông Xanh do nữ ca sĩ Thái Thanh trình bày vừa chấm dứt. Dư âm sóng nước vẫn còn vỗ tấp, chập chùng trong bến bờ xanh lơ của mộng mơ. Nhưng dĩa hát không ngừng ở đó. Nhạc phẩm Come Back to Sorrento, *Trở về Mái Nhà Xưa*, của Ernesto Di Curtis, lại được tiếp nối. Nhạc mở đầu với tiếng dương cầm thánh thót như những hạt mưa đầu thu. Và tiếng hát của một ca sĩ nào đó lại cất lên

Về đây khi mái tóc còn xanh xanh
Về đây với màu gió ngày lang thang
Về đây với xác hiu hắt lạnh lùng
Ôi lãng du quay về điêu tàn...

Lim dim đôi mắt, hồn tôi đi vào cõi mù sương của Mộng và Thực, rồi trôi dần vào vùng quá khứ. Ở một nơi rất xa xăm hằng dặm có tiếng lòng trải rộng mênh mang trên phím đàn. Ở đó có những quạnh hiu dồn nén tâm tưởng. Và ở đó cũng có những lần roi quất tới tấp. Vết thương ghi dấu mùa xuân lỡ thì, khi sướt mướt trên nốt nhạc, khi quằn quại thương đau...

2.

... Lứa gà đầu tiên đẻ rất sai, mẹ con chúng tôi ăn không hết nên đã bán trứng cho bà con trong xóm. Dân chúng phải sắp hàng mua thực phẩm do phường khóm bán nhỏ giọt đã quá mệt mỏi, vì vậy việc bán vài chục trứng gà hằng ngày của tôi càng ngày càng được nhiều người chiếu cố. Tôi liền nghĩ đến việc huy động phong trào nuôi gà để mỗi gia đình trong phường có thể tự lực tự cường như tôi. Sáng kiến của tôi đưa ra trong một phiên họp của tổ dân phố nơi tôi cư ngụ được mọi người hoan hỉ và Ba Tưng, viên chủ tịch phường, cũng chấp thuận. Ngày hôm sau hắn tìm đến tôi, bỏ nhỏ với tôi rằng nếu tôi muốn làm ăn thì phải nộp cho hắn mỗi tuần một số tiền nhất định. Để được yên thân đương nhiên tôi phải nhanh nhẩu chấp nhận việc đóng tiền mãi lộ cho hắn.

Nhờ có vốn liếng và trí óc lanh lợi, tôi liên lạc với những nông trại để đặt mua gà con. Mỗi sáng sớm lúc mọi người trong thành phố còn an giấc, tôi lặng lẽ rời nhà, thuê xích lô máy đi Thủ Đức. Trời mờ tối và chiếc xe phóng hết tốc độ trên xa lộ vắng người. Tôi níu chặt thành xe, đầu óc tính toán đến món hàng sẽ phân phối cho những người đặt hàng, đến số tiền lời sắp có mỗi ngày để quên đi cái lạnh cắt da. Tôi co ro miên man nhớ đến ngày đầu tiên đi thăm nuôi chồng tôi ở trại cải tạo Bình Lâm. Ngày đó tôi cũng rời thành phố thật sớm như thế này, tay xách nách mang những túi thức ăn, áo quần và thuốc men bới cho chồng. Đường xa vời vợi, phải đổi hai ba chuyến xe Lambretta mới đến nơi. Hằng chục ngàn người đàn bà vợ Ngụy, tên gọi những người có chồng đi cải tạo học tập, đến địa điểm tập trung từ hai ba hôm trước. Họ nằm bờ nằm bụi thật thảm thương. Mỗi ngày, họ sắp hàng ngồi lết dưới trời nắng chang chang hằng giờ để chờ gọi tên mình, mồ hôi nhớp nháp. Bà nào mặt mày cũng hốc hác xanh xao và lo âu. Nhưng ánh mắt họ ngời sáng khi nghĩ đến người thân yêu sắp được gặp. Vâng, cuối cùng tôi cũng đã gặp được người chồng yêu dấu sau bao nhiêu tháng biền biệt. Hai vợ chồng huyên thuyên nói cười trong mừng vui, nước mắt chảy ràn rụa. Mỗi lúc tôi suýt thút thít thì anh lại suỵt suỵt làm dấu bảo đừng. Trông anh gầy hơn trước nhưng tinh thần vẫn tốt. Lại đùa với tôi *"Anh ở trong này như đi nghỉ mát, khỏe lắm. Ít tháng nữa cải tạo tốt sẽ được về thôi. Em ở nhà ráng lo cho sắp nhỏ. Rồi mình sẽ làm lại từ đầu, anh về sẽ lo cho em hết mọi chuyện ..."* Tôi nghẹn lời ngồi im. Chồng bỗng cầm tay nhìn sâu vào mắt vợ, tình tứ *"Ở nhà có nhớ anh không?"* Tôi gật đầu. Chàng lại hỏi *"Nhớ nhiều không? nhớ thì làm gì ?..."* Tôi bẽn lẽn *"thì ôm chăn chặt cứng."* Người ấy yêu

thương cốc nhẹ vào đầu tôi, nhìn qua ngó lại coi có ai để ý không rồi cúi xuống úp mặt vào tay tôi hôn thật lâu. Đó là những giây phút hạnh phúc nhất, đủ xoá hết mọi muộn phiền của tôi trong những tháng ngày qua .

Tôi giật mình tỉnh mộng khi người phu xe ngừng lại cho biết đã đến nơi. Từ chỗ xe thả tôi xuống đến nông trại gà phải đi bộ khoảng năm cây số. Vào mùa mưa đường đất lầy lội trơn trợt, con đường mòn như dài vô tận. Nhất là khi mua được món hàng xong phải quay trở lại với hai ba thùng gà con trong tay, người đàn bà lại càng thiểu não hơn nữa. Ì à ì ạch mới ra tới đường cái để đáp xe về thành phố.

Công việc thu mua gà đủ mệt nhọc cách mấy hôm nào cũng xong xuôi trơn tru để tôi quay trở về nhà vui mừng nghe tiếng đồng hồ điểm mười một giờ sáng. Tôi quày quả thay đổi y phục, trong nháy mắt không còn là một người áo quần xốc xếch, mặt mũi lem luốc tay chân lấm đầy bùn đất, mà là một người đàn bà liễu yếu xinh đẹp trí thức. Ôi hai chữ trí thức sao làm phiền hà đời tôi đến thế? Vì hai chữ trí thức tôi không dám cho ai nhìn thấy cảnh mình trốn mọi người đi buôn trong sáng sớm. Đôi lúc tôi cười ngạo về sự kịch cỡm của mình. Nhảm! đi buôn có gì xấu hổ mà phải chùng chùng lén lén thế kia. Cuộc đổi đời ai mà chả thế!

Nói vậy nhưng bề gì sự lột xác cũng cần có thời gian...

Lúc khởi xướng, việc nuôi gà đẻ trứng có mục đích đem lại niềm vui cho các con và để có thêm thức ăn bồi dưỡng mỗi ngày. Tiếp đến nó lại đem thêm chút lợi tức nho nhỏ và dần dà không còn là một công việc tầm thường nữa. Nó biến dạng một cách nhanh chóng để trở thành một công ăn việc làm nghiêm túc và sầm uất cho gia đình tôi. Với danh nghĩa lao động sản xuất để tự lực tự cường, công an phường khóm không có lý do làm khó dễ ai. Nhờ sự đút lót khôn khéo, tôi và các con có một đời sống yên ổn khả dĩ sung túc hơn nhiều người khác đang cùng hoàn cảnh.

Những ngày thức dậy thật sớm lủi thủi lội mưa đi mua gà đã qua đi. Nhiều cơ sở ở nông thôn bằng lòng cung cấp gà con cho tôi tận nơi. Tôi hợp tác với những người sản xuất lồng nuôi gia súc ở Chợ Lớn, và từ đó đẩy mạnh phong trào chăn nuôi gà khắp nơi trong thành phố Hồ Chí Minh, tên mới của đất Sài Gòn một thời được gọi là hòn ngọc Viễn Đông hoa lệ.

Ủy Ban Nhân Dân thành phố bắt dân chúng tập trung và đăng ký mọi công ăn việc làm với chính quyền địa phương dưới hình thức những tổ hợp. Mỗi tổ hợp gồm một số người hợp tác với nhau và kiểm soát lẫn nhau. Các tổ hợp "chăn nuôi gà lấy trứng" mọc lên khắp nơi, nhờ đó công việc làm ăn của tôi bành trướng mạnh mẽ. Tôi hoạt động dưới danh nghĩa "tổ hợp chi phối gà con và thuốc gia súc" qui tụ một số người trong xóm. Nhưng thực ra những người này chỉ đứng tên làm vì, họ không phải làm gì nhưng hằng tháng vẫn nhận được một số lương tượng trưng về việc cho thuê tên trong tổ hợp của tôi. Ngoài ra Ba Tưng và đồng bọn cũng che chở tôi hết mực vì số tiền khổng lồ tôi đã đóng cho hắn hằng tháng.

Thực ra chuyện nuôi gà tại gia không phải là một điều mới lạ với người dân Sài Gòn. Cách đó chục năm trước phong trào nuôi chim cút nổi lên rầm rộ rồi thất bại. Mọi người sau đó chuyển qua nuôi gà Mỹ để kiếm lời. Gà Mỹ chóng lớn, có khả năng sản xuất trứng rất đều đặn và lâu dài hơn những giống gà khác. Phong trào này cũng chóng tàn... Nay thời cuộc biến đổi, người dân vì quá âu lo cho một tương lai đầy rẫy hăm dọa nguy biến, đã quên mất phải làm gì để sống. Họ như đang đi trong đêm tối mờ mịt, ngày ngày chỉ biết sắp hàng cầm sổ hộ khẩu mua nhu yếu phẩm. Thịt thà do phường xóm phân phối theo tiêu chuẩn gia đình, rất hạn hẹp. Việc nuôi gà để có thịt ăn do đó trở nên hợp lý hợp tình nhất.

3.

Chín giờ sáng ngày chủ nhật tháng bảy. Cơ quan công an khu phố vắng vẻ đìu hiu trong ngày nghỉ. Hãng bào chế dược phẩm cạnh nhà tôi đóng cửa, và người hàng xóm của tôi cũng đi chơi vào những ngày cuối tuần như mọi khi. Đêm qua các em tôi đột xuất ghé qua cho hay nhà có giỗ và xin dẫn các con tôi về nhà Ngoại trước. Vì vậy khuôn viên nhà tôi vốn đã buồn trong ngày chủ nhật nay càng hoang vắng hơn vì thiếu tiếng cười của con trẻ. Tôi quanh quẩn trước sân lượm rác, định bụng sẽ về nhà cha mẹ sau khi giao hàng cho một người khách, theo lời họ nói, đến từ Bình Dương.

Khách mua hàng đã đặt tiền cọc khá lớn. Đây là lần đặt hàng sộp nhất từ trước đến nay, trị giá gần hai trăm ngàn đồng tiền mới (mỗi gia đình lúc bấy giờ chỉ được quyền đổi hai trăm tiền mới mà thôi), một mối lợi béo bở

không ai có thể bỏ qua. Hàng là 2500 gà con, giống New Hampshire có khả năng sản xuất bền bỉ loại trứng màu nâu rất được yêu chuộng trên thị trường. Ngoài ra họ còn mua thêm 500 chuồng gà và một số thuốc dinh dưỡng bồi bổ gà trong thời kỳ đẻ trứng.

Vì công việc làm ăn có phần tiến triển thuận lợi nên hai hôm sau khi chộp được mối bở, sẵn có người tìm đến xin việc, tôi mướn ngay. Đó là một cô gái xinh đẹp, khỏe mạnh, tháo vát và vui vẻ nên tôi rất vừa lòng. Cô ta tên Thúy, ăn ở luôn trong nhà.

Xẩm già lân la lại gần đưa mắt hỏi :

"Sao bà chủ dậy sớm vậy? hổng ngủ thêm cho khỏe?"

"Con Thúy xin nghỉ việc bất thình lình hôm kia, mà hôm nay mình lại phải giao hàng cho người ta như đã hẹn."

Xẩm già ngồi xuống cười hiền lành "Thôi bà chủ đừng có lo. Ngộ nói bà chủ đừng có lo mà! Ngộ mần việc gì cũng được hết! Ngộ sẽ giúp bà chủ khiêng mấy con gà con vịt cho người ta."

Tôi cúi xuống mở những nắp thùng xem xét lại đám gà con. Chúng đang nép sát mình nằm yên bên nhau tìm hơi ấm, bỗng cùng đứng vùng dậy kêu chiêm chiếp như bị động ổ. Lông gà con màu vàng nhạt mịn như tơ, và những cái mỏ đỏ hồng thật xinh xắn. Chúng đua nhau mổ vào ngón tay của tôi tìm ăn.

Xẩm già lui cui khiêng cái này vác cái nọ dọn dẹp. Bỗng bà ấy trượt chân mất thăng bằng ngã xuống đất. Tôi lo sợ quì xuống đỡ xẩm. Gương mặt người đàn bà tái ngắt và xẩm ú ớ không nói được. Tim xẩm đập nhanh hơn bình thường.

Điện thoại reng vang. Bên kia đầu giây có tiếng người đàn ông cho biết trong vòng nửa tiếng đồng hồ họ sẽ có mặt để nhận hàng. Ông ta yêu cầu tôi mở cửa rào sẵn sàng để xe họ vào. Hỏi có bao nhiêu người phụ giúp tôi giao hàng. Tôi ậm ừ bảo chỉ có mình tôi và xẩm già. Hỏi hôm nay ngoài họ ra, có khách nào đến mua hàng nữa không. Tôi bảo không. Lại hỏi hàng xóm đi vắng bao giờ về. Câu hỏi gì thật quái gỡ! Lấy cớ bận việc, tôi gác máy.

Tay chân xẩm già run lên bần bật. Tôi hoảng hốt chưa biết phải làm gì. May quá, ngoài cổng thấp thoáng bóng ai như Nhị, người bà con xa bên phía chồng tôi. Tôi vội vàng chạy ra mời anh ta vào. Nhị bảo :

"Em ghé qua thăm chị và các cháu. Sao trông chị khẩn trương thế?"

Hai chúng tôi loay hoay xức dầu cạo gió cho bà lão. Nhị chắt lưỡi :

"Trông bà ấy có vẻ nguy quá! Để em đi kêu xe cứu thương chở bà ấy vô bệnh viện thì tốt hơn chị ạ."

"Vâng, vâng, xin chú giúp cho."

Nhi chạy biến đi. Tôi ngồi ôm xẩm già và cầu nguyện. Cầu nguyện. Cầu nguyện.

Chó sủa ran. Một chiếc xe hàng khổng lồ tiến vào sân và từ từ đậu sát cửa ra vào. Trên xe nhảy xuống một người đàn ông quen mặt đã đến đặt hàng trước kia. Thêm một người đàn ông khác có mang súng và cuối cùng là Thúy, đứa ở giúp việc tuần trước đã lấy cớ nghỉ việc bất thình lình. Tướng đi xông xáo rất tự tin của Thúy và cây súng trong tay người đàn ông kia làm tôi biến sắc. Tôi cảm được một bất lành sắp xảy đến. Thay vì vào nhà, Thúy đi vòng ra cổng sắt và cài chốt lại. Như thế có nghĩa gì? Con chó Lu tiếp tục sủa nhưng Thúy đã cúi xuống vuốt ve hắn. Chắc Thúy đã làm nhiều lần như thế trong quá khứ nên con chó quen hơi, thôi sủa. Tôi run như cầy sấy, vội vàng khóa các cửa lại.

Xẩm già lờ đờ đưa mắt dò hỏi. Tôi lắp bắp:

"Con Thúy, con Thúy, nó dẫn người lạ về nhà mình. Họ lại có súng xẩm à."

Xẩm già thều thào: "Bà chủ leo lên nóc nhà thoát thân đi, thây kệ ngộ ở đây."

Tiếng đập cửa rầm rầm. Họ lớn tiếng:

"Mở cửa, mở cửa, chúng tôi đến nhận hàng đây."

Cửa lại bị dộng mạnh như muốn vỡ ra. Tôi quính quáng chạy xuống phía sau bếp, cố trèo lên bức vách gần đó nhưng tường cao quá. Không cách gì leo nổi. Trèo lên tụt xuống. Có tiếng quát lớn của con Thúy. Như vậy bọn chúng đã vào được trong nhà rồi. Sao hay vậy nhỉ? Chắc hắn đã làm chìa khóa giả cũng nên. Tôi lại càng quýnh quáng hơn. Trong lúc nguy biến tôi lăn mình nằm núp dưới cái phản đặt ở góc phòng. Văng vẳng tiếng chúng bảo nhau hãy mau khuân tất cả đồ đạc trong nhà lên xe. Tiếng con Thúy the thé đòi xé xác xẩm già nếu xẩm không chỉ chỗ chủ nhà đang trốn. Tiếng khóc đứt đoạn của xẩm già vang lên từng hồi. Tiếng khuân đồ đạc rầm rập. Thỉnh thoảng có tiếng loảng xoảng của một vật gì bị rớt vỡ.

Tôi quá lo sợ ép mình nằm sát vào phía trong. Con chó Lu chạy qua chạy lại gần chỗ tôi nằm. Tôi xịt xịt đuổi nó đi, nó lại khịt khịt trả lời. Run quá. Không chừng chính nó làm tôi lộ tẩy. Tôi nghiến răng nói nhỏ "đi, đi chỗ

khác, mau!" Như hiểu được ý tôi, con Lu ra ngoài sân nằm mẹp xuống đất ngoe nguẩy đuôi.

Giọng con Thúy bỗng rõ mồn một. Hình như hắn đang tiến về phía nhà bếp.

"Con mẹ chủ nhà này biến đi đâu hay thiệt! Tao mà bắt được mày là tao bằm nát xương mày ra!"

Tiếng một thằng đàn ông vọng xuống :

"Thôi kệ cha nó. Lo tranh thủ làm việc đi! Kiếm thấy chỗ nó giấu tiền ở đâu chưa?"

"Chỉ tìm được một ít tiền mà chưa thấy vàng đâu cả."

"Cả tuần mầy ở trong nhà này làm chó gì mà không biết được chỗ giấu của nó?"

"Thì cứ tưởng nó cất trong phòng ngủ chứ ai có dè!"

"Mày làm ăn như cứt!" Thằng đàn ông chưởi thề.

Tiếng thằng đàn ông khác lên tiếng:

"Cạy miệng con mụ Chệt kia mà hỏi chưa?"

"Khệnh cho mụ ta nát thây rồi mà mụ không nói. Này, còn cái đờn bia-nô tính sao?"

"Nặng thấy bà nội, khỏi lấy."

Thúy đã xuống nhà bếp. Bước chân đi tới đi lui. Hắn ra sân sau nhìn lên mái ngói một hồi rồi quay trở lại. Hắn ngồi xuống phản, hai chân thòng xuống đù đưa qua lại. Tôi muốn đứng tim.

Hình như nó đang xỏa tóc ra để cột lại và cái kẹp rơi xuống đất. Thúy cúi xuống nhặt kẹp và há mồm khi trông thấy tôi dưới phản. Nó liền đứng phắt dậy cười ha hả. Miệng vừa mắng nhiếc vừa dùng sức đẩy chiếc phản ra. Tôi ôm chặt cứng một chân phản trì lại Không chịu thua, Thúy chạy lại đầu kia nhấc bổng một góc phản lên rồi dộng xuống thật mạnh liên tiếp vài lần. Tiếng dộng chát chúa và sức ép làm tôi choáng váng buông tay. Thừa cơ hội ấy, hắn lật ngược chiếc phản. Nhanh như chớp tôi phóng mình vào phòng vệ sinh gần đó và khóa chốt. Thúy điên tiết lấy chân đạp thình thịch vào cửa. Có tiếng của một thằng đàn ông đồng bọn chạy xuống tiếp tay. Bên trong, tôi không còn biết làm gì hơn là ngồi rúc trong xó cầu tiêu run rẩy.

Bọn chúng dùng búa đập phá và cuối cùng ổ khóa bung ra. Con Thúy, như mụ quỷ dạ xoa, nhảy vào tru tréo nắm tóc ghì đầu tôi xuống. Hắn dộng mặt tôi vào vách hai ba lần, răng nghiến trèo trẹo:

"À giỏi nhỉ, hết chỗ trốn sao chui vào cầu tiêu? Muốn ăn cứt hả? Chốc nữa tao sẽ ỉa cho mày ăn thả dàn."

Thằng đàn ông, mặt mày bặm trợn và đầy sẹo, dí con dao găm vào cổ tôi, gầm gừ:

"Vàng bạc hột xoàn mày giấu đâu, nói mau!"

Đôi mắt hắn như toé lửa. Tôi cúi gằm mặt xuống, không trả lời.

"À lì hả? lì thì tao cho mày chầu Diêm Vương ngay."

Vừa nói câu đó xong, hắn thả tay dao xuống, thúc mạnh cùi chỏ vào mạng sườn tôi.

PHẠM CÂY TRÂM

KHỔ NGỦ YÊN TRÊN CẶP MÔI HỒNG

Giọng em khàn chai đôi tay ngọc
Khi quê hồ cạn nước tháng năm
Đám mây đen xanh niềm hy vọng
Ruộng đồng khô đất cựa ươm mầm.

Giọng em ngọt suối nguồn róc rách
Khi rong chơi ướt áo mưa chiều .
Bản làng đêm sáng hồng hạnh phúc
Phố dập dìu bóp nghẹt đìu hiu.

Giọng em hát lấp đời hố thẳm
Khi khát khao mong núi sông xanh
Miệng con gái thơm hồ rượu quý
Mộng hoàng vương năm sắc vây quanh.

Giọng em đưa mơ hồ hiện thực
Khi hoa đồng cỏ nội thành cơm
Buổi họp đêm vui say suốt sáng
Hành trình vào thế kỷ đẹp hơn.

Giọng em ru tháng ngày mưa nắng
Khổ ngủ yên trên cặp môi hồng.

Tháng 7-2001

Tôi quị ngã. Thúy túm tóc tôi lôi dậy, lại dộng thật mạnh mặt tôi vào tường một lần nữa. Trán tôi tứa máu và đầu tôi đau như búa bổ. Thằng đàn ông bồi thêm một cú đá vào phía sau đầu gối làm tôi sụm xuống. Túm lưng áo lôi tôi lên, hấn dí tôi vào sát vách, nói dằn từng tiếng :

"Vàng bạc của cải mày giấu đâu khôn hồn khai mau. Tao đếm xong ba tiếng mà mày không khai là mày tới số rồi, nghe con."

Tôi thều thào :

"Dưới . . . dưới . . . "

"Dưới đâu? nói mau!"

Đúng vào lúc ấy có tiếng còi hụ như của xe cứu thương? Thằng đàn ông đồng bọn với con Thúy ở nhà trên la lên hốt hoảng

"Chạy mau tụi bây ! Động ổ rồi, động ổ rồi... Công an đang vây ngoài kia."

Con Thúy vẫn còn ghì đầu tôi, dùng dằng chưa biết phải làm gì trong khi thằng mặt sẹo chạy lên nhà trên xem xét tình hình. Một tiếng súng chát chúa vọng xuống.

Nhiều tiếng quát dồn dập vang lên đâu đó " Đưa tay lên, đầu hàng! đầu hàng ngay!" Thúy buông con mồi. Đá tôi thật mạnh. Tôi ngã chúi xuống đất, đầu đập vào góc cửa cầu tiêu, bất tỉnh...

4.

Tất cả những gì bọn cướp vơ vét lên xe đều bị phường khóm tịch thu, ngoại trừ hai ngàn năm trăm gà con. Sở dĩ họ nhả món hàng bở này lại vì trong lúc vội vàng, công an phường không biết phải làm gì với chúng. Rước gà về thì phải nuôi ăn dọn phân rất phức tạp, nên không ai muốn thêm công thêm việc.

Đây là một số lượng gà rất lớn không thể tiêu thụ nhanh được. Tôi bán dần đi được một ít, còn bao nhiêu phải nuôi chúng trong khi chờ đợi khách mua. Gà con rất khó chăm sóc trong vài tuần đầu vì chúng phải được ủ đèn thường xuyên để được ấm. Tôi xếp chuồng chồng lên nhau làm năm tầng, mỗi chuồng chứa khoảng trăm con. Tất cả cũng được ba dãy dựa lưng nhau. Xung quanh chuồng phải bịt bao ni-lông loại trong suốt có thể nhìn xuyên được và để giữ nhiệt độ cho gà con được đủ ấm vào đêm.

Ngoài công việc nuôi dưỡng lo lắng cho các con đang tuổi bay nhảy phá phách, lui tới hằng ngày với bà xẩm đang được điều trị tại bệnh viện, thỉnh thoảng thăm nuôi chồng đi cải tạo, tôi còn phải cáng đáng thêm việc chăm sóc cho hơn ngàn chú gà con. Đời thật là cơ cực và mệt mỏi. Con người thơ mộng trí thức của tôi đã biến đi tự lúc nào để tôi trở thành một cái xác phất phơ, ngày đêm ủ dột.

Tôi thức dậy từ năm giờ sáng. Xuống bếp bắt nồi cháo trắng để các con dậy có ăn. Nấu nồi nước sôi pha bình thủy và kiểm điểm lại những gì trong giỏ xách để thăm nuôi xẩm già sau khi đưa các con đến trường. Xong xuôi ra vườn cho gà ăn.

Khi tôi vén tấm ni-lông lên, một cảnh tượng khiếp đảm hiện ra. Không thể tưởng tượng được. Không thể nào tưởng tượng nổi! Tôi há hốc mồm, tay chân bủn rủn. Nói như thế nào? Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cảnh súng bắn đạn rơi thây ngã ở chiến trường. Nhưng đây này, trước mặt tôi là một bãi chiến trường tàn khốc nhất. Hằng trăm, hằng trăm xác gà nằm la liệt, con nào con nấy đều mất đầu, máu đỏ nhuộm ướt những máng ăn và mùi tanh của máu bốc lên lợm giọng. Ba dãy chuồng đều như thế cả. Chết gì mà lạ lùng thế kia. Ai? Ai? Ai? Ai đã thảm sát chúng như thế này? Tiếng khóc bật ra khỏi cổ, và lòng căm hận bỗng dưng làm tôi sôi máu. Mọi ngày, tôi coi gà như những súc vật nhỏ bé tầm thường. Sự sống hay cái chết của chúng không quan trọng, vì chúng được sinh ra để cung cấp thịt và trứng làm thức ăn cho loài người. Nhưng trong giờ phút này... Giờ phút này chúng chết cả đám chồng chất lên nhau, thân xác đó mà đầu đi đâu? Đầu ở đâu? Thật quá đỗi bất ngờ. Thật quá đỗi thương tâm. Ở trong tôi dấy lên nỗi thảm sầu khôn xiết. Tội nghiệp. Tội nghiệp.

Gà con trên những chuồng cao chót vót vẫn còn nguyên vẹn. Hình như chúng đã trải qua những giây phút hãi hùng, nên tất cả đều nằm rạp yên không nhúc nhích cho đến khi tôi lấy tay xua chúng dậy.

Số gà mất mát không làm tôi bận lòng nhưng cách chết của chúng làm đầu óc tôi bấn loạn suốt cả tuần lễ. Từ gà, tôi liên miên nghĩ đến số phận của lớp người đang đi học tập cải tạo. Trời ơi!

Nhất quyết phải tìm cho ra thủ phạm. Hằng đêm tôi mặc áo ấm ngồi co ro yên lặng núp ở góc vườn rình rập. Đêm thứ ba, một con mèo rằn xuất hiện. Đó là một mèo hoang lạ kỳ, to lớn như cọp con, cụt đuôi, và rất hung dữ. Một bên hông của nó mất một mảng lông lớn lòi lớp da xám xịt. Lối xóm từng kể cho tôi nghe những thành tích ác độc của nó. Họ đã bắt

được nó một lần trước kia, bỏ vào bao bố cột chặt và chở đi thật xa cả hằng trăm cây số để vứt. Một thời gian ngắn sau, không biết bằng cách nào nó tìm đường về chốn cũ hoành hành dữ tợn hơn.

Mèo rằn chậm rải đi qua đi lại trước chuồng gà rồi ngồi xuống dán mắt quan sát. Tôi nhón gót vào nhà bếp lấy một con dao và nhẹ nhàng bước đến chỗ mèo ngồi. Nghe tiếng động, mèo phóng mình biến đi nhưng vài phút sau quay trở lại. Hắn ngồi chồm hổm trước chuồng, hễ một chú gà con nào vừa ló đầu ra mổ cám là nhanh như chớp, mèo rằn vồ đầu chụp lấy nuốt tươi. Đám gà con, hết con này tới con kia ngây thơ nộp mạng. Không thể chờ lâu hơn, tôi chồm dậy phóng một dao vào mình con mèo. Dao bay chém hắn sướt vai. Hắn quay lại, đôi mắt xanh lè toát ra những tia lân tinh như muốn đốt cháy đối thủ. Tôi cầm dùi cui đập vào mình hắn túi bụi. Hắn tránh né nhanh nhẹn, nhe nanh chìa vuốt thở phì phì nhảy chồm vào người tôi. Móng hắn nhọn hoắc và cứng như sắt. Xoạc một cái, mảnh áo trước ngực tôi rách toang. Xoạc một cái cánh tay tôi bị bao vết cào đau thấu xương. Tôi chập choạng muốn ngã nhưng trỗi dậy tức thì. Hắn toan phóng mình cào mặt tôi, nhưng không để hắn kịp tấn công tiếp, tôi vung dùi cui lên bổ vào đầu hắn. Con mèo trúng đòn kêu lên một tiếng meo thảm thiết rồi tung mình chạy biến trong đêm tối. Đám gà con sợ hãi đạp nhau kêu chíp chíp, chạy tán loạn trong chuồng...

Chắc chắn là mèo rằn không thể bỏ gà được và chắc chắn tôi cũng không dung tha cho nó. Suốt ngày tôi nặn óc tìm cách diệt con mèo tinh. Không thể nào chấp nhận bạo quyền. Nhất định như thế.

Qua đêm sau tất cả số gà còn lại được đưa lên các tầng trên cao nhất. Dưới đất tôi đặt một cái bẫy lớn, phía trong bẫy gài một miếng mỡ heo. Liên tiếp trong một tuần, mèo không xuất hiện. Tôi vẫn kiên trì rình rập. Đến ngày thứ tám, a ha, nó lò dò đến. Đi rất chậm rãi, ngó quanh ngó quất. Đi đủng đỉnh, mũi đánh hơi, thỉnh thoảng quơ một chân lên đuổi mòng. Con mèo rằn quần lui quần tới quanh bẫy, liếm mép nhưng nó cũng khôn ngoan biết đó là bẫy rập nên không đụng tới miếng mỡ. Nó lại cố trèo lên các tầng chuồng gà trên nhưng xung quanh các bao nilông tôi đã bôi dầu nên nó không tài nào bám vào được. Cuối cùng nó bỏ đi. Đêm sau nữa miếng mỡ cũ được thay thế bằng một miếng thịt nướng rất thơm có tẩm thuốc giết chuột. Quả thật con mèo không cưỡng được sức mời gọi thơm phức, và đã lọt rọ. Đầu nó bị đè chặt trong gọng siết của cái bẫy, miệng còn gặm miếng thịt. Nó vùng vẫy điên cuồng nhưng không tài nào thoát ra được. Mặc dù cái bẫy của tôi khá lớn, nhưng con mèo rằn có thân xác quá khổ. Một khúc đằng sau của nó ló ra khỏi bẫy bị nắp bẫy nghiến cứng. Đau đớn và trong cơn hấp hối, nó rống những tiếng meo meo kéo dài thật thê lương quái đản. Những tiếng của yêu ma quỉ hờn rên siết trong đêm khuya khoắc rồi mòn dần mòn dần. Tôi rùng mình, hơi khiếp sợ chuyện hồn ma mèo báo oán. Nhưng tôi xua đuổi ý nghĩ ấy ngay.

Sau vụ thảm sát bi thương của đám gà con mất đầu hàng loạt và cái chết của con mèo hoang, tôi giã từ nghề buôn bán gà để trấn tĩnh lại linh hồn mình. Những xung đột phải đối phó với nhiều thứ trong cuộc đời làm tôi già hẳn đi. Nhưng con đường trước mặt vẫn phải đi. Phải đi thôi!

5.

Mẹ tôi xếp thức ăn vào giỏ, dặn dò:

"Con đi đường nhớ cẩn thận. Gặp mặt chồng đừng cho chồng biết chuyện gì ở nhà."

"Thưa vâng."

Hôm nay lại đến ngày thăm nuôi. Anh ấy không còn ở chỗ trước nữa mà đã được chuyển trại đi nơi khác. Chuyến xe đò tôi đi đầy nhúc những người đàn bà như tôi. Xe đông nhưng không ai nói với ai lời nào, vì lòng ai cũng trĩu nặng những sầu bi.

Xe đò chạy vùn vụt, thỉnh thoảng lại ngừng nơi này nơi kia dăm phút vớt khách thêm. Hai bên đường phố xá xa dần để rồi ruộng vườn, và những mái tranh nghèo hiện ra. Những vườn chuối xanh um, những hàng cau nặng trái, những cây dừa đơm bông, những cây cầu khỉ hay cảnh gái quê tát nước đối với tôi không còn hấp dẫn thi vị nữa. Ôi quê hương với con trâu cày! Con trâu cày trong thơ văn sao thật tuyệt vời nhưng giờ đây tôi chính là con trâu cày mà lòng tôi đau khổ biết bao!

Tôi nhắm nghiền mắt lại ngủ thiếp đi một lúc.

Tôi trình giấy thăm nuôi cho cán bộ. Người này làm mọi thủ tục xong, bảo tôi ngồi xuống cái băng ghế chờ đợi. Tôi vuốt lại mái tóc cho ngay ngắn, ngó quanh quất. Nhìn mọi thứ nhưng không thấy thứ gì rõ ràng. Có lẽ nhìn

để nhìn mà không phải nhìn để thấy. Trong cuộc đời hiện tại, tất cả đều như rất phù phiếm, và tôi có cảm tưởng như trí óc tôi từ chối tiếp nhận những hình ảnh của sự thật đau lòng. Có lẽ như vậy là thái độ hay nhất để có can đảm tiếp tục cuộc sống.

Chồng tôi đã xuất hiện ở ngưỡng cửa. Tôi đứng dậy lặng yên. Hai chúng tôi nhìn nhau một lúc, nghẹn ngào. Tôi theo chồng bước qua một chỗ khác rộng hơn nhưng được ngăn ra từng ô nhỏ cho mỗi cặp vợ chồng được ngồi riêng tâm sự.

Anh lên tiếng trước "Trông em lúc này xác xơ và đen. Ở nhà có gì lạ không? Các con như thế nào?"

Tự bảo nhiều lần khi gặp sẽ cười vui, cười dòn tan, nhưng bây giờ hai chữ "xác xơ" của anh làm nước mắt tôi cứ trào ra trào ra. Tôi cảm thấy mình yếu đuối lạ lùng. Tôi cầu mong được đứng mãi bên chồng, vì sự có mặt của người đàn ông thật rất quan trọng cho đời người đàn bà. Vâng, dù chồng tôi nay đang cảnh cá chậu chim lồng, và bất lực không thể làm gì cho tôi, nhưng nụ cười kia tiếng nói kia đủ sức giúp tôi vượt qua những vũ bão.

Người ấy nâng cằm tôi lên, hôn vào má và hôn vào nước mắt. "Nhà có chuyện gì kể anh nghe. Kể thiệt đi."

Tôi lúc lắc cái đầu "Không có chuyện gì cả."

"Vậy sao khóc?"

"Tại được gặp anh nên cảm động quá."

"Tội chưa! Thì anh cũng nhớ em lắm. Hôm qua biết hôm nay sẽ gặp nên tối cứ nằm mơ đủ thứ."

Tôi bật cười "Mơ gì?"

"Thì mơ yêu em đó!"

"Úi! Có thích không?"

"Chắc chắn. Lúc nào anh về sẽ cho em biết tay. Sẽ yêu em mỗi ngày. Chịu không? ..."

Tôi gật đầu rồi hỏi "Em cũng thấy anh gầy đi và xanh hơn lần trước nhiều. Lao động có cực khổ lắm không? Họ đối xử có tệ lắm không?"

"Thì ai sao mình vậy. Em đừng lo cho anh. Anh cứ nghĩ em phải gánh gồng bốn đứa nhỏ một mình làm anh lo sốt vó lên. Em làm gì cũng phải cẩn thận nhé. Phải luôn nghĩ rằng mình là đầu tàu cho các con. Em có chuyện gì là cả đám chết hết."

"Em biết. Anh khi nào cũng thích giảng mô-ran cho em thôi à." Tôi vùng vằng dỗi hờn.

"Không, anh chỉ nhắc chừng vậy thôi. Vì trách nhiệm của một người lo cho nhiều người là nặng lắm."

Tôi im lặng. Chồng tôi chồm tới ôm tôi, thủ thỉ:

"Rồi tất cả xui xẻo sẽ qua thôi. Anh thề sẽ yêu em và chung thủy với em trọn đời. Khi nào anh về, anh sẽ làm hết mọi chuyện để đền bù cho em."

Chúng tôi hàn huyên đủ mọi thứ chuyện, nhưng tuyệt nhiên tôi không hề đá động đến những khó khăn mà mọi người đang gặp phải ở ngoài đời. Chồng tôi cũng vậy. Anh kể những nhớ thương nhiều hơn là than thở về những ngày tháng ở trong trại cải tạo. Bỗng nhiên tôi bực mình khan, vì sự giả dối của cả hai. Tại sao vậy? Tôi òa khóc. Chồng tôi bụm miệng tôi lại, thì thầm: "Đừng! đừng em! bọn cán bộ thấy em khóc là anh sẽ ở đây luôn đó. Em không muốn anh về với em và các con sao?"

Tôi xin lỗi chồng, nhận thấy mình trẻ con quá.

6.

Xẩm già được bệnh viện cho về nhà nhưng sức khoẻ vẫn còn rất yếu. Mặc dù phải cưu mang thêm một miệng ăn, nhưng tôi không đành tâm để xẩm về quê quán khi gia đình xẩm vẫn còn gặp nhiều khó khăn trên vùng kinh tế mới. Với tôi, xẩm đã như người thân thích. Gia đình tôi sa sút hơn trước vì bao nhiêu tiền làm ăn đã mất sạch trong vụ cướp tháng bảy. Mẹ con chúng tôi sống rất đạm bạc để tránh sự dòm ngó của chính quyền địa phương.

Thư từ của chồng tôi vẫn đều đều gửi về hằng tháng. Chưa mở thư tôi cũng đoán biết nội dung của thư có những gì. Lúc nào trong thư anh ấy cũng hết lời ca ngợi sự sáng suốt lãnh đạo của "Bác Hồ và đảng ta." Lui tới vẫn là những lao động tốt học tập tốt cải tạo tốt, không có gì mới lạ hơn. Đọc miết thấy nhàm. Đọc miết thấy bực.

Chỉ còn ba hôm nữa là Tết Nguyên Đán. Nắng êm và trời mát. Cành mai ngoài cổng trổ bông sớm hơn mọi năm. Chỗ trồng những cây phong cây tùng trước kia đã được đào lên thay vào bằng những loại cây có thể cho trái ăn được, đúng tiêu chuẩn sản xuất mà chính quyền cách mạng luôn hô hào. Mới trồng mấy tháng, bụi chuối bên hè đã nặng trĩu một buồng vừa chín tới. Những trái chuối mật mốc tròn lẳng khêu gợi làm tôi thèm thuồng. Tôi

nhón gót đếm đủ chín nải và gật gù thích chí cười vang. Cười vang trong không khí tươi lành của buổi sớm mai vì lòng tôi đang thắp một niềm hy vọng. Chả là mấy hôm nay có tin đồn không ngớt rằng chính phủ sẽ khoan hồng cho mọi người đi cải tạo trở về sum họp với gia đình. Có hy vọng trong lòng thì gương mặt mọi người như rực sáng ra, và thành phố cũng như rực sáng ra.

Tôi quay vào dọn dẹp nhà cửa, khấp khởi nghĩ rằng chồng sẽ về nay mai. Lòng nghe ấm lại, ngọt ngào. Đời nghe sống dậy, hò reo. Kể từ giờ phút đó, tôi mong mỗi tiếng chuông rung ngoài cửa. Khi có tiếng chuông vang rền lên, mà sao nó có vẻ rền hơn những lần khác trong những năm tháng đã qua thế nhỉ, thì mọi người trong nhà đều nhốn nháo. Và tôi, trái tim hồi hộp bâng khuâng đợi mong.

Đôi lúc cải lương một chút, nghe bài hát ai như của Phạm Duy lồng lộng trong lòng *"Ngày trở về, anh bước lê trên quãng đường đê đến bên lũy tre..."*

Tôi rơm rớm nước mắt cười vẩn vơ "Không, anh không về chống nạng đâu, phải không anh?"

Các con tôi vẫn sống hồn nhiên, đòi mẹ may áo quần mới, vòi vĩnh mẹ mua cái này sắm cái nọ. Tôi ậm ừ cho các con vui, và mẹ con chúi mũi bàn luận sẽ làm những gì để đón ba. Sung sướng nói với nhau, rằng ba có hứa khi ba về ba sẽ làm tất cả mọi thứ cho mấy mẹ con được nghỉ ngơi.

Hai con gái tôi xếp những bánh mứt lên bàn, tranh nhau nói sẽ bắt ba đèo Honda chở đi học mỗi sáng. Sẽ hát cho ba nghe những bài đồng ca, và sẽ trổ tài nấu cho ba ăn vì tụi con bây giờ đã biết làm bếp rồi.

Tôi hỏi "Nói dốc! Các con biết nấu gì nói me nghe coi?"

Bé Bao-La nhanh nhẩu "Chị Y-Đa biết nấu mì gói rồi me. Và con thì biết nấu nước sôi và luộc trứng gà."

Rồi nó lại chu mỏ ra nói nũng "Con sẽ méc với Ba là ngày nào me cũng bắt con ăn trứng gà luộc làm con sún răng."

Tôi dí tay vào trán con bé, kêu lên "Xạo vừa thôi nghe cô" vừa cù léc nó làm mấy mẹ con cười nắc nẻ. Quay qua hai thằng con trai, tôi âu yếm hỏi:

"Còn hai nhóc kia thì làm gì?"

Thằng anh mắc cỡ cười tủm cười tỉm :

"Con biết đánh bi. Con sẽ bày cho ba đánh bi với con..."

Chú bé nhất vội vàng ngắt lời:

"Không, bi của con, bi của con, con không cho anh Tô chơi bi của con đâu."

Tôi vò đầu nó "Thế còn con biết làm gì ?"

Bé nhõng nhẽo "Con muốn ba đút cháo cho con ăn."

Thấy mấy mẹ con ngồi dệt mộng vui quá, xẩm già cũng xen vào:

"A! Như vậy là xẩm tui không có chiện làm vì mấy người dành hết việc của xẩm rồi hén!"

Tôi la lên "Xẩm già! xẩm già! Hồi nãy giờ xẩm ở đâu? Tôi có mua tặng xẩm xấp áo đây nè."

Người lão bộc nheo mắt nhìn tôi, rồi kéo tôi vào buồng ngủ. Chỉ cái giường :

"Hồi nãy giờ ngộ ở đâu? Thì ngộ bận sửa soạn chăn giường cho cô dâu í mà."

Tôi đỏ mặt lặng người. Tiếng xẩm già đưa tôi vào mộng :

"Ngộ tính rồi. Khi nào ông chủ về, ngộ sẽ dẫn các em về nhà Ngoại ở ít bữa..."

Rồi xẩm nghiêm trang hỏi tôi "Bà chủ có tin là họ sẽ thả ông chủ về Tết nay không?"

Tôi trầm ngâm "Cũng không biết nữa. Thư vừa rồi nhà tôi không nói gì về vụ ấy cả. Nhưng nếu về thiệt thì chắc là vui lắm, vui lắm, vui lắm lắm."

7.

Lâu rồi... Mấy mẹ con ai cũng nhớ...

Mà em thì rất nhớ, anh biết đó, thèm vai anh tựa đầu... Không, sao lại nói văn hoa thế? Mình thèm nhau hơn thế nữa kia. Phải không, phải không anh?

Tôi bước lại cây đàn dương cầm, lướt nhẹ bản "Trở Về Mái Nhà Xưa."

Rồi mơ màng hát theo điệu nhạc, vừa đủ cho mình nghe :

Về đi khi mái tóc còn xanh xanh
Về đi khi cuộc sống đường mong manh
Về đi nhé khi đời em bồng bềnh
Bao gió mưa đang bủa vây đời mình...

Tết nhanh chóng qua đi, và bao nhiêu Tết khác cũng qua đi. Nhưng người đàn ông vẫn chưa về. Tự đáy hồn tôi vang vọng lời xưa

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non (1)

Vâng, thì nước đầu cầu vẫn cứ chảy, còn lòng ai cứ muôn năm dặc dặc sầu.●

04/30/01 2:00 am
Kỷ niệm ngày 30 tháng tư năm nào

(1) Chinh Phụ Ngâm

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975-2000)

Bài 11: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2. Giới Cựu Quân Nhân: Các sĩ quan cấp tá

Trong số các cựu sĩ quan cấp tá viết hồi ký, có hai người viết về kinh nghiệm sống tại hải ngoại là Vũ Văn Lộc và Đặng Trần Huân.

Vũ Văn Lộc xuất thân khoá 4 phụ Thủ Đức, nhưng lại học ở Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt năm 1954. Chuyện này cũng đã gây nên những cuộc tranh cãi khi bầu người đại diện cho Võ Bị xem cựu đại tá Vũ Văn Lộc là sĩ quan tốt nghiệp Thủ Đức hay tốt nghiệp Đà Lạt. Đúng là một cơn bão trong tách trà!

Ông là một người tích cực dấn thân làm lại cuộc đời nơi xứ người ngay khi vượt thoát được sang Hoa-kỳ hồi tháng 5 năm 1975. Đặt chân lên đất Mỹ đầu tiên ở Springfield, Illinois, nhưng chỉ ít tháng sau, ông đã can đảm quyết định tây tiến về vùng nắng ấm để làm lại cuộc đời. Tái định cư ở thành phố San José phía bắc tiểu bang Cilifornia, ông bắt đầu cuộc sống mới với vai trò khiêm nhượng là "phụ giáo," phụ giúp các thầy cô trong lớp giảng lại bài học cho học sinh gốc Việt chưa biết Anh ngữ.

Sau đó, cựu đại tá Vũ Văn Lộc làm việc cộng đồng toàn thời gian. Hiện ông là giám đốc Hội Quán Việt Nam (IRCC) tại thành phố San Jose, một tổ chức tư nhân thầu cung cấp những dịch vụ trong đời sống mới trên đất Hoa-kỳ cho các đồng hương. Ông cũng rất tích cực trong các sinh hoạt công cộng của cộng đồng người Việt, nhất là đứng chủ chốt trong ban tổ chức một Hội Tết tại địa phương, gọi là Hội Tết Fairground, để phân biệt với những hội Tết khác cũng được tổ chức hàng năm tại thành phố San José ở vùng Bắc California.

Có lẽ vì bản tính rất tích cực trong công việc và ảnh hưởng bởi nếp sinh hoạt thường-phải-biết-tự-quảng-cáo tại Hoa-kỳ, đôi lúc ông tự đóng vai phát ngôn viên hay đại diện để tuyên bố khiến có lúc bị "vạ miệng," bị công kích, có khi còn bị biểu tình phản đối ngay trước trụ sở nơi ông làm việc. Độc giả chỉ cần đọc một bài viết ngắn của ông, bài "Bài Ca Bán Sách" trong *Chân Trời Dâu Bể* (trang 129-137), tất sẽ hiểu nhiều về tác giả.

Cựu đại tá Vũ Văn Lộc là người có nhiều bài viết về chính trị, quân sự, văn hoá, cộng đồng... đăng trên các tạp chí và báo chí ngay từ trước năm 1975 ở quê nhà và liên tục đến ngày nay, với các bút hiệu Lính Chiến, Hồng Hà, Giao Chỉ, vân vân.

Di tản sang Hoa-kỳ năm 1975, ông bắt đầu viết lại từ năm 1977, với bài đầu tiên đăng trong số ra mắt của tạp chí *Bút Lửa*, một tạp chí do nhà văn Lê Tất Điều chủ trương. Hai quyển *Cõi Tự Do* (xuất bản năm 1983) và *Chân Trời Dâu Bể* (xuất bản năm 1990) là những tập hợp các bài viết của ông đã đăng trong nhiều nhật báo và tạp chí tại Hoa-kỳ.

Đây là những tập sách viết về cộng đồng người Việt tại Hoa-kỳ. Với một văn phong chừng mực và thỉnh thoảng nhẹ nhàng têu tếu, tác giả hiến nhiều chi tiết về các hội Tết tại địa phương, về những bạn bè trong quân ngũ xưa, và về sinh hoạt hội đoàn, văn hoá, giáo dục, chính trị... ở San José. Những bài viết về cộng đồng của ông thường ngắn, nhưng chất chứa nhiều chi tiết cụ thể và sống động có thể làm tài liệu cho lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa-kỳ, đặc biệt tại thành phố San José,

bắc California.

Đặng Trần Huân xuất thân từ ngành sĩ quan Bảo Chính Đoàn ở Bắc Việt năm 1953. Di cư vào Nam sau Hiệp Định Genève, ông phục vụ tại Tổng Đoàn Bảo An. Sau ông được biệt phái sang làm việc tại cơ quan Tâm Lý Chiến. Chức vụ sau cùng trước khi mất nước của ông là thiếu tá trưởng phòng Thông Tin Báo Chí, Cục Tâm Lý Chiến QLVNCH.

Đặng Trần Huân viết và được độc giả biết đến từ trước năm 1975. Ông chính là tác giả của loạt *Chuyện Cấm Đàn Bà* xuất bản và tái bản nhiều lần trong những năm 1969-70 ở Sài Gòn. Sang đến Hoa-kỳ, ông không còn chuyên chú vào những chuyện bù khú nữa. Ông đã chuyển hướng bằng cách phân tích, phê bình, và nhận định công trình của các tác giả Việt Nam. Nhưng có lẽ "chuyện trai gái" vẫn chưa thoát khỏi tâm trí ông. Bằng chứng là khi ông tập hợp một số những bài phê bình và nhận định của ông về những đề tài rất nghiêm chỉnh như từ điển, văn học, ca nhạc, ông đã khoác cho tập hợp ấy tựa đề "Chữ Nghĩa Bề Bề," để nhắc độc giả nhớ đến cái mà đàn ông tôn là... thần trong vế thứ hai của câu ca dao!

Lúc mới sang định cư ở Hoa-kỳ, ông ký bút hiệu mới là Trần Như Sương với lý do là để tránh tai hại cho bạn bè ông còn ở Việt Nam (?). Nhưng rồi ít lâu sau, ông trở lại ký tên thật trên các bút ký *Hành Trình Một Hát Ô* (Thời Luận xb, 1995), *Những Người Thích Dấu Huyền* (Văn Mới xb, 1998, 187 trang), và *Chữ Nghĩa Bề Bề* (Văn Mới xb, 2000, 244 trang).

Hành Trình Một Hát Ô bao gồm một tập tài liệu kể lại diễn tiến việc nộp đơn xin đi định cư Hoa-kỳ của những người cựu tù binh trong các trại tù tập trung Cộng Sản sau năm 1975. Những cửa ải giấy tờ, những thủ tục nhiêu khê, rườm rà, chậm lụt, cùng những khổ nạn của những người đứng đơn và tâm trạng của họ đều được tác giả Đặng Trần Huân ghi lại thật chi tiết. Đây có thể nói là tập tài liệu rõ ràng và đầy đủ nhất về việc tái định cư theo chương trình HO của hai chính phủ Hoa-kỳ và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trong thập niên 90. Tuy vậy, tác giả vẫn vô tình hay cố ý không đề cập đến chi tiết tế nhị và quan trọng nhất của thủ tục định cư nước ngoài tức chương trình HO là việc các cựu tù nhân phải ký những giấy cam kết với chính phủ Việt Nam.

Nội dung chính của *Những Người Thích Dấu Huyền* và *Chữ Nghĩa Bề Bề* là những bài điểm sách để ông có dịp phê phán những cái sai của các tác giả miền Bắc như Đào Duy Anh, Bùi Phụng, Văn Tân, Hoàng Phê, Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Văn Thế, Thị Hoài (tức Phạm Thị Hoài), Anh Thơ, Tô Hoài, Hoàng Như Mai..., và các tác giả gốc miền Nam như Phạm Duy, Dương Đức Nhự, Vũ Ngự Chiêu, Mai Thảo, Phan Lạc Tiếp, Phạm Quang Giai, Tạ Tỵ, Kim Nhật... và có cả những người còn ở trong nước như Thế Phong.

Tác giả đáng nể ở chỗ ông có trí nhớ phi thường. Ông lại là người hay ghi chép khi đọc nên khi chứng minh cho lập luận của mình, ông thường viện được bằng chứng nơi các tác giả hay tác phẩm khác một cách dễ dàng, khiến ngòi bút ông có vẻ mạnh lắm!

Nói cho đúng, tác giả Đặng Trần Huân đã có nhiều nhận định chính xác về những đề tài nghiêm chỉnh, như kết luận của ông về những người làm tự điển tiếng Việt tại Hà Nội là đã có thái độ, nguyên văn, "tự tôn, địa phương, hay kỳ thị" (trang 30) khi họ quan niệm chỉ những từ sử dụng ở miền Bắc mới là những từ tiêu chuẩn trong Việt ngữ, và xếp những từ sử dụng ở miền Nam là những phương ngữ (tiếng địa phương) mà thôi! Ở một dịp khác, tác giả đã chê cười những ai vì chịu ảnh hưởng nặng nề của ngôn ngữ nước người mà đưa ra những yêu cầu cải cách chữ Việt một cách... quái đản như viết dính liền những chữ ghép, bỏ phụ âm H, du nhập các chữ cái F, J, W, Z (trang 33-43). Tuy vậy, đôi lúc tác giả Đặng Trần Huân đã tỏ ra... lẩm cẩm đến tự mâu thuẫn khi ông thống trách một số tác giả viết bút ký đã không làm sách-dẫn mà tác giả gọi là, nguyên văn, "mục lục tên người" (trang 48), trong khi ở những dòng trước, tác giả đã cho biết ông rất sợ sách biên khảo và chê ra mặt. Đã sợ và chê loại sách biên khảo, một loại sách mà tác giả của nó phải theo đúng những luật tắc của nghề biên khảo, nghĩa là phải có cước chú, chú thích, thư mục, sách-dẫn, vân vân... thì sao ông lại muốn một tác giả mà ông đang ca tụng phải đi vào vết xe đó tức là phải có một bản sách-dẫn nơi cuối sách, trong khi quyển sách ông đang ca tụng là loại sách rất nhẹ nhàng, tươi tắn, duyên dáng, và tràn đầy kỷ niệm về một thời lãng mạn ở miền Nam tức tác phẩm *Theo Chân Những Tiếng Hát* của nhà văn Hồ Trường An (Virginia, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 1998, 388 trang)?

Một chi tiết trong sách của Đặng Trần Huân khiến tôi sững sờ là khi ông chê một thanh niên Đại Hàn nói tiếng Anh, nguyên văn, "tiếng Anh giọng Á" (trang 126). Tôi tưởng những chữ "broken English," "with an accent"... thì thỉnh thoảng tôi mới đọc thấy trong sách báo Mỹ mà thôi, chứ đâu có ngờ là đọc từ một tác giả gốc Việt! Hoặc vô tình hoặc cố ý, tác giả Đặng Trần Huân đã sử dụng ngôn từ có giọng khinh thị hệt như một người Mỹ bản xứ có óc kỳ thị! Đây là điều thật đáng tiếc đối với Đặng Trần Huân, một ngòi bút rất duyên dáng, từ lâu nay đã hiến cho độc giả nhiều phen thư dãn và thoải mái, và nhất là đã luôn luôn tỏ ra lịch sự và tôn trọng người đọc.

Trong số các cựu sĩ quan cấp tá viết hồi ký, có hai người viết về kinh nghiệm kháng chiến chống Cộng là Trần Kim Định và Võ Đại Tôn.

Hồi tháng Tư năm 1975, cố trung tá Trần Kim Định phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III tại Biên Hòa. Sau năm 1975, ông là một trong những nhân vật tổ chức chống Cộng Sản lấy nhà thờ Vinh Sơn ở Sài Gòn làm trụ sở. Việc vỡ lở, ông cùng nhiều người trong nhóm bị bắt, rồi bị đưa ra tòa hồi tháng 9 năm 1976. Ông bị kết án 20 năm tù vì tội *"trốn trình diện cải tạo, và âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng..."* (trang 3). Ông bị cầm tù trong các trại giam Chí Hòa, Phan Đăng Lưu, Xuân Phước, và Xuân Lộc. Đến năm 1992, ông được trả tự do tạm. Tháng 12 năm 1994, ông may mắn được đi định cư tại Hoa kỳ theo chương trình HO. Tác giả Trần Kim Định đã không may bị bạo bệnh qua đời tại Hoa-kỳ khoảng năm 2000.

Kinh nghiệm kháng chiến chống Cộng sau năm 1975 và cuộc đời tù đầy được ông ghi lại trong quyển sách 245 trang tựa đề *Vụ Án Vinh Sơn* (Hồi Ký) do chính tác giả hay thân hữu tự xuất bản và phát hành. Ấy là điều tôi đoán, vì sách không đề nhà xuất bản, năm xuất bản, và nơi xuất bản.

Sách kể lại những gì đã thực sự xẩy ra nhưng chỉ do trí nhớ mà ghi nên có một số chi tiết còn mù mờ. Tuy vậy, *Vụ Án Vinh Sơn* (Hồi Ký) là văn bản của người trong cuộc trình bầy với mục đích ghi lại những gì tác giả đã trải qua, nên đã trở thành một tài liệu tham khảo cho những ai muốn kể lại vụ án Vinh Sơn cho đời sau.

Quyển *Vụ Án Vinh Sơn* (Hồi Ký) được bắt đầu bằng một phản ứng trở mặt với nhau giữa những người trong phe thua trận: chủ nhà trọ của tác giả, một chuẩn uý QLVNCH cùng đơn vị với ông tức Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III ở Biên Hòa, đã trở mặt mà đuổi ông ra khỏi nhà. Nhưng đó không phải là cuộc trở mặt duy nhất giữa những người thua trận. Tác giả còn kể nhiều trường hợp trở mặt khác, khiến hơn 25 năm sau khi chuyện đã xẩy ra mà độc giả vẫn không khỏi không cảm thấy xấu hổ lây vì sự hèn mọn của con người trong xã hội miền Nam. Vụ Án Vinh Sơn (Hồi Ký) cũng còn là một chứng tích cho thảm cảnh của gia đình người Việt trong hậu bán thế kỷ XX: một đàng là trung tá QLVNCH Trần Kim Định có lập trường quốc gia và sống chết với lập trường ấy, một đàng là người em thúc bá của ông tên linh mục Trần Tam Tỉnh vốn được ăn học tại La Mã thì nhất quyết lên án đế quốc Mỹ và chính phủ bù nhìn miền Nam để hết lời ca tụng miền Bắc.

Trong hồi ký của mình, tác giả đã trình bầy ngắn gọn nhưng đầy đủ về thành phần lãnh đạo của Mặt Trận Dân Quân Phục Quốc, một tổ chức chống Cộng ngay từ cuối tháng 8 năm 1975 ở Sài Gòn với vị lãnh đạo là Nguyễn Việt Hưng tự Nguyễn Đức Hùng, xuất thân chỉ là trung sĩ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cùng bốn vị linh mục tham gia Mặt Trận là Lm. Nguyễn Quang Minh xứ Vinh Sơn, Lm. Nguyễn Hữu Nghi xứ An Lạc, Lm. Trần Công Chức thuộc tòa Giám Mục Sài Gòn, và Lm. Mai Đào Hiền dòng Vinh Sang Biên Hòa. Sách cũng ghi lại chi tiết những hoạt động của Mặt Trận như đã thiết lập ba đài phát thanh bỏ túi hàng ngày phát thanh vào lúc 6 giờ chiều, rải truyền đơn một tuần hai lần, in bạc giả, vân vân, và bản án mà Toà Án Nhân Dân Thành Phố đã tuyên xử thành phần lãnh đạo Mặt Trận Dân Quân Phục Quốc với ba án tử hình (Lm. Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Việt Hưng, và Ali Hùng tự Nguyễn Xuân Hùng; cả ba đã bị bắn lúc 8 giờ sáng ngày 15/3/1978 tại Thủ Đức), ba án chung thân, sáu án 20 năm, một án 10 năm, và một án ba năm.

Vụ Án Vinh Sơn (Hồi Ký) cũng dành nhiều trang cho cảnh tù đầy, tra tấn, và cách đối xử vô nhân đạo của hệ thống nhà tù ở Việt Nam dưới chế độ xã-hội chủ-nghĩa. Đồng thời tác giả cũng ghi lại những việc làm vô tư cách, hèn hạ, và dã man của một số đồng tù với ông mà ông đã tế nhị và rộng lượng không nêu tên thật.

Võ Đại Tôn xuất thân là một sĩ quan cấp tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, một

người làu thông nhiều ngoại ngữ. Theo tiểu sử được ghi trong sách *Võ Đại Tôn, Người Việt Nam Anh Hùng* do Việt Định Phương viết và xuất bản năm 1982, Võ Đại Tôn tốt nghiệp khóa 12 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Ông nhiều lần được biệt phái qua làm việc tại các bộ phủ thời Việt Nam Cộng Hòa như Phụ Tá Bộ Trưởng Bộ Thông Tin Chiêu Hồi (1970), Giám Đốc Nha Công Tác Bộ Chiêu Hồi (1972), Sĩ Quan Phụ Trách Liên lạc Quốc Hội tại Phủ Thủ Tướng (1974). Khi miền Nam sụp đổ, ông là đại tá, Sĩ Quan Võ Phòng Phủ Thủ Tướng. Từ trước năm 1975 tại Sài Gòn, ông đã là thi sĩ với bút hiệu Hoàng Phong Linh qua những thi tập *Hoa Tím, Đêm Trắng, Cánh Chim Bằng, Đăng Trình, Hồn Ca*... Rồi từ năm 1980, cộng đồng người Việt tại Úc, Bắc Mỹ, và Âu Châu say sưa những lần ông xuất hiện trước đám đông để trình bầy về chương trình phục quốc. Năm 1981, trong vai trò Chỉ Huy Trưởng Chí Nguyện Đoàn Hải Ngoại Phục Quốc Việt Nam, ông đã thực hiện chuyến về Việt Nam kháng chiến, bỏ lại Úc Châu cảnh sống hạnh phúc và sung túc bên người vợ đẹp và cháu trai xinh xắn. Nhưng chuyến đi thất bại, ông bị bộ đội Cộng Sản Lào và Việt Nam bắt ngay.

Cảnh tù đầy và tra tấn trong các nhà giam Cộng Sản đã không làm nhụt chí nam nhi, mà trái lại đã tạo cơ hội cho ông chứng tỏ mình là một trang hảo hán: giữa Hà Nội, ông đã lừa nhà cầm quyền tổ chức họp báo ngày 13/7/1982 để rồi nhân cơ hội ấy, ông giõng dạc tuyên bố trước ống kính của các máy thu hình cùng nhiều ký giả quốc tế, nguyên văn, *"Tôi tiếp tục duy trì lập trường chính trị của tôi cho Tự Do và giải phóng dân tộc...Tôi đã sẵn sàng nhận bất cứ một bản án nào mà chế độ Cộng Sản dành cho tôi..."* trước khi bị lôi vào hậu trường và bị đánh đập. Thật là hiên ngang anh hùng. Ông chỉ sống sót để đặt chân lên phi trường Sydney ngày 11/12/1991 nhờ sự can thiệp mạnh mẽ của nhiều giới, đặc biệt là sự can thiệp của

LƯU VĂN VỊNH

KHUẤT BÓNG

Dưới dạng thức nào thì chiếc bóng vẫn chỉ là
chiếc bóng
đầu đuôi dài ngắn phơi nằm bằng nhau
mặt đất xoay
quanh đèn cù tôi với bạn đều biến mất nay mai

gặp lại nhau?
xác suất tỉ tỉ trăng sao thái dương hệ thiên hà
quốc độ nào cũng trùng trùng bóng ảnh
thời gian đo bằng gan bàn chân
dọc ngang rút cuộc thu vào một điểm
ngắn hay dài: vọng niệm cõi thế nhân!

con chó rơm sủa oang oang ma lửa
lò cừ quỷ quái thiêu vạn vật thành than

bạn ở Nam Đàn
anh từ Cổ Nhuế
đất nứt bọ hung
già Ba Tri, gái Huế tóc thề
chen chúc đi về
tấp nập những bộ xương
soi bóng thủy cầu
lòng vòng 360 độ!

dưới dạng thức nào thì vạn vạn lớp sóng
đẩy lớp bóng này thế bóng lớp kia
xô nhau đến tận rìa hư ảo
tất cả lộn nhào
trước sau chớp mắt tựa chiêm bao

vạn vật nằm dài như bóng cây tàu lá
đến, rồi đi, rồi đến, ở nơi nao?

chính phủ Úc-đại-lợi. Hiện ông tái định cư ở miền Nam California.

Không biết Võ Đại Tôn có lạc đường vào chính trị hay không, nhưng cốt cách ông là cốt cách của một trang nam nhi hán tử, mã thượng anh hùng. Hồi ký *Tấm Máu Đen* của ông (tác giả tự xuất bản lần đầu năm 1992, và lần thứ hai năm 2000) tuy là chuyện kể về cuộc trở về kháng chiến và bị bắt cầm tù trong nhà giam Cộng Sản với những đau đớn, đòn bọng, thiếu thốn, đói khát, tủi hận... nhưng lúc nào cũng toát lên sự lạc quan vui vẻ, và chất thơ trong chuyện kể vẫn bàng bạc khắp tác phẩm.

Đặc biệt, có một cựu sĩ quan cấp tá viết về cuộc đảo chánh ngày 11 tháng 11 năm 1960. Đó là cựu trung tá Vương Văn Đông. Sau nhiều thập niên im hơn lặng tiếng, cựu trung tá Vương Văn Đông đã bất ngờ cho xuất bản quyển hồi ký Binh Biến 11-11-1960 (California, Văn Nghệ xb, 2000, 372 trang).

Vương Văn Đông xuất thân khoá 2 trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt năm 1950. Ra trường với cấp bậc thiếu úy, chỉ năm năm sau, ông đã lên đến cấp trung tá trùng đoàn trưởng. Trong lời tựa của Binh Biến 11-11-1960 viết xong ngày 11-11-1998, ông đã khẳng định rõ ràng là ông hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự thất bại của ngày đảo chánh 11-11-60 vì ông chính là người lãnh đạo, hay nguyên văn của ông, *"người tổ chức và điều khiển cuộc đảo chánh"* (trang 28). Về phương diện này, độc giả nên đọc thêm hồi ký *Việt Nam Một Trời Tâm Sự* (California, Xuân Thu xb, 1987) của cựu trung tướng Nguyễn Chánh Thi, quyển Biến Cố 11/11/60 - *Từ Đảo Chánh Đến Tù Đầy* (Sài Gòn, tác giả xb, 1971) của Trần Tương, và tập *Nhìn Lại Biến Cố 11/11/1960* (Texas, Văn Hóa xb, 1997) do Chánh Đạo chủ biên để biết thêm tiếng chuông thứ hai về vấn đề ai là người lãnh đạo cuộc đảo chánh 11/11/1960, Vương Văn Đông hay Nguyễn Chánh Thi. Thật thế, trong hồi ký *Binh Biến 11/11/1960*, Vương Văn Đông đã tự nhận mình là người lãnh đạo cuộc đảo chính, thì trong *Nhìn Lại Biến Cố 11/11/1960,* cựu trung tá Nguyễn Kiên Hùng, năm 1960 là đại úy tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến tham gia đảo chánh, cho biết, nguyên văn, *"Tất cả tập Binh Biến 11/11/60 của ông Đông đều là bịa đặt, che đậy, chạy tội, mặc cảm, tự đề cao, ấu trĩ và xuyên tạc"* (trang 198).

Nội dung *Binh Biến 11-11-1960* của Vương Văn Đông đã không dừng lại ở năm 1960, mà kéo dài đến ngày sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa năm 1975, để chấm dứt bằng những dòng chữ về cuộc vận động của nhóm ông, trông mong hợp tác với chính quyền Hà Nội.

Thật vậy, bắt đầu từ trang 317 cho đến trang cuối cùng số 332, Vương Văn Đông hào hứng kể lại những cuộc gặp gỡ mà ngoại trưởng kiêm phó thủ tướng chính phủ CHXHCNVN bấy giờ là Nguyễn Cơ Thạch dành cho nhóm ông hồi tháng 5/1989 ở Hà Nội và tháng 6/1989 ở Paris. Ông cũng hãnh diện sao lại có thông cáo của Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Paris về những cuộc tiếp xúc này, trong đó có đoạn, nguyên văn, *"đồng chí (tức Nguyễn Cơ Thạch) đã nhấn mạnh chính sách hòa hợp hòa giải của nhà nước ta... Bộ trưởng (tức Nguyễn Cơ Thạch) hoan nghênh thiện chí và nhiệt tình của phái đoàn (tức nhóm Vương Văn Đông-Nguyễn Huy Lợi) và mong muốn rằng cộng đồng người Việt ở nước ngoài có nhiều đóng góp thiết thực vào việc xây dựng lại tổ quốc Việt Nam"* (trang 321). Cứ vào nội dung thông cáo của chính quyền Cộng Sản Việt Nam này thì rõ ràng nhóm Vương Văn Đông-Nguyễn Huy Lợi đến với những cán bộ cao cấp của chính phủ nước CHXHCNVN không phải như những đối nhân đồng đẳng, mà chỉ là một thành phần dưới tay đến nghe chỉ thị. Vì thế, giữa những tiếp xúc hồi năm 1964 (trang 252) của cựu trung tá Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Vương Văn Đông với Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam và những tiếp xúc vào năm 1989 (trang 320) với phó thủ tướng nước CHXHCNVN Nguyễn Cơ Thạch, người ta không biết còn bao nhiêu tiếp xúc nữa giữa tác giả Vương Văn Đông với Cộng Sản, nhưng một điều mà ai cũng có thể hiểu là tâm trạng của tác giả Vương Văn Đông như thế nào, và lập trường chính trị của ông ra sao.

Trong số các hồi ký của cựu sĩ quan cấp tá còn có một hồi ký rất đặc biệt. Đó là hồi ký của người đã may mắn di tản sang được bến bờ Tự Do hồi tháng 5 năm 1975, nhưng rồi nhất quyết trở về Việt Nam tháng 10 cùng năm để... ngồi tù! Đó là quyển *Việt Nam Thương Tín, Con Tàu Định Mệnh* của cựu hải quân trung tá Trần Đình Trụ xuất bản tại Texas năm 1994, 431 trang.

Trần Đình Trụ tốt nghiệp khoá 8 Trường Hải Quân Nha Trang năm 1960. Bắt đầu từ năm 1964 cho đến năm 1974, ông liên tiếp là hạm trưởng của nhiều loại chiến hạm, từ

tuần-duyên-đỉnh, trợ-chiến-hạm, hải-vận-hạm, dương-vận-hạm, cho đến tuần-dương-hạm. Chức vụ cuối cùng của ông trước ngày miền Nam sụp đổ là hải quân trung tá, phó tư lệnh Hải Quân Vùng 5 Duyên Hải. Nhưng có lẽ lần làm hạm trưởng cuối cùng của đời ông mới là độc đáo và ông đã ghi lại kinh nghiệm này cho người đời sau mà ông tự gọi là, nguyên văn nơi trang 6: "một tài liệu quý báu." Ông thật là một con người chân chất!

Việt Nam Thương Tín, Con Tàu Định Mệnh là tiểu sử của một thanh niên trong thời chiến nhưng cũng là hồi ký của một người tù 13 năm trong năm trại tập trung Cộng Sản. Nhưng đó không phải là những điểm đặc biệt. Điểm đặc biệt là quyển sách trở thành tập tài liệu trong lịch sử Việt Nam thời hiện đại ghi lại diễn tiến một cuộc hải hành của 1652 người Việt Nam vốn đã đến được bến bờ Tự Do rồi lại trở về để mất Tự Do do một vai chính trong cuộc kể lại. Trong cuộc lựa chọn oái oăm này, anh thanh niên mặt trắng gốc Bắc di cư Trần Đình Trụ 19 tuổi của năm 1954 đã trưởng thành hơn nhiều vị hải quân trung tá Trần Đình Trụ 40 tuổi của năm 1975: nếu năm 1954 chính ông là người thuyết phục thân phụ và gia đình phải di cư vào miền Nam thì năm 1975 ông đã lại nhất quyết trở về miền đất do Cộng Sản làm chủ.

Thực ra, không ở trong hoàn cảnh của ông thì ít ai hiểu được tâm trạng của ông, của một người đang có tất cả, từ địa vị xã hội, vợ đẹp con khôn, đến nhà cửa riêng tư... rồi đột nhiên mất tất cả. Sự khủng hoảng tinh thần trước những cái thậm vô lý đang diễn ra trước mắt ông, từ việc chỉ thấy những đơn vị quân đội Việt Nam Cộng Hòa lúc nào cũng sẵn sàng tác chiến mà đột nhiên Cộng Sản chưa tới thì đã thi nhau bỏ chạy, đến việc chứng kiến những trại tỵ nạn với đầy đủ tiện nghi có sức chứa hàng trăm ngàn người đã được các nhà chức trách Hoa-kỳ hoàn tất từ đầu tháng 3 năm 1975 tại đảo Guam, tức ít nhất hai tháng trước khi miền Nam mất về tay Cộng Sản, khiến Trần Đình Trụ đã có một quyết định trong cơn mê là gia nhập nhóm người đòi trở về Việt Nam để, nguyên văn nơi trang 94: *"thà tìm con đường nộp mạng cho Việt Cộng để chúng muốn xử ra sao thì ra... Cả triệu quân nhân còn kẹt lại ở Việt Nam, không lẽ Việt Cộng đem ra xử bắn hết? Cho dù có bị xử bắn, thì những người trở về cũng đã đều chấp nhận, không sợ gì cả."* Mười chín (19) năm sau khi sự việc xảy ra, và mười ba (13) năm sau khi tù đầy, tác giả còn viết một cách mê muội cùng cực đến thế thì ngay lúc mới đến trại tỵ nạn ở Guam, tâm trạng của tác giả còn bất thường khủng khiếp đến chừng nào!

Số người đòi trở về Việt Nam có lúc đã lên đến con số 3000, và không phải chỉ gồm những người mới đến Guam mà còn có cả những người đã được tiếp cư vào nội địa Hoa-kỳ và Pháp. Nhóm người này có cả những kế hoạch tranh đấu để đòi thỏa mãn yêu sách. Nhẹ nhàng là gửi đơn đi tứ tung, căng biểu ngữ trong vòng rào, nặng nề hơn thì có biểu tình và tuyệt thực, kể cả kế hoạch tràn ra đường phố để bạo động và đốt phá nhằm gây sợ hãi trong những người dân bản xứ để các giới chức Hoa-kỳ và Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc sớm giải quyết yêu sách của họ. Họ cũng tự tổ chức thành ban đại diện để lo mọi mặt, có người còn vẽ cả cờ Cộng Sản và hình Hồ Chí Minh để đón gió. Rồi chiếc Việt Nam Thương Tín I, một chiếc tàu chở dân di tản đến Guam từ đầu tháng 5/1975, được giao cho nhóm. Đây là chiếc tàu đóng tại Ý-đại-lợi, trọng tải 12,000 tấn, dài 140 mét, có sáu khoang chứa hàng hóa. Tàu được Hoa-kỳ cho tu bổ và sửa chữa toàn diện kể cả việc thiết trí 2000 chiếc giường cá nhân bằng gỗ trên tàu. Trước khi khởi hành, tàu còn được tiếp tế thực phẩm tươi và khô dự trù cho 2000 người ăn trong hai tháng.

Dưới sự điều khiển của tác giả và thủy thủ đoàn, tàu Việt Nam Thương Tín I đã nhẹ nhàng tiến về Việt Nam, bỏ neo tại Vũng Tàu rồi được lệnh ra Nha Trang, nơi một đoàn xe vận tải bít bùng do Công An Nhân Dân đang chờ để chất tất cả thủy thủ lẫn hành khách của chuyến trở về vào... trại tập trung! Đó là ngày 27 tháng 10 năm 1975.

Câu chuyện của những người trở về để đi tù cũng may là có hậu: nhiều người sau đó đã được ra đi Hoa-kỳ theo chương trình HO giữa hai chính phủ Việt và Hoa-kỳ. Tác giả Trần Đình Trụ cũng được cái may mắn đó. Ngày 13 tháng 12 năm 1991, ông và đầy đủ vợ con đã ra phi trường Tân-sơn-nhất để đáp phi cơ sang định cư ở Hoa-kỳ, sau khi đã hiến tất nhà cửa cho Sở Nhà Đất và mất 12 năm trong ngục tù Cộng Sản. Mừng cho ông!

(Còn tiếp)

Alameda, tháng 7 năm 2001

HÃY BƯỚC VÀO, VÀ CHỌN LẤY CHO MÌNH NHỮNG ĐÓA RIÊNG

BÙI BÍCH HÀ

(Trình bày trong buổi ra mắt sách *Tà Áo Văn Quân* của Nguyễn Đức Tường tại Westminster, California, ngày 7-7-2001)

Giữa nhiều khuynh hướng sáng tác thật đa dạng đã đóng góp vào việc hình thành dòng văn học hải ngoại kể từ biến cố 30-4-1975, tôi đặc biệt yêu thích các tác phẩm viết về con người với những bi kịch bắt nguồn từ sự bất toàn nằm trong thân phận nó.

Tà Áo Văn Quân của Nguyễn Đức Tường là một trường hợp.

Tôi luôn có cảm nghĩ bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật nào cũng chỉ là một công trình sáng tạo nửa vời, nửa kia trông đợi ở sự tiếp nhận của người thưởng ngoạn. Một thái độ thưởng ngoạn đúng mức sẽ giúp hoàn tất công trình sáng tạo nửa vời của người nghệ sĩ. Một con chữ, một nốt nhạc, ngay cả một bức vẽ hay điêu khắc, nếu chúng không được làm rung lên đâu đó trong sâu thẳm một cõi lòng những thanh âm kỳ diệu, nếu chúng không được soi chiếu đâu đó trong thần thức sầu đau hay hoan lạc của một người để trở thành tấm kính vạn hoa, tất cả mọi thành quả sáng tạo kia nào có khác chi vạn vật vô tri nằm chết trong sự bất động im lìm?

Tôi xin cám ơn tác giả TAVQ đã cho phép tôi được chia sẻ ở đây những thanh âm, hình tượng và màu sắc mà tập truyện của ông đã gợi dậy trong cảm thức tôi cùng với một thời tuổi trẻ xa xôi, giờ đây nhìn lại, vẫn còn nguyên tiếng rung thổn thức của giấc mơ đầu đời vụng dại, còn nguyên cái xanh tươi hớn hở của trái quả đầu mùa, còn nguyên mặt trời nung lửa trong trái tim thanh xuân. Vẻ đẹp trong trời đất thì bát ngát vô tận mà khả năng cảm thụ của con người thì khiếm khuyết và giới hạn, cho nên, dù cố gắng đến đâu, phần chia sẻ của riêng tôi sẽ chỉ là sự phản chiếu khiêm nhượng nội dung phong phú của tác phẩm. Mỗi quí vị đang có mặt trong phòng sinh hoạt đầm ấm này rồi cũng sẽ tự mình tìm thấy những vẻ đẹp khác, phù hợp với cảm thức của quí vị, như tác giả đã mời gọi trong lời mở đầu tập truyện của ông: *"chính bạn đọc đã cho cuốn sách nhỏ này chút sinh khí của nó."*

TAVQ gồm bảy truyện ngắn và phần phụ lục là bốn bài thơ xướng họa giữa tác giả và các thi hữu đã tình cờ đọc bài thơ ngẫu hứng của ông gởi qua internet cho nguyệt san *Thế Kỷ 21.*

Ngoại trừ truyện *Ánh Tuyết* viết về kinh nghiệm hội nhập gay gắt của thế hệ tỵ nạn VN thứ hai, sinh trưởng trên xứ người và truyện Chung Cư nằm ở cuối tập sách, viết về nỗi cô quạnh của đời người sống giữa một nước Mỹ đầy bất trắc và vì tuyệt đối tự do nên mỗi căn nhà là một ốc đảo khép kín, toàn bộ các truyện khác, với nhiều nhân vật nam mang những cái tên tuy khác nhau, có khi lập lại, nhưng đều bắt đầu bằng mẫu tự T, kể cả một nhân vật mang đúng tên Tường của tác giả trong truyện *Đường Đi Chưa Đến* nhưng lại chỉ là một khuôn mặt được tác giả tạo ra để hoặc tự chế diễu mình hoặc để đánh lạc hướng độc giả bên cạnh các nhân vật thực sự phản chiếu ông nhiều nhất; tôi xin được nhắc lại, toàn bộ các truyện trong tập TAVQ đã làm sống lại, một cách trung thực và sinh động, hình ảnh hầu như của cả một thế hệ thanh niên VN bắt đầu tuổi thanh xuân từ giữa thập niên 50, trong bối cảnh một đất nước bị xâu xé vì mặc cảm Á Tế Á nhược tiểu dân tộc, vì nhiều cuộc chiến tranh tiến hành dưới nhiều danh xưng khác nhau và đổi thay từng chập, sau hết, vì sự dằng co giữa hai nền học thuật Đông Tây, cụ thể hơn, giữa những khao khát lãng mạn, mang nặng tình người, bắt đầu tập quán sống quần cư trải bao đời của tổ tiên và, phía kia, những khao khát cũng mãnh liệt không kém,

sự phát triển tri thức thuần lý làm nên một sức mạnh của con người vượt ra khỏi lũy tre xanh và vượt lên trên mọi hệ lụy ràng buộc bất cứ từ đâu tới.

Có những ngày tuổi thơ tản cư về một vùng quê sỏi đá bắc Việt Nam, tỉnh Thái Bình, cậu bé Tân hay chính tác giả, đã trải qua những *"ngày mùa mới gặt, cánh đồng khô, thơm và sạch, cùng bạn học vật nhau trên rạ mới"* hay *"những hôm trời mưa, đường trơn, lăn tõm xuống hố chống chiến xa, lõm bõm không lên được."* Cậu cũng trải qua những đêm chạy Tây ven bờ ruộng, trên đường đê, dưới bóng những rặng nhãn Hưng Yên thấp thoáng ánh hoàng hôn, tất cả tài sản, sách vở, quần áo đều đeo trên lưng, cứ ngồi xuống là ngủ. Sau này lớn lên, cậu mang theo mình ký ức sâu đậm này đi khắp nơi. Không chỉ mang theo, nó còn là một ám ảnh thường trực đeo đẳng tác giả. Ông nói về nó, nhắc tới nó, nhiều đến nỗi có một lần, nhìn thấy phản ứng chọc quê tế nhị trên nét mặt cô sinh viên, ông mới kịp dừng. Không nói nữa, không kể nữa, không còn Tây nữa nhưng những đêm chạy Tây trong thời thơ ấu cứ mãi dồn đuổi bước chân cậu bé Tân qua thời khôn lớn, thúc dục cậu mải miết chạy về phía trước, đến đâu chưa cần biết song chắc chắn nơi đó sẽ an toàn hơn, phẩm giá con người được tôn trọng hơn so với nơi cậu vừa bỏ lại sau lưng, nơi đó có ánh mặt trời một ngày mới bắt đầu với chứa chan hy vọng. Chịu ảnh hưởng sâu đậm nền văn hóa của một đất nước mà ca dao, đồng dao cũng nhiều bằng lúa gạo, mà trong mỗi người dân ẩn chứa một nhà thơ, Nguyễn Đức Tường thể hiện đa phần nhân vật của ông, một cách thuần nhất, lúc rụt rè, lúc táo bạo nhưng luôn luôn lao vào tình yêu như một đam mê, một khám phá vô tận, một thực thể tuy có thật, rất thật, rất gần gũi song đồng thời lại chỉ là một vẻ đẹp lửng lơ, để nhìn ngắm, để thưởng thức, để làm hành trang tinh thần trên con đường dài, không để chọn lựa hiểu theo nghĩa là một từ chối cái thế giới đầy những điều kỳ diệu đang chờ đợi ở phía trước hay là một chấp nhận quên lãng thân thế mình chưa nguôi những khát khao hướng về một mục đích cao cả, chưa nguôi những vết thương xót đau mang theo từ những đêm chạy Tây thời tuổi nhỏ.

Thế hệ những chàng thanh niên cùng thời với tác giả là thế hệ bản lề, vừa đóng lại cánh cửa căn nhà cũ đang trở nên chật chội đối với họ, vừa mở ra một lên đường mới mà sự hăm hở dấn thân của họ chưa đủ giúp họ vượt qua tâm lý băn khoăn, thống khổ, có khi còn là niềm tuyệt vọng thấy mình bị bứt lìa khỏi quá khứ. Những chàng tuổi trẻ ở ngã ba đường này thấy họ bị bắt buộc phải đương đầu với sự thách đố của những giá trị luân lý mới, phù hợp với suy nghiệm về bản thân họ và cuộc sống xung quanh ngày càng nới rộng kích thước theo tiến trình phát triển tri thức của họ.

Những nhân vật mang tên Tân, Tuấn hay Tuân đều có vẻ, nói theo ngôn ngữ ngữ hiện sinh, yêu cuồng sống vội. Một cách chính xác hơn, như tác giả đã mượn cái triết thuyết hồn nhiên của nhạc sĩ Lê Uyên Phương để mô tả họ: như loài thú hoang, yêu nhau ngoài đồng. Biện minh duy nhất của họ là niềm tin đặt vào nhau như một lựa chọn tự do, sự chân thật hết mình ở mỗi lời họ nói ra, mỗi cử chỉ họ làm, vào một thời khác nào đó, tựa như "một phút lòng anh yêu em đó, cũng thể yêu em đến trọn đời." Tác giả viết *"Tuấn không phải là người lang chạ, anh nhìn chuyện của anh và Hương Quyên là điều tự nhiên, lành mạnh, cũng vô tội như khi anh lấy ngón tay lau nước mắt cho Hiền,"* như khi Tân đuổi bắt Carmen và lấy đi thanh tân của nàng trong vườn táo đang nở đầy hoa trắng, như khi Tuấn ôm hôn Minh, tìm kiếm trên thân thể nàng trong căn phòng mượn của ông giáo sự Ngạn, như khi nhân vật xưng tôi trong truyện *Chung Cư*, bất ngờ luồn tay dưới áo Claudine và *"đùa nghịch với đám lông nách dày, rất mượt, ướt đẫm mồ hôi"* của cô. Muốn thuyết phục người đọc hơn nữa, tác giả đã để cho Penny, nhân vật nữ, giới vẫn được tập quán xã hội Việt Nam và nhiều nơi khác coi là nạn nhân trong các chuyện tình giữa đường gãy gánh, phát biểu như sau *"những phút mình ngồi ôm nhau thế này là có thật, không cao thượng, hiển hách gì nhưng cũng không bẩn thỉu. Nó biểu tượng cho đời sống, ý nghĩa của nó là ở chỗ bình thường, dung dị, không chút gì đặc sắc"* (trang 93). Cái bình thường, dung dị của không khí, của hơi thở là bản chất vô tội của đời nguyên thủy chưa biết đến sự phán xét của những định chế xã hội, đầy tính luân lý.

Để quí anh ra ngoài, chắc quí chị, khi đọc xong TAVQ, cũng sẵn sàng đồng ý với tôi rằng các cuộc tình duyên được mô tả trong tác phẩm, dù chung cuộc đều đưa đến chia tay, trước khi do số mệnh như với Carmen hay do sự thất bại *"không định nghĩa được đời người*

hoặc chính con người" nơi các nhân vật nam, cho dẫu như thế, những cuộc tình duyên ấy đều thương cảm, đầy tính "sáng tạo và thẩm mỹ" vốn là những tiêu chuẩn sống không ngừng ám ảnh tác giả ở mọi nơi, mọi lúc. Những cuộc tình duyên không kết thúc theo qui ước xã hội ấy có nạn nhân ở cả hai phía, có khi hậu quả về phía nam còn nghiêm trọng hơn: *"Tuấn ơi, để em dạy Tuấn điều này, phương pháp tuy có khác nhau, hành động của một người đàng hoàng, đầy thiện ý và một tên vô lại giống nhau ở điểm là, trong nhiều trường hợp, chúng đưa đến cùng một kết quả"* (trang 236). Đây là phần cứu rỗi của tác phẩm. Điều này làm cho khả tín những giá trị luân lý mà tác giả cổ võ. Ông chống lại sự bất công, bất bình đẳng, sự lạm dụng giữa con người với con người *"Tôi thường tự hỏi, Thúy Kiều sau khi phải bán mình, nếu đừng đặt câu hỏi như một sự dâng hiến - dâng hiến, tại sao ngôn ngữ có thể có những từ thô tục đến thế..."* (trang 240); giữa các quốc gia lân bang, như Mỹ với VN *"Em không biết thiện ý của người Mỹ lúc đầu như thế nào nhưng em thấy những phương tiện họ xử dụng so với mục tiêu định đạt đã đi quá xa, rất quá xa, đến độ vô luân"* (trang 66). Dưới mắt ông, một đời sống *"lầm than, không một tia sáng, cả đời người cố gắng chỉ đủ để 'lâu rồi đời mình cũng qua,' là sự phi lý đến vô luân"* (trang 82). Ông càng thực sự phẫn nộ hơn nữa là bởi vì *"dù vô vọng đến thế nào chăng nữa, người ta cũng có thể quen đi", thỏa hiệp một cách hèn nhát với nỗi khốn cùng* (trang 83).

Có một khuynh hướng xếp loại những người đồng thời với tác giả vào cái thế hệ mệnh danh là thế hệ những người "thua lỗ" hay "mất mát" (the losers). Đứng ở ngã ba đường, họ loay hoay đánh mất tuổi trẻ, niềm tin, lý tưởng, sự bình yên, căn tính, là quê hương một thời ấp ủ tất cả những tài sản thiết thân ấy, nghĩa là mất hết. Sau lưng họ là nỗi ám ảnh của mặc cảm thuộc địa, trước

TRẦN HUY SAO

GỞI LẠI QUÊ HƯƠNG LÀ KỶ NIỆM

Khi tôi đi mùa hồng chưa kịp chín
Cơn mưa mùa chuẩn bị về qua
Con dốc Linh Quang quỳ hương che kín
Đường Ngô Quyền lạc dấu tình xa

Tôi bỏ lại rất nhiều kỷ niệm
Kỷ niệm nào cũng thấy dễ thương
Đường xa quá, gánh gồng thêm bất tiện
Nên phải đành gởi lại quê hương!

Gởi con cá trào dòng Cam Ly Hạ
Bụi Sim rừng ở đồi Trọc, rừng Ngo
Con dế kêu sương dưới lùm cỏ dại
Con diều bay vút gió hục Bà Sơ

Gởi trường Bạch Đằng bốn-mùa-lộng-gió
Cái quần đùi buộc túm giây thun
Đám bạn đầu trần tay chân trổ mốc
Con dốc Đa Trung nắng bụi mưa bùn

Gởi trái ổi Ôn Cai Hoành ngọt lịm
Hái dành cho "cô gái rượu" Ôn Lào
Trái mùng tơi giã nghiền làm mực tím
Vỏ bao nhang thấm nước làm phấn son

Gởi những đêm trăng rượt-bắt-cứu-tù
Thấy anh Lạc ôm hun chị Hẹ
Thấy mái đình cong dáng buồn ủ rũ
Nhớ chiêng khua trống rộn buổi hội hè

Gởi lại mùa Thu lá vàng lối nhỏ
Nắng hanh se rồi mưa bụi phấn rơi
Cũng tại mùa này tôi biết làm Thơ
Khóc gió thương mây học đòi người lớn

Gởi nụ hôn đầu sau vườn ổi Sẻ
Vị mặn cay muối ớt rát bờ môi
Để tôi biết vị tình yêu là thế
Ngọt-đắng-chua-cay, có cả mặn mòi!

Gởi lại tháng, năm vào đời khôn lớn
Ở một nơi yêu dấu lắm: Quê Hương
Giờ phải xa đi, tôi thiệt quá buồn
Bút mực nào gởi hết nhớ thương!

Đất xa quê tôi chỉ còn có em
Người cùng Xóm, cùng quê, cùng cảnh
Để lúc buồn vui có người chia xẻ
Những mảnh đời bỏ sót lại quê xưa...

mất họ, sự du nhập rộn rã các nền học thuật phương tây đặt ra cho họ những câu hỏi mới và họ lạc lõng trên đường tìm kiếm các câu trả lời *"Vì chàng đứng đây mà có đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái. Vì chàng đứng đây mà có hôm qua, hôm nay và ngày mai. Một ngày nào đó, dẫu xa, hoang đảo (nơi chàng đang đứng) sẽ tan biến - im lặng hoàn toàn. Không một chút dư âm. Không còn đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái. Cũng không còn hôm qua, hôm nay và ngày mai"* (trang 99).

Trong cô đơn thảng thốt cùng với nỗi bất an không còn định vị được nhân thân và nơi chốn mình hiện hữu, tình yêu hiện ra trong mắt tác giả như ngọn hải đăng bất ngờ, như chiếc phao mầu nhiệm, như bến cảng giữa sương mù dầy đặc, là củi lửa vừa nhóm lên trong sâu thẳm trái tim quờ quạng cần hơi ấm để hồi sinh, tình yêu ấy có khi chỉ đơn giản là *"một vuông vải nhỏ, dày và tầm thường, dùng để lót tay, treo ngay ngắn trong bếp, trên mặt thêu chữ Home Sweet Home và mấy quả tim dỏ chói."*

Cho nên, truyện nào của TAVQ cũng là truyện tình. Thơ mộng, sôi nổi, cuồng nhiệt hay buồn bã, các nhân vật nữ trong TAVQ vừa thông minh, trí tuệ, vừa trần tục, sống động. Họ là nhân vật phản diện, phóng chiếu long lanh từ ước mơ thầm kín của tác giả để soi lại chính mình (khi nói đến Carmen, Tân tự hỏi *"đó là sự thực hay là điều tưởng tượng trong đầu chàng?"* trang 32). Bên cạnh họ, các nhân vật nam là hình ảnh những người thanh niên VN lớn lên giữa thế kỷ 20, bị dày vò ray rứt vì cuộc sống trở nên mong manh và những cái chết phi phạm trong chiến tranh, họ đi nửa vòng trái đất mong tìm lại thăng bằng và ổn định. Dưới cái vỏ bề ngoài cứng rắn nhưng đụng đến là vỡ, dễ bị tổn thương, họ tự hỏi lòng *"đâu là cái đích tối hậu của cuộc sống?"* Có phải là *"căn nhà ấm áp, tịch mịch, riêng biệt với chút ít hương vị đàn bà, những ngày tháng trong lành, bình thường, không phiền nhiễu, ngay cả không lý tưởng, không gì hết..."* (trang 67 & 97) hay không? Tuy vậy, cái ý niệm thô sơ về phúc ấy cũng chỉ giống như *"cái bóng chập chờn trước mắt mà họ không bao giờ đuổi kịp"* (trang 252), mãi mãi cứ là hoài niệm như thời gian trôi qua kẽ tay, để lại trong lòng họ tro than của tiếc nhớ muộn màng. Tâm trạng giao động đưa đến ngờ vực, khoảng cách so le giữa thực tế và mơ ước, nỗi buồn nhược tiểu, cảm giác bất lực trên con đường đi không tới của thế hệ Nguyễn Đức Tường tiêu biểu cho sự thất bại của thế kỷ 20 VN vừa đóng lại trên những nốt nhạc trầm dở dang.

Về văn phong của tác giả Nguyễn Đức Tường, thiết tưởng cần có một bài phân tích khác, chi tiết và đủ dài để có thể gửi đến bạn đọc vẻ đẹp dưới ngòi bút của ông. Người Pháp có câu *coup d'essai, coup de maitre*. Chỉ qua một chiêu thử nghiệm, người viết đã chứng tỏ tài năng có hạng của mình. Tả người, tả cảnh hay chia sẻ tâm tình, ông có cái kỹ thuật tốc họa của người họa sĩ nhậy bén và tài hoa, xử dụng rất ít chữ, lựa chọn vài nét nổi bật đưa lên khung vải, những bức vẽ của ông với màu sắc mạnh mẽ, ngôn ngữ trong sáng, bố cục lạ mắt, đã để lại nơi độc giả ấn tượng tươi mát và sống động về các chủ đề ông mô tả. Quí vị sẽ bắt gặp rất nhiều đoạn văn như vài thí dụ đơn cử sau đây.

"Tân nhìn theo, mặt trời chói lòa chiếu xuống, tạo thành trăm ngàn ngọn gươm giáo đang đâm chém loang loáng trên mặt bể" (trang 22).

"Mồ hôi lấm tấm trên trán, trên mũi, trên bộ ngực căng tròn như Venus vừa bước ra khỏi làn sóng, đang đứng trên bọt bể" (trang 24).

"Nhìn ra ngoài cửa sổ, dẫy Rocky Mountains hùng vĩ nhưng không đe dọa. Nắng hanh vàng chiếu tưng bừng trên sườn đồi, nhuộm thêm vàng những hoa dại vàng rực rỡ" (trang 79).

"Mỗi khi cô nói hay cười, nó mới mẻ như buổi bình minh với những tia nắng mát trong lành chan hòa trên cỏ ướt" (trang 166).

"Đêm đã khuya, mảnh trăng lưỡi liềm treo heo hút trên trời biển, thỉnh thoảng một đàn cá bạc nhẩy loang loáng trên mặt nước" (trang 167).

"Hay như Huế, trong ít tháng sẽ mưa tầm tã liên miên không ngừng, không bao giờ ngừng, *không gian, thời gian, thân xác ta, tâm hồn ta, chỗ nào cũng lũng bũng những nước ..."* (trang 179).

"Đó là tiếng cây cung vĩ cầm xiết mạnh trên dây sol *trầm, trần mộc, không sảo thuật, gợi tình; nó lắng chìm sâu trong tim ta, nó có tác dụng trà vào đầu dây thần kinh không được che chở của ta..."* (trang 183).

Thưa quí vị,

Tôi như người làm vườn kém cỏi nhưng khu vườn của TAVQ thì đầy hoa thơm cỏ lạ, mời quí vị hãy bước vào và chọn lấy cho mình những đóa riêng.●

07/2001

NGẮM SAO

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Cho một tình cờ...

"Hôm qua mình đã xuống biển." Người đàn bà nói, "hôm nay xin tùy ý ông, muốn lên núi hay xuống biển lần nữa, cũng được."

Sau khi cân nhắc, bàn tính chừng vài phút, họ quyết định lên núi. Cả hai người đàn ông và đàn bà cùng ở cỡ tuổi bốn lăm, năm mươi; nhưng với diện mạo của người phương Đông thì ai làm sao mà biết được, trông họ có vẻ trẻ nhưng cũng có thể là sáu lăm, bảy mươi. Có lẽ tuổi họ phải trên sáu mươi vì chỉ một việc nhỏ phải quyết định như lên núi hay xuống biển mà cũng do dự, đắn đo mất đến cả năm phút. Đó là do thói quen ở tuổi ngoài sáu mươi, người ta muốn mọi việc phải làm cho đúng, cho ngăn nắp, cho có kết quả tốt đẹp, vì sợ mất mát, vì sợ lầm lỡ sẽ đưa đến sự bị xúc phạm.

Cũng phải, cuộc hò hẹn đêm nay là một bằng chứng hùng hồn rằng trong đời họ đã có ít nhất một lần đã bị thua lỗ rất đậm, bây giờ họ phải rất cẩn thận trong cách cư xử. Những bước đi của họ, do đấy, cần thiết trở nên dè dặt, thận trọng. Những câu họ nói với nhau đều có thể hiểu theo hai ba nghĩa, cũng có thể là tình ái yêu đương, nhưng hình như được truyền qua một bức tường kính, nghĩa là hoàn toàn *antiseptic* - sát trùng, không ô nhiễm.

Người đàn bà hãy còn xuân sắc, vào thời son trẻ nụ cười duyên dáng, hứa hẹn của bà chắc chắn đã làm ngây ngất nhiều chàng trai. Vầng trán cao mà không thô gợi ý một người trí thức, biết nhiều. Bà nói chuyện vui vẻ, bặt thiệp. Khi không đồng ý với người đối thoại, bà không làm người ta khó chịu, khi đồng ý, bà đồng ý một cách lương thiện; sự thẳng thắn đó khiến bà luôn luôn có được sự tin cậy của bạn bè.

Còn lại là đôi mắt, tinh anh quả quyết; ở thời của nó, hẳn nó cũng ngây thơ trong sáng lắm. Một buổi chiều, sau mười lăm năm gần như là một mình nuôi bốn đứa con, ông chồng đi làm về bỗng dưng nói với vợ,

"Cảm ơn em đã giúp anh, và em đã giúp anh đủ rồi, ..."

Bất ngờ, thô bạo. Bà đứng nghe, im lặng vài phút để cho câu nói của ông chồng chìm sâu xuống trong tâm thức. Bà không cảm thấy đau đớn trong lòng, trái lại bà cảm giác một cách mơ hồ dường như chính mình vừa được giải thoát. Mắt bà vẫn sáng nhưng không còn trong nữa, ánh long lanh dường như đã đi theo những tia nắng cuối cùng của ngày dài Bắc Cực. Phản ứng của bà là xin ly dị một cách không thương tiếc và bất ngờ. Ông chồng hãy còn u tối, nghĩ bà vợ vô phương, bất lực, vì ông là luật sư Tòa Thượng Thẩm, danh vọng cùng mình, bạc kiếm hàng *tấn*, còn bà vợ chẳng qua chỉ là một cô giáo đã bao nhiêu năm nay ở nhà trông con. Ông cho bà vợ tới hai ba cơ hội để nghĩ kỹ lại. Bà vợ không nghĩ kỹ và cũng không nghĩ lại. Hôm tòa có phán quyết cuối cùng, người anh chồng mới biết, ông đến nói xin bà nghĩ lại, nghĩ đến mười lăm năm tình nghĩa, nghĩ đến bốn đứa trẻ vô tội, nhưng đối với bà câu chuyện đã xong và đối với con bà, như vậy tốt hơn. Bà nói,

"Cảm ơn anh nghĩ tới gia đình chúng em nhưng câu chuyện đã qua rồi. Bây giờ nhìn lại, trong mười lăm năm ấy, nếu em có lấy được một ngày hạnh phúc thì em đã mời anh chị một bữa cơm..."

Di tản đến đất Mỹ, đem theo bốn con nhỏ và mẹ già, người đàn bà một tay chèo chống qua cơn bão táp, nuôi con ăn học thành tài. Mấy năm đầu vất vả làm việc trong những cơ quan thiện nguyện, giúp người tìm việc, bà tìm hiểu đường lối, cơ cấu tổ chức. Đen bạc đỏ tình, đen tình đỏ... công việc làm ăn. Ra mở công ty riêng giúp người tìm công ăn việc làm, công việc làm ăn tiến triển khấm khá, chỉ trong mấy năm công ty đã có tới mười nhân viên. Cũng có những câu chuyện tình. Các bạn

của bà nghĩ rằng bà cô đơn nên nhất quyết làm mai mối. Nhưng như chim bị tên bắn một lần, bà dựng bức tường khá cao cho mấy người đàn ông có ý định nhảy. Bà nhận ra tình yêu họ đem đến cho bà xuất phát từ căn nhà của bà, trang hoàng sang trọng lịch sự, ở một khu sang trọng đắt tiền của thành phố, hay cũng có thể là chiếc xe BMW mới bóng, tóm lại chẳng có gì mới lạ cả.

Lần mới đây nhất, một người bạn thân đến thăm, nói là bà có một *blind date* mới - một người bạn khác phái chưa bao giờ gặp. Quá mệt sau tám giờ làm việc, bà chẳng còn thiết nghĩ đến việc phản đối nên ừ hử cho xong. Trước khi ra về, người bạn nói đùa bằng tiếng Anh,

"Cái mã của hắn trông chẳng đáng bao nhiêu, nhưng được cái hiền và vô hại - He doesn't look much but he is gentle and harmless."

"Vô hại! Bà có điên hay không?" Bà cười trả lời, "đó là thứ vật dụng vô dụng nhất cho tôi."

Bà đã quên bẵng đi thứ vật dụng vô hại đó khi điện thoại réo vào buổi tối thứ Năm. Ở đầu điện thoại đằng kia là một giọng nam nghe quen mà bà không sao nghĩ ra đã gặp ở đâu. Giọng nam đó nói là có sự giới thiệu của người bạn bà và mời bà đi ăn cơm tối ngày hôm sau. Một phần vì không bận, một phần vì tò mò bà nhận lời.

Người đàn bà đưa mắt liếc nhìn người đàn ông ngồi bên cạnh đang im lặng lái xe. Đường lên núi quanh co, hẹp, rất nguy hiểm, ông chăm chú, cẩn thận, môi mím cắn vào nhau khiến cái cằm đã yếu trông càng yếu thêm. Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu, bà khẽ cười một mình, "Có khi vô hại thực!"

Tối thứ Sáu tiếng chuông cửa bấm, khi người đàn bà mở cửa cho người đàn ông để cùng đi ăn tối thì cả hai cùng ngỡ ngàng, đứng sững nhìn nhau. Hóa ra *blind date* của bà không *blind* đến như vậy. Bà đã gặp người đàn ông hai tuần trước đấy - do vậy giọng nói quen quen.

Bình thường, sau khi đọc cẩn thận hồ sơ của người đi kiếm việc, bà để cho một nhân viên nói chuyện và, nếu thích ứng, sẽ đưa đương sự đến cơ sở đang tuyển người làm. Lần này, vì lý do nào đó, bà cho mời người đó đến để đích thân phỏng vấn trước khi bằng lòng giới thiệu đi đâu. Người đàn ông hình như cảm thấy mình bị quan sát kỹ hơn bình thường khi đến nơi, nhất là vì bà chủ công ty tìm việc này có chút tiếng tăm là khó tính, nên tỏ ra lễ phép vừa đủ, không hẳn là thân thiện cũng không khúm núm, không cố gắng thêm để làm vui lòng người phỏng vấn giống như những người khác. Qua hồ sơ, bà thấy người đàn ông là người đáng tín nhiệm, có khả năng và kinh nghiệm trong kỹ nghệ bảo hiểm, bà gửi ông ta đi.

(Mãi mãi về sau, khi quen nhau đã thân, một lần nào đó người đàn ông luận về tình yêu, đã nói với người đàn bà như thế này, "tình yêu cũng tương tự như bán bảo hiểm, điều quan trọng là làm sao để được một chân vào phía bên trong ngưỡng cửa một cách kín đáo...")

Như vậy, về phương diện nghề nghiệp người đàn bà đã biết về người đàn ông quá rõ, còn về phương diện đời riêng, theo như bạn của bà, ông ta "độc thân tại chỗ." Thế nào là độc thân tại chỗ? Hai vợ chồng mỗi khi trông thấy nhau bao giờ cũng lịch sự, nói "Hello!" Một hôm, người chồng chịu không nổi nữa, bỏ đi làm rất xa. Đứa con gái nhỏ gửi điện thư, nói "con ra lệnh cho bố phải về nhà ngay phút này!" Ông không về nhà ngay phút này. Một hai năm sau, ông trở về nhà, đứa con gái nhỏ như hận thù ông. Nó hỗn, ông mắng nó, hỏi tại sao. Nó nhìn thẳng vào mặt ông, mũi huếch lên run run, miệng há như con chó bị dồn vào chân tường, nhe răng tỏ sự căm hờn và khinh miệt, trả lời một cách hung dữ chưa từng thấy, *"Because you did not solve your f...ing problem, you ran away from your own f...ing home!"* (Vì bố không chịu giải quyết vấn đề mà bố bỏ chạy trốn đi khỏi nhà!) Ông muốn cho nó một cái tát nhưng không đủ can đảm; vả lại, tay ông như tê liệt. Như quả bóng hết hơi bị xẹp xuống, đứa con gái úp mặt vào ngực mẹ nó, vai rung rung, tấm tức khóc. Giữa những tiếng nức nở, nó nói,

"Con xin bố về, bố không chịu về. Mãi mãi con mới quen đi. Vừa mới quen đi thì bố lại về làm phiền con nữa."

"Con nghĩ bố con không thương con sao?" Mắt ướt, ông hỏi con bé.

"Bố muốn nói chuyện lâu dài hay chuyện bây giờ?"

"Chuyện bây giờ."

"Bây giờ thì con không biết, và con cũng không cần biết!"

Từ hôm đó hai vợ chồng chào nhau "Hello!" càng lịch sự hơn.

CHU VƯƠNG MIỆN

NGĂN CHIA

Em về ngăn núi chia sông
nguồn mưa vách dựng cuối dòng hạ lưu
Sương lam rợp cả bóng chiều
hắt hiu mấy ngả cánh diều thướt tha
Em về cỏ ấy ác tà
chiều nao còn mấy chuyến phà lang thang
Song le mang đá thử vàng
toàn là vàng giả đá còn trơ trơ

Một câu sống để mà chờ
một đời sống để mà thơ thẩn buồn
nước ngời biên giới cầu suông
mà trăng thệ thủy đã sang bến đò
phong trần lên tận Sợn khê
quán thu phong cũng chia bờ trường giang

*

Sau vài phút ngỡ ngàng, hai người nói chuyện xã giao rồi cùng đồng ý đi ăn ở một tiệm ăn trên bờ biển. Có lẽ cảm thấy mình quá lợi thế so với đối phương - biết rõ đối phương không thua gì một cơ quan an ninh - tinh thần công bình của một trận đá bóng nơi người đàn bà nổi lên. Như để cho đối phương có cơ hội gỡ hòa, trong bữa ăn bà ngạc nhiên thấy mình kể cho đối phương nghe biết bao nhiêu tình tiết về đời mình. Người đàn ông ngồi chú ý lắng tai nghe, nhiều lúc thấy mình như đang đứng soi gương.

"Tôi phải tự tay là từng cái áo sơ-mi cho chồng tôi để ông ấy mặc đi làm. Ông ấy không chịu mặc áo mang về từ tiệm giặt ủi." Người đàn bà nói, và lập tức người đàn ông nhìn lại, ở một thời điểm nào đó ông nhất định mặc áo nhầu đi làm, người vợ không làm sao được, đành gọi chồng lại bắt cởi áo để là.

"Mười lăm năm gần như tôi một mình nuôi con, vì sau giờ làm việc là ông ấy biến mất, nhiều khi suốt đêm, nếu không xoa mạt chược thì đi đánh phé ở đâu đó." Người đàn bà than.

"A ha, mình khá hơn anh chàng này. Mình không đánh bạc. Thật ra mình khinh bỉ những người đánh bạc. Mình cũng không hút xách, rượu chè nữa." Người đàn ông thầm đếm những điểm mình đang thắng đối phương.

Thế rồi đến đoạn "Cảm ơn em đã giúp anh, và em đã giúp anh đủ rồi, ..." người đàn ông bất bình, phẫn nộ, *"What a heel!* Mình sẽ không bao giờ có đủ can đảm để nói những câu như thế. Thật ra mình sẽ không bao giờ có thể hạ mình để nói những câu như thế. Lang thang tứ xứ trong bao nhiêu tháng trời, mình sống như ông thầy tu. Ngoài việc bắt tay xã giao, cũng chưa bao giờ nắm tay một người đàn bà nữa." Mắng nhiếc đối phương vô hình xong, ông giật mình nghĩ đến chuyện hai vợ chồng ông chỉ chào nhau "Hello!" một cách lịch sự, tài đức như ông mà tại sao hèn thế, cứ phải sống độc thân tại chỗ? Người đàn ông kia nạt vợ, bỏ con để đi theo tình nhân - *What a heel!* - nhưng trong cái tồi tệ của hắn, dù sao hắn đã tỏ ra thành thực, lương thiện. Rồi ông nhìn người đàn bà ngồi phía bên kia bàn ăn. Bà là nạn nhân nhưng bà không hoàn toàn vô tội. *It takes two to tango* - cần có hai người để nhảy *tango*. Nếu bà cứ để cho đức ông chồng mặc áo là, mang về từ tiệm giặt? Nếu bà cứ giữ thú chăm lan bà có từ khi còn con gái, không để cho người chồng đe nạt; ôi, những giò lan tinh khôi, kiêu sa, óng ả mà mỗi lần bà đem dự thi là mỗi lần bà được giải? Nếu, nếu, một trăm chữ nếu, bà xử sự khác đi thì có lẽ giờ đây ông không có may mắn được ngồi ăn tối với bà. Thì ra người ta có rất nhiều cách cắn xé nhau, đầy sáng tạo hay ít sáng tạo, đầy thẩm mỹ hay ít thẩm mỹ, nhưng cách nào thì cách, như tiếng Anh nói, cái dòng dưới cùng - *the bottom line* - vẫn là sự cắn xé.

Người đàn ông đã uống hết cốc cà phê thứ hai. Ông ngồi tính nhẩm, câu chuyện kể đến đó mới hết năm 1992, ông đề nghị,

"Câu chuyện còn dài, hay là tối mai ta đi ăn tối nữa. Nếu bà muốn, bà có thể mời tôi."

Người đàn bà, bị khích động vì việc người đàn ông đòi nợ bữa ăn bất thình lình, ngồi lặng đi không nói được trong một phút. Sau này, bả rất hài lòng là đã không câu nệ, từ

chối trả nợ người đàn ông. Bởi vì họ nói chuyện với nhau như đôi bạn chí thiết từ bao giờ; bởi vì, như hộp số của chiếc xe đua, những bánh xe răng cưa của câu chuyện ăn khớp, kêu vù êm trong đêm tối. Ngay cả những ước mơ thầm kín, những câu chuyện ngang trái, cất dấu trong lòng từ bao nhiêu năm, hay những quan niệm về đời sống, họ đều có thể chia sẻ hay trang trải cho nhau.

"Tôi nghĩ trong tình vợ chồng không thể thiếu tình bè bạn ..."

"Vâng, và cũng không thể thiếu sự kính trọng lẫn nhau."

Chính vì vậy, họ có dịp cùng nhau lên núi đêm nay.

Xe lên đến đỉnh núi, người đàn bà đề nghị ra ngoài đi bộ cho thoáng. Gió thổi lạnh, hai vai họ chạm khẽ vào nhau. Như kinh sợ, họ đi lùi ra xa.

"A, đêm nay được lên núi ngắm sao!" Người đàn bà nói, người đàn ông suy nghĩ. Ở tuổi họ, họ cần có bạn đồng hành để tâm sự, để chia sẻ nỗi niềm; những thèm muốn xác thịt không còn là điều quan trọng nữa. Dù sao, người đàn ông vẫn cứ thắc mắc.

Hồi còn đi học, có lần ông rủ cô bạn học Suzanne đi xem chiếu bóng. Xem chiếu bóng xong hãy còn sớm, hai người bàn tính làm gì tiếp. Suzanne nói,

"Mình có thể ra *park*, ngắm trăng - We can go to the park to look at the moon."

"Nhưng đêm nay không có trăng."

Suzanne không nói gì, cười, kéo ông ra park. Hồi đó tiếng Anh của ông còn yếu lắm, đêm về ông kể cho bạn cùng buồng nghe; nó ôm bụng cười rồi mắng ông,

"Cái thằng Việt Nam ba lần ngu xuẩn! Đi ngắm trăng có nghĩa là đi ôm nhau hôn hít - You Vietnamese triple idiot! To look at the moon means to go kissing, necking ..."

Ông học bài học từ đó, không để bạn bè lăng mạ dân tộc Việt nữa. Cũng có lần hiểu nhầm, dân tộc Việt bị một cái tát. Nhưng thôi, chuyện qua đã quá lâu rồi. Trở về thực tại, người đàn bà đã ở đây mười mấy năm, chắc chắn là bà thông hiểu tiếng Anh. Mỗi lần gọi điện thoại cho bà, ở đầu ống nói đằng kia bà trả lời thánh thót, "Hel-lo!" với âm "lo" *crescendo* - ngân dài, lớn dần, lên cao, không khác gì Suzanne vậy. Ông quyết định là bà bạn biết phân biệt rõ ràng nghĩa của hai chữ trăng và sao. Vả lại, mặc dù ánh đèn điện có sáng, đêm nay quả thật có sao! Bà không có ý định ngắm trăng.

Đôi lúc họ kể cho nhau nghe một chuyện vui. Như khi bàn đến tuổi già, người đàn ông hỏi bà đã đọc truyện Tắt Đèn của cụ Ngô Tất Tố chưa. Ông thật tình chẳng còn nhớ truyện đó như thế nào ngoài cảnh cụ Cố tám chục tuổi, mò xuống bếp kiếm chị người làm mới đến làm. Chị người làm nghe tiếng lục đục, hốt hoảng thức dậy thấy cụ Cố, cụ nói "Tào, tào đây ..." Người đàn bà cười như cô gái mười tám đi với bạn trai lần đầu.

Cứ như vậy, họ bước đi trong sương núi, trong gió núi, có đôi khi vai họ chạm nhau, họ lại run rẩy lùi xa. Họ hít thở không khí tự do của núi, nói chuyện một cách thân ái qua cái lồng kính cá nhân, ngắm sao. Một lúc nào đó, người đàn bà đọc thơ của Vũ Hoàng Chương:

Một ánh dao bay, ngàn thuở đẹp
Dù sai hay đúng cũng là dư...

Người đàn ông muốn thò tay qua cái lồng kính để nắm chặt lấy *đôi vai lụa mát*, ông nhìn sâu vào mắt người đàn bà, nghe bà nói tiếp, "Tiếc quá, đêm nay sao rất đẹp mà đèn điện sáng quá!" Ông nói,

"Tưởng tượng nếu mình gặp nhau cách đây ba mươi năm thì thế nào nhỉ?"

"Không được, ông ạ ..."

Người đàn bà nghĩ, có lẽ cười thầm người đàn ông già rồi mà còn lãng mạn, viển vông. Cách đây ba mươi năm bà đang đi tìm cuốn băng nhạc bà rất yêu thích, vừa mua, mà người chồng đã lấy đem đi cho tình nhân; đó là lần đối chất đầu tiên. Sẽ còn hai lần đối chất nữa và bà sắp phải khốn đốn đi dạy học để nuôi con. Phải chi ông nói bốn mươi năm...

"A... về... Mà... rí... à..."

Ave Maria, tiếng hát vẳng đến từ xa, có nhà ai trên núi nhỉ? Có một thời ông đọc "Kính mừng Maria đầy ơn phúc ..." như vẹt để chuộc tội nhưng ngày hôm sau, chứng nào tật ấy, lại kéo tóc con bé ngồi bàn học trước mặt. Những ngày ấy, Maria là một công cụ cứu rỗi, ít nhất trong giây lát; giữa hai trọng tội, tâm hồn ông trong sáng, lương tâm ông nhẹ nhõm, thảnh thơi. Đêm nay, Maria có vấn đề. Đêm nay, Maria chẳng cứu được ai. Những linh hồn u tối, khốn khổ này sẽ vẫn còn phải ăn, phải thở trong những lồng kính của riêng họ. Maria không thể đập vỡ những lồng kính này mà không làm hư hại những lồng kính khác, những thế giới khác. Qua những nốt nhạc của

Bach-Gounod, Maria là tiếng thở dài não nuột. Mắt Bà bi thương bất lực, Maria đang van nài, nức nở, thổn thức.

"Không được, ông ạ... Cách đây ba mươi năm chúng ta không phải là những người ngồi đây đêm nay. Nếu chúng ta gặp nhau cách đây ba mươi năm tôi sợ rằng người ngồi cạnh ông đêm nay sẽ không phải là tôi mất!"

Một người gác đến nói xin lỗi, phải đóng cổng. Người đàn ông mím môi, cẩn thận lái xe xuống núi. Trước cửa nhà, người đàn ông bất chợt nắm tay người đàn bà. Họ nắm chặt tay nhau, cùng cảm thấy cơn gió khuya bớt lạnh. Những bấu vai, những vật lộn nhiều khi đến độ khuỷu tay sứt da, rớm máu, những mơn trớn nhẹ nhàng êm dịu của ngày xa xưa, họ sẽ tìm thấy lại trong những phút ngồi im lặng nắm tay nhau.

"Ông nên bớt uống cà phê và uống nhiều *juice* hơn, bàn tay ông khô quá!"

Bàn tay xương xương của người đàn bà cũng không biết nói dối, người đàn ông dịu dàng nói,

"Bà cũng cần phải uống nhiều *juice* hơn."

*

Một hôm đã quá nửa đêm, chuông điện thoại của người đàn bà reo,

"Hel-lo!... Sao ông gọi khuya thế?"

"Xin lỗi, không khuya cho tôi, tôi vừa ăn trưa xong. Tôi đang nói chuyện với bà từ phía bên kia thế giới. Ấy chết, tôi muốn nói từ phía bên kia trái đất."

Họ kể cho nhau nghe những chuyện của tuần vừa qua. Người đàn ông vừa ký hợp đồng năm năm đến làm việc ở đây. Ông phải đi rất vội.

"Hết hợp đồng tôi về, tôi sợ lúc ấy tôi sẽ nói *Tào, tào đây*... mất." Người đàn ông nói đùa, "Hiền ơi, khi tôi về, mình sẽ lại lên núi ngắm sao nữa, nhá!"

Hay ngắm trăng! Người đàn ông gọi người đàn bà là Hiền, tên con gái của bà. Người đàn bà cười to, tiếng cười đẫm nước, như thể ở phía trời bên ấy bà đang đứng dưới cơn mưa lớn, khiến người đàn ông ngờ ngợ đoán ra những giòng nước mắt chảy lặng lẽ trên khuôn mặt người đàn-bà.●

Aylmer 19-07-2001

Sau khi nhà báo Lê Đình Điểu qua đời năm 1999, những gì ông để lại đã được tái hiện trong cuốn sách:

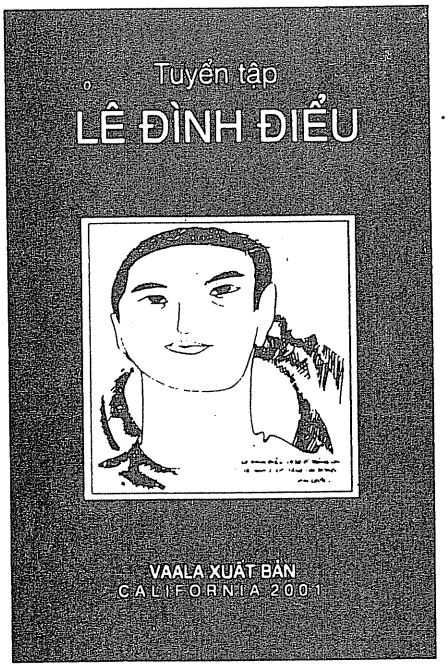

Gồm:

* Những bài viết có giá trị lâu dài của người quá cố được tuyển chọn kỹ lưỡng
* Gần toàn bộ thi phẩm của Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu khi làm thơ)
* Các bài viết bộc lộ tình cảm của bạn bè: Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy...

* *Trình bày bìa:* Trịnh Cung. *Tranh:* Mai Chửng

Sách dày khoảng 400 trang, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) xuất bản, sẽ phát hành vào cuối năm 2001.

Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.

Liên lạc: cô **Phan Mỹ Sương,** điện thoại **(714) 537-7686**

IT'S NOT SO BAD

NGUYỄN VĂN THÀ

Rằng xưa có gã từ quan,
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say.

Xuân đã về rồi. Cuối tháng Tư chứ đâu có ít, ấy vậy mà Ông Xanh vừa mới gieo đôi vạt nắng vàng được mấy bữa, sáng nay lại thậm thụt rút lại; trời lại đổ tuyết. Tuyết dày nữa mới chết người! Tiếng chim hí hửng kêu xuân sang giờ ngưng bặt. Chắc chắn có con chết bờ chết bụi. Mấy luống hoa ông từ của xóm trồng mấy bữa chắc giờ cũng tiêu tùng. Cũng vì thấy ông ấy bắt đầu trồng hoa, thằng nhỏ út cứ gọi điện thoại bảo Vĩnh về trồng cây cà chua như Vĩnh đã hứa, vì năm ngoái trồng mấy cây, lại trồng ngay gần nhà, vướng bóng râm, đã thế, cuối hạ mới mua cây trồng, sang thu trời lạnh, nên cây cứ èo uột chẳng được trái nào, mất công thằng nhỏ lui cui tưới nước cả tháng (dù trời mới mưa xong); nó khóc; Vĩnh phải dỗ với nó là sang năm, đầu xuân, khi bác từ bắt đầu trồng hoa ra các luống hoa dọc xóm, Vĩnh sẽ trồng cà chua cho nó, ra hẳn giữa vườn rộ nắng, và trồng sớm, để cà còn kịp chín.

Vĩnh nghe nó hối mà thương; xin nghỉ mấy ngày, lặn lội cả năm trăm cây số về trồng cho nó vui lòng, thế mà trời lại đổ tuyết. Dám cả tuần trời mới ấm lại đủ để trồng cà. Vừa chui ra khỏi lều, những cụm tuyết trên cành rơi ngay trên đầu Vĩnh. Khó chịu. Tính ngủ thêm chút đỉnh nữa, nhưng vì đến cữ tháo dạ. Vĩnh lại rất trân trọng cái không khí trong lều. Chính cái lều và vạt rừng trên ngọn đồi thơ mộng này đã giữ chàng lại bên bờ vực tử sinh, sau cái vụ ly dị dị hợm. Phải xa mấy thằng nhóc. Phải về thăm, phải về với con, một tháng một lần; nếu không, lại trăn trở, điên đi được. Và phải ngủ lều. Các người quen biết thấy thế thì thương; nhưng ngủ lều, dù là vào những ngày đông phương Bắc, không kinh khủng như các bạn ấy tưởng; vả lại, anh không thích nhọc lòng khi phải sống chung đụng. Nhà mình là lâu đài của mình, nhưng cũng là nơi người ta xả đủ thứ; khi không đưa mình làm cái nút bần chặn cổ chai là chuyện chẳng nên, vì lòng tốt là chuyện tình cờ, và tính ác mới là thường hằng (kể cả khi người ta làm chuyện nhân đức) - ở quê nhà nghèo khổ cho đến xứ người giàu có; và tính ác thì ở khắp mọi nơi, thông biết mọi sự, hằng xem thấy, hằng nghe lời nhỏ to từ ngỏ ngách hố thẳm đổ về. Ác thường mặc áo đẹp và nó có một tương lai bền vững hơn sự thiện. Một ngày nào đó ác ta sẽ nuốt chửng sự thiện và cái xã hội tự cho là văn minh này sẽ thấm nhuần sự ác tự nhiên ngon lành như ân sủng từ Trời. Tắt một lời: Con người đời nay có khuynh hướng sống rất thoải mái với sự ác. Cho nên, Vĩnh nghĩ, cứ thong dong một cõi; vả lại *it's not so bad, Daddy,* cái thằng nhóc dân Na Uy da vàng mũi tẹt đã phán như thế khi được phép mẹ cho ngủ lều với ba Vĩnh một đêm. Vì chính mới đêm qua đây thôi, khi trời còn khá ấm, chú nằm trong túi ngủ nghe Pappa kể chuyện anh chàng Tiết Liêu với chiếc bánh tét bánh chưng dựng nước, chuyện Trạng Ăn, Trạng Học. *It's not so bad, Pappa... It's not so bad, Daddy...* Và cuối cùng cũng tới phiên cái ông tiên Bánh Chưng tới "tiếp chuyện bạn nghe đài" tí hon thay Vĩnh, như ông đã từng làm từ hồi Tiết Liêu cho tới An Tâm, thằng nhóc út của anh. Thế rồi một tiên ông khác qua chương trình phát thanh đêm khuya lại bắt đầu thủ thỉ kể lại cho baby Vĩnh nghe những làn hương đi qua trong đời ông: hương hoa bờ dậu; ông tẩn mẩn vẽ lại những làn hương khác nhau của từng loài hoa dậu, và chính mỗi loài hoa dậu đó lại có những mùi hương không giống nhau theo sáng trưa chiều, có trăng hay tối trời, và tùy người cùng với mình lúc đó là ai... và: Đố ai định nghĩa được làn hương, ông kết luận; kết mà chẳng kết, mà vơ vẩn lê thê hằng cữu. Tiếng ông thì thầm như nến nhỏ nhỏ tim. Và đôi đêm cũng có những tiếng động khẽ lúc thì của những con nhím tò mò, lúc thì của những con cáo chẳng còn e dè tinh ranh như trong

những chuyện ngụ ngôn, ở cái vùng đất thanh bình này. Có cả tiếng những gót ngọc nhẹ lay giấc hoè của nường nõn nà nào đó, qua lều. Có lẽ các nường đi chơi khuya về; cũng có thể lên đồi hóng gió đêm xuân. Nằm lều là nằm mộng. Xuân hạ thu đông mộng mị trong lều cứ thế thay áo màu. Ví dụ đông vừa qua, vào tiết đông chí Giêng Hai, trời lạnh hết biết. Nhiệt kế có khi xuống tới 15 độ âm C, lạnh quá, dù có choàng lên hai ba lớp túi ngủ, những ngày như thế không tài gì ngủ được, nói chi đến chuyện mộng mị, nhưng khi trời dịu lại cỡ 10 độ trừ trở xuống, nhất là những đêm tuyết bột rải thanh bình xuống cõi thế, và cái cõi thế trong lều nhỏ Vĩnh chỉ cần một ly trà sen bốc khói phương Nam, một đĩa nến con và một cuốn băng thơ bướm và cứ thế liu riu hồ điệp. *Rằng xưa có gã từ quan ôm trăng đánh giấc bên đồi dạ lan,* tiếng thơ vang vọng đất trời của một gã thi nhân lận đận trời Nam. Nhưng rồi dù có ấm áp thơ mộng thế nào đi nữa mà cứ ở trong lều mãi rồi cũng lạnh,

cũng chán; sáng ấy, sau khi làm công việc vệ sinh, anh loanh quanh trên đồi một lát, và tính xuống thư viện mượn sách và tránh lạnh luôn thể.

"Chào ông, ông là ba của cháu An Tâm có phải không ạ?" - Một cô gái ngồi bên tảng đá vệ đường môn, chào và đưa tay cho Vĩnh bắt.

Vĩnh hơi ngạc nhiên:

"Vâng..."

"Tên tôi là Valerina, cô giáo phụ trách nhóm Cái chuông có cháu An Tâm của ông. Hôm qua cháu khoe là ba cháu mới từ xa về trồng cho cháu ba cây cà chua. Cây nó đứng giữa, hai bên là cây ba cây mẹ. Cháu còn khoe ba cháu là gấu tuyết vì ba có thể ngủ ngoài trời tuyết."

Vĩnh bắt chước thằng An Tâm:

"It' s not so bad" - và mỉm cười.

Cô cũng mỉm cười:

"Ông cần tôi giúp gì, ông cứ bảo."

Vĩnh đã đọc được đâu đó: Người cho cũng vui khi cho, hay nói cách khác, khi người ta tình nguyện giúp đỡ mà mình không nhận thì họ cũng buồn lắm. Làm buồn lòng một người đẹp và có lòng lành như thế thì ông Trời kia ắt sẽ chẳng dung cái tội tày đình đó.

"Để xem..." - Vĩnh đảo nhìn cô - "Cô đang đọc cuốn gì đó cho tôi mượn đọc đỡ, khỏi mất công xuống thư viện."

"Ồ, được chứ. Đây là cuốn thơ của Pueblo Neruda... nguyên văn Tây Ban Nha... Không biết ông có đọc được không..."

"Cô cho tôi mượn xem thử."

Cô đưa cho Vĩnh cuốn thơ kiểu bỏ túi. Và Vĩnh buông một câu hỏi rất màu mè của những chàng râu kẽm Tây Ban Nha sắp sửa trổ mòi:

"Vậy thưa quý nương, quý nương từ phương trời nào đến cái xứ đất lạnh tình... lạnh này." (Trong tiểu thuyết hiệp khách diễm tình Y -pha-nho lủ khủ những câu đại loại như thế.)

Signorita đưa chiếc quạt lông đà điểu vô hình lên cười hinh hích:

"Tôi từ những cánh đồng cỏ *pampas* bát ngát tới đây. Còn Ngài..."

Và cả hai cùng cười.

Và cô nàng đi xuống chân đồi. Không biết khói băng tan che mất hay sao mà, cô chỉ mới đi mấy bước, chẳng còn thấy dóng dáng đâu nữa.

Vĩnh chẳng cần xuống thư viện; Vĩnh đã có một chút hương từ trang giấy cũ, đã có thơ đẫm hơi nóng nhiệt đới châu Mỹ La tinh, dồn dập mặt trời, ớt và những môi đỏ đêm sao cho những đêm lữ thứ: *Puedo escribir los versos más triste esta noche. Escrbir, por ejemplo: "La noche esta estrellada, y tristan, azules, los astros, a lo lejos."...*

Tôi có thể viết những vần thơ buồn bã nhất đêm nay.

Ví dụ, viết: "Đêm nay trời đầy sao, và buồn, và biếc xanh những vì sao xa xăm."

Gió đêm vần vũ trong trời và gió hát.

Tôi có thể viết những vần thơ buồn bã nhất đêm nay.

Tôi đã yêu nàng, và đôi khi nàng cũng yêu tôi.

Trong những đêm như đêm nay tôi ôm nàng trong tay!

Và hôn nàng biết bao lần dưới trời mênh mông!

Nàng đã yêu tôi, và đôi khi tôi cũng yêu nàng!

Sao mà không yêu cho được đôi mắt to tĩnh lặng ấy.

Tôi có thể viết những vần thơ buồn bã nhất trong đêm nay.

Cứ nghĩ rằng tôi không còn nàng.

Cứ nghĩ rằng tôi đã mất nàng.

Nghe đêm mênh mông, càng mênh mông hơn khi nàng không còn nữa.

Và câu thơ rơi xuống linh hồn như giọt sương xuống cỏ.

Có nghĩa chi khi tình tôi chẳng còn giữ được nàng.

Bầu trời thì đầy sao và nàng lại không còn bên cạnh.

Thế đấy!

Nơi xa xăm kia có ai đang hát.

Xa xăm.

Mất nàng, hồn sầu thảm.

Mất cụ dõi tìm nàng như thể để đưa về.

Tìm tôi tìm nàng, và nàng chẳng còn cận kề.

Đêm nay như đêm xưa đang tô trắng cũng những cây ấy.

Cây của chúng ta, vâng cây của chúng ta, không còn như xưa nữa.

Giờ tôi không còn yêu nàng nữa; đúng thế! Nhưng tôi đã từng yêu nàng biết bao!

Tiếng tôi đã nương cánh gió chạm đến tai nàng.

Thuộc về ai khác.

Nàng sẽ thuộc về ai khác.

Như ngày xưa nàng là của nụ hôn tôi.

Tiếng nàng, thân thể nàng trong suốt.

Mất nàng mênh mang.

Giờ thì tôi không còn yêu nàng nữa; đúng thế, nhưng biết đâu chừng tôi cũng lại đang yêu.

Tình càng ngắn, quên càng dài,

Vì trong những đêm như đêm nay, mất nàng, hồn sầu thảm.

Tôi ôm nàng trong tay.

Dẫu rằng đây có lẽ là nỗi đớn đau tận cùng nàng đã gây cho tôi, và có lẽ đây là những câu thơ cuối tôi viết cho nàng.

Mới qua Na uy chân ướt chân ráo được mấy hôm đã đến ngày lễ Quốc khánh, nhằm giữa trung tuần tháng Năm nên trời thường đẹp. Những ngày khởi đầu cho một mùa vui nhiều nắng, tuy so với nắng ở Việt Nam, nắng nôi ở đây thường èo uột chẳng ra làm sao cả. Ngày này được kể là ngày hội trẻ thơ, vì, thay vì bao hùng binh mặt sắt tiến lên cùng với chiến xa, súng ống, hỏa tiễn tân tiến nhất (giết người nhiều nhất) diễn qua khán đài với rặt những hình nhân thân gấu - độc đưa tay huơ qua huơ lại, thì ở đây, trẻ con, học sinh, cùng với đội kèn nhạc của trường được dẫn đầu với cô gái trẻ đùi cao, ngực căng trong bộ đồng phục bó sát, cũn cỡn, đội nón cao gắn lông đà điểu, múa phương trượng vàng hoặc bạc, diễn hành qua con phố chính dẫn tới hoàng cung; vua và hoàng hậu, công chúa cùng thái tử đứng trên ban công cung điện hoàng gia nhìn xuống thần dân tí hon, vẫy tay và dĩ nhiên là mỉm cười. Các bậc phụ mẫu cũng trẻ lại theo mùa mới, theo những tiếng cười còn tinh khôi của hàng vạn hình thể thanh xuân, theo mùa xuân của cuộc đời mà họ biết chắc chắn sẽ còn dài, trong một nước của những "đỉnh cao trí tuệ" thứ thiệt. Thằng con đầu Vĩnh lúc đó mới hai tuổi vừa mới trốn từ một đất nước "đỉnh cao trí tuệ," dĩ nhiên là thứ giả, sang mới được mấy bữa; lễ hội như thế là thích rồi.

"Ba, con buồn đái!"

"Chết cha, giữa cái phố chính này làm gì có *toa lét*! Hay là dẫn thằng nhỏ lại bụi hoa hồng rậm rì đằng góc công viên trước hoàng cung cho nó tè?" - Vĩnh vừa tính kế vừa nhìn quanh xem có nhân viên cảnh sát nào chăng vì trước khi qua Na Uy, có thằng bạn viết thư cho biết là ở đây ai đái bậy sẽ bị phạt 2000 đồng Na uy (hơn 200 đô Mỹ), bằng mười tạ gạo ở quê nhà chớ đâu có ít! Mà những ngày hội lớn như thế này thì thiếu gì nhân viên công lực. Nhưng:

"Ba con buồn đái quá, *toa lét* ở đâu ba?"

"Thôi, thì liều vậy!" - Vĩnh nghĩ bụng.

"Hura! Hura!" "Thùm... tù rùm... thùm, thùm! " "Hura! Hura!"

"Con xong rồi ba!"

Nhưng trời đất, có ai nói tiếng Tây tiếng U sau lưng! Có vẻ nghiêm, nhưng là tiếng đàn bà; Vĩnh hiểu lờ mờ là có chuyện chẳng lành. Anh quay lại, trợn mắt: Cảnh sát, nhưng - cũng đỡ - một nữ cảnh sát mặt hoa da phấn!

"You speak English?"

Nhưng cái bộ óc lém lĩnh của cái dân Giao chỉ trong Vĩnh khởi động ngay với tốc độ còn nhanh hơn bất cứ máy điện toán nào.

"Un poco... pero puedo hablar espanol más bien! (Chỉ chút đỉnh... nhưng tôi nói tiếng Y-pha-nho khá hơn.)

Vĩnh lém lĩnh trả lời bằng tiếng Tây Ban Nha lớ quớ, vì qua cái lối phát âm tiếng Anh của cô, Vĩnh đoán cô là người thuộc giống dân nói tiếng Tây Ban Nha, có lẽ là dân tị nạn Chi Lê, vì cô có làm da trắng và mịn chứ không hồng nhuận, nhiều lông măng như đàn bà Na Uy, và nhất là đôi mắt to tròn thăm thẳm đêm tinh tú, mái tóc đen, cùng cái lối phát âm xốc tới của tiếng Y-pha-nho khi nói tiếng Anh, thì khó mà lầm vào đâu được. Và thực ra Vĩnh chỉ nói lóm bóm chứ làm gì mà más bien, nhưng anh biết các cụ xưa đã từng dạy là trong tứ khoái có cái khoái (thứ mấy Vĩnh cũng quên tuốt) là "tha hương ngộ cố tri." Dĩ nhiên Vĩnh chẳng phải là cố tri của cô cảnh sát mà Vĩnh đoán là dân Chi Lê đó, nhưng ở xứ người mà được nghe một người da vàng châu Á xa lắc nói được tiếng nước mình, bảo đảm cô ta sướng hết biết! Thiệt là đoán không sai, vì Vĩnh thấy cô đã lôi ra tập giấy phạt màu hồng hứa hẹn, thế mà lại bắt đầu trù trừ chưa muốn tiến thêm bước nữa, ví dụ, *"May I see your ID - card?"* rồi bắt đầu ghi vào đó cái con

số kinh khủng đã được các vị bề trên định liệu hầu làm tởn các công dân Na Uy giàu có, nói chi với một kẻ tị nạn An Nam khố rách áo ôm như Vĩnh lúc đó, thì còn đáng nhợn tới trăm ngàn lần. Thấy cô ta xuống cơ, được đà Vĩnh bồi ngay:

"Ngây thơ làm nên suối nhỏ." (*Innocencia créa arroyo pegno.*)

"Chà, thơ của ai vậy!?"

Đúng y chang: Cô cảnh sát bắt đầu nói tiếng Tây Ban Nha. Chẳng cần biết cô nhỏ đến từ nước nào trong những nước nói tiếng Tây Ban Nha; chỉ biết nàng đã lớn lên, đã nói, đã hát, đã ngâm thơ cái ngôn ngữ hừng hực ấy là thấy ngon cơm rồi; Vĩnh bèn bông lơn:

"Trang Qwịng."

"Quién es?" (Ai vậy?)

"Uno amigo de Don Pablo Neruda." (Một người bạn của ngài P. N.)

Rõ ràng là Vĩnh bịa và cô nàng mắc câu thấy rõ khi nghe Vĩnh nhắc tới tên nhà thơ tình nồng nàn nhất trong các nhà thơ của dân nói tiếng Tây Ban Nha và có lẽ của cả thế giới. Cô gái nói tiếng Y -pha-nho nào mà chẳng chép thơ của ông và ôm vào lòng hằng đêm để nghe những ngọn lửa âm ỉ những cơn địa chấn ngọt ngào. Cô nường cảnh sát xuội lơ ngay, còn bày đặt cự nự:

"Suối nhỏ hay suối lớn gì cũng vậy, lần sau có muốn nhận chìm cái thơ ngây thì kiếm chỗ khác."

Bạn đọc thấy chưa, con nhỏ cũng trạng đâu có thua Vĩnh, kẻ đại diện cho con cháu của Trạng Quỳnh vào lúc ấy! Và cô nhét cuốn sổ phạt vào túi áo.

"Ông Vĩnh ơi, thằng nhỏ đái xong chưa, lại mà coi, mau!" - Vợ Vĩnh hét, như kêu Vĩnh về ăn cơm, những bận anh mãi mê chơi cờ tướng nhà hàng xóm ở Việt nam.

Cô nhỏ liếc sắc như lưỡi gươm của những *conquistador.*

Và bỏ đi.

Vào đám đông.

*

Anh Ole Pertersen là hàng xóm của Vĩnh. Anh là một người viết và hát du ca khá nổi tiếng của Na Uy. Đôi khi báo chí còn gọi anh là người-sửa-lưng-xã-hội (samfunnsrefser).

"Mẹ mấy cái thằng nhà báo có cái tật hay bịa chữ kiếm tiền. Xã hội này người ta bắt đầu chai cứng, cần có những cái giật gân. Làm cho người ta giật gân ấy là hốt tiền. Tớ chẳng muốn sữa chữa ai hết. Hàm râu tớ, cậu xem, tớ cạo còn chưa xong mà đám đi dạy dỗ ai! Chuyện xảy ra trong cuộc đời cũng như đoá hoa nở trong đồng nội; gợi hứng thì viết chớ có nhằm mục đích con mẹ gì đâu! - Anh nói với Vĩnh như thế trong một buổi trưa phơi nắng nói chuyện linh tinh trong khuôn viên chung cư, trong lúc mọi thứ nhạc từ nhạc Iran, Irắc, nhạc Phi châu, cho tới cải lương, vọng cổ phát ra từ các cửa sổ - Cả cái chuyện tớ ở cái khu phố đầy dân da màu ở vùng Đông này, người ta cứ gán cho tớ là con người có tinh thần dấn thân; có kẻ còn lôi các triết gia đâu tận bên Pháp, các thần học gia giải phóng mãi bên châu Mỹ La tinh gán cho tớ. Mẹ, tớ cũng chán cái dân đen đỏ nầy chết cha đi, cũng như tớ chán cái dân da trắng vậy. Con người là sinh vật đáng chán. Chỉ là một tuồng dối trá! Ví dụ, cậu cũng biết hôm nay là ngày ba mươi tháng tư, ngày sinh của hàng triệu người trên trái đất này nhưng cũng là ngày sinh nhật của bà hoàng Beatrix của Hoà Lan. Toà đại sứ Hoà Lan mời tớ qua đánh đờn hát cho họ nghe mấy bản nhạc tớ viết về Van Gohg. Viết về Van Gohg thì không thể vui được. Vậy mà vào dịp vui như thế họ vẫn thích tớ hát. Họ chỉ muốn đưa Van Gohg ra như một thủ thuật quảng cáo cho những món hàng *Made in Holland* của họ. Và hồi sáng, khi đi qua tòa nhà quốc hội tớ cũng thấy mấy người Việt Nam đang biểu tình. Họ tính bán món hàng gì đây? Chắc chẳng có gì mà bán, nhưng mấy ông chủ bên Việt Nam tớ thấy tới lúc này vẫn còn mượn cái xác của Ho Shi Ming đưa ra mà bán đỡ. Cái xác ấy tớ nghĩ đã bốc mùi lâu lắm rồi, từ sau những ngày loại đầu ướp xác mệnh danh là xã hội chủ nghĩa không còn nữa. Thối thì thối nhưng còn bán được thì cứ bán. Ai dại mà mua đồ thiu thối thì rán mà chịu. Không phải vậy sao?"

Anh thích làm quen với Vĩnh vì Vĩnh là người Việt Nam, thích đặt vấn đề, đặc biệt thích tìm hiểu Việt Nam, hay nói đúng hơn, cuộc chiến Việt Nam. Anh nói hồi đó anh thấy có những cái anh chỉ đoán lờ mờ, không dám chắc. Các bạn của anh đã rất lấy làm lạ là một "lương tâm thời đại" như thế mà tại sao lại không thấy có bài nào phản chiến cả. "Tớ còn ngờ thì tớ không thể viết được. Trong chiến tranh thì chẳng có ma nào nhân đạo trăm phần trăm cả, thế mà mấy chả cứ hô hoán tố cáo độc chiêu, làm như phe kia là những ông thánh tử đạo, thế thì đáng ngờ lắm. Tớ nhớ là thằng cha nào đó bên Liên Xô nói văn nghệ là những quả bom nguyên tử. Tớ không thể giỡn

với cái loại vũ khí đó ở trong một cảnh vực thông tin đánh lận như thế." Vĩnh lắng nghe và thỉnh thoảng chen vào đôi câu, xem ra có vẻ ý vị hay sao đó, mà thấy anh sau đó thích rủ Vĩnh nói chuyện, rồi sau đó nữa, không biết sao, dần dần anh đưa những lời nhạc của anh viết cho Vĩnh xem; Vĩnh có góp ý sửa mấy nơi; trúng chỗ ngứa anh khoái quá sức. Có bữa anh còn khoe là có những *fan* của anh đã hỏi sao anh dùng chữ nọ chữ kia đắt quá vậy, (những chữ Vĩnh góp ý, hay nói đúng ra cụ Đông Hồ giáng bút cho Vĩnh). Vĩnh chỉ cười trả lời cho có: "Thì biết đâu mấy *fan* đó *kiếp trước* là người Việt Nam."

*

Vĩnh vừa tới quần đảo Chiloé (tiếng thổ dân có nghĩa là đảo Chim biển), thuộc Chi Lê, nằm trong biển Thái Bình, mới được mấy bữa. Tại sao khi không chẳng đi đâu mà lại chui qua cái xứ Chi Lê xa lắc xa lơ, lại còn ra tận cái quần đảo thuồng luồng đó? Sao không về Việt Nam cho phẻ?

Vĩnh chẳng có tiền mà đi đâu cả, chẳng qua là vì cái chuyện *kiếp trước*. Anh Ole nói là nhân cái câu nói đùa về chuyện kiếp trước của Vĩnh, anh đâm ra nghĩ ngợi; và nhân tình cờ đọc một tài liệu trên Internet về quần đảo Chiloé, nơi có những thắng cảnh đẹp mê hồn, ngoài ra dân bản địa còn giữ những tập tục thời thái cổ mà anh nghĩ người Tây phương thuộc thế kỷ 21 nầy cần phục hồi, và còn có những hiện tượng tái sinh trên đảo (kiểu như chuyện "sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông" bên mình), anh bèn gạ với mấy ông giám đốc hãng đĩa chi cho anh một chuyến làm *research* cho những sáng tác mới của anh; biết đâu đĩa hát tới lại có cái tựa đề *Rebirth* đông cốt, mang sắc thái New Age, mà lớp trẻ đang chuộng. Anh còn bịa Vĩnh là một nhà thơ có cỡ ở Việt Nam, và kỳ kèo cho Vĩnh đi theo để làm *songwriter assistent* cho anh. Chủ hãng tin vào "lương tâm thời đại" Ole Pertersen ngay. "Mẹ, lâu lâu cũng phải bốc một cú cho cuộc đời thêm gay cấn, phải không ông bạn Vĩnh?"

Hôm Ole và Vĩnh đến Chiloé, trời đã chạng vạng. Trời xanh vẫn còn chưa chịu nhường cho bóng tối. Ngọn Orsono với đỉnh tuyết trắng vẫn còn uy nghi trong màu áo xanh uy nghiêm nơi xa xăm kia; oai thế kia, cho nên bóng tối kèn cựa với núi mãi mà vẫn chẳng tối cho được; chỉ lan man mờ ảo. Tiếng hải âu nghe mỏng manh. Vài chiếc xe bò thong thả đi trên đường mang theo mùi biển lớn. Bò yên lặng và người cũng yên lặng. Hình như bản thể của mọi vẻ đẹp là sự tĩnh lặng. Vĩnh cứ đứng trơ ngó. Ole cũng ngó. Hai người như hụt hẫng giữa vô cùng trời đất thứ thiệt.

"Này Ole, cái làng y chang như quê nhà tôi, lại còn có cả xe bò, và kìa, anh xem: Thằng nhỏ đang điu chiếc giỏ mây đầy sò kia giống y như thằng em tôi hồi xưa."

"Bây giờ nó ở đâu?"

"Nó chết trên biển Thái Bình đã lâu. Dễ chừng đã gần mười năm."

"Biết đâu thằng nhỏ kia lại chẳng là em cậu. Và biết đâu nó vừa dưới đáy biển chui lên gặp cậu. Chạy theo hỏi nó coi!"

"Thôi đi cha nội!"

"Thôi, cứ coi đây là một ca tiền kiếp hậu kiếp gì đó đầu tiên!"

Bóng thằng nhỏ chìm khuất trong bóng đêm giờ đã chiếm lĩnh được trần gian.

*

Ole thích cứ trầm trồ không ngớt trước cái khung cảnh đầy màu sắc mạnh, của ánh sáng, của bầu trời, mây và đất; mùi cỏ cây, mùi rong biển; và tiếng sóng cùng âm thanh của gió; còn Vĩnh, xúc động, nhưng anh không cảm thấy lạ lắm: Đây là khung cảnh của quê nhà anh. Anh

ĐYNH TRẦM CA

KHI VỀ THĂM CHÙA LONG TUYỀN HỘI AN

Khi về phố cổ
người đã đi xa
ta đành cúi lạy
những hình bóng ma

Khi về chùa cổ
hồi chuông ngân nga
ta gặp quỉ ma
quì lạy đức Phật.

đứng đó như tắm gội lại giòng suối cũ, như mặc lại chiếc áo cũ mẹ mua mà anh lâu nay bỏ quên đâu đó. Nhưng dẫu sao đi nữa đảo vẫn có cái linh thiêng của một cõi gần trời. (Biển ở đây cũng là trời.)

Ole chẳng có một chương trình *research* nào cụ thể. Anh ăn ngủ, tán dóc với mấy ông cụ, và các thôn nữ bằng thứ tiếng Tây Ban Nha ăn đong; (dân ở đây cũng chỉ biết đôi ba câu sơ sài, cũng chẳng gì hơn anh.)

Một buổi chiều, ngủ nghê đã đời, anh rủ Vĩnh:

"Nầy, cậu với tớ qua đảo St. Antonnio kiếm rượu uống chơi. Tớ có nghe mấy người ở đây nói sơ sơ về đảo ấy. Hôm qua khi cậu còn ngủ khì, tớ đã chạy xuồng qua đó thám thính. Cậu biết không, có một lão Mỹ già sống trong một cơ ngơi ở đó! Lão vốn là một họa sĩ trứ danh chuyên vẽ cảnh Chiloé, kiểu như Van Gohg hồi đó với những cảnh trí ở Arles vậy. Lão còn có cả một trang trại trồng loại nho *Lửa đỏ* nổi tiếng ở bển. Hồi ở Oslo tớ được uống ké ở toà đại sứ Chi Lê mấy lần loại rượu đó. Ngon không tưởng tượng được."

"Chà, thì ra anh đi tới đây là để đi kiếm rượu *Lửa đỏ* chứ chẳng nghiên cứu con mẹ gì!"

"Hà hà hà, đúng quá chơ còn gì nữa!... Thôi cha nội, đừng có làm ra vẻ con nhà cách mạng kiểu Mao ít, kì cục lắm! Mà này, tớ còn nghe nói ông xây nguyên một cái nhà nguyện gì mà dân da trắng người Đức từ Laguna Lanquehe vốn ngoan đạo tới đây ngoạn cảnh, ai vào một lần là tởn tới già. Cậu cũng biết là cái cộng đồng người Đức ở đó cứ vễnh râu hãnh diện về cái truyền thống *"Deuschland uber alle,"* từ món cải bắp chua dở ẹc cho đến cái nền nếp đạo nghĩa đượm màu trung cổ của họ. Và lúc nào họ cũng cho mình là giống dân được tuyển chọn; còn giống người khác chỉ là dân rác rến. Cứ thấy lối sinh hoạt quần tụ ở Laguna Lanquehe cũng đủ để minh họa cho cái tâm địa kẻ cả đó. Một học giả tăm tiếng Na uy, khi phân tích cái hoạ Nazi, đã viết: Chính vì Kinh thánh lúc nào cũng xưng tụng dân theo Giavê (còn thường gọi là Đức Chúa Trời) là dân tuyển chọn, và sau đó con của Giavê, là Giêsu, ông và các đồ đệ của ông lại cũng rao giảng là những người theo ông là những người thuộc vào giống dân ưu tuyển của Nước Trời. Chính điều này đã góp phần tạo nên cái tâm lý mạch ngầm cho mình là giống dân thượng đẳng nơi dân tộc Đức; và cái lão Hitler chỉ là người phát ngôn, là người biết cách móc cái lòng dạ ấy ra mà xử dụng. Ở Âu châu, không phải chỉ có một Hitler mà còn có khối thằng Hitler khác, chỉ dưới những cái tên khác mà thôi.

"Lại có chuyện như vậy nữa sao!?"

"Và cậu biết không người Đức ở Laguna Lanqueche đặt tên cho cái nhà nguyện của ông cụ hoạ sĩ là *Gotteslasterunghaus (Nhà phạm thượng)*? Mẹ, nội nghe cái tên thôi, mà tớ đã thấy cả album nhạc tranh nhau ra đời."

*

Vừa cho xuồng chạy, Vĩnh vừa nhìn những mảng núi phía sau trang trại và khu trang trại của ông lão. Càng gần càng thấy đẹp và thanh bình. Những mái ngói vết son giữa màu cỏ cây và bóng núi. Khi xuồng chạy vào gần hơn nữa, Vĩnh mới thấy hiện ra rõ nét dần những ngọn đồi cỏ biếc tiếp núi, thấp dần, nối nhau choài xuống sát bờ biển; trên ấy có những vệt màu đá xanh, xám lam nham, nhưng khi gần sát bờ, nhìn kỹ thì đó là những cột đá hình người cao thấp không đều nối nhau từ khoảng núi tiếp mây trở xuống, và có thể cả phía trên mây cũng có. Đây chẳng phải là những hòn đá vọng phu kiểu *"Vọng phu xứ Giang du du"* mà là những đám đá hình nhân có cái dáng hơi chúi như đang đi, đang chạy xuống với đất, với biển; chúng như đoàn người, sao đó, bị bốc lên trời, chịu không nổi, nên tị nạn cõi trời về vùng an ninh cõi thế. Không về sao được, khi dưới biển kia những chiếc thuyền câu bé tẻo teo nhấp nhô trên sóng bạc, những chị thợ lặn sò thân hình đen dòn, loang láng sự sống của mặt trời, của nước và của sức sống thân người; lại còn những đàn cá heo giỡn sóng, đùa với đám cá chuồn vảy bạc ròng. Mấy con chim bồ nông lầm lũi phóng mình xuống biển cạnh những giống vịt-săn-cá miệng kêu oang oác, làm như muốn khoe thành tích. Còn mấy con hải âu thì khỏi nói, bay từng đàn như đàn bướm lớn quá khổ, nhưng không được cái trầm lặng của bướm. Người, vật kiếm ăn vất vả mà vui. *There is no bad news in the island*, một tờ báo chuyên đề du lịch đã kết như thế trong một bài về Chiloé. Một nơi như thế có thể gọi là thiên đàng được chăng? Phải chăng những hình nhân bằng đá trên kia là những tù nhân trốn trại cải tạo Thiên đường, về quê Địa đàng đã dọn sẵn cho mình ở dưới ni?

Với tâm trạng nghi ngờ như thế, sau những thủ tục chào hỏi với ông cụ hoạ sĩ, Vĩnh hỏi đại xem ông có biết tiếng thổ dân gọi cái *Paradise* là gì; cụ ngạc nhiên nhìn Vĩnh, rồi cười ha hả:

"Tại sao chú mày lại hỏi như vậy?..."

"Dạ..."

"Thổ dân ở đây gọi Thiên đàng là *Koi-Chiloé*, có nghĩa là đảo Không-có-chim-biển."

Trời đất, đảo mà không có chim biển có nghĩa là biển ấy chẳng có cá mú gì, và không có tiếng hải âu thì buồn chết đi được, ai mà thèm ở!

Và đến lượt Vĩnh cười ha hả, còn sảng khoái hơn tiếng cười của Đào Tiềm cùng nhị vị tăng sĩ, thầy nho trên cầu đưa chân thuở xưa gộp lại.

Ông cụ hoạ sĩ hân hoan tiếp chuyện Ole và Vĩnh, nhất là khi hai người cho biết họ từ Na Uy tới, vì ông cho biết cha mẹ ông cũng là người Na Uy tị nạn kinh tế - ông nháy mắt với Vĩnh khi dùng từ này - đến định cư ở Seattle, Mỹ quốc, cả trăm năm trước. Khi biết Vĩnh muốn xem nhà nguyện của ông, ông bảo Vĩnh là người Việt Nam, vốn là một dân tộc có cái triết lý Yin Yang, hi vọng sẽ hiểu tranh hơn. Tôi quá chán lề thói suy nghĩ rạch ròi của người Tây phương, mà ngài Ole đây là đại biểu, ông cụ nói. Ole nghe thế, cười hề hề.

Trên cung thánh, Vĩnh thấy không có gì lạ: Cũng có ảnh Chúa Giêsu treo trên thập giá, một bàn thờ kiểu tây phương trung cổ, có thể thấy trong bất cứ nhà thờ xưa nào, một vài chân nến bảy ngọn kiểu Do thái giáo. Tất cả xem ra chỉ là những cổ vật, tuy nhiên vẫn làm cho phần cung thánh toát ra một cái gì đó thật trang nghiêm mộ địa. Phần từ cung thánh trở xuống lại khác hẳn: Dọc trên khoảng tường hai bên, nơi thường treo Mười Bốn Chặng Đường Thánh Giá, là mười bốn bức tranh to nhỏ không đều nhau vẽ theo bút pháp dân da đỏ trong vùng. Nhìn tới nhìn lui Vĩnh chẳng thấy đó là Mười Bốn Chặng Đường Thánh Giá đúng nghĩa; mà hình như tác giả, muốn kể truyện bằng tranh qua mười bốn bức tranh. Tranh thì khỏi nói rồi, vui mắt hết sức vì toàn màu nóng; và đường nét không làm người ta phải phiền mắt; người ta cảm thấy tranh là của mình; nó nằm đâu trong đầu và giờ đây hiện ra đó, trước mắt, như một nỗi hân hoan, giống khi ngoạp một miếng đu đủ vàng ươm, mát rượi người yêu bưng cho, hoặc như lúc đọc trúng một áng văn hợp lòng. Trong mười bốn bức, thấy Vĩnh có vẽ chú ý đến bức thứ nhất và bức thứ mười mười. Có lẽ hai bức này hợp với cái tạng của Vĩnh chăng? Bức thứ nhất, tương ứng với chặng thứ nhất "Quan Philatô luận giết Đức Chúa Giêsu" là hình một chú bé người da đỏ khoảng hai ba tuổi, còn bụ sữa, trong khi miệng đang ngoạm một miếng dưa hấu ruột đỏ chói, hai bàn tay tham lam của chú, một tay cầm trái bắp vàng bóng, tay kia đang bóp chặt củ khoai lang màu mỡ; đã thế ngay trước mặt, ai đó, chắc là má, xếp sẵn ra nào là xoài, dừa, và đu đủ; nhưng vẻ mặt, ánh mắt chú vừa sung sướng, lại vừa khó chịu vì có lẽ bà má hay ông ba gì đó lại đặt chú nhỏ ngồi trên hai thanh gỗ thô cứng ghép thành hình chữ thập. "Thằng nhỏ đau đít phải biết; rơm rạ thiếu gì sao không lót cho nó ngồi; không thì cho nó ngồi đại trên đất có hơn không? Ăn uống như thế thì mất ngon là cái chắc." - Vĩnh thắc mắc khơi khơi. Cái nét vẽ thiệt là thần kỳ. Mấy ai vẽ được cái nét dỡ khóc dỡ cười của một chú bé mới vào đời như thế được? Bức thứ mười, tương ứng với chặng thứ mười "Quân dữ đóng đanh Đức Chúa Giêsu vào cây thập giá", có bối cảnh là một bãi nhỏ chứa cây be ven rừng; gỗ be người ta đã chở đi đâu hết chỉ còn một đống khúc gỗ vuông, kiểu như loại gỗ thông cọc rào ướp dầu đen xỉn đã ngả màu sương gió (loại cọc hàng rào ở các căn cứ Mỹ ngày xưa ở Việt nam) nằm ở một góc, còn giữa mảnh sân đất cằn cỗi bạc màu là ba khúc gỗ cùng loại đâu vào với nhau,thẳng góc nhưng có chiều rời rã; và, thay vì là khúc gỗ thứ bốn khép lại với ba khúc kia để tạo thành một hình thập tự, lại là một thân hình cô gái nõn nường như các nường *Playboy girl of the Month*, mềm như một giải lụa, hiền và đẹp hơn bất cứ của lễ đầu mùa, hoặc lời kinh nào dưới vòm trời nầy, nằm tiếp cận thẳng góc với ba khúc gỗ già nua tội nghiệp.

Và cô nằm ôm lấy mặt đất.

Anh Ole bỏ đi ra ngoài lúc nào không hay, có lẽ để cho Vĩnh được một mình tâm tình với tranh.

Hoàng hôn về kề, ánh ngọn Osorno xanh xanh sừng sững ngay sau cửa kiếng như muốn gõ cửa ghé vào trú chân, hình như nó bắt đầu chán cái uy nghi mà lạnh lẽo ở ngoài cõi xa xăm ấy. Vĩnh mê đắm màu xanh chiều vắng. Và kìa: Thấp thoáng trong bóng chiều xanh cung thánh một thiếu nữ áo trắng không biết từ đâu lai hiện, thướt tha, vòng hoa trắng trên đầu thoang thoảng ngọc lan; và cô bắt đầu múa, thân xoay vòng, tay xoay chiếc lá *nalca* tròn và lớn như chiếc dù của những tiểu thư đài các Y pha nho những thời hoa gấm cũ. Cô nhỏ xoay quanh bàn thờ, và mỗi khi xoay đến gần Vĩnh, cô lại nhìn anh mỉm cười. Ôi, nụ cười Nam phương nào mà chẳng kèm theo vì sao giàu có hào quang! Không biết anh chàng Ole, dù bây giờ đang uống *Lửa đỏ* đi nữa, có sung sướng bằng Vĩnh lúc đó hay không.

Rồi cuối cùng cô xoay vòng sát Vĩnh, tình

tứ cười, tình tứ nhìn, và trao cho anh chiếc lá *nalca*, rồi nấc lên một tiếng; tiếng nghẹn uất, hay nhát màu tột đỉnh hoan lạc, ai nào biết, nhưng chỉ thấy Vĩnh rùng mình, cái rùng mình của một người nữ nhận món quà tình lai láng của người mình yêu. Không lạnh cả châu thân sao được khi cô gái nhỏ tan chảy, tan chảy và phủ lên người anh giòng nước long lanh như lớp men phúc lộc chỉ dành cho Vĩnh, tựa lớp men của người thợ gốm bậc thầy chỉ dành cho một tách trà, một viên ngói..., chỉ một mà thôi. Men và đồ sứ đã trở nên một.

Bên ngoài có tiếng ngựa hí khác thường.

*

Vĩnh lên gác nằm, nằm sấp, ngóng ra khung cửa nhìn trời đêm, và lòng cứ bức rứt khôn nguôi. Vĩnh tính vào phòng Ole kể cho anh chàng cái chuyện kỳ ngộ trong giáo đường, nhưng anh chàng vẫn còn ngủ, ngủ từ lúc xuống xuồng cho đến bây giờ. Thấy anh say Vĩnh không muốn kể. Phải chờ. Chờ tới nửa đêm, Vĩnh sốt ruột gõ đại cửa phòng anh, anh lầu bầu mở cửa cho Vĩnh vào, rồi đi tiểu, và lại vật mình tính ngủ tiếp, nhưng cũng cố lèm bèm:

"Có gì quan trọng không cha nội?"

"Cũng chẳng có gì quan trọng, nhưng tôi phải kể với anh, sợ đến sáng mai chuyện lại bay đi mất..."

Vĩnh kể và Ole thỉnh thoảng làu nhàu gì đó trong miệng; mãi khi Vĩnh kể xong, anh mới nhướng mắt lên, phán tỉnh queo:

"Con nhỏ từ trong tranh chui ra chứ đâu...

*

Khi lên máy bay ở Santiago, Ole lo lúi húi chăm chú chữa lại mấy bản nhạc sơ thảo, Vĩnh chúi mũi đọc một tờ báo Na Uy để sẵn ở mỗi ghế du khách, *slices of life*, những mảnh đời sống, ở Na Uy, một nơi chốn mà anh bắt đầu yêu mến như quê hương mình. Tin đảng Cấp tiến (kị người da màu), theo cuộc thăm dò mới nhất của MMI, đang chiếm tới 32% số cử tri. Chuyện vụ án con trai và con dâu giết cha mẹ và vợ chồng em gái có lẽ để chiếm gia sản. Và ở một góc ở trang 10, tin một cô gái người Pakistan vừa mới tốt nghiệp trường cao đẳng cảnh sát, chuyện lạ ở cái xứ Na Uy thuần chủng Arien này; tờ báo còn chua thêm là cô ta được bổ sung vào đoàn cảnh sát tuần tra bằng ngựa, và cô là người nữ cảnh sát đầu đen thứ hai được sung vào đội tuần tra này, sau một nữ cảnh sát *đầu đen* khác, "người con gái từ những cánh đồng *pampas*," thuộc đội kỵ binh thủ đô, đã bị ngựa dỡ chứng quật chết trong một cuộc tuần tra cách đây tám năm. Vĩnh đâm hoảng, lẩm bẩm:

"Cô cảnh sát bị té ngựa vật chết đó có phải là cô cảnh sát tha phạt cho mình dịp Quốc khánh năm nọ? Mà cái từ *pampas* vốn để chỉ những cánh đồng cỏ bạt ngàn chỉ có ở Á Căn Đình, chứ ở Chi Lê đâu có loại thảo nguyên loại đó? Và cô ta là người Chi Lê mà! Nhưng lấy cớ gì mà mình lại đinh ninh như thế? Có khá đông dân Chi lê đến Na uy tị nạn, nhưng cũng có các sắc dân nói tiếng Y-pha-nho khác đến nữa, không phải vậy sao? Chẳng lẽ lấy lý do cô cảnh sát ấy thích Don Neruda mà cho cô ta là người Chi Lê?... Và... còn tiếng ngựa hí khác thường ngoài nhà nguyện của ông cụ người Mỹ chiều nọ ngoài nhà nguyện có liên quan gì chăng? Ấy là chưa kể con nhỏ có lẽ cũng là dân Nam Mỹ cho mình mượn cuốn thơ, chìm đâu giữa sương khói, biệt tăm không trở lại?"

Rối bù.

Vĩnh bèn quay qua hỏi Ole. Anh cười, rồi tự nhiên giật mình như thể vừa mới được điểm huệ nhãn, và bắt đầu lên cơn:

"Rebirth...Rebirth... Hự! Hự! Hự!... Vĩnh thấy chưa, rõ ràng không mất toi tiền ông giám đốc hãng đĩa chi cho hai đứa mình. Tớ phải viết bài này với cung La trưởng mới đã! Và phải là Rock 'n' Roll!

Na uy, 6. 5. 00

Chú thích: (Theo thứ tự xuất hiện)

1. Rằng xưa... Thơ Phạm Thiên Thư.
2. Ở Na uy hiện nay các nhạc sĩ viết ca khúc hay xử dụng tiếng Anh để viết lời nhạc, nhất là các bài nhạc pop; và dân Na Uy cũng hay dùng tiếng Anh để nói chuyện với dân mới nhập cư. Con nít cũng hay nói tiếng Anh của phim hoạt họa. Về ảnh hưởng văn hoá: Sau văn hoá Mỹ, họ chuộng văn hoá Tây ban nha và châu Mỹ La tinh, hơn văn hóa Pháp.
3. Conquistador: nhà chinh phục, nhưng cũng thường cũng để chỉ những lính Tây ban nha đi xâm chiếm đất đai của người da đỏ châu Mỹ La tinh ngày xưa.
4. Signorita: Tiểu thư; cô.
5. Tôi có thể... dịch từ bài *Puedo escribir los vesos* của Pablo Neruda (1904 - 74), nhà thơ Chi lê, đoạt giải Nobel Văn chương năm 1971. Bài thơ này là một trong những bài thơ tình hay nhất của ông. Nguyễn Văn Thà dịch.
6. Deuschland...: "Đức quốc trên tất cả." Câu này là một câu trong quốc ca của Đức.
7. Vọng phu...: "Xứ ngóng chồng. Dằng dặc sông." Thơ của Vương Kiến đời Đường.

NGÀY VỀ

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

Hai bóng áo vàng không mang súng rẽ bụi xoan mới trồng tiến vào nhà thăm nuôi. Cả nhóm hơn mười người áo quần tề-chỉnh đang ngồi chuyện gẫu, nhìn thấy đứng lên. Nhưng không ai mở lời chào "cán-bộ" như mọi khi. Họ đã có tên trong danh-sách được tha trong tổng-số hơn trăm toàn trại Z.30D HT được tên trung-úy trại-trưởng long-trọng đọc và gửi lời chúc-tụng "Cách-Mạng khoan-hồng cho về sum-họp với gia-đình" sau buổi lao-động chiều qua. Vào trại thu gom đồ-đạc và chào bè-bạn, họ được tên vệ-binh không vũ-khí, hai tay thoải-mái quặp hai tay sau lưng dẫn ra ngoài khu tiếp-tân ngủ, chờ sáng nay đi bộ khoảng ba cây-số sang phân-trại chính K1 nhận giấy xuất trại và những vật-dụng hoặc tiền bạc bị giữ lại ngày trình-diện. Kể từ giờ phút này, họ tương-đối được "tự-do," theo nghĩa không phải vác cuốc ra đồng cào-xới dưới cặp mắt và họng súng canh chừng, có thể đi lại trong khu-vực gần đấy, trò-chuyện, đánh cờ, hút thuốc... Họ không muốn, trong phạm-vi được phép, vào những phút cuối-cùng nơi trại giam phung-phí hai chữ "cán-bộ" mà bọn quản-giáo súng ngắn, và đặc-biệt bọn vệ-binh súng dài, rất thích được nghe gọi.

Sau khi rào đầu những câu nghe hoài phải thuộc, tên có cấp-bậc cao hơn, trung-úy, mũ vẫn đội trên đầu, tươi-cười nhắn-nhủ cả nhóm, khi trở về với xã-hội phải làm gì, không được làm gì..., tiến đến vỗ vai chúc mừng từng người, hất mặt ra dấu cho đồng-đội, vui-vẻ la to, "nào, ta đi." Cả nhóm bắt đầu rời nhà thăm-nuôi.

Mặt trời tìm cách chui vào nô-giỡn với táng cây xanh. Một ngày nồng, và sướt mồ-hôi những ai phơi thân dưới đó. Chim-muông chỉ còn một hai con rời tổ muộn, hót rời-rạc. Hơn tám giờ. Mùa mưa, tiết trời ban sáng vẫn oi-oi. Không-khí như pha bụi chì, đục, nặng. Ánh nắng xuyên thủng qua đó, trông như ti-ti sợi nước bạc rót từ chiếc lưới cá. Đoạn đường đất thịt pha cát đỏ tươi chạy giữa hai vạt đồng bắp đang trổ cờ. Những luống vừa khơi, chờ bỏ phân, rải giống, lấp đất, tưới. Một số đang lên dở-dang, gù cao, bời-bời. Lũ chim sáo nhảy dọc tìm mổ các côn-trùng náu trong các bụi lá sắp mục. Hai hàng so đũa thanh-mảnh, nhận ánh dương chiếu từ bên hông, với tay đụng được mép giao-thông-hào bên kia. Thành núi Chứa-Chan xa tít mờ khói. Dưới chân là biển Vũng-Tàu. Cảnh thanh-bình muôn đời của làng quê Việt-Nam vẫn từng phút thể-hiện trước mắt, tuy đã xước mẻ nhiều. Trong hoang-tàn, vẫn chứa-đựng nét lãng-mạn, tình-tứ. Thêm chút xót-xa. Từng thửa đất xen kẽ, trải dài. Màu đất và chất đất đôi khi khác hẳn nhau giữa hai mảnh chỉ phân-cách bằng một lối đi. Theo từng chặng không đều, Quân bắt gặp những chiếc nón lá, nón bao cát, nón vải quen-thuộc đang lay-động theo nhịp cuốc. Các bạn ông vừa bắt đầu buổi lao-động sáng. Trông thấy nhóm người may-mắn đi ngang, họ ngừng việc, cánh tay chống lên dụng-cụ, vẫy. Nhìn từ ngoài, mường-tượng đó là những cánh bướm đa dạng, thân tình. Từ sâu trong kia, dưới bóng mát một gốc buông, một giọng vút lên như lằn tên, rẽ không-khí, thả từng âm vào tai mọi người "thượng lộ bình-an." Bốn chữ nhanh-chóng được các bạn khác lập lại, rồi một biển xôn-xao "thượng lộ bình-an" dập-dềnh trong gió. Nhóm trở về vẫy trả bằng cả hai tay, bằng mười mấy chiếc miệng với câu nói không hẹn trước mà đồng-nhất, và hầu như cùng lúc cất lên "Hẹn gặp tại Sài-gòn." Tự dưng Quân xúc-động muốn khóc. Ôi, câu nói như một lời hẹn-ước, một khích-lệ, một cứu-cánh sống còn, mà cũng như một lời trăn-trối. Sống còn để trở về? Quê-quán bạn nơi đâu Hà-Nội, Huế, Nha-Trang, Đà-Lạt, Vũng-Tàu... Hay một chấm xa-xôi nào đó trên bản-đồ thân-thể Việt-Nam? Được. Đó là điểm thứ hai mà bạn sẽ đến. Là điểm tương-lai. Điểm thứ nhất mà mọi người chúng ta, khi rời bỏ vùng đất giam-cầm này phải đến là Sài-Gòn. Điểm hiện-tại. Thích hay không

thích, là chuyện ngày xưa. Còn bây giờ, chui lên từ một địa-ngục, thành-phố đầu tiên chào gọi chúng ta là Sài-Gòn. Nó sẽ rửa mặt, lau tóc, tắm gội cho ta. Không chỉ là một thành-phố, một thủ-đô, một địa-danh. Nó đã được thăng-hoa từ trong mỗi linh-hồn chúng ta thành một nội-thất, một hội-tụ. Nó sừng-sững, đi không đổi tên, về không đổi họ. Mồm miệng bàn tay độc-ác nào phun cường-toan lên định hủy-diệt, Sài-Gòn là khối ngọc bất-khả-hoại. Con dân Sài-Gòn vẫn nhắc đến tên. Sài-Gòn, uy-nghi, làm đối-cực của tự-do và phồn-thịnh với thành-phố miền Bắc. Chúng ta, hiểu thế nào, vẫn là người của Sài-Gòn. Xưa kia, tìm sống vạn nẻo, có thể lúc nào đấy chúng ta quên mất điều này. Khi Sài-Gòn bị đưa vào lò luyện ngục, cũng như chúng ta, chúng ta sẽ thấy giữa anh và Sài-Gòn như được tạo-sinh cùng một chất-liệu. Chúng ta hối-hận, và càng thấy mình là một phần nhỏ-bé của Sài-Gòn mênh-mang. Ta tự nguyện, tự khẩn-nài, dù có chết, cũng xin một lần nhìn lại được khuôn-hình đã un-đúc ta. Các nhánh sông tự-do của cả miền Nam gặp nhau ở đấy, rồi tỏa đi từ đấy. Bốn triệu con dân của thành-phố là điều duy-nhất đáng nói. Dù thế nào, chúng ta vẫn là một con số trong chuỗi số. Hãy gạt qua lần bụi của những thiên-kiến chính-trị, những bộ mặt chính-trị, ta sẽ nhìn rõ dung-nhan của thành-phố mà mỗi chúng ta ít nhất một lần trong đời từng ghé chân. "Hẹn gặp tại Sài-gòn." Lời kinh nguyện

của mọi người cải-tạo.

Một vài gói thuốc, vài món quà nào đấy được tung thật nhanh vào bụi rậm sau một vài dấu làm hiệu. Của người về tặng người ở lại. Quân nghĩ chắc là một trong hai tên cán-bộ dẫn đầu hoặc đi sau phải nhìn thấy. Chúng không lạ gì và đã từng bắt chận ngón tặng quà chớp-nhoáng này của thân-nhân các gia-đình thăm-viếng khi đi ngang những thửa đất có tù-nhân đang lao-động. Nhưng vẻ mặt của chúng tỉnh không. Có lẽ vào ngày vui của nhóm ra trại, chúng không muốn gây khó dễ.

Nhét mảnh giấy ra trại nhám thô và số tiền "lộ-phí" do trại cấp-phát vào túi, Quân tiếp nốt phần đất đỏ còn lại dẫn ra quốc-lộ. Niềm vui đã chia sớt cùng các bạn chiều tối hôm qua, và trong quãng vừa rồi, lúc này ông muốn được một mình. Bắt tay họ và "hẹn gặp tại Sài-gòn," ông cố ý chậm bước lại. Các bóng vui-tươi dần khuất. Lòng ông nao-nao. Những năm tù, tuy một số không ở cùng đội với ông, song cảnh-ngộ của tất cả đều mang nét chung tiêu-biểu. Tìm cái sống trong cái chết. Cố đứng vững khi kẻ thù tìm mọi cách quật ngã. Đứng lên không bằng "vật-chất:" một miếng bằng lòng bàn tay bột nấu hay hấp bằng hơi, một bát mì sợi, hay một bát cao-lương, một bát cơm độn sắn khô, hay một bát men Trung-Quốc vừa vun đựng thứ bắp giống Ấn-Độ to suýt bằng hạt đậu ván, cứng gần bằng hạt đậu sống, hay tệ hơn nữa, một chén sành chứa thứ sắn khô xắt lát chảy vữa tựa keo dán, hôi mốc mùi dán, mùi chuột, mùi bao bố lưu kho quá lâu sắp mục-nát; đứng lên không bằng đôi chân nhũn đói mà một số gân cốt chống-đỡ cho chúng đã rút co hay liệt bại. Đứng lên bằng "tinh-thần," bằng "tâm-linh," bằng đức-tin sắt-son vào giá-trị của tình-yêu cá-nhân, gia-đình, đất nước, các thứ mà kẻ thù hô-hào đả-phá, công-kích, truy diệt. Thành-công của một người sẽ nung chí những bạn đồng phận. Thất-bại của một người sẽ làm xót-xa, nhưng không bào mòn ý-chí của những người khác. Mọi người nương-tựa, tìm trong nhau chút phấn-khởi để vượt qua. Đôi khi, cá-nhân quên chính mình đi. Nó sống cuộc sống của người khác. Vì người khác, nó không có quyền tự hủy-hoại, gục-ngã. "Vì người khác," châm-ngôn sống thực, không hề mặc lấy bất-cứ hình-thức khoa-trương rỗng-tuếch lợi-dụng nào. Vì người khác: ý-nghĩ đó tiếp thêm sức mạnh cho nó. Và người khác cũng sẽ tự đặt vị-thế của hắn vào vị-thế của nó, người khác. "Người-khác," chính là bạn, là hóa-ảnh của bạn. Vở kịch đời, bạn thủ cả hai vai. Phải vững-vàng, vì chính mình, cho bạn-bè, và bởi chính đối-phương nữa. Có bao lý-do "buộc" bạn phải thế. Nó "trói" bạn, ghì bạn lại trước vực thẳm, không cho bạn rơi xuống. Nó "tước-đoạt" từ bạn "quyền" hành-động sai-lầm. Tập-thể là lò luyện cá-nhân đáng giá. Càng cần-thiết và giá-trị hơn khi lửa rèn kia không do bạn tự đốt lên. Nó được gầy từ bàn tay kẻ địch. Bạn phải chấp-nhận. Với nụ cười cùng mắt nhìn không chớp. Còn bài học nào gang-thép, đầy tình người hơn nữa?

Người đã được tôi. Người được ném lại vào đời. Chúc các bạn vững bước như những ngày trong tù. Quân thầm nhắn theo. Ông băng vào lối cỏ tranh cao ngang đầu. Đây là lối thương-yêu của ông. Ông muốn chút ích-kỷ vào giờ phút này. Ông muốn nó là riêng của ông. Các bạn hãy tha lỗi cho tôi. Hãy cho tôi

KHÁNH HÀ

CÓ CON ĐƯỜNG NÀO

Vạn nẻo đường
không có con đường nào
cho ta đi cùng
mãi mãi
Có bao nhiêu bước chân
về cùng một hướng
mà lòng đã cách xa
Người đã đi qua
những đoạn đường vui
những đoạn đường buồn
Người có mang theo quá khứ
từ phút giây gặp gỡ
rồi xa
Hỡi những ngả ba đường
đã rẽ về đâu
sao còn ngoảnh lại.

trở về suối ngọt trong biển đắng lao-tù. Lối đi nhỏ bằng thân người. Thật ra, nó không là lối. Cỏ tranh chi-chít (hầu như chẳng mũi liềm nào động đến các cọng hoang này từ hồi Quân được bạn dẫn vào lần đầu), cao gấp đôi đầu người. Muốn đi, rẽ bụi đạp tranh mà đi. Ông nhận ra nó hầu như dựa vào trực-giác nhiều hơn. Và ông chắc không lầm. Nó là vùng rất rộng, giáp giới với khu rừng mà những tháng được biên-chế qua đội lâm-sản, là lối đi ngõ về của ông. Nó len-lách qua các con suối, những bãi đốt than, những vuông đất trồng lúa hoặc cây ăn trái của dân địa-phương, vòng-vo dẫn một đầu ra tận quốc-lộ. Nó hiểm-hóc, song rất thân-thiết, gần-gũi, và là nguồn an-ủi, cây gậy chống cho Quân những năm bị bịt mắt trong tù. Mỗi chiều lúc mặt trời sắp sa xuống rặng núi phía tây, trước khi mang "chỉ-tiêu" về nộp, ông lần ra mé lộ, nhìn xe của thế-giới người qua lại, rồi nhìn lại mình, ông ngỡ mình đã biến thành "sơn-nhân" từ lâu. Lạ nỗi, tim ông vẫn còn là tim người. Ông vẫn xúc-động, mà nỗi xúc-động càng da-diết hơn. Ông nghe tình-yêu dâng ứ trong lòng. Tiếng chim, lời gió, thảm cỏ dưới chân. Ôi, tuyệt-vời biết mấy! Ông muốn ôm chúng vào lòng. Ông nằm xoài xuống. Vạt tranh khôn-khéo rạp sang, nhường cho ông đúng diện-tích thân người. Hồn nhẹ tênh. Ông đã hóa-thân. Lần thứ hai, ông kinh-qua trạng-thái siêu-thoát này. Lần thứ nhất là sau giai-đoạn khủng-hoảng tinh-thần và tình-cảm những năm 60 Đà-Lạt. Quân cảm-nhận thoáng cựa mình của từng cọng cỏ, từng vọ đất, trông thấy được trong mỗi vật vô-tri của bốn bề một quả tim, một linh-hồn. Mỗi nhát liềm đưa ngang, mỗi đòn cuốc bổ xuống, mỗi lần dao chém nghiêng, ông nghe được thịt gân của chúng rạn vỡ, ứa máu. Có lần, ông nhoài người hôn lên cánh hoa rừng nhỏ ti cố vươn khỏi đám cỏ bẹp dí dưới gốc bằng-lăng vừa bị ông đốn ngã, khóc. Không hiểu đây là hoa của gỗ, hay là hoa của một thân thảo nào bám vào. Cánh hoa bé-bỏng, dùng những mảnh mọt bụi như một thứ tế-bào chết của gỗ làm đất. Sương trời vẫn sẵn. Cứ thế, hả chiếc mồm là tâm, môi là đài, cả miệng lẫn môi đều mỏng-mảnh đến độ ta không tưởng-tượng được trên đời lại có được thứ dễ vỡ dường ấy, hút gió, ánh-sáng mà sống, mà trưởng-thành. Một biểu-tượng nồng-nàn của sinh-tồn, tự-túc. Phải bao đêm, bao ngày tháng, từ cái hầu thể hư-vô, nảy sinh một mầm sống tuyệt-vời như vậy? Và mất bao nhiêu thời-gian nữa, cái mầm sống kia mới hân-hoan khiêm-nhường góp mặt với thiên-nhiên, tạo cho mình một chỗ đứng, lướt thắng mọi điều-kiện bất-hợp, hiểm-nguy? Thế mà, chỉ một hai nhát rìu vô tâm, ông đã phá-hủy hoàn-toàn!

Không việc gì gấp-rút. Sài-gòn dưới kia là của ông. Không ai chiếm mất được từ ông thánh-thất đó. Rồi ông sẽ đặt chân lên, đôi chân hiện-thời được ấp-ôm bằng những lát ruột xe hơi mà người bạn khéo tay đan thành đôi sandales đỏm-dáng, đến nỗi không ai dám nghĩ chúng là biến-thân của thứ dép râu Bình-Trị-Thiên, lên từng viên đá, từng vành cỏ, sẽ thăm lại những ngõ, những đường, thở hơi "rất Sài-gòn" của thành-phố càng không lúc nào đóng mắt trước âm-mưu tiếm-đoạt

tên-tuổi của mình, vào bình-minh, lúc hoàng-hôn, khi đêm sắp hết. Trong những ngóc-ngách kia, căn nhà nhỏ-bé của ông, bình-thường gần-gũi, thúc-giục ông tìm về. Ra trại rồi, nhìn thấy nó trong tầm mắt, duỗi tay là đã chạm, sao ông lại ngại-ngùng, lạnh-lẽo đến thế? Còn gì, còn ai trong đó chờ-đợi ông? Phượng đã đi. Chưa tin-tức nào từ chính cô gửi về, hoặc nghe từ người khác. Cô chưa kịp làm dâu mẹ ông đã vội-vã nhập đoàn di-tản hãi-hùng ào lên thang phi-cơ không dành được cho mình một giây cuối ngắm nhìn quê-hương vụt trên bầu trời tối đặc vật-vã sốt vì tiếng đại-pháo kẻ xâm-lăng nửa đe-dọa, nửa cợt-đùa. Cô bỏ nước, đi trước. Ông bỏ mẹ, đi sau. Mười ngày tiền, thức ăn khô dần dưới nắng tháng Năm Sài-gòn. Những mặt trời khác của nhiều vùng Nam, Bắc tiếp-đón, trui rèn ông. Bóng mẹ càng lúc càng xa. Nhiều lúc, ông cảm thấy "mẹ" trong tâm của ông mới là thực. Hình-dáng mẹ mỏi-mòn nơi kia, cuồng-quay trong tiếng dép tấp-nập chẳng thân-tình của "những-người-khách-không-mời" từ phường, khóm, quận, mòn tâm đấu-trí với các đòn gài, dụ, đe của chúng, mẹ đó, chỉ là khói, là mây. Thương con, thương người-yêu-của-con, "hai đầu phản-động," sợ hận-thù trút lên đầu chúng nó, mẹ nhờ hàng xóm viết cho từng loạt đơn "bảo-lãnh," lấy cuộc sống và gia-sản của mình mua thay cho sự bình-an của con, gửi lên phường khóm. Chữ-nghĩa tha đi, không về. Giữa mẹ, những nạn-nhân tội-tình như mẹ, và chúng, tác-nhân của những tội-tình kia, không cùng ngôn-ngữ. Mẹ viết. Chúng đọc. Nhưng không hiểu. Lời nói chỉ được hiểu nhờ quả tim. Không tim, lời nói bị xem là vô-nghĩa, phí-phạm, và đáng sợ hơn nữa, bị gán cho là "vũ-khí sách-động." Tội-nghiệp mẹ, cho những bà mẹ xiết bao! Sức-khỏe của mẹ bay đi, không về. Sống sao được với hỏa-ngục thở hơi chết mỗi ngày? Chiều thu âm-u, chậm tay cuốc chờ cơn mưa là đấng cứu-rỗi, cậu em họ đến gần thỏ-thẻ, "Xin lỗi, em định dấu anh, nhưng không đành lòng, dầu nói ra cũng chẳng đành lòng..." Nuốt nghẹn, cậu khóc trong tiếng nói: "Cô đã... đã...!" Buổi chiều rung lên. Bàn tay cậu em vấu chặt vai ông như hai mấu thép. Cậu đau-đớn hơn chính người nghe tin. Quân không hững-hờ vì tin báo. Ông đã "biết." Ông đã "nhìn" được bằng đôi mắt khác lúc mẹ bỏ đi. Chỉ chờ ai đó xác-minh. Mẹ ông, ngày lên thăm sau một năm ông đi "cải-tạo," đã già yếu đến không ngờ! Cụ đến được để gặp con là nhờ con tim cụ tiếp sức, là nhờ bà chị cả và những người cùng đi thăm thấy tội, dìu hai vai. Bao năm đã qua sau lần thăm-nuôi tại Suối Máu Biên-Hòa. Biên-Hòa vẫn có rừng, rừng cao-su. Trảng-Lớn Tây-Ninh vẫn có rừng, vẫn rừng cao-su. Gần Sài-gòn, nên rừng nom cũng dễ chịu hơn. Rừng núi đây không là rừng núi hiền-lành miền Nam. Rừng núi đây thâm-u Việt-Bắc. Càng xa nơi cụ ở, rừng núi càng tăng thêm độ khó thương. Cụ lạ gì với lam-sơn-chướng-khí của phần lãnh-thổ mà những năm đói kém, cụ và cụ ông (ba Quân) phải dùng tàu hỏa ngược xuôi mua than, vải vóc, về Hà-Nội đổi, bán? Phần lãnh-thổ mà chỉ xọc một chuyến tàu lửa thẳng như đường chỉ kẻ là có thể đến làng quê Bắc-Ninh của cụ được rồi. Đi đi về về, cụ thuộc từng trạm xuống lên, từng ga cũ

mới, từng khoảng cây thưa đầy. Vất-vả trong thời chiến. Lúc bình-yên, vẫn chưa được an-nhàn. Hòa-bình, cụ bỏ quê. Hòa-bình không nuôi được thân cụ và các con. Hòa-bình không cho cụ được phép cười, khóc, nghĩ, thương. Đói cả hai bề. Cụ chấp tay xá thứ hòa-bình đó. Nay, hòa-bình, miền Nam. Đứa con út của cụ, đứa làm cụ nở mày nở mặt với làng nước, không được hưởng. Nó và các bạn của nó bị đẩy vào tử thổ tuốt trên đầu bản đồ. Cụ chết ngay trong hồn với ý-nghĩ đau-thương về con. Cụ chết lâu rồi. Cái chết thể-xác chỉ đến sau như một xoa tay hoàn-tất. Ông "biết" cái chết của mẹ trong những lời thư hoan-hỉ quá mức từ gia-đình gửi vào về sức-khỏe của mẹ. "Mẹ khỏe lắm, không cần uống thuốc nữa; cụ đã đi bộ được từ nhà đến thăm Bà Mợ cách những ba cây-số, nhanh-nhẹn chả thua gì gái thơ; mỗi bữa mẹ ăn đến lưng hai bát cơm với chà-bông; đêm, trước khi ngủ, cuối tuần còn đãi cả nhà chầu bột khoai bún tàu; hôm qua, mượn cân hàng-xóm, cân: mẹ lên đến... ký..." Những câu trả-lời rối-rít cho những câu-hỏi nghẹn-ngào của ông. Có những câu ông không hỏi, vẫn được trả lời! Người ta chưa biết che-dấu, bởi chưa từng che-dấu. Xã-hội bây giờ muốn mọi người không thành-thật với chính mình, với những thân-thích của mình. Thì đấy, những giòng thư. Ôi chao, Quân chép miệng. Cuộc sống bây giờ, đấy. Mẹ không phải sống đành-đoạn nữa âu cũng là phúc. Nhìn con trở về trong thân-thể biến-dạng này, mẹ sẽ còn phải qua mấy lần chết cho cân? Căn nhà đó, bây giờ, ngoài bà chị lớn tuổi không lập

gia-đình, hầu như chẳng còn tiếng gọi.

Nơi lộ cái, thực-hiện lời khuyên ân-cần của những bạn-bè được thả trước ông, Quân bán nốt chiếc võng nylon lính Mỹ lấy ít tiền dằn túi. Vài chục này đủ cho chị em ông ăn tiêu dè-xẻn ngót tháng ông trở lại đời trong khi chờ xin được việc làm. "Sài-gòn đang "tự-túc-tự-cường." Trước khi về đấy, chuẩn-bị ngay từ trong này, Quân ạ," câu đó, từ trong thư, từ chính miệng những người đi thăm, những bạn-bè đã về vào thăm, hầu như chẳng khác nhau dấu chấm, dấu phẩy nào.

*

Chiếc xe hàng với ống đốt than chĩa thẳng lên trời như nòng hỏa-tiễn ì-ạch cặp bến. Hình-ảnh chiến-tranh vẫn ám khói lên đời sống. "Phát-minh" tân-kỳ chào-đón người về! "Hóa ra bấy lâu mình sống nơi cõi tiên mà không hay. Nay trở về trần, 'Tử-Thức' cuối thế-kỷ 20 ngỡ-ngàng hơn cả cổ-nhân." Quân tự nhủ, lưng bị đẩy hẫng từ sau bởi giòng người, đa số là khách buôn tranh nhau lên tìm chỗ ngồi. Vài cô còn trẻ lắm, tuổi chỉ khoảng 15, 16, ngực và bụng căng cứng, mồm to nhất, và cũng nhanh-nhẹn nhất, cười đùa thật hồn-nhiên, vừa chen, vừa thúc, trêu chọc ông từ sau: "Cái chú này sao mà lành thế. Đừng thèm nhường ai nữa, chú ơi! Cứ húc mạnh vào. Chắc chú mới 'ra trường' rồi, tụi bay ơi! Tội nghiệp cái thân xồn-xồn ngơ-ngác kia!"

Lên khỏi hai bậc thang là cả công-trình. Đang hoang-mang trong đầu, ngoài da nóng bỏng vì lò lửa bên càng xe, đã thấy cậu bé phụ tài ngoắc gọi:

"Chú-cải-tạo!"

Cậu chẻ đôi sóng người, luồn-lách như lươn, xuống nắm tay Quân kéo đi. Đến băng ghế trước cạnh tài-xế, cậu xin hai người ngồi đó thông-cảm dồn gọn lại, "có khách đặc-biệt," nhường ghế tốt nhất ngoài cùng cho Quân (chỗ lý-tưởng để ngắm nhìn đời sau bao năm lưu-đày) và "tặng luôn chú tiền vé xe. Chú để dành đón xích-lô về nhà.") Vẻ già-dặn trẻ thơ, trịnh-trọng như thầy-giáo đang giảng bài, có lẽ không phải lần đầu đóng vai này, rất rành-rẽ, cậu chỉ ông cách-thức giữ và tiêu tiền:

"Sài-gòn lôi-thôi lắm chú ơi! Chú mới ra, coi chừng bị ăn cắp, bị gạt. Đừng bao giờ nhá tiền trước mặt người khác. Phải bỏ túi, cài nút, nếu chưa có, phải may nút, may thêm dây, hay buộc cho kỹ, như mấy bà bán trái cây ngồi sau xe của con nè. Vậy mà có khi cũng bị móc sạch trơn đó chú. Các ngài 'diệu thủ' Sài-gòn bây giờ đáng tôn lên bậc sư. Khi xài tiền đừng thèm nhìn hình người, chán lắm, nhức đầu, lộn-xộn, dễ bị gạt. Chú cứ nhìn bốn số bốn góc là chắc ăn nhất. Chẳng cần biết chữ biết nghĩa gì hết. Con nít mới đẻ cũng làm được."

Quân vui vui. Chặng đầu trở về của ông đã quá may-mắn. Chú phụ tài thật dễ thương. Trường đời thay cho trường học đã trao cho chú phần kinh-nghiệm mà ngay người lớn cũng phải trầy-trụa mới sở-đắc được. Bây giờ, rảnh-rang, an tọa, Quân mới móc mấy tờ giấy bạc ra xem. Chẳng gì đặc-biệt, ngoài khuôn mặt mẫu trơ-khấc, kỹ-thuật in vụng-về, thiếu mỹ-thuật, và tờ giấy 30 đồng màu tím. Giới tiêu-thụ vốn quen với phép tính thập-phân ắt sẽ vất-vả với con số lẻ này đây. Một phát-minh "cố-làm-ra-vẻ-không-muốn-giống-ai" khó tìm thấy trong bất-cứ tập-thể "của-người" nào!

Cảnh phố-xá được quay vừa phải theo tốc-độ vừa phải của loại xe khách chạy thận. Chiếm trọn mặt lưu-thông phần lớn là xe đạp. Hiếm-hoi lắm mới nhìn thấy lại vài chiếc gắn máy Nhật hay Đức. Áo dài hoàn-toàn biệt tích. Áo bà-ba, áo cánh, áo thun cổ tròn, cổ chữ V thay vào. Nam nữ trang-phục không khác nhau lắm. Cả tóc tai cũng thế: dài hơn, kẹp sau gáy, hay quấn cao tận đỉnh đầu. Hàng quán đầy như nấm. Bất cứ chỗ nào tương-đối trống cũng được hả-hê trưng-dụng làm nơi buôn-bán. Vài chiếc bánh ú, dăm quả chuối, ít lát kẹo lạc... Trẻ con, người lớn xúm-xít vào những việc không hẳn là việc. Thế mà chúng vẫn làm nẩy ra tiền. Đồng tiền khó hiện, nhưng cũng khó trốn. Ngay cả lúc không có gì để làm. Qua lại, tới lui cũng là cách "làm," là kiểu tự an-ủi, tự lừa-dối thành-thật nhất.

Xa-lộ Biên-Hòa. Một thời non-trẻ. Những năm tháng quấn tròn theo rãnh xe. Những núm nem, tô bún, quả bưởi, thanh-long... Trường Bộ-Binh T.Đ, Câu-Lạc-Bộ, Khu Gia-Binh, Khu Thiết-Giáp, Quán Chiều-Tím, bãi chiến-thuật, kỹ-thuật "tác-chiến trong thành-phố," bài học nhớ đời của một SVSQ Trung-đội-Trưởng Quân tính lầm phương-giác, hiên-ngang dẫn trung-đội tiến vào ổ phục-kích của V.C. khiến cả đại-đội cười mãi đến ngày mãn-khóa, Vũ-Đình-Trường, Cổng Số 2, những chuyến lam ba bánh chiều thứ Bảy sáng Chúa-Nhật nhiệm-mầu xóa sạch ranh-giới đời lính và đời Sinh-Viên trong 12 hoặc 24 giờ. Khu Đa-Kao, Hiền-Vương vẫn

còn xe mì tàu "ngon-nhất-Sài-gòn" của ông già Minh-Hương, tiếp cận là quán phở nhỏ-bé "tuyệt-cú... gà" sau cửa kính xiên lắt-lẻo vài chú vàng rơm trần trùng-trục tươm mỡ mà phần cửa hậu của quán thông với con hẻm ngoắt-ngoéo lầy-lội nền đường bung cả xi-măng. Thành-phố thương-yêu, trái tim của một chế-độ mà trong đó ông là một mạch nhỏ-nhoi, góp vào chút máu. Máu của tim đã bị ngắt. Thẻ bài của tim đã bị giật. Tim được tiếp bằng một loại máu khác. Loại máu này không là loại máu mà tim cần, cho nên nó bị phản-ứng, co-giật liên-hồi, mấp-mé ngay ranh sống và chết. "Có những thứ nước màu đỏ, song không phải là máu; có những loại máu đỏ, song không là máu nuôi thân." Máu độc không đen, mà đỏ. Ác-hại là chỗ đó. Người chết tức-tưởi cũng vì thứ máu mập-mờ giả-trang đó. Phải, đúng là thế. Máu sống chỉ có một. Chân-lý chỉ có một. Khó thể nhập-nhằng. Miệng lưỡi không bóp méo, không thay-thế, không làm nên được thực-tại. Rễ chủ-nghĩa bứng từ đất lạ mang trồng trên đất nhà, thọ được ư? Sáng nay, ông trở về. Bao nhiêu người đã trở về trước ông. Bao nhiêu người sẽ về. Và bao nhiêu người đã nằm xuống, sẽ nằm xuống, không bao giờ chạm tay đến được ngách nhà thân-yêu? Con số đà hao-hụt nhiều. Con tim Sài-gòn không đủ máu. Tai-hại hơn, con tim Sài-gòn đã bị chích máu độc. Theo cách nào thì Sài-gòn đang ốm-o. Sự gầy-mòn nơi người ta yêu khiến ta đau-đớn hơn cả sự gầy-mòn của chính cơ-thể ta. Chân-lý tình-yêu quá dễ hiểu. Bởi ta là một giọt máu của trái tim ta yêu, giữa người ta yêu và ta không còn biên-giới phân-định. Ta "với" thành-phố. Chỉ là cách nói, đơn-giản, thông-thường. Nhưng cách đơn-giản nhất, bình-thường nhất, song đúng-đắn nhất là khi thay chữ "với" bằng dấu "=." Để rồi cuối-cùng, hủy luôn ý-niệm "đúng," "nhất," và dấu "=" đó. Ngôn-ngữ biến mất. Chỉ còn Sài-gòn-ta. Gọn! Tột đỉnh của tình-yêu là sự rút gọn. Đồng-nhất.

*

Căn nhà thơ-ấu, buổi trưa ông trở về, bà chị cả ngỡ-ngàng ra đón. Bị nhồi sọ, tuyên-truyền, học-tập, dọa-nạt, dẫu nằm mơ chị cũng không ngờ ông có ngày trở về. ("Bọn CTCT bản-chất là ăn trắng nói đen, khuếch-khoác, đầy-dẫy nợ máu với nhân-dân. Chúng có chết mấy lần cũng chưa đủ đền-bù tội-lỗi." Chị kể lại với ông, ngày hôm sau ra thăm mộ mẹ.) Chiếc bàn học cũ-kỹ dùng làm bàn thờ ba u, đèn dầu tù-mù. Ảnh u chụp cách đây hai năm nhân đến chơi nhà cô em họ, vừa lúc đứa cháu khai-trương chiếc máy Yashica mới tinh, được phóng to, khung đầy, thô, hơi cao so với khung ảnh ba. Cửa sổ đóng kín, "ngăn những cặp mắt rắn độc của chúng nó, bọn công-an khu-vực, công-an phường đi ngang nhòm vào," mùi nhang đọng ngay chỗ vừa tỏa lên. Mùi nhang ngày xưa thoảng nhẹ là thế, thanh-thoát là thế, hôm ấy như chừng cân được. Cái mùi gom trong đó sức trĩu của mấy mươi ngàn giờ của đợi-chờ, hy-vọng, và tàn lụi. Ông không khóc, tuy khói xám đang trát muối vào mắt. Ôi, còn căn nhà nào tăm-tối hơn, còn mùi nhang nào nặng-trĩu hơn, hình chụp nào thảm-đạm hơn hai tấm hình song-thân đang nhỏ lệ nhìn ông? Bà chị lăng-xăng mang lên chiếc khay nhựa xám vàng trên đựng hai bát với hai tầng cơm mỗi bát, quả trứng luộc, muối hạt, hai đôi đũa, muỗng, một tách trà, một tách nước lọc. Không rượu.

"Thuở sinh-thời, ông cụ có khi nào đụng tới thứ này? Uống tí bia, mặt đã đỏ lừ như Thánh Quan-Công." Chị khấn trước. Rồi thì-thầm, thói thầm-thì đã thành phản-xạ do suốt cuộc đời khép kín:

"Em về, đưa chị ít tiền mới có quả trứng cho ba u. Thường ngày, chỉ cúng với nước. Thỉnh-thoảng ngày rằm, mồng một mới dám thắp cho hai cụ nén nhang."

Quân cay-đắng, bạn-bè mình quả tận-tình biết mấy! Cậu bé phụ-tài tuổi học khoảng lớp 7 lớp 8 mà đã quá tinh-khôn, thứ khôn-ngoan sớm vội như thứ quả chín ép, kém ngon, dễ gây não-nề hơn hứng-thú; song lòng nhân-ái của cậu quả là món quà đáng xưng-tụng biết bao! Không bán chiếc võng, nếu phải trả tiền vé, còn gì để mua cho ba u hai quả trứng luộc? Mấy chục bạc trại cấp cho, chỉ đủ thuê xích-lô từ Xa-Cảng Miền-Đông về nhà. "Hạch-toán-kinh-tế" không chê vào đâu được!

Cô em họ đon-đả cười toe từ ngoài bước vào, tay phải trịnh-trọng chiếc đĩa sứ to tướng và tay trái, chiếc bát ăn cơm. Đặt xuống bàn thờ, cô thắp nhang, sụp xuống nền gạch mà lạy. Đứng lên, mắt đỏ hoe, môi vẫn cười:

"Lúc anh xuống xích-lô đầu ngõ, em nhận ra ngay. Không gầy hơn lúc xưa bao nhiêu. Xóm trên cũng có mấy chú cải-tạo về tuần

trước. Mấy chú nói, và đài cũng loan tin, đợt "ân-xá" 2/9 tới, còn cả trăm Sĩ-quan, công-chức được tha."

Ngoái về bàn thờ, cô tiếp:

"Cúng cô bác xong, em hạ xuống mời anh ăn. Cơm tấm bà Bảy đầu ngõ nhà em ngon số một. Và rẻ nữa."

Ngồi chưa nóng chỗ, cô đã đứng lên:

"Em phải về trông hàng. Dạo này chúng em mở quán cà-phê trước nhà, kiếm ăn qua-quít. Chốc nữa rỗi rảnh, anh ghé xuống chơi nhâm-nhi tách cà-phê Ban-Mê-Thuột chính hiệu chứ không phải ngô trộn vỏ cau rang đâu. Nhà em ra chợ chạy mối. Các cháu đi học, trưa về. Chiều tối dọn-dẹp xong, chúng em lại lên thăm anh."

Cái tướng nhỏ-bé, tất-bật trời cho. Cô tốt bụng, hiền-lành, khéo buôn-bán, mà vẫn nghèo!

*

Nhà không còn gì. Trống hoác. Giường tủ chăn nệm tương-đối tốt thì đã bán đắt bán rẻ hết cả. Bàn học ngày xưa, ông mua sau khi lãnh nhuận-bút một truyện ngắn, may-mắn được chọn làm bàn thờ. Tủ kính mà ông "cưng" nhất, với những hàng sách báo thẳng-thớm, không còn! (bà chị cho biết, bị dồn vào bao, đêm đến, lén mang ra lùm xó, vất đi; số còn lại mang bán kí-lô.) Bụi lâu ngày, khí thấp lâu ngày (do cửa đóng) lên mùi mốc, nặng. Chiếc cửa sổ sau, sát divan mà bố con ông nằm ngủ, long sơn trắng, loang-lổ như da rùa. Hai đầu dây nylon và khúc gỗ tròn do chính tay ông đẽo ngoặt vào để căng võng, lạ-lùng thay, vẫn còn đó. Chúng không bán được (hay bị quên), nép trong nhau, kiên-nhẫn chờ ông về. Bể xi-măng, sau các thanh sắt cửa sổ, từ đây nhìn xuống, trông không thấy nước, chỉ thấy các dấu ghi mực cao thấp cáu cặn. Trên, cuối những mép uốn-lượn của mái tôn che mưa hắt vào cửa sổ, bảo-vệ chiếc divan ba ông rất quý mà ngày ngày cụ bỏ hằng nửa giờ công lau cật lực bằng những chiếc áo thun cũ, nhưng mịn, bóng kỳ thôi, lủng-lẳng bao nylon với hàng chữ mờ mờ "xí-nghiệp... bao bì... nhà nước..." Nhích về phải chút, sau cánh cửa, là cây chổi lúa, cái hốt rác bằng nhựa tái-sinh. Dựng dưới, sát ghế bố: chiếc xe đạp mini, hai bánh xẹp tận đất. Đây là hậu-thân của chiếc gắn máy Nhật, gia-sản duy-nhất của ông sau tháng 4/75. Nhiên-liệu khan-hiếm, đắt-đỏ. Ông phải nén lòng bán đi chiếc honda nữ. Số tiền hơn trăm ngàn bán xe vừa đủ gửi người bạn mua vật-liệu lắp giúp chiếc xe đạp vòng bánh 550 cm. Đó là chiếc xe của "thời-thế." Nó thay chỗ cho vật mà ông muốn tìm. Vị-trí đó, xưa kia, là của lu gạo. Chiếc lu theo chân u trên một chuyến xe buôn từ ngoài Bắc vào. Nó không biết nói, nhưng mực thăng-trầm đầy vơi của nó là biểu-đồ xác-thực cho những thành bại của cụ. Nó là hầm lương-thực của cụ. Tiền kẽm, tiền giấy có thể không nhiều, không thỏa tay, không đủ xạc-xào khi cụ đếm. Song những hạt gạo trắng ngà múp-míp trông như lũ chuột tí-hon nằm xếp chồng lên nhau yên ngủ là những con số biết hát trong hồn cụ. Cụ "tính" được, nhẩm được chính-xác lượng gạo nằm trong chiếc bụng lu kia nuôi các con cụ được bao lâu. Cụ không đành lòng nhìn bụng nó thóp đi. Bụng của nó là bụng của các con cụ. Có ít tiền, bổ hết cho gạo. Thế là chắc nhất. Chắc hơn bắp. Tiền không ăn được, không làm no được. Nhưng gạo? Vạn đời! Chiếc lu thật to, nặng, thoát-thai từ đất sét nung, lên nước bóng rẫy trơn "quý-phái" như loại sứ hiếm, khắc hình chú đại-bàng nghiêng cánh trên mây tuyệt-kỳ sinh-động ai đó khi di-chuyển lên cao tránh mưa lụt, lỡ tay làm rạn. Mẹ xuýt-xoa mấy ngày liền, tiếc rẻ, không cho vất. Cụ nhờ đứa cháu có hoa tay dán cho lớp keo trong, ngoài đánh kèm ba lằn kẽm trên dưới rịt lại. "Thế cũng đã tạm. Tìm đâu mua được chiếc lu đầy, tốt thế này? Cái của bày bán ngoài chợ bây giờ láng-lướt thật đấy, song chỉ khẽ động vào là vỡ thôi! Toàn hàng mã!" Trong kho chứa tuổi thơ của Quân, lu gạo chiếm vị-trí ưu-tiên. Nó là kho gạo của gia-đình. Chiếc bụng õng của nó hiếm khi bị lép. Nó phải có cái gì đó để căng, càng căng càng tốt, từ bên trong, căng thật. Mẹ ông nhắc-nhở mọi người trong nhà hãy luôn luôn để ý đến "quả-bầu-thắt" kia. "Nó no là mẹ con mình chẳng bao giờ đói." Nó là dấu chỉ "kinh-tế" của gia-đình. Mẹ ông muốn thế, và mọi người trong nhà dần-dà cũng muốn thế. Cạnh nó, luôn luôn nằm sẵn bao bố gạo tăng-viện. Trong hụt bao nhiêu, ngoài sẽ có người đổ vào bấy nhiêu. Một thứ bình-thông-nhau cực nhạy. Mối tương-thân giữa chiếc lu và bao tải đằm-thắm như tình người. Bây giờ, nó vắng mặt! Biểu-đồ đã mất! Vật chứa trong nó cũng mất theo. Nó mất đầu tiên, là nguyên-nhân, hay mất sau cùng, là

hậu-quả của những thiếu-hụt xảy ra trước nó? Với thế-cuộc này, nó càng xứng-đáng là "đấu-chỉ-kinh-tế" của ông. Ông nhớ, và thèm nó. Nó là cứu-cánh của gia-đình ông xưa kia, càng là niềm cứu-rỗi của ông, lúc này. Ánh lung-linh từ mặt nước hồ hắt lên tường. Ông nhìn đồng-hồ tay. Bên ngoài là trưa. Ở đây chỉ là hừng sáng. Thời-gian bị ăn bớt đến nửa.

*

Ngôi chùa ngoại-ô, mái còn mới. Cửa tam-quan cao, quá cao, cho cảm-tưởng không vững. Lối vào rải đá vụn trộn ngói vỡ. Đêm qua mưa. Nước còn đọng vũng đó đây. Chùa trồng rất nhiều cây, đa số là dương-xỉ lá dầy xanh ngắt. Nhờ thế, các dãy nhà ngang màu xám trơ bớt được nhiều vẻ hoang-phế. Nắng đã cao, song chỉ lấp-ló đâu đây trên các chòm cây sũng ướt.

Ngôi mộ (gọi đó là ngôi mộ được không?) nằm vào lô xa nhất của đất chùa. Mùa mưa, hầu hết đất nghĩa-trang bị úng nước. Càng vào trong, mức úng càng sâu hơn. Cỏ tranh, cỏ rạ... tươi-tốt nhởn-nhơ trong làn gió thổi từ khu nghĩa-trang tiếp-cận bên kia. Nơi đây không có ngày. Ếch nhái điềm-nhiên mở giọng khàn đục. Chiếc bia bằng xi-măng xấu, xù-xì, với tên tuổi, sinh-quán, ngày sinh, ngày mất của mẹ đục nông choẹt. Sợ không đọc được, ai đó trét thêm lớp sơn đỏ. Sơn vương-vãi cả 4 góc. Trông như kiểu chữ viết nổi. Ảnh u chít khăn mỏ quạ, áo nhung tím. Nấm mộ chỉ nhỉnh hơn mặt nước chút ít. Mưa thêm vài trận, nó sẽ chìm trong. Thêm vài cơn nữa, cả mộ bia cũng mất trong cơn hồng-thủy. Ôi, cả một đời chưa một ngày ngả lưng trọn-vẹn của mẹ! Tấm thân vốn nhỏ-nhắn, càng choắt lại theo triều dâng cao của lo-toan. Quân dùng chiếc bay thợ mộc mang theo từ nhà gạt bùn đất, dọn một khoảng tương-đối bằng, sạch, bày vài thứ quả ra đĩa, đặt lên. Gió quá, ông phải cởi chiếc áo khoác, nhờ bà chị giữ túm hai đầu mới đốt được nắm nhang. Cặm một phần xuống sống lưng mộ, còn lại, ông mang cặm lên các nhúm đất chung quanh. Xong, ông lại cầm chiếc bay lần quanh mộ tỉa bớt cỏ dại, đắp những nơi đất lở. Quỳ trên mảnh giấy báo, ông nhìn vào hình u trên tấm bia. U gầy quá! Tấm áo nhung thượng-thặng, xấp vải do người em họ mang theo ngày di-cư vào biếu được u giữ rịt trong hòm, cuối-cùng được u đồng-ý phá ra may áo cách đây khoảng hơn chục năm để mừng ngày "đại-đăng-khoa" của cậu con út vẫn không làm cho u bớt hốc-hác. "Tháng cuối-cùng trước khi đi, mẹ chỉ còn bộ xương." Bà chị vừa khóc, vừa kể. Cả đêm qua, sau khi tiếp bà con đến thăm, ông ngồi xem kỹ mấy xấp ảnh chụp trước hôm mẹ mất, vào ngày đưa tang. So với chúng, bức ảnh lồng trên bia đỡ phờ-phạc hơn nhiều. Năm mà mẹ chụp ảnh này, việc làm ăn của gia-đình khá thuận-lợi. Chiếc áo nhung hoa, vật "tùy-thân" của các cụ, niềm ao-ước của các cụ từ thuở còn con gái chỉ được u thực-hiện trong quãng thời-gian này. Thế mà u vẫn gầy! Hầu như, từ khi có trí nhớ, Quân chưa bao giờ thấy u thêm da thêm thịt được chút nào. Thấp nhỏ, dáng đi chậm-rãi, lời-nói từ-tốn. Tất cả ở u đều khiêm-cung như vậy. Chỉ tấm lòng, con tim là bao-la ngan-ngát. Đôi mắt u trong ảnh trộn với và đi trên thời-gian. Vẫn trọn-vẹn là nét của mẹ ngày con gái. To, sâu, dài quét sượt hai bên đuôi như chiếc lá, thật tinh-anh, và nhờ thời-gian chuốt mềm, nom thật hiền-lành. Ông thừa-hưởng của u đôi mắt đó.

Chiếc đồng-hồ Seiko u mua cho cùng thời với chiếc áo hoa u may chỉ gần ngọ trên cánh tay. Quân đứng lên, khoanh tay khấn, rồi hóa vàng cho u. Đất ẩm, tiền cháy không hết. U không học Hán, chẳng biết những hàng chữ Nho trên giấy mã, u đọc được không? Ồ, lo gì. Còn ba cơ mà. Ba sẽ chỉ cho u, như lúc sống ấy thôi. Thiên-hạ bảo, người sống có thể khó gặp nhau, chứ người chết bay được, lo gì không tìm thấy nhau? Quân mỉm cười. Tự dưng ông muốn tin vào thuyết-lý vô-kiểm-chứng này. Thu-dọn, vén ống quần lội nước trở ra đến đầu ụ, bọn trẻ quần đùi chân đất đã bao quanh ngoài rìa. Nét mặt chúng rầu-rĩ hơn cả nét mặt của những người chít khăn sô của đám táng đang tiến vào sân chùa. Bà chị chia hết trái cây cho chúng. Chúng cúi đầu, líu-ríu cảm ơn, tản-mát.

Khó-khăn khi tìm mộ mẹ. Lúc ra, hai chị em quẩn mãi mới đến được hương-lộ chính. Đường về khấp-khểnh, lạ-lẫm hơn cả đường đi. Can-trường bỏ lại, não-nề đem theo. Sáu cây-số ngược gió đạp xe trên không-khí. Mẹ ơi, con lạc lối rồi chăng? Ngọn đèn thơm-tho của mẹ sẽ còn lung-linh trước những nẻo đời mà con sẽ bước trên?

11/00

Trích "Lửa trời," truyện dài.

QUẬN CAM

Đài VNCR kỷ niệm sáu năm hoạt động

Đài Phát Thanh Việt Nam California Radio (VNCR) vừa tổ chức dạ tiệc kỷ niệm sáu năm thành lập đài tại nhà hàng Seafood Paracel vào đêm 29 tháng Sáu năm 2001, với hơn 500 khách khứa tham dự chương trình cho đến phút chót.

Trong diễn văn khai mạc, ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ tịch ban Quản Trị của Đài VNCR nhắc đến mối tương quan giữa thính giả, thân chủ quảng cáo với đài VNCR trong những năm qua, và nhấn mạnh đến một yếu tố gây sự tin yêu của VNCR đối với mọi người là lập trường đấu tranh cho tự do truyền thông của mình.

Bà Margie Rice Thị Trưởng thành phố Westminster và ông Bruce Broadwater Garden Grove Thị Trưởng thành phố Garden Grove cùng các vị dân cử địa phương cũng đã lên sân khấu chúc mừng sự vững mạnh của Cộng Đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ và nhất là ở Quận Cam mà thể hiện qua sự trưởng thành của các cơ quan truyền thông Việt Nam mà đài VNCR là một điển hình.

Dịp này ông Tony Lâm, Nghị Viên thành phố Westminster đại diện thành phố trao một plaque tuyên dương đài VNCR của thành phố đến ông Hoàng Ngọc Tuệ.

Tiếp theo là ông Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm sáng lập của nhật báo Người Việt đã lên cắt chiếc bánh Sinh Nhật Mừng Đài VNCR lên sáu tuổi giữa tiếng vỗ tay của quan khách hiện diện.

Các xướng ngôn viên, biên tập viên của đài VNCR đã tập trung lên sân khấu thực hiện những chương trình "Live Show" và tổ chức xổ số với nhiều tiết mục văn nghệ vui nhộn cùng với sự hiện diện của khá đông nghệ sĩ danh tiếng ở Quận Cam.

Trong dịp này đài VNCR cũng đã trao tặng tận tay quan khách tham dự dạ tiệc mỗi người một tập Kỷ Yếu 2001-2002 của đài VNCR với nhiều bài vở phong phú mà ông Phạm Phú Minh, người chủ biên, đã giới thiệu như là một sản phẩm văn hóa - Year Book Mùa Hè - hàng năm của VNCR.

Đài VNCR là một đài phát thanh tư nhân đã hoạt động từ sáu năm trước đây với vị giám đốc tiền nhiệm là cố ký giả Lê Đình Điểu. Hiện đài VNCR đang hoạt động mạnh mẽ trên làn sóng 106.3 FM sáng từ 5am đến 7am và trưa từ 12pm đến 4pm với các chương trình phong phú, hữu ích và vui tươi đến với thính giả miền Nam California.

Mừng thượng thọ nghệ sĩ Việt Hùng

Có đến 600 văn nghệ sĩ và khán giả ái mộ cải lương đã đến chung vui cùng với nghệ sĩ Việt Hùng mừng tuổi thượng thọ của một nghệ sĩ sân khấu cải lương đã có đến 60 năm phục vụ cho sân khấu cải lương trong một bầu không khí thân thương và cảm động tại nhà hàng Seafood Paracel vào tối thứ Sáu Mồng 6 tháng Bẩy năm 2001.

Ông Hoàng Ngọc Tuệ đọc diễn văn khai mạc.

Soạn giả Nguyễn Phương từ thành phố Montréal, Canada sang mừng nghệ sĩ Việt Hùng 60 năm phục vụ sân khấu. Ông nói mỗi nghệ sĩ tài danh thường có một vai tuồng để đời, và khi nhắc đến Việt Hùng thì những nhà nghiên cứu và phê bình phải nhớ đến vai Thân trong vở Đoạn Tuyệt mà Việt Hùng thủ diễn rất tuyệt vời.

Nghệ sĩ Việt Hùng vừa mới thoát khỏi một cơn bệnh nguy kịch còn hơi yếu, ông ngỏ lời cảm tạ bằng một câu vọng cổ rất mùi và xúc động.

Cựu Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ và các nghệ sĩ Ngọc Nuôi, Thành Được, Dũng Thanh Lâm, Kiều Mỹ Loan, Phượng Liên, Chí Tâm, và rất đông nghệ sĩ tân nhạc cũng đã lên sân khấu bắt tay và chúc sức khỏe lão nghệ sĩ Việt Hùng.

Một chương trình văn nghệ tân cổ giao duyên và một số trích đoạn cải lương của một số vở ca kịch nổi tiếng đã được trình diễn để đánh dấu buổi mừng thọ cho nghệ sĩ Việt Hùng.

Trần Yên Hòa giới thiệu tác phẩm văn và thơ

Khoảng một trăm văn nghệ sĩ, thân hữu và độc giả đã tham dự buổi ra mắt hai tác phẩm mới của văn thi sĩ Trần Yên Hòa: *Những Chuyến Mưa Qua* (tập truyện) và *Khan Cổ Gọi Tình, Về* (thơ), do Thế Kỷ xuất bản, tại phòng hội của Little Saigon Radio vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 1 tháng Bẩy năm 2001 trong bầu không khí thân mật với một chương trình văn nghệ nhẹ nhàng.

Nhà văn Phạm Xuân Đài nói đến tác giả như là một nhà văn điển hình hoàn toàn lớn lên và trưởng thành tại miền Nam từ sau cuộc chia đôi đất nước năm 1954. Từ tuổi thơ, Trần Yên Hòa đã sống nơi làng mạc quê hương và cũng từ đó đã nảy nở tâm hồn văn học. Cũng tại môi trường thôn dã này mà tác giả đã một thời rất ưa thích loại văn chương bình dân của những loại tiểu thuyết diễm tình mà ông không che dấu là đã có ảnh hưởng lớn trong khoảng đời niên thiếu của mình, trước khi được tiếp xúc với văn chương bác học hơn của chốn trường ốc.

Thi sĩ Thành Tôn đã sơ lược qua hai tác phẩm của Trần Yên Hòa chất chứa tấm lòng của tác giả đối với quê hương. Tác phẩm đã thể hiện những thăng trầm của kiếp người và người đọc có thể tìm thấy mình qua tập truyện *Những Chuyến Mưa Qua* và tập thơ *Khan Cổ Gọi Tình, Về* mang đầy tình yêu từ quê hương đến đôi lứa, gia đình... và cả những hạnh phúc đổ vỡ.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong nói đến sự trưởng thành của những người cùng lứa tuổi với tác giả đều có một điểm chung là tốt nghiệp ở các quân trường cũng như ông. Ông nói rằng chắc chắn ai cũng sẽ công nhận những giá trị đời sống trong tác phẩm của Trần Yên Hòa.

Nhà thơ Đạm Thạch, đã phân tích tỉ mỉ tập thơ của Trần Yên Hòa với sự đồng cảm của một người làm thơ, cho thấy đó là một người lúc nào cũng gắn bó với đời sống và với tình yêu.

Buổi giới thiệu hai tác phẩm mới của Trần Yên Hòa còn được lồng trong một chương trình văn nghệ với sự đóng góp của một số anh chị em văn nghệ sĩ, đặc biệt tiếng ca vọng cổ rất mượt mà của nhà thơ Hà Nguyên Du khiến mọi người ngạc nhiên một cách thích thú.

Little Saigon Radio mừng chín tuổi. Giới thiệu tuần báo Việt Tide

Đài Little Saigon Radio (LSR) đã tổ chức một dạ tiệc mừng sinh nhật lần thứ chín của đài và khai trương tuần báo Việt Tide vào tối ngày thứ Sáu 20 tháng Bẩy năm 2001 tại nhà hàng Seafood Paracel với đại diện của Hội Đồng Liên Tôn, các vị lãnh đạo tôn giáo, các vị dân cử Việt Mỹ, các cơ quan truyền thông, văn nghệ sĩ cùng với khoảng 500 doanh gia thân chủ, thân hữu của đài.

Sau phần nghi thức, ông Vũ Quang Ninh, Giám Đốc đài Little Saigon Radio đã lên ngỏ lời cảm tạ quan khách hiện diện đồng thời cũng nói lên những bước thăng trầm trong suốt tám năm qua của đài Little Saigon Radio, hiện đang là một đài phát thanh của cộng đồng Việt Nam tại miền Nam California có một thời lượng phát thanh hàng ngày dài nhất.

Nữ Dân Biểu Loretta Sanchez cũng đã lên chào mừng đài Little Saigon Radio và cho biết bà vừa mới đệ trình lên Quốc Hội Hoa Kỳ bản tường trình về nhân quyền tại Việt Nam.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, giám đốc ban Việt ngữ Đài Á Châu Tự Do từ miền Đông Hoa Kỳ cũng đã về góp mặt chào mừng đài Little Saigon Radio như một bạn đồng nghiệp trong ngành phát thanh đã có nhiều nỗ lực về truyền thông trong cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ.

Nghị Viên Trần Thái Văn của thành phố Garden Grove cũng đã lên sân khấu trao bảng tuyên dương của thành phố Garden Grove đến đại diện của đài Little Saigon Radio.

Tiếp theo là ông Vũ Quang Ninh giới thiệu một cơ quan truyền thông mới trong công ty Little Saigon Radio đã mời ông Nguyễn Xuân Nghĩa giới thiệu đến quan khách tuần báo *Việt Tide*. Ông Ninh là chủ nhiệm kiêm chủ bút của báo này.

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa, phụ tá giám đốc

đài Little Saigon Radio, trong ban chủ trương của tờ báo đã tâm tình với quan khách về việc ra đời của tuần báo Việt Tide. Tuần báo Việt Tide khổ tabloid, nhiều trang màu với nhiều bài vở phong phú và đa dạng do những cây bút chuyên nghiệp thực hiện.

20,000 số tuần báo Việt Tide số 1 đã chính thức phát hành vào sáng ngày thứ Bẩy 21 tháng Bẩy 2001 đã được biếu đến đọc giả cùng với một buổi tiếp tân tại tòa soạn nằm trên đường Moran của thành phố Westminster.

Nữ họa sĩ Lê Thu Huệ khai mạc phòng tranh sơn dầu tại Mimi Studio

Dưới bầu trời trong trẻo của mùa hè, khách thưởng ngoạn Việt Mỹ đã đến tham dự buổi khai mạc phòng tranh của nữ họa sĩ Lê Thu Huệ lần đầu tiên triển lãm tranh tại Hoa Kỳ tại Mimi Studio vào chiều ngày thứ Bẩy 30 tháng Sáu năm 2001.

Ông Lý Kiến Trúc, đại diện ban tổ chức đã sơ lược về nữ họa sĩ Lê Thu Huệ, một họa sĩ đã tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Việt Nam nhưng đây là lần đầu tiên bà có tranh triển lãm tại Hoa Kỳ với 40 bức tranh sơn dầu với chủ đề là Tình Yêu. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền, ủy viên văn hóa thành phố Westminster cũng sơ lược về nữ họa sĩ với khách thưởng ngoạn Hoa Kỳ trong đó có cả ông Bill Anderson, giám đốc phòng triển lãm Gallery Sunset Beach ở miền Nam California.

Sau khi cắt băng khánh thành, nữ họa sĩ Lê Thu Huệ đã hướng dẫn khách thưởng ngoạn vào phòng tranh của bà với 40 tác phẩm sơn dầu với nhiều kích cỡ xoay quanh chủ đề Tình Yêu. Bà đã khiến cho khách thưởng ngoạn ngạc nhiên với những đường nét rất mới và khá táo bạo nhưng đồng thời cũng đã gây rất nhiều ấn tượng thích thú cho khách thưởng ngoạn.

Trong dịp này, ông Bill Anderson, giám đốc phòng triển lãm Gallery Sunset Beach ở Quận Cam cho biết ông rất ngạc nhiên thích thú khi được thưởng thức qua 40 tác phẩm sơn dầu của nữ hoạ sĩ Lê Thu Huệ. Ông hy vọng có dịp để giới thiệu những tác phẩm của nữ họa sĩ Lê Thu Huệ đến phòng triển lãm của ông đến với khách thưởng ngoạn Hoa Kỳ. Họa sĩ Hồ Thành Đức sau khi xem tranh đã nói những sáng tác của nữ họa sĩ Lê Thu Huệ rằng tranh của bà bộc lộ nhiều cá tánh mạnh với những đường nét mới và có thể nói là táo bạo. Tranh của bà có những khám phá mới đồng thời cũng để cho thấy triển vọng rực rỡ của nữ họa sĩ Lê Thu Huệ trong thời gian tới.

Nữ họa sĩ Lê Thu Huệ sinh ở Huế và theo học Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon tốt nghiệp ngành điêu khắc năm 1980. Bà đã có tranh triển lãm ở nhiều cơ sở tôn giáo trong nước.

Bà định cư ở Hoa kỳ từ năm 1998 và cuộc triển lãm mang chủ đề Tình Yêu là cuộc triển lãm đầu tiên của bà tại Hoa Kỳ. Họa sĩ Etcetera, chủ nhân của Mimi Studio cho biết đây cũng là cuộc triển lãm của một nữ họa sĩ đầu tiên tại Studio của ông. Cuộc triển lãm này kéo dài đến 15 tháng Bẩy 2001.

Ra mắt Mimi Studio News

Đôi uyên ương nghệ sĩ Etcetera và Thủy Tiên đã giới thiệu tờ báo *Mimi Studio News* khổ lớn, in trên giấy láng với giới thưởng ngoạn nghệ thuật tại trước cửa nhà hàng Factory trong bầu không khí đầy tính chất trẻ trung và văn nghệ vào buổi sáng Chủ Nhật 22 tháng Bẩy năm 2001 đẹp trời và nắng ấm của miền nam California. Rất đông thân hữu, văn nghệ sĩ và khách đã đến ủng hộ tờ báo in rất đẹp *Mimi Studio News*.

Mimi Studio News tràn ngập hình ảnh văn nghệ và những sinh hoạt liên quan đến văn học nghệ thuật Việt Nam ở Hoa Kỳ. Những tin tức sinh hoạt của các văn nghệ sĩ của nhiều loại hình nghệ thuật từ trình diễn cho đến hội họa, nhiếp ảnh, văn học đều hiện diện đầy đủ trong *Mimi Studio News*.

Bạn muốn đi xem tranh ở các phòng tranh, bạn muốn đi nghe những chương trình nhạc, bạn muốn biết các sinh hoạt văn học sắp tới đều có thể tìm thấy trong tờ báo Mimi Studio News. Tóm lại những tin tức lớn nhỏ vừa qua hay sắp tới liên quan đến văn học nghệ thuật ở Quận Cam đều có đầy đủ.

Hiện nay tại phòng triễn lãm Mimi Studio đang có cuộc triển lãm của họa sĩ Nguyễn Cao Hiệp vừa khai trương vào buổi chiều Chủ Nhật vừa qua. Khách thưởng ngoạn sẽ vô cùng ngạc nhiên thích thú khi đến với phòng tranh Nguyễn Cao Hiệp sẽ còn tiếp tục trong vòng hai tuần nữa.

MiMi Studio News cũng cho biết chương trình lớn sắp tới sẽ có một Book Fair tổ chức trong hai cuối tuần 18 & 19 năm 2001 và 25 & 26 năm 2001 trong khu nhà hàng Seafood World. Và đây cũng là hội chợ sách đầu tiên của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Họa sĩ Etcetera cho biết sẽ có nhiều ngàn mặt sách

của nhiều nhà xuất bản xuất hiện trong dịp này. Hội chợ này được một số cơ quan truyền thông cùng với anh chị em văn nghệ sĩ phối hợp tổ chức.

Kết thúc Book Fair là một chương trình văn nghệ với các ban nhạc trẻ trình diễn.

Tờ báo Mimi Studio News do họa sĩ Etcetera và Mimi Thủy Tiên chủ xướng đáp ứng được sự mong muốn của giới yêu văn học nghệ thuật. Được biết đôi bạn trẻ nghệ sĩ này mới tổ chức **Mimi Studio** cách đây ít lâu nhưng đã tạo được nhiều ngạc nhiên thích thú, đặc biệt chú ý đến những người trẻ Việt Nam tốt nghiệp ở Hoa Kỳ và đang đưa văn học nghệ thuật Việt Nam đi vào dòng chính. Những nỗ lực của đôi bạn trẻ Etcetera và Thủy Tiên được nhiều sự ủng hộ từ các giới văn nghệ sĩ cho đến các cơ sở thương mại. Họa sĩ Etcetra nổi tiếng về những tranh ký họa thời sự trên nhật báo Người Việt và *The Orange County Register*. Ngoài ra Etcetera còn là một nhà trang trí rất đẹp và rất mới.

Bạn đọc có thể theo dõi các sinh hoạt văn học nghệ thuật trên Mimi Studio News và có thể đến thăm phòng triển lãm thường trực của Mimi Studio tại 15361 Brookhurst Street # 103, thành phố Westminster, California. Các bạn có nhu cầu về triển lãm tranh, ảnh, ấn loát, trình bầy sách báo và các loại hình nghệ thuật khác có thể liên lạc về điện thoại số (714) 531-7605.

Chiều Thơ Mai Trung Tĩnh

Các học trò cũ, đọc giả yêu thơ, bạn tù cùng rất đông các bạn hữu và văn nghệ sĩ đã đến tham dự buổi ra mắt thi phẩm Thơ Mai Trung Tĩnh tại phòng hội của Little Saigon Radio vào chiều ngày thứ Bẩy 21 tháng Bẩy năm 2001 trong bầu không khí cảm động đầy tình nhân ái.

Mở đầu, thi sĩ Cao Tiêu vừa là đơn vị trưởng trước kia vừa là bạn thơ của nhà thơ Mai Trung Tĩnh nhắc lại một vài cá tánh của nhà thơ Mai Trung Tĩnh lúc còn là thuộc quyền của ông ở tại Cục Tâm Lý Chiến, và cho biết Mai Trung Tĩnh hiện đang đau nặng phải nằm trong *nursing home*.

Thi sĩ Huy Phương lên giới thiệu về thi sĩ mà ông đã có dịp quen từ khi còn ở Trung Học. Mai Trung Tĩnh tên thật là Nguyễn Thiệu Hùng làm thơ từ năm 15 tuổi. Ông là giáo sư Trung học và nhập ngũ theo lệnh động viên, phục vụ với chức vụ trưởng ban chương trình tại Đài Tiếng Nói Quân Đội. Sau năm 1975 ông bị tù hai lần đến gần 12 năm. Đến năm 1995, ông và gia đình định cư ở tiểu bang Maryland, Hoa kỳ từ năm 1995. Không bao lâu sau, ông lâm trọng bệnh phải giải phẫu óc và hiện đang trong tình trạng nguy kịch.

Ông Huy Phương nói ngoài tác phẩm *Ngoài Vườn Địa Đàng* của Mai Trung Tĩnh cùng in chung với thi sĩ Vương Đức Lệ năm 1962 còn có tác phẩm *Những Bài Thơ Xuôi* của riêng Mai Trung Tĩnh do Đại Ngã xuất bản năm 1969 và hôm nay với tập Thơ Mai Trung Tĩnh do một số văn hữu ở hải ngoại thực hiện theo ước nguyện của thi sĩ Mai Trung Tĩnh.

Theo nhà thơ Du Tử Lê, Mai Trung Tĩnh tới với thi ca như một lên đường tìm kiếm cho mình một định mệnh khác. Một định mệnh gióng giả những hồi chuông xác tín, song sinh cùng hồi chuông tình yêu đôi lứa của tuổi thanh niên... Nhưng không gian lãng mạn của đất trời thơ Mai Trung Tĩnh muốn hay không vẫn bị những hồi chuông gióng giả tử sinh, chập chùng chiến tranh:

Bỗng dưng vẳng tiếng não lòng
Tai nghe tàu gọi mà không thấy tàu...

Tới giờ phút này, đứng trước ngưỡng cửa tử thần, Mai Trung Tĩnh vẫn bình thản, chờ đón hồi chuông khác. Hồi chuông cuối đời, gióng giả giữa thi ca và sự vấn vỏi biết bao của kiếp người...

Nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhắc lại những kỷ niệm đẹp mà ông có với nhà thơ Mai Trung Tĩnh. Đặc biệt vào những ngày tháng cuối của 30 tháng Tư 1975, trước vấn đề có nên bỏ nước ra đi hay không thì thi sĩ Mai Trung Tĩnh nói với ông Hoàng Khởi Phong rằng ông là một quân nhân, ông không thể bỏ đơn vị mà đi khi mà còn có người ra lệnh cho ông và ông cần truyền đạt lệnh cho thuộc cấp của ông.

Nhà văn Thảo Trường tiết lộ một chi tiết văn học mà ít người biết là Mai Trung Tĩnh còn là một nhà văn nữa. Truyện ngắn *Hạt Ba Giăng của Niên* đăng trên Sáng Tạo cách đây mấy mươi năm theo Thảo Trường là một truyện ngắn đặc sắc ông muốn in lại vì e rằng nó sẽ bị quên lãng.

Thi sĩ Vương Đức Lệ thay mặt cho gia đình Mai Trung Tĩnh qua điện thoại từ miền Đông ngỏ lời cảm tạ những thân hữu và bằng hữu đã đến tham dự buổi ra mắt thơ hôm nay.

Tập Thơ Mai Trung Tĩnh gồm 73 bài thơ, gần 160 trang, giá 15 Mỹ Kim do nhà xuất bản

Tiếng Quê Hương phát hành. Thân hữu, văn hữu muốn thăm hỏi và có tập thơ xin liên lạc với bà Mai Trung Tĩnh:

Mrs. Vũ Thị Thảo
709 Dorchester Road,
Catonsville, MD 21228 - USA
(410) 869-4713

FLORIDA

Sinh hoạt VAALA Florida:
Họp mặt và giới thiệu nhà văn Huỳnh Văn Phú

Nhân dịp nhà văn Huỳnh Văn Phú từ Philadelphia xuống thăm Florida, các anh chị em hội viên của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) Chi Hội Florida đã tổ chức một buổi họp mặt thân mật để đón tiếp và kỷ niệm lần gặp gỡ đầu tiên vào tối thứ sáu 13 tháng Bảy 2001 tại tư gia thân hữu Lê Văn Thiện ở đường Nokomis thuộc thành phố Orlando với đông đủ các hội viên VAALA Florida cùng các bạn hữu hội ái hữu trường Võ Bị Đà Lạt, hội đồng hương Khánh Hòa, các thân hào nhân sĩ địa phương cùng một số đông độc giả ái mộ một tác giả có nhiều tác phẩm biên khảo, truyện ngắn và phiếm luận rất được ưa chuộng trong những năm gần đây.

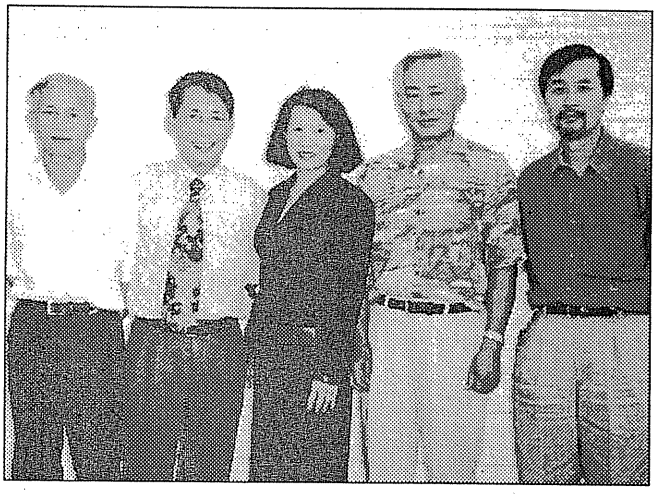

Các hội viên VAALA Florida, từ trái: nhà thơ Vĩnh Hồ, Thụy Lữ (Phó Chủ Tịch), Ái Khanh (Chủ tịch), nhà văn Huỳnh Văn Phú, nhà thơ Trương Ánh.

Mở đầu nhà văn nữ Ái Khanh, Chủ tịch VAALA Florida, ngỏ lời chào mừng Huỳnh Văn Phú, một hội viên hoạt động đắc lực dù ở tiểu bang khác rất xa nhưng lúc nào cũng giữ liên lạc chặt chẽ và tham dự đầy đủ các sinh hoạt của chi hội. Tiếp theo đó nhà văn Thụy Lữ, Phó chủ tịch, đã giới thiệu tác giả Huỳnh Văn Phú và các tác phẩm đã xuất bản của ông.

Huỳnh Văn Phú sinh năm 1940 tại Nha Trang, Khánh Hòa. Sau khi tốt nghiệp trung học ông theo học khóa 19 Võ Bị Đà Lạt, ra trường phục vụ trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến cho tới ngày miền NAm sụp đổ. Sau 1975 ông đã trải qua nhiều trại "cải tạo" Cộng Sản từ Nam ra Bắc trong suốt 15 năm. Ông và gia đình được sang Mỹ theo diện H.O. vào năm 1990, hiện cư ngụ tại thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania cho tới nay.

Huỳnh Văn Phú khởi sự sáng tác từ trước 1975. Tập truyện ngắn đầu tiên "Mùa xuân âm thầm" được ấn hành tại Sàigòn vào năm 1969 tiếp theo truyện dài "Cuộc tình dấu mặt" xuất bản kế tiếp vào năm 1971. Ông viết tiếp các tác phẩm có bối cảnh chiến tranh và phóng sự chiến trường như "Giòng sông trước mặt" (1971) cùng "Chiến trường Trị Thiên và những người lính mũ xanh" vào tháng tư 1975 nhưng chưa kịp phát hành thì gặp biến động đất nước. Sang Hoa Kỳ ông vẫn tiếp tục sáng tác. Tập truyện ngắn "Ư một nơi dễ tìm thấy thiên đường" đã được ra mắt năm 1995, tiếp đến tập phiếm và ký "Giầy sô, nói phét và đàn bà" (1997), đã được đón nhận nồng nhiệt với lối viết dí dỏm. Năm 1999 Huỳnh Văn Phú cho ra đời tập truyện phiếm "Quỷ ma và học trò." Tập biên khảo "Cõi người trong văn chương bình dân" ra đời năm 2000 là tác phẩm mới nhất của ông.

Nhà văn Huỳnh văn Phú đã bày tỏ sự xúc động trước sự đón tiếp của các thân hữu Florida. Ông đã giải thích về lối văn trào phúng và châm biếm được ông dùng với mục đích giúp người đọc giải tỏa bớt những căng thẳng đầu óc sau những giờ phút lăn lộn với cuộc sống hàng ngày và đưa được trình độ cái mà ông mệnh danh là "nói phét" thành một nghệ thuật đã được chứng minh trong một vài tác phẩm của ông.

Hiện diện trong buổi họp mặt đón tiếp Huỳnh Văn Phú ngoài sự có mặt của anh chị em hội viên VAALA Florida như Đỗ Xuân Hùng, Vinh Hồ, Thương Anh còn có quý ông Phạm Ngọc Cửu, Đoàn Thảo đại diện Hội đồng hương Khánh Hòa, BS Tôn Thất Liêm, Chủ tịch Hội đồng hương Huế, nhà thơ Phan Long, nhà văn Đào Quang Vinh, ca sĩ Kim Uyên, MC Tuyết Nga và rất đông quý vị cựu sĩ quan khóa 19 Đà Lạt và nhiều thân hữu cùng độc giả mến mộ Huỳnh Văn Phú. Buổi họp mặt đã kết thúc với tràn đầy lưu luyến cho một chuyến xuôi nam của một cây bút vốn được nhiều ưu ái.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Chuyển Hóa Tâm

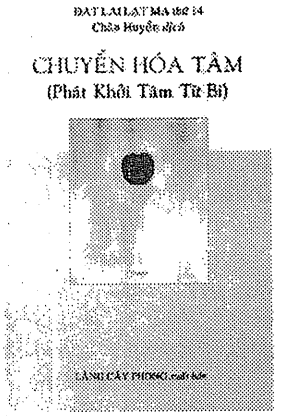

sách giảng Phật pháp của **Đạt Lai Lạt Ma thứ 14**, bản dịch của **Chân Huyền**, Làng Cây Phong xuất bản, 188 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 - USA. Tel: (714) 934-8574; hoặc: C.H. Đỗ Quyên, 130 Laburnum Lane, Fountain Valley, CA 92708 - USA.

Cuốn sách này là bản ghi lại các bài giảng của đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại Luân Đôn, Anh quốc, vào tháng Năm, năm 1999. Từ bốn tháng trước, vé vào cửa tham dự buổi nói chuyện và tu học này đã bán hết, một số đông người không tham dự được đã yêu cầu phổ biến tài liệu đức Đạt Lai Lạt Ma giảng dạy. Vì thế toàn bộ lời giảng đã được Geshe Thupten Jinpa dịch sang Anh ngữ với nhan đề *Transforming the Mind* và xuất bản thành sách này.

Đề tài giảng dạy bắt nguồn từ tác phẩm "Tám bài giảng về sự Chuyển Hóa Tâm" do đại sư Tây Tạng Langri Thangpa trước tác từ thế kỷ thứ 11, là những đoạn văn được Đạt lai Lạt Ma coi là một trong những tác phẩm ngắn đã gợi cho ngài nhiều cảm hứng chất. Bài giảng đã triển khai các ý chính theo cách suy nghĩ và ngôn ngữ ngày nay, để thật sự thành những bài học hữu ích cho những ai có ý muốn thăng tiến con đường tâm linh của mình. Bởi vì đó là một con đường cần có phương pháp, sự hiểu biết, và nhất là một kỷ luật chặt chẽ. Nếu không hiểu tâm là gì, không nhận diện được thái độ hoặc lối sống nào là có ích lợi cho chính mình, không hiểu biết về sự vận hành của tình cảm và tư tưởng trong ta v.v... thì không thể nào tiến hành được công việc tu tập. Đây là tổng hợp kiến thức, ý chí và phương cách để tiến trên một con đường chông gai, chứ không phải là một thái độ sùng tín tôn giáo. Cầu nguyện suông không đủ để thực hiện một chuyển hóa về tâm thức hầu tiến đến một vùng ánh sáng tích cực hơn nơi mỗi người, là phát khởi Tâm Từ Bi.

Lời giảng của Đạt Lai Lạt Ma trong sách này rất giản dị, dễ hiểu mặc dù vấn đề được đề cập không dễ chút nào. Chối bỏ sự hiện hữu của một cái Ngã, một linh hồn bất tử, trong khi đang đặt vấn đề chuyển hóa cái "tâm của ta" chẳng hạn, là một điều thoạt trông đầy mâu thuẫn trong cách nhìn thường nghiệm của chúng ta. Nhưng lời giảng thâm sâu của Đạt Lai Lạt Ma sẽ dẫn chúng ta đi vào những vùng hiểu biết có khả năng giải tỏa các thắc mắc mà chúng ta vẫn nghĩ là rất "hợp lý" của mình.

Có những cuốn sách có thể giúp người đọc tự khám phá ra những khả năng mà mình không ngờ tới. *Chuyển Hóa Tâm* là một.

Trần Dần - Ghi (1954-1960)

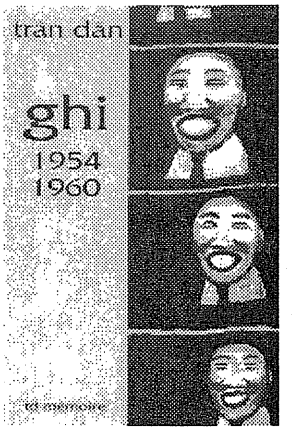

ghi chép của **Trần Dần**, Văn Nghệ xuất bản, 467 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Văn Nghệ, 9351 Bolsa Ave. Westminster CA 92683 - USA. Tel: (714) 934-8574.

Trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm xảy ra tại Hà Nội giữa thập niên 50 của thế kỷ trước, Trần Dần là một trong những nhân vật chủ chốt bị trừng trị. Ông là một nhà văn, nhà thơ, sinh năm 1926, bắt đầu sinh hoạt văn học nghệ thuật từ trước năm 1945, và trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông sinh hoạt trong văn nghệ quân đội. Năm 1954, ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, và viết cuốn *Người người lớp lớp* ngay trong chiến dịch.

Về Hà Nội, tháng Ba năm 1955 Trần Dần tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố

Hữu, vốn được coi là tác phẩm chính thống của văn nghệ đảng. Sau đó ông cùng một số văn nghệ sĩ khác đệ trình *Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hóa*, yêu cầu tự do sáng tác. Bài thơ *Nhất định thắng* đăng trên *Giai phẩm mùa Xuân* năm 1956 với những câu nổi tiếng

Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ ...

đã khiến tờ báo bị tịch thu và tác giả bị Hội Văn Nghệ tổ chức hội nghị phê bình, rồi bị giam ba tháng vào Hỏa Lò. Đến năm 1958 đảng cộng sản ra tay dẹp *Nhân Văn-Giai Phẩm*, Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà văn và gửi đi "lao động cải tạo," mãi đến 1960 mới về lại Hà Nội sống âm thầm bằng nghề dịch sách, đứng ngoài mọi sinh hoạt văn nghệ chính thống.

Nhưng điều ta không ngờ là suốt trong bảy năm từ 1954 đến 1960 ông đã kiên trì ghi chép những sự việc liên quan đến lãnh vực văn nghệ xảy ra chung quanh và xảy ra cho chính mình. Đây không phải là nhật ký, vì ít nặng về chủ quan, mà nặng tính chất sự việc. Cho nên những ghi chép này sẽ là những trang sử liệu vô giá về chiều sâu, về mặt sau của tấn tuồng văn học nghệ thuật mà đảng cộng sản dùng bạo lực để đoạt sự lãnh đạo từ tay chính những văn nghệ sĩ. Những gì chúng ta biết về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm từ trước tới nay chỉ là những nét khái quát bên ngoài, ngay cả khi chúng ta có hầu nhưng tất cả bài viết của các bên liên quan đến phong trào này. Chỉ nhờ các trang ghi chép này của Trần Dần, cho đến nay là duy nhất, chúng ta mới biết được vô số những điều tinh vi trong các quan hệ trong thời đó giữa những người văn nghệ miền Bắc, một bên theo đảng, một bên chống lại đường lối độc đoán của đảng. Và mới thấy được tính chất phức tạp trong tâm lý, cá tính, cũng như hoàn cảnh của mỗi người, không chỉ đơn thuần chỉ là chia làm hai phe như ta vẫn tưởng.

Nhà văn Phạm Thị Hoài, người đã ra công sắp xếp "di cảo văn học của Trần Dần từ 5 tập sổ tay dày đặc những dòng ghi vốn không dành cho công chúng" để làm thành sách này, đã viết trong Lời Nói Đầu như sau:

Những ghi chép của Trần Dần tập hợp trong sách này là chứng chỉ tự cấp về bảy năm mở ra và quyết định cái thành quả hoạn nạn đó. Với chúng ta, đó là những văn liệu và sử liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn xếp sổ, nếu quả còn có sổ. Với Trần Dần, đó là phần mở đầu "tác phẩm dành cho một đời người," *tác phẩm bất đắc dĩ mà thành đồ sộ và gay cấn nhất của văn nghiệp ông...*

Quán Ven Sông

tập truyện của **Hoàng Khởi Phong**, Thời Văn xuất bản, 219 trang, giá US$14.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Sách gồm chín truyện, một lời tựa, một lời bạt, đều do tác giả viết. Sự kiện đầu sách và cuối sách có hai bài phát biểu của tác giả trong các buổi hội thảo văn học trước đây, nói lên tương đối đúng rằng chín truyện nằm ở giữa là các minh họa cho những quan niệm văn học đặt ngay ở cổng trước lẫn cổng sau của cuốn sách.

Hoàng Khởi Phong là một nhà văn viết khá nhiều, bắt đầu từ năm 1963, và từ đó tới nay, dù trong nước hay ngoài nước, thập niên nào cũng có tác phẩm. Đó là một người có tiềm lực sáng tác mạnh, tiềm lực hiểu theo nghĩa khả năng sáng tạo viết lách, đồng thời có ý thức rất rõ tại sao mình làm việc ấy. Vì thế tác phẩm của ông luôn luôn bắt nguồn từ hoàn cảnh Việt Nam, mà ông trước 1975 vốn là một quân nhân, nên âm hưởng và vang bóng của cuộc chiến thường có mặt trong tác phẩm của ông. Là một người trong phe thua trận - dù là thoát đi được từ 1975 - nhưng ông viết về cuộc chiến không cay cú, mà để tâm tìm kiếm giới thiệu những nét tích cực của phía miền Nam trong cuộc chiến ấy. Văn chương, đối với ông, giống như môn Sử, phải trình bày được sự thật, và từ đó mang lại điều tốt đẹp, nhân hậu cho con người. Nhà văn có bổn phận làm vơi đi sự thù hận để hướng về một tương lai tốt hơn.

Trong chiến tranh tôi đã đọc những tác phẩm kêu gọi lòng thù hận quá nhiều. Các thế hệ trước

tôi và thế hệ tôi đã thừa mứa thù hận...

Bằng văn chương, nhà văn phải vẽ cho kỳ được con người của xã hội hôm nay, cùng những guồng máy trì trệ đã làm những rào cản không cho con người tiến tới phía trước.

Vũ khí của nhà văn là ngòi bút cùng những suy nghĩ trong đầu, những thổn thức trong tim, những ước mơ về một tương lai tươi sáng. Để có thể đạt được những điều này, cái đích mà nhà văn nhắm tới là những tấm lòng đã khép lại, thành quách mà nhà văn phải triệt hạ là những suy nghĩ trì trệ, lỗi thời.

Chỗ đáng yêu của văn Hoàng Khởi Phong là ông hướng về chỗ tích cực đích thực, vì thế đôi khi ông không ngần ngại phê phán những hiện tượng, chẳng hạn ồn ào rỗng tuếch trong chính trị, hoặc giả dối lố lăng trong tu hành... Biết phê phán và dám phê phán bằng văn chương những hiện tượng không trong sáng giữa một cộng đồng tương đối nhỏ, trong đó người ta nể nang nhau, sợ đụng chạm nhau, là một thái độ thẳng thắn đáng phục. Thiết tha với những gì tích cực, không ngại ngùng khi phải "triệt hạ những thành quách trì trệ lỗi thời," Hoàng Khởi Phong là một cây bút mấy mươi năm qua đã xây dựng được một lòng tin và yêu nơi người đọc.

BÁO MỚI

Tháng Bảy năm 2001, Little Saigon có hai tờ báo mới ra đời:

1. Việt Tide, tờ báo của trào lưu mới

Tuần báo, số ra mắt đề ngày 27 tháng 7 năm 2001, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Vũ Quang Ninh, Tổng Thư ký Đinh Quang Anh Thái, in khổ *tabloid*, 80 trang, có phụ bản tiếng Anh. Không ghi giá bán. Địa chỉ báo quán: 14841 Moran Street, Westminster CA 92683 - USA. Tel: (714) 677-0913.

Trích thư Tòa soạn: *Tên tờ báo,* Việt Tide, tờ báo của trào lưu mới, *rõ ra là bao hàm một nội dung mới, chuyên chở những ý hướng mới của Nhóm chủ trương. Tuy nhiên dù mới thế nào thì trước hết tờ báo cũng phải có giá trị bổ ích và nhất là phải vui tươi, thực hiện cho mọi thành phần trong gia đình.*

2. Mimi Studio News

Dù chỉ là "bản tin" văn nghệ nhưng Mimi Studio News mang dáng dấp của một tờ báo nghiêm chỉnh và nhà nghề, do Mimi Studio của cặp Nguyễn Trường - Thủy Tiên cùng bằng hữu xuất bản. Tám trang giấy láng khổ lớn, in hai màu, trình bày đẹp, nhiều bài vở và hình ảnh về sinh hoạt nghệ thuật vùng Little Saigon. Giá 25 cents. Báo quán: 15361 Brookhurst Street Suite 103 Westminster, CA 92683 - USA. Tel: (714) 531-7605.

Nhóm chủ trương gồm những người trẻ - trên 30, dưới 40 - mong muốn làm một cái gì để ghi lại đời sống văn hóa của người Việt Nam sau 25 năm sống nơi xứ người. Có thể nói đây là bản tin về sinh hoạt văn hóa nhiều tính chất nghệ thuật nhất được xuất bản tại Quận Cam từ trước tới nay.

Thân chúc Việt Tide và Mimi Studio News ngày càng mạnh tiến trên con đường truyền thông và nghệ thuật.

ĐĨA NHẠC MỚI

Hú dài một tiếng lạnh về hư không

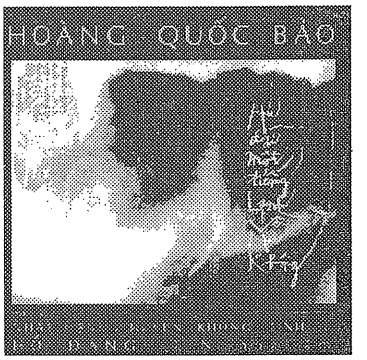

Đó là câu thơ của Chân Hư dùng làm tên gọi một CD mới, gồm 10 bài hát do Hoàng Quốc Bảo phổ từ thơ, kệ của các thiền sư Nhất Hạnh, Thích Tịnh Từ, Huyền Không Thích Mãn Giác. Phần hòa âm của Hồ Đăng Tín cho dàn nhạc đại hòa tấu Symphony Orchestra, với giọng hát của Quang Minh, Thùy Dương, Trần Thái Hòa, Mỹ Tâm, Mai Hương cùng sự phụ họa của ban Trùng Dương và tiếng đàn ghi-ta cổ điển của Hồ Đăng Tín tại Việt Nam. Ngay tiếng đại hồng chung cũng được thu thanh bằng kỹ thuật Digital tại Thiền Viện Quốc Tế chùa Việt Nam, Los Angeles.

Mơ ước của người thực hiện: *Nguyện cầu âm thanh này thấu suốt khắp cõi, phá tan mọi mê mờ, đưa người người về bến bờ tỉnh thức và an lạc.*

Tất cả lợi nhuận thu được sẽ được cúng dường cho các chương trình nuôi dưỡng và phát triển giáo dục trẻ em nghèo, cô nhi và khuyết tật ở Việt Nam, cùng các Phật sự khác. Liên lạc thư từ, chi phiếu xin đề: Lana Trankiem, 313 Los Padres Lane, Placentia, CA 92870 - USA. Tel: (714) 996-7754.●

Xin giới thiệu CD mới nhất của

Phương Lan

Dạ QUỲNH HƯƠNG

1. DẠ QUỲNH HƯƠNG
   Lời Hoàng Ngọc Quỳnh Giao
   Nhạc Phạm Anh Dũng
2. ĐÊM THU
   Đặng Thế Phong
3. MỘT CHIỀU ĐÔNG
   Tuấn Khanh
4. THIÊN THAI
   Văn Cao
5. TÀ ÁO VĂN QUÂN
   Phạm Duy Nhượng
6. TẠ ƠN ĐỜI
   Phạm Duy
7. TRONG NỖI NHỚ MUỘN M
   Ngô Thụy Miên
8. TIẾNG HÁT HỌC TRÒ
   Nguyễn Hiền
9. THU HÁT CHO NGƯỜI
   Vũ Đức Sao Biển
10. TÌNH HOÀI HƯƠNG
    Phạm Duy
11. TRỞ VỀ MÁI NHÀ XƯA
    Nhạc Ngoại Quốc
    Lời Phạm Duy
12. TÌM NHAU
    Phạm Duy

Giá $12 Mỹ kim *(luôn cước phí)*

THỰC HIỆN & SẢN XUẤT: **PHƯƠNG LAN (714) 775-8169**
HÒA ÂM & MIX: **TRẦN QUỐC TOẢN (714) 895-7182**
PHÒNG THÂU: **DẠ LAN (714) 895-7182**

THƯ TỪ CHI PHIẾU:
LAN NGHIÊM
P.O. BOX 8964 - FOUNTAIN VALLEY, CA 92728-8964

ALL RIGHT RESERVED, UNAUTHORIZED DUPLICATION
IS VIOLATION OF APPLICALE LAWS

LÊ HOÀNG QUỲNH CHÂU, DDS

Đi clean răng và check up thường xuyên mỗi 6 tháng sẽ giúp cho quý vị:

- Tránh bị bệnh gingivitis (sưng nướu răng) do đá vôi và vi trùng đóng bám chung quanh chân răng. Nếu không chữa trị kịp thời sẽ bị đưa đến tình trạng Periodontitis (tiêu xương chân răng) khiến răng bị đau nhức và lung lay tiến đến rụng răng sớm.
- Phát hiện kịp thời những lỗ sâu răng nhỏ để kịp thời chữa trị tránh bị tình trạng đau nhức và có thể phải lấy gân máu hết sức tốn kém.
- Được hướng dẫn cặn kẽ cách giữ gìn răng miệng giúp luôn luôn có một nụ cười tươi mát.

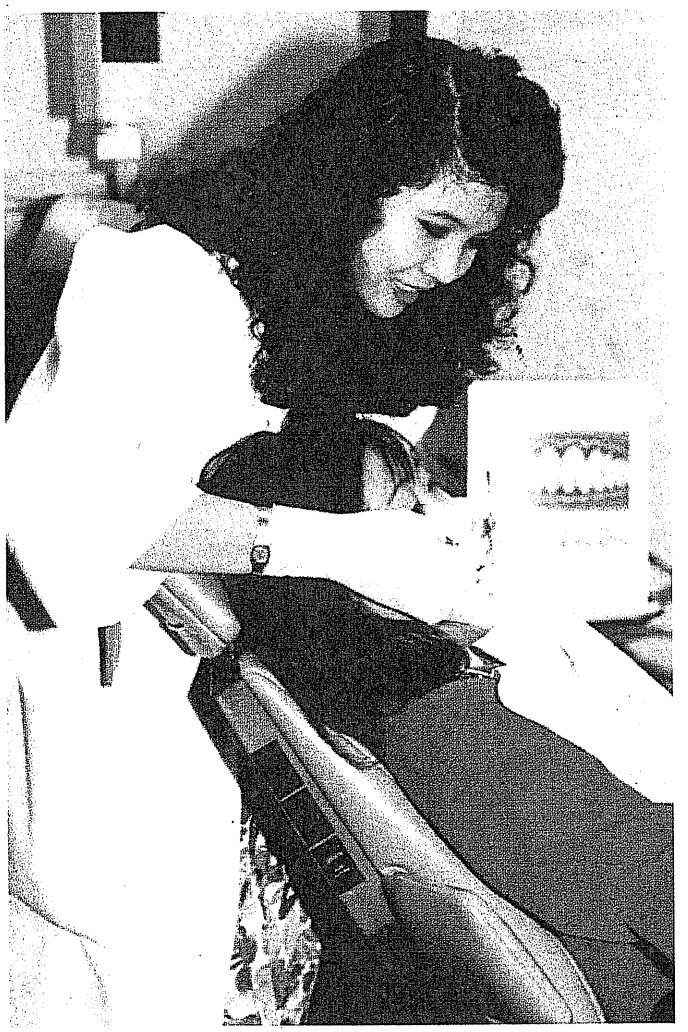

Nha Khoa Thế Kỷ 21: Với những tiến bộ mới ngày nay chúng ta có thể:

* Bịt kẽ răng thưa bằng phương pháp BONDING rất hiệu quả.
* Tẩy trắng răng bằng LASER
* Làm răng giả Porcelain Veneer giống hệt răng thật
* Trám răng bằng Composite giống như màu răng thật.

TẠI ORANGE COUNTY:
6735 Westminster Blvd # G
Westminster, CA 92683
(ngay bên cạnh Hollytron)
(714) 899-1212

TẠI LOS ANGELES COUNTY
1840 N. Hacienda Blvd # 5
La Puente, CA 91744
(626) 918-2833

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**
- **Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.**

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

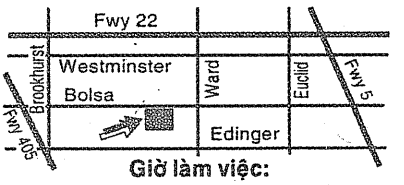

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠCH MÁU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim